

CỎ THƠM?

TAM CẢ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT - BIÊN KHẢO
SỐ 49 - 12-2009



CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM

PHAN KHÂM

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
NGÔ TĂNG GIAO
PHẠM VĂN TUẤN
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (703) 471-1271
FAX (703) 471-1196
Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH.
Ý ANH. VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.
VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.
VI KHUÊ. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
VŨ NAM. CAO MỸ NHÂN.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐĂNG NGUYỄN.
DIỆU TÂN. NGUYỄN VĂN THÀNH.
TIỂU THU. HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. HÀ BÌNH TRUNG.
TẠ QUANG TRUNG. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LŨU HỒNG PHÚC: Dallas, TX
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Charlotte, NC.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



THÁNG 12 NĂM 2009

MỤC LỤC

TRƯỜNG MINH CHÂU: Hình bìa trước	1	NGUYỄN VĂN NHIÊM	118
TÚ NHẬT, DIANA DUYÊN: Hình bìa sau	216	Có Những Quê Hương	
		DƯƠNG NHƯ NGUYỄN:	130
		Ý Nghĩa tựa truyện «Post Card From Nam»	
VĂN		DỨ THỊ ĐIỂM BUỒN	140
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	6	Nỗi Lòng Kẽ Ở	
Dư âm Mùa Thu		NGUYỄN PHÚ LONG :	144
PHẠM VĂN TUẤN:	10	PHẠM THỊ NHUNG: Nét Đẹp Cửa	148
Đại Văn Hào Victor Hugo		Người Phụ Nữ Việt Nam Xưa qua Ca Dao	
NGUYỄN THANH: Ngày du ngoạn	21	LÊ LUYỄN: Chuyện Người Tóc Bạc Sớm	153
TIỂU THU: Kỷ Niệm Chuyến	29	PHẠM TRỌNG LỆ: Tiếng Chim	164
Đi Thăm Nhà Văn Hồ Trường An.		Hy Vọng Đầu Thế Kỷ, Bài Thơ	
NGUYỄN THÙY: Buổi Sinh Hoạt Văn	33	«The Darling Thrush» của Thomas Hardy.	
Học Văn học Nghệ Thuật «Thu Tao Ngộ»		ĐỖ NGỌC PHÚ: Bài Ca Giã Từ	168
LÊ MỘNG NGUYỄN:	47	ĐÀM TRUNG PHÁP: Vòng Nguyệt	176
Thu Paris và Tâm Hồn Nghệ Sĩ.		Quê Cho Những Tấm Lòng Hoài Cổ Thiết Thực	
LÊ TRẠCH LỰU: Viết về «Em Tôi»	57	THANH TRANG:	186
MÂY THU : Có Một Mùa Thu	60	Tình Khúc Mùa Đông	
QUYỆN TÂM: Giới Thiệu «Quê Hương	62	ĐÀM XUÂN LINH:	189
Và Tình Yêu» của Âu Dương Trọng Lễ		Lê Văn Khoa và CD «Lullaby»	
DUY AN ĐÔNG:	66	PHAN ANH DŨNG:	191
Paris «Thu Tao Ngộ» 2009		Gặp Gỡ Lê Văn Khoa	
DUY AN ĐÔNG : Thu Tao Ngộ	72	Một Nhân Tài Việt Nam	
TÔN NỮ MẶC GIAO : Thu Tao Ngộ	73		
PHONG THU : Thu Paris-Tình Yêu	78	THƠ	
và Những Nụ Hôn.		N.T.N. DUNG: Paris Thu Vương Vấn	27
HOÀNG DUNG: Một Ngàn Năm	87	HỒ TRƯỜNG AN:	28
NGÔ TĂNG GIAO: Vài Cảm Nghĩ	88	Về Mulhouse Đọc Kinh Thiển Quán.	
Khi Đọc Cuốn <i>Món Ăn theo Bước Di Tản</i>		VI KHUÊ : Giọt Lệ	44
NGUYỄN PHAN NGỌC AN	93	VŨ HOÀNG CHUÔNG: Công Chúa Paris	45
Tình Nồng Paris		NGUYỄN SA: Paris Có Gì Lạ Không Em	52
VŨ NAM – Nhật Ký Về	108	ĐỖ BÌNH: Còn Nhau	52
Những Ngày Ở Paris		PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU	53
PHẠM HỮU: Anh Đáo Làng Tôi	113	Thu Tình Thương	
		ĐỖ QUYÊN: Thu Qua	56

LÊ TRẠCH LỰU:	59
Đôi Mắt Đẹp, Trời Ơi!	
ĐỖ BÌNH : Mưa Paris	65
NGUYỄN PHAN NGỌC AN:	65
Thu Tao Ngộ	
BÙI THANH TIỀN:	86
Sông Seine Buổi Chiều Tàn.	
VIỆT BẢNG: Nghịch Hưởng Thời Gian	90
HỒ CÔNG TÂM: Bếp Lạnh	92
VÕ THỊ TRÚC GIANG:	112
Khe Khẽ Trong Mơ	
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	112
Sao Ngoại Khóc.	
HỒNG PHÚC: Chớm Thu	115
CHU KIM OANH: Thu Nhớ Anh	115
BÙI KHÁNH ĐẰN	129
Vui Ngày Xuân Muộn	
NGÂN SƠN: Đủ Bốn Mùa Xuân	129
NGUYỄN KINH BẮC:	129
Thú Vui Xưởng Họa	
NGUYỄN VÔ CÙNG	129
Giữ Chút Tình Thân	
CAO MỸ NHÂN: Thu Nơi Tác Trà	146
PHẠM THỊ NHUNG: Tuyết Mai,	151
Không Gian Trắng, Trắng Trên Núi	
ĐẶNG NGUYỄN: Vương Vấn Tình Quê	152
HOÀNG SONG LIÊM: Tình Khôi	152
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Chớm Đông	157
MINH CHÂU: Cô Lái Đò	172
QUỲNH ANH: Chiều Thu Paris	175
U.P. MINH NGUYỆT: Em Muốn	175
Vườn Tay Núi Gió Ngàn	
TẠ QUANG TRUNG:	182
Lời Xin Lỗi Muộn Màng	
PHAN KHÂM: Lập Đông	184
HỒ CÔNG TÂM: Những Chiều Đông	184
XUÂN BÍCH: Hoài Thu	184

NHẠC

PHẠM ĐÌNH LIÊN & PHƯƠNG DU	55
Thu Tình Thương	
ĐỖ HỒNG ANH & PHAN KHÂM	116
Sài Gòn – Paris	
THANH TRANG:	185
Tình Khúc Mùa Đông	

GIAO ĐIỂM

JAQUES PRÉVERT: Ce N'est Pas	23
Moi Qui Chante & Paris La Nuit	
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO:	23
Không Phải Anh Hát & Paris Ban Đêm	
ĐỖ QUYÊN: Regard Automnal	56
VÂN HẢI: Thuyền Mây Barque de Nuages	107

GIỚI THIỆU

Hà Nguyễn Associates	02
Phòng Mạch Bác Sĩ Võ Đạm	64
Buddy Photo	72
Sovereign Realty, Inc.	174
Bác Sĩ Nguyễn Kim Dung	188
Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	205
Giới Thiệu Sách	206
Harvest Moon Restaurant	208
Thư Mời Tham Gia TCNS Cỏ Thơm	209
Phiếu Tham Gia TCNS Cỏ Thơm	210
Danh Sách Mạnh Thường Quân	211
Phiếu Mua – Gia Hạn – Quảng Cáo	212
Tủ Sách Hội Viên	213
Cơ Sở Xuất Bản Cỏ Thơm	214
Văn Phòng Luật Sư	
Ivan M. Waldman & Associates	215

HÌNH ẢNH SINH HOẠT

Du Ngoạn Grounds For Sculpture	195
--------------------------------	-----

Dư Âm Mùa Thu Qua

Mùa Thu đã qua. Lá đã rụng về cội. Cây cành gầy khô trong gió lạnh, đợi chờ mặc áo tuyết băng. Mùa đông đã đến. Khắp nơi đang tung bừng đón mừng Lễ Giáng Sinh và Năm Mới 2010. Nhưng âm hưởng mùa thu vẫn còn đầy trong vườn Cỏ Thơm. Cây lá mùa thu năm nay hình như vàng hơn, lộng lẫy hơn. Vườn Thu, rừng thu hình như thơ mộng hơn bao giờ. Niềm băng khuâng, nỗi luyến tiếc vẫn menh mang trong tâm tưởng. Bởi vì mùa thu qua Người Cỏ Thơm có rất nhiều kỷ niệm đáng ghi nhớ với quý văn thi nhạc sĩ, thân hữu phương xa, nơi gần.

KỶ NIỆM THỨ NHẤT là Thu Tao Ngô Paris ngày 4 tháng 10, do Nhà thơ Đỗ Bình và các văn thi nhạc sĩ tại Kinh Đô Ánh Sáng tổ chức để giới thiệu tập truyện *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* và đón tiếp các văn thi hữu phương xa. Nguyễn Thị Ngọc Dung đã cùng 7 trong số 13 tác giả viết chung cuốn sách đó đến Paris: Phong Thu (Maryland), Nguyễn Phan Ngọc An, Duy An Đông, Tôn Nữ Mặc Giao (San Jose), Tiểu Thu (Canada), Hồ Trường An (Pháp) và Vũ Nam (Đức). Ban tổ chức đã vất vả xếp đặt chương trình kể cả việc trình trọng tiếp đón chúng tôi tại phi trường Charles De Gaulle và đưa về khách sạn thật chu đáo.

Với sự hướng dẫn của chị Ngành, chúng tôi được đưa đi thăm Nhà Văn Hồ Trường An tại Troyes, xứ của rượu Champagne cách Paris 200 cây số. Thật cảm động được tay bắt mặt mừng với nhà văn đã coi chúng tôi như bạn thân thiết trong khi tình trạng di chuyển của anh rất khó khăn.

Với sự hướng dẫn của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Chân, Nhạc sĩ Minh Nhật, Giáo Sư Nguyễn Thanh, Nhà Thơ Mây Thu, Nhà thơ Đỗ Bình, Tiến sĩ Võ Hùng Anh, ... phái đoàn phương xa đã có được những hình ảnh quý báu với Tháp Eiffel, Nhà Thờ Notre-Dame, Sacré-Coeur, khu nghệ sĩ trên Đồi Montmartre, Bateau-Mousse trên Sông Seine trong hoàng hôn, tại nhà hàng trên Đại Lộ Champs-Élysées và Paris ban đêm. Chúng tôi được tham dự một buổi tiếp tân thân mật tại nhà Giáo Sư Nguyễn Ngọc Minh và Ca sĩ Opéra Đỗ Quyên trong khu vực sang trọng của Paris. Nơi đây tôi không ngờ được gặp lại cô bạn học Trưng Vương cũ, Vân Khanh mà phu quân là Luật sư Trương Hữu Lượng. Ngọc Dung và Vân Khanh ôm nhau xúc động đến phát khóc.

Với sự điều khiển khéo léo của Nhà thơ Đỗ Bình và sự tiếp tay của MC Vân Hải, Ngày Văn Hóa Thu Tao Ngô được diễn ra thật long trọng và thành công, đông đảo ngoài dự tính của ban tổ chức, tại hội trường Paroisse Ste. Anne De La Butte Aux Cailles trong quận 13 của Paris. Các tiết mục văn học, nghệ thuật đặc biệt được trình bày với các diễn giả Nguyễn Bá Hậu, Lê Mộng Nguyên, Nguyễn Thùy, Lê Trạch Lưu, Tô Vũ, Phạm Thị Nhung, Nguyễn Xuân Lang, Nguyễn Bảo Hưng... Các tác giả của tập truyện *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* cũng được giới thiệu rất trang trọng cùng các nhà văn nhà thơ, nhà báo tháp tùng khác như Vũ Hối, Nguyễn Thùy, Phạm Văn Thành, Hồng Phúc, Nguyễn Văn Nhiệm, Chu Kim Oanh và Đoàn Phú Lạc.

Ngọc Dung được mời lên sân khấu giới thiệu Tam cá Nguyệt San đã phục vụ văn học, nghệ thuật và độc giả từ 14 năm qua.

Phần văn nghệ với sự góp mặt của các nghệ sĩ quen biết trong cộng đồng người Việt tại Paris như Đỗ Quyên, Nicole Rivière, Ambrosio Laurent, Nguyễn Thanh Vân, Phạm Đình Liên, Minh Cẩm, Từ Trì, Minh Nhật, Bích Liên, Thúy Hằng, Ngọc Châu, Phượng Tuyết, Michel Tùng, Huy Hoàng, Minh Bạch, Trọng Lễ, ...

Xin quý độc giả xem bài viết trong số báo này của các tác giả, Nguyễn Thanh, Mây Thu, Nguyễn Thùy, Lê Mộng Nguyên, Lê Trạch Lựu, Nguyễn Phan Ngọc An, Tiểu Thu, Phong Thu, Duy An Đông, Tôn Nữ Mặc Giao, ... về những ngày Thu Tao Ngộ tại Paris từ 30 tháng 9 đến 4-10, 2009 với đầy đủ chi tiết và hình ảnh linh hoạt hơn...

Tác giả phương xa nào cũng đem đây một valise nặng sách báo để tặng quý vị quan khách mà không thể đủ. Riêng Ngọc Dung cũng được tặng sách của các tác giả Nguyễn Phan Ngọc An, Duy An Đông, Võ Thị Trúc Giang, Nguyễn Văn Nhiệm, Anh Trần, Âu Dương Trọng Lễ. Xin cảm ơn và chúc các tác giả sáng tác mạnh mẽ để Ngọc Dung lại được đọc sách của quý vị.

Trong đời sống phức tạp, mỗi chuyến du lịch không phải dễ dàng. Đường bay qua đại dương xa xôi cách trở là một phiêu lưu, Ngọc Dung cảm thấy rất may mắn, trong thời gian thăm viếng Paris, được gặp lại các anh chị Đỗ Bình, Hồ Trường An, Lê Mộng Nguyên, Vũ Nam, Phạm Thị Nhung và Vân Khanh người học bạn cũ. Ngọc Dung hân hạnh được gặp lần đầu quý văn thi nghệ sĩ hội họa điêu khắc gia của Paris Vũ Thái Hòa, Nguyễn Văn Bá, Lê Trạch Lựu, Phạm Đình Liên, Minh Cẩm, Nguyễn Ngọc Chân, Minh Nhật, Mây Thu, Nguyễn Thanh, Nguyễn Văn Nhiệm, Đỗ Quyên, Anh Trần, Huỳnh Tâm, Từ Trì... dù cho chỉ vài câu trò chuyện đủ để nghe danh và nhớ mãi. Chị Lan Phương và Thy Như thì gần như ngày nào cũng lui tới khách sạn chỉ dẫn khách đường xá hay mua bán này nọ cho khách phương xa chúng tôi.

Ngoài tâm hồn văn học nghệ thuật đồng điệu, có lẽ những người cầm bút viết sách, làm thơ, họa tranh, cầm đàn, gõ phím chúng ta còn là người đồng hương, tình đồng bào, từ xa xôi tìm đến nhau nên khi chia tay, ai về chốn nấy vẫn mang niềm lưu luyến, nỗi bâng khuâng muốn có ngày được trở lại, muốn có ngày hội ngộ đó đây. Những điện thư, điện thoại, thơ ngắn, thư dài lại vượt không gian gửi gắm cho nhau những hình ảnh du ngoạn Paris, những kỷ niệm Thu Tao Ngộ thân thương không biết bao giờ mới có lần nữa. Tôi thông báo với các tác giả phương xa và Pháp viết bài về Thu Tao Ngộ, tôi sẽ đăng lên Cỏ Thơm số báo này. Anh Hồ Trường An buồn tình, không viết được thì gọi tôi mỗi ngày. Anh đề nghị Cỏ Thơm ra số đặc biệt Paris, đăng các sáng tác đều có đề tài về Paris, mới hay cũ cũng được. Tôi hỏi, các vị chủ bút Cỏ Thơm đều đồng ý. Vì thế một trời Paris, một Thu Tao Ngộ lại xuất hiện trong số báo Cỏ Thơm mùa Đông này.

Để kết thúc phần kỷ niệm với Paris, Ngọc Dung xin chân thành cảm tạ anh chị Đỗ Bình và ban tổ chức đã bỏ công sức bất vụ lợi làm nên Thu Tao Ngộ để Ngọc Dung và các bạn phương xa được dịp ra mắt giới tao nhân mặc khách Paris và thăm kinh đô hoa lệ nhất thế giới để còn đây trong tâm hồn, trên mạng lưới, trên trang giấy vẫn đây những kỷ niệm Thu Tao Ngộ tuyệt

vời. Mong rằng ngày nào đó anh chị Đỗ Bình sẽ dẫn đầu phái đoàn Paris thăm viếng Thủ Đô Hoa kỳ, để người Hoa Thịnh Đốn được đáp lễ, tạ tình tri kỷ.

Nhân dịp Thu Tao Ngộ vừa qua, nhờ sự giới thiệu của Nhà thơ Đỗ Bình và Nhà văn Hồ Trường An, chúng tôi đã may mắn mời được Nhà Thơ Nguyễn Mây Thu (tên thật) làm Đại Diện Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm tại Paris kể từ số báo này. Chị Mây Thu sẽ giúp chúng tôi giới thiệu Cỏ Thơm với các tác giả và độc giả trong nước Pháp. Toàn ban Trị Sự và Biên Tập Cỏ Thơm xin gửi lời chào mừng tới Nhà Thơ Mây Thu và cảm tạ quý tác giả đã gửi bài viết để hoàn thành một tuyển tập văn học Cỏ Thơm hào hứng, giá trị.

Để giữ giá trị đặc biệt của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, chúng tôi cũng xin có vài lời nhắc nhở chung đến quý vị tác giả. Cỏ Thơm sẽ không đăng những bài viết nào đã gửi đăng các báo trong vùng hay trên các mạng lưới khác. Mong quý vị thông cảm cho.

KỶ NIỆM THỨ HAI TRONG MÙA THU QUA- Không khí Paris còn nóng bỏng trong tim, dư âm Thu Tao Ngộ còn ngân vang trong lòng, Ngọc Dung đã bắt tay ngay vào việc tổ chức chuyến du ngoạn Grounds For Sculpture (GFS) cho 56 nhân vật Cỏ Thơm và thân hữu. GFS là một vườn cảnh rộng 35 acres có ao hồ thác suối, sông chảy qua và triển lãm 230 bức tượng nghệ thuật giá trị. Đặc biệt GFS có một collection tượng cảnh ba chiều (three dimentions) vĩ đại của điêu khắc gia J. Seward Johnson, Jr. dựng theo họa phẩm ấn tượng của các danh họa Claude Monet, Edouard Manet, Pierre Auguste Renoir, Vincent Van Gogh... Ông Johnson, Jr. cũng là chủ nhân của GFS và là hậu duệ của dòng họ nổi tiếng Johnsons, sản xuất phấn thoa da con nít mà chúng ta ai cũng nhớ cái mùi thơm ấy từ thuở bé tí tì tì.

Tôi đã từng thăm viếng Grounds For Sculpture và thuật lại trong du ký “Theo Bước Chân Ấn Tượng” của tập truyện *Non Nước Đá Vàng*. Vườn tượng GFS ở Hamilton, New Jersey cách Virginia vào khoảng 190 dặm và 3 giờ xe hơi. Một số thân hữu đọc bút ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng ao ước muốn “Theo Bước Chân Ấn Tượng” và một số đã từng tham dự những chuyến du ngoạn trước của Cỏ Thơm nên lại muốn Cỏ Thơm tổ chức du ngoạn nữa. Nhận thấy rằng địa điểm này rất thích hợp với những người thích du ngoạn, giải trí lành mạnh, vui vẻ bạn bè, thích chụp hình và thưởng thức nghệ thuật điêu khắc có một không hai này, Chủ Nhiệm đã chiều bạn, chiều độc giả và nhận lời tổ chức chuyến du ngoạn. Vì thời khóa biểu rất chặt chẽ nên Ngọc Dung chỉ có thể xếp đặt cuộc du ngoạn sáng đi, chiều về vào ngày 24 tháng 10, 3 tuần lễ sau Thu Tao Ngộ Paris.

Chỉ sau 5 ngày thông báo, cả chuyến Motor Coach Deluxe 56 chỗ ngồi đã được đặt cọc hết. Tôi đã nhờ hai chủ bút Phạm Văn Tuấn và Ngô Tăng Giao rút thăm chỗ ngồi cho mỗi người lượt đi, lượt về và làm bản đồ ghi tên với số ghế. Thư mời tham dự văn nghệ, ca hát, ngâm thơ, kể chuyện tếu, đóng kịch vui 3 giờ đường trường đi, 3 giờ đường trường về. Các bản nhạc được in ra mấy trăm copies. Hội Viên Cỏ Thơm Tuyết Lê, Thái Phượng, Diana Duyên (thân chủ quảng cáo

Sovereign Realty, Inc.) và chủ biên <vietdc.net> Phạm Xuân Thái là “lơ xe phụ” cho Ngọc Dung nên việc tổ chức chuyến du ngoạn không khó khăn gì. Nhân đây tôi cũng xin thưa, tôi biết không chữ “lơ” đâu ra thì được Giáo sư Phạm Trọng Lệ, một trong 56 du khách của chuyến du ngoạn cho biết rằng chữ “lơ” là do chữ Pháp “Controlleur”, kiểm soát viên mà ra.

Ngày du ngoạn, trời mưa mù mịt đường trường. Nhưng chương trình văn nghệ do Thái Phượng và Phạm Xuân Thái điều khiển nhịp nhàng nên “*Trời mưa thì mặc trời mưa, ta ngồi trên bus trời chừa ta ra*”. Những bài du ca hào hứng của 56 cái miệng át cả tiếng mưa ào ào. Những bài đơn ca ngọt ngào của Thái Phượng, Minh Trân gây không khí thư thái trong xe. Vở kịch ngắn “*Cô Lái Đò*” (trong số báo này), thật hấp dẫn của Minh châu mà tác giả đóng vai cô lái đò, Nhà thơ Bùi Thanh Tiên đóng vai Công Tử Bạc Liêu, và tiếng ngâm thơ điêu luyện của Bạch Mai đã không ngăn được những trận cười liên tiếp vang xe. Những câu chuyện tiểu lâm của anh Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Lân và Nguyễn Minh kể tưởng chừng có thể làm bể 56 cái bụng hành khách.

Trong vườn cảnh, trời khóc, trời cười không ngớt, chúng tôi phải mặc áo mưa dương dù, lúc thì ướt lướt thướt, lúc thì nóng toát mồ hôi. Nhưng chúng tôi đều thích thú được thưởng lãm những tượng cảnh sống động, tuyệt vời và không ngờ vẫn chụp được những bức hình đẹp như tranh. Xin mời quý vị xem hình ảnh Du Ngoạn Grounds For Sculpture ở phần cuối số báo Cỏ Thơm này.

Mỗi chuyến du lịch là một cuộc phiêu lưu, cầm bằng cái hên xui may rủi, không phải lúc nào cũng hoàn toàn như ý. Một ngày đi chơi đông đảo bên những người bạn thân thiết đã có được một kỷ niệm quý báu khó quên rồi. Nhiều bạn muốn đi trở lại, nhiều bạn đã yêu cầu tổ chức một chuyến nữa.

Nhưng bây giờ đã là Mùa Đông. Chúng ta còn phải để tâm sửa soạn Lễ Tết sum họp gia đình. Mọi chuyện du lịch ngoài trời hãy tạm ngưng. Mong rằng quý tác giả, độc giả có một Mùa Đông ấm cúng, một Lễ Giáng Sinh vui vẻ, Năm Mới 2010 bình an tốt đẹp.

Hẹn tái ngộ cùng quý vị vào mùa Xuân, tại:

**Dạ Tiệc Văn Nghệ Kỷ Niệm
15 NĂM SINH HOẠT VĂN HỌC CỎ THƠM**

11 tháng 4, 2010, từ 6 giờ chiều đến 11 giờ đêm

Nhà Hàng Harvest Moon

7260 Arlington Blvd, Falls Church, VA 22042.

Vé khiêm nhượng \$30.00, nhưng chương trình văn nghệ hào hứng,

dạ tiệc 8 món ăn ngon, dạ vũ vui nhộn.

Trân trọng kính mời.

CƠ SỞ VĂN HỌC CỎ THƠM

Nguyễn Thị Ngọc Dung

ĐẠI VĂN HÀO VICTOR HUGO (1802 - 1885)

và tác phẩm “CÁC KẺ KHỐN CÙNG”

Phạm Văn Tuấn

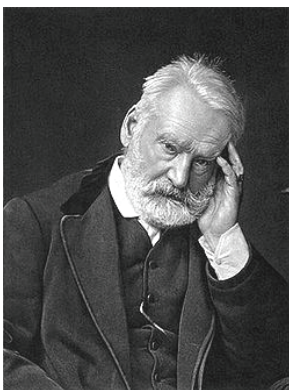
1- Bối cảnh lịch sử của Tác Phẩm "Các Kẻ Khốn Cùng"

Ngày 14 tháng 7 năm 1789, dân chúng Pháp đã biểu tình và đập phá ngục Bastille, nơi tượng trưng cho vương quyền và chế độ chuyên chế. Biến cố này đã chấm dứt "chế độ cũ", mở đường cho châu Âu bước vào một thời đại mới. Tối đêm hôm mùng 4 tháng 8 năm 1789, Quốc Hội đầu tiên của nước Pháp đã tuyên bố rõ ràng rằng "chế độ phong kiến bị bãi bỏ", đồng thời đặt ra các nguyên tắc dùng cho nền trật tự mới. Ngày 26-8, Quốc Hội đó lại cho phổ biến "Bản Tuyên Bố các Quyền Lợi của Con Người và Công Dân" (the Declaration of the Rights of Man and Citizen) với các điểm chính như sau: (1) Mọi người được sinh ra bình đẳng với các quyền lợi bằng nhau. (2) Mọi công dân có quyền bầu ra các đại biểu để làm ra luật pháp. (3) Mọi người được tự do nói, viết, hay in ra các ý kiến miễn là người đó không lạm dụng đặc quyền này. (4) Số tiền thuế mà một người phải đóng sẽ được căn cứ vào số lượng tài sản mà người đó có.

Năm 1793, Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie Antoinette bị đưa ra pháp trường và bị chặt đầu. Hành động này của các nhà cách

mạng Pháp đã làm rung động toàn thể châu Âu, và các nước chung quanh đang tìm cách chống lại lực lượng cách mạng Pháp. Ngay tại nước Pháp, người dân cũng bị chia rẽ làm hai, một phe ủng hộ chế độ cũ, một phe muốn phát triển các lý tưởng của cuộc Cách Mạng.

Trong thời kỳ cách mạng Pháp này, đã diễn ra các cảnh tàn nhẫn vì mục tiêu bảo vệ Tự Do và Đại Văn Hào Charles Dickens trong tác phẩm "*Câu Chuyện của hai Thành Phố*" (A Tale of Two Cities) đã mô tả cảnh pháp trường, nơi hành quyết các nhà quý tộc và ngay cả các nạn nhân vô tội.



Sau khi nước Cộng Hòa Ph+áp được tuyên bố thành lập vào năm 1792, Hội nghị Quốc Ước (the Convention, 1793-95) bị chia rẽ thành hai phe phái với Danton, Robespierre một bên và bên kia là các nhà cách mạng khác theo đường lối riêng. Nước Pháp đã muốn xuất cảng lý tưởng cách mạng ra khắp châu Âu với ba châm ngôn là "*Tự Do, Công Bằng và Tình Huynh Đệ*" (Liberté, Egalité, Fraternité). Thời kỳ độc tài của Robespierre đã khiến cho người dân Pháp phải chịu đựng giai đoạn khủng bố (the Reign of Terror) rồi sau đó là chế độ Tổng Tài (the Directory) kéo dài tới năm 1799. Sau cuộc chiến tranh với nước Anh, nước Áo và đặc biệt sau cuộc chiến thắng tại xứ Ý đã

xuất hiện một vị tướng trẻ lừng danh: Napoléon Bonaparte.

Cuối năm 1804, Napoléon Bonaparte chấm dứt chế độ Tổng Tài, trở nên Hoàng Đế. Dưới thời Napoléon I, nhiều cải cách trong nước Pháp được thực hiện, văn hóa Pháp và các lý tưởng của người Pháp được phổ biến tại khắp châu Âu cho tới năm 1810. Gần như 100 triệu người dân Pháp và các nước chung quanh nằm dưới quyền kiểm soát của Napoléon. Sự thất trận của đoàn quân Pháp trên miền đất Nga vào năm 1812 đã khiến cho Napoléon phải thoái vị, chịu rút lui ra đảo Elba nằm trong miền Địa Trung Hải. Nhưng rồi Napoléon đã trở về đất Pháp vào năm 1815 và lại thua trận Waterloo vào tháng 6 năm đó. Napoléon bị đày ra đảo St. Helena nằm trong vùng biển Đại Tây Dương rồi qua đời vào năm 1821.

Sau thời Đế Chế Thứ Nhất (the First Empire) kéo dài từ 1804 tới 1815, nước Pháp đã khánh kiệt vì chiến tranh, 1 triệu 700 ngàn người đã chết trên các mặt trận. Giòng họ Bourbons trở lại chính quyền với Vua Louis 18. Nhà Vua này là một nhân vật ôn hòa, đã chấp nhận một hiến pháp và một thể chế đại nghị nhưng đồng thời lại muốn phục hồi các đặc quyền của "*chế độ cũ*". Thời gian trị vì của Vua Louis 18 kéo dài từ 1815 tới 1824 với cảnh hòa bình tương đối. Khi Charles X lên ngôi vua nước Pháp vào năm 1824, nhà Vua này lại muốn tiêu hủy Hiến Pháp và muốn cai trị thần dân theo đường lối quân chủ chuyên chế của thế kỷ 18. Nhưng bạo loạn đã nổ ra vào năm 1830 và Vua Charles X phải thoái vị. Nước Pháp không thể trở về với "*thần quyền*" của vua chúa nữa mà phải theo nguyện vọng

của người dân và phải đáp ứng các nhu cầu của cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ. Vào thời gian này, các phát minh Khoa Học và Kỹ Thuật đã khiến cho giới trung lưu (the middle class) trở nên giàu có và trở thành một sức mạnh kinh tế và chính trị.

Năm 1830, Hầu Tước Orléans được hai Viện Quốc Hội chấp nhận làm Vua nước Pháp với danh hiệu Louis Philippe. Dưới thời Vua Louis Philippe này, người dân chỉ được đi bầu khi nào đã nộp đủ một số tiền thuế cho nên trong số 30 triệu dân của nước Pháp thời đó, chỉ có độ 200 ngàn cử tri. Chính quyền của nước Pháp từ nay lệ thuộc vào ý muốn của giai cấp tư sản.

Cuộc Cách Mạng Kỹ nghệ đã làm thay đổi lối sống của người dân nước Pháp và các nước châu Âu. Tại Pháp, đường xe lửa đã được mở mang tới các miền xa xôi. Năm 1836, nước Pháp có 270 cây số đường xe lửa với dịch vụ chuyên chở người và hàng hóa. Vào giai đoạn này, dân chúng nông thôn bắt đầu đổ về sinh sống tại các thành thị vì công việc làm ăn và vì các cải thiện kinh tế. Nhiều nhà máy, cơ xưởng được thành lập. Các vấn đề xã hội bắt đầu xuất hiện trong thời kỳ phát triển kỹ nghệ này. Đã thường xuyên xảy ra các vụ đình công, các vụ rối loạn.

Sau ba ngày biến động tại thành phố Paris, Vua Louis Philippe phải thoái vị và nền Cộng Hòa Thứ Hai (the Second Republic) được công bố vào ngày 24/2/1848. Chính phủ Pháp lâm thời của giai đoạn này gồm các nhân vật mang tính lý tưởng như nhà thơ Alphonse de Lamartine, luật sư Ledru-Rollin, nhà xã hội Louis Leblanc. Cuộc phổ thông đầu phiếu được công bố và

các cải tiến nhiều điều kiện làm việc được trù liệu, nhưng rồi nền kinh tế suy sụp đã làm sống lại tinh thần bảo thủ của giai cấp tư sản và kết quả là ông Hoàng Louis Napoléon Bonaparte, người cháu của Vua Napoléon I, được bầu lên để vãn hồi trật tự, ổn định và cai trị nước Pháp. Tháng 6 năm 1848, các công nhân của thành phố Paris đã nổi loạn nhưng sau đó bị dẹp tan bởi quân đội của Quốc Hội. Ngày 2/12/1851, Louis Napoléon giải tán Quốc Hội rồi qua năm 1852, thiết lập nên Đế chế Thứ Hai (the Second Empire) và trở thành Vua Napoléon III.

2- Phong trào Văn Chương Lãng Mạn.

Xã hội Pháp đang thay đổi bộ mặt. Lối sống vật chất tư sản (the bourgeois materialism) và các cách kiếm tiền (the making of money) là các vấn đề của thời đại. Trước các hoàn cảnh xã hội này, các nhà văn như Victor Hugo, như Honoré de Balzac, đã tìm cách mô tả những tật xấu, những bệnh hoạn mà xã hội Pháp đang gặp phải. Cuộc tranh đấu chống các bất công xuất phát từ cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ tại nước Anh cũng được Charles Dickens trình bày trong các tác phẩm danh tiếng.

Tại nước Pháp, Victor Hugo đã dùng lịch sử của nước Pháp trong giai đoạn từ năm 1789 tới các cuộc nổi dậy đẫm máu sau này tại thành phố Paris, làm nền móng cho tác phẩm "*Các Kẻ Khốn Cùng*" (Les Misérables). Ông đã cố gắng diễn tả sự tranh chấp giữa các người bảo hoàng và các người cách mạng, giữa các người bảo thủ và các người cấp tiến, mô tả bản chất của giới trung lưu và giới công nhân. Khi đứng trước các lợi nhuận

và đặc tính cơ khí hóa, tác giả Victor Hugo đã nghiêng về phía chủ trương nền dân chủ, tính nhân đạo và việc coi trọng tự do.

Tác phẩm "*Các Kẻ Khốn Cùng*" xuất hiện vào năm 1862 là thời kỳ của Phong Trào Văn Chương Hiện Thực (Realism) nhưng lại mang nhiều đặc tính của các cuốn tiểu thuyết lãng mạn (romantic novels).

Vào thế kỷ 17, Phong Trào Văn Chương Cổ Điển (Classicism) đã được các nhà viết kịch lừng danh tiêu biểu, chẳng hạn như Racine, Corneille và Molière. Phong trào này đặt ra các quy luật (rules), đề cao các thái độ thuần lý (rational attitudes) và dùng đường lối khách quan để đi tới các chủ đề nghệ thuật trong cách diễn tả về con người, về thiên nhiên. Các đặc tính của phong trào văn chương cổ điển là trật tự (order), luận lý (logic) và sự trong sáng (clarity).

Qua thế kỷ 19, phong trào Văn Chương Lãng Mạn (Romanticism) đã xuất hiện để đáp ứng các nhu cầu và khát vọng của thế kỷ mới, đã thách đố các quy luật cũ và đòi hỏi sự tự do tuyệt đối trong chủ đề và kỹ thuật văn chương. Phong trào Lãng Mạn đã dùng tới trí tưởng tượng vào các công cuộc sáng tạo và nhiều nhà văn mới xuất hiện trên các văn đàn như tại nước Pháp có Chateaubriand và bà De Staël, tại nước Anh là Lord Byron và Sir Walter Scott, còn đại diện cho nước Đức là Goethe và Schiller.

Các đặc tính của phong trào văn chương lãng mạn có thể kể ra như sau:

- (1) nhấn mạnh đến "*cái Tôi*" (the I) và tính chủ quan, sự quan trọng của cá nhân,
- (2) dùng tới trí tưởng tượng, sự bí ẩn, đặc

tính siêu nhiên (the supernatural), nét vẽ độc đáo (fantastic),

(3) cốt truyện đòi hỏi sự công bằng dành cho mọi người, dùng tới bối cảnh của thời Trung Cổ để trình bày những điều khác lạ, ở bên ngoài xã hội quen thuộc,

(4) nhân vật anh hùng trong truyện cam chịu số phận bi thương, với các hành động đi ra ngoài giới hạn của các chấp nhận xã hội,

(5) các nhân vật trong truyện dù cho đã theo lý tưởng, theo lẽ phải, nhưng số mệnh đã đưa đẩy họ tới các hoàn cảnh bi thương,

(6) bối cảnh địa phương là một đặc điểm, với tình yêu thiên nhiên và những môi trường khắc nghiệt như mưa bão, đêm tối hay các sự kiện bất thường khác,

(7) trong cốt truyện có pha trộn cả sự đẹp, sự xấu, tính thô kệch, tính cao cả... (8) tác giả tin tưởng vào các tiến bộ luân lý, chính trị và xã hội,

(9) đường hướng không thiên về lý trí, bộ óc, mà về tình cảm, cảm xúc, và trái tim đã hướng dẫn các hành động,

(10) mặc dù mang tính vô trật tự, thái quá hay sốt sắng, các nhân vật trong truyện vẫn hành động vì sự tự do và chống lại mọi hình thức áp chế.

3- Cốt truyện "Các Kẻ Khốn Cùng".

Jean Valjean là một tên tù, được thả ra sau 19 năm bị giam cầm và bị phạt làm việc trên các con thuyền chèo vì tội ăn cắp một ổ bánh mì và vì các âm mưu vượt ngục. Tại thị trấn Digne, anh ta bị từ chối, không cho ngủ đêm ngoại trừ vị giám mục Myriel có lòng tốt. Nhưng Jean Valjean lại phản bội lòng thánh thiện của vị giám mục bằng cách ăn

cắp một số đồ vật bằng bạc của nhà thờ. Khi bị cảnh sát bắt được và bị đưa trở lại nhà thờ, vị giám mục đã che chở cho kẻ phạm tội bằng cách nói rằng đó là các món quà tặng, và rằng anh Valjean sẽ thay đổi. Sau vài lần ăn cắp vặt khác, Jean Valjean quả thực đã hối cải. Dùng tên giả là Madeleine, Jean Valjean đã xây dựng được một nhà máy và mang lại thịnh vượng cho thị xã Montreil.

Một người đàn bà trẻ, cô đơn, tên là Fantine, đến Montreil tìm kiếm công việc làm. Bà này mang mặc cảm vì có một đứa con không cha. Trên đường đi kiếm ăn, Fantine đã giao đứa con gái Cosette cho vợ chồng chủ quán trọ, tên là Thénardier. Tại thị xã Montreil, Fantine làm việc trong nhà máy của ông Madeleine nhưng về sau, bị sa thải và không còn tiền trả cho vợ chồng chủ quán Thénardier. Vì các khó khăn tài chính, Fantine quay sang nghề làm điếm rồi sau một lần gây gổ với một tên vô lại địa phương, Fantine bị thanh tra cảnh sát Javert bắt. Nhờ sự can thiệp của ông Madeleine, Fantine không bị tống giam nhưng do bị cảm sốt nặng, sức khỏe của người đàn bà này suy yếu hẳn đi, và khi gần chết, Fantine được ông Madeleine hứa sẽ mang đứa con gái Cosette lại cho gặp mặt.

Vào lúc này, ông Madeleine lại gặp một vấn đề khó xử. Một người đàn ông khác bị thanh tra Javert bắt, bị gán cho là tên Jean Valjean và sắp bị kết tội. Sau một đêm trường dằn vặt, ông Madeleine quyết định thú nhận quá khứ của mình. Tại thành phố Arras, ông ta đã minh oan cho kẻ bị cáo buộc trong một phiên xử rồi vài ngày sau, ông Madeleine bị thanh tra Javert bắt khi đang ở

bên giường bệnh của Fantine. Hoàn cảnh khủng khiếp này đã làm cho người đàn bà đó chết ngay vì xúc động.

Cũng vào đêm bị bắt, Jean Valjean đã vượt ngục nhưng rồi sớm bị bắt trở lại và bị gửi tới trại tù tại Toulon, một thành phố hải cảng. Một hôm, Valjean đã cứu mạng cho một thủy thủ bị rơi từ các dây buồm và rồi Valjean đã nhảy xuống biển, giả vờ như bị chết đuối và sau đó, trốn về thị trấn Montfermeil là nơi có quán trọ của vợ chồng Thénardier. Jean Valjean đã giải thoát được Cosette khỏi tay của vợ chồng chủ quán này và mang đứa bé đi sống ẩn náu tại thành phố Paris.

Tại Paris, Jean Valjean sinh sống trong khu nhà cho mướn Gorbeau đồ nát, xa xôi, và mặc dù các đề phòng, Valjean vẫn bị thanh tra Javert theo dõi nên bất ngờ, phải trốn chạy và tìm tới một tu viện. Nhờ sự giúp đỡ của một người làm vườn tên là Fauchelevent mà Valjean đã cứu mạng khi trước, Valjean đã thuyết phục được bà ni viện trưởng nhận cho làm người phụ việc trồng cây và nhận Cosette làm học trò. Valjean và Cosette đã trải qua vài năm sống hạnh phúc trong cảnh cô tịch của tu viện.

Tại thị xã gần đó có Marius là một thanh niên 17 tuổi, sống với ông nội tên là Gillenormand, nhưng vì giận ông nội, Marius đã bỏ nhà, lên thành phố Paris sinh sống tại khu La Tinh và tham gia vào nhóm sinh viên cấp tiến. Tại khu vườn Luxembourg, Marius đã gặp và yêu thương Cosette một cách âm thầm, rồi sự thiếu thận trọng của Marius đã làm tan vỡ mối tình đầu đó. Cosette đã ra đi mà không để lại địa chỉ. Một hôm, Marius nhìn qua một khe hở của bức tường, thấy một

gia đình gồm có cha, mẹ và hai con gái, sinh sống trong cảnh tối tăm. Nhưng rồi có một nhà Mạnh Thường Quân tới giúp đỡ, đó là ông Leblanc và cô con gái. Marius lại quá ngạc nhiên khi nhận ra cô gái đó chính là Cosette. Sự vui mừng của Marius không kéo dài được lâu khi chàng thanh niên này khám phá ra một âm mưu gài bẫy ông Leblanc. Marius liền báo cho cảnh sát và nhận được lệnh của thanh tra Javert trở lại căn phòng khi trước.

Khi ông Leblanc trở lại thì kẻ âm mưu chính là Thénardier, đã trói ông Leblanc và đòi tiền chuộc. Âm mưu này bị thất bại khi thanh tra Javert tới nơi đúng lúc nhưng cũng vào lúc này, ông Leblanc đã trốn mất, đồng thời cũng không tìm thấy dấu tích của cô gái Cosette. Nhờ sự giúp đỡ của người con gái của Thénardier, Marius đã tìm ra Cosette và thú nhận tình yêu với cô nàng này. Nhưng tình hình chính trị bất ổn của thành phố Paris đã khiến cho Valjean quyết định đưa Cosette qua nước Anh sinh sống. Việc làm đầu tiên của Valjean là tới một nơi ẩn náu.

Tại thành phố Paris vào lúc này, đã có nhiều nơi nổi loạn. Một người bạn của Marius, tên là Enjolras, đã lập ra một khu công sự chiến đấu trước cửa tiệm rượu Corinth. Do bị thất vọng, Marius cũng tham gia vào nhóm người nổi loạn, cũng như Valjean vì các lý do đặc biệt, và việc làm đầu tiên của nhóm người chống đối chính quyền này là tìm ra kẻ gián điệp trong hàng ngũ của mình. Người bị khám phá lại chính là thanh tra Javert, ông này bị trói lại và chờ lúc bị trừng trị. Valjean tình nguyện ra tay thủ tiêu Javert nhưng vào lúc cuối, đã tha chết cho Javert và thả cho đi. Khi trở về tiệm

rượu, Valjean chỉ thấy còn một số ít người sống sót và Marius bị thương nặng. Valjean đã đưa Marius qua lỗ cống và đi lần theo đường cống của thành phố Paris nhưng khi ra khỏi hầm cống, Valjean lại bị Javert bắt được. Tuy nhiên, Javert đã để cho Valjean mang Marius tới nhà ông nội của anh ta và rồi trong tình trạng khó xử, Javert đã thả Valjean. Vì cảm thấy không làm đúng theo nhiệm vụ, thanh tra Javert đã tự sát.

Sau đó, Marius phục hồi khỏi các vết thương và đã thuyết phục được ông nội về cuộc hôn nhân với Cosette. Việc phải sống xa Cosette đã làm héo hon Jean Valjean vì cuộc đời của ông ta không còn ý nghĩa nữa. Rồi Thénardier do vô tình, đã cho Marius biết rằng người cứu mạng Marius nơi hầm cống chính là Jean Valjean, sự việc này đã khiến cho Marius và Cosette tìm đến an ủi Jean Valjean trên giường bệnh.

4- Cuộc đời của Đại Văn Hào Victor Hugo.

Victor Hugo là nhà thơ, nhà viết tiểu thuyết, nhà viết kịch danh tiếng nhất của nước Pháp, là nhân vật dẫn đầu phong trào lãng mạn (the romantic movement) của nền Văn Chương Pháp. Các tác phẩm của ông gồm 45 cuốn với hai cuốn tiểu thuyết được toàn Thế Giới biết đến, là cuốn "*Nhà Thờ Đức Bà*" (Notre Dame de Paris, 1831) và cuốn "*Các Kẻ Khốn Cùng*" (Les Misérables, 1862), với hai nhân vật trong truyện là anh gù Quasidomo trong cuốn tiểu thuyết trước và Jean Valjean trong cuốn sau.

Khả năng sáng tạo của Victor Hugo rất lớn lao, mỗi ngày ông có thể làm 100 câu thơ hay viết 20 trang tiểu thuyết và qua các tác

phẩm của ông, đã phản ánh các phong trào chính trị và văn chương của thời đại, đã bộc lộ rõ niềm tin của ông nơi Khoa Học, nơi nền Dân Chủ và Tự Do. Victor Hugo đã chào đời vào năm 1802 và qua đời năm 1885, và do các tác phẩm đồ sộ, thế kỷ 19 với nền văn chương đặc sắc của nước Pháp, đã được gọi là "*Thế Kỷ của Victor Hugo*".

a- Các năm thiếu thời (1802-1830).

Victor Hugo chào đời vào ngày 26 tháng 2 năm 1802 trong tỉnh Besancon, nước Pháp, là con trai thứ ba của ông Joseph Léopold Sigisbert Hugo, vốn là con của một người thợ mộc, nhưng ông Joseph đã phục vụ quân đội Pháp trong thời kỳ Cách Mạng và lên tới cấp bậc thiếu tá, rồi về sau do lòng dũng cảm và công trạng chiến trường, trở thành một vị tướng trong đội quân của Napoléon. Ông Joseph đã trung thành với chế độ mới, từ Hội Nghị Quốc Ước tới Đế Chế Thứ Nhất, đã phục vụ cho Joseph Bonaparte và quân vụ đã khiến cho Tướng Hugo này phải đi làm việc tại nhiều nơi.

Victor Hugo đã đi thăm cha tại nước Ý vào tuổi lên 5 và theo học trường tiểu học tại Madrid, nước Tây Ban Nha, vào tuổi lên 9. Ký ức về tuổi trẻ xa xứ đã được Victor Hugo ghi lại sau này qua các tập thơ và các vở kịch.

Trái ngược với người cha theo Cách Mạng Pháp, bà mẹ của Victor Hugo lại là một phụ nữ có tính độc lập, cương quyết, theo phe Bảo Hoàng và không ưa cuộc đời nay đây mai đó của vợ một quân nhân, vì thế vào năm 1812, bà Joseph Hugo đã định cư tại thành phố Paris và từ nay, ba người con trai của bà theo đuổi một nền giáo dục căn bản.

Sự khác biệt vì tư tưởng chính trị, vì tính tình tương phản giữa hai ông bà Hugo đã dẫn đến việc ly dị chính thức vào năm 1818. Victor Hugo sống với mẹ, nên vào thời gian đầu, đã theo khuynh hướng bảo hoàng.

Victor Hugo là con trai nhỏ nhất, đã theo học tại trường trung học Louis-le-Grand (1816-18). Cậu Victor này từ nhỏ đã có thiên khiếu về văn thơ, vào tuổi 15 đã yêu thương cô bạn gái hàng xóm tên là Adèle Foucher và đã dự tính sau này theo ngành văn học để có thể kết hôn với người yêu. Tại trường trung học, Victor Hugo là một học sinh xuất sắc về Toán Học và Văn Chương. Năm 1817, Victor Hugo lãnh được bằng khen danh dự của Hàn Lâm Viện Pháp về một bài thơ dự thi rồi tới năm 1819, đã đoạt giải nhất trong một kỳ thi thơ phú toàn quốc.

Năm 1818, Victor Hugo ghi danh vào Đại Học Luật Khoa Paris nhưng việc theo học này đã không đều và không có chủ đích. Các kỷ niệm về thời sinh viên nghèo này đã được phản ánh qua nhân vật Marius trong cuốn truyện "*Các Kẻ Khốn Cùng*".

Luật Khoa không phải là tham vọng của Victor Hugo bởi vì trong các cuốn sổ của ông đã ghi đầy các bài dịch nhiều vở kịch, các bài thơ, đặc biệt là các thi phẩm của Virgil. Do sự khuyến khích của bà mẹ, Victor Hugo đã lập ra tạp chí văn học "*Le Conservateur Littéraire*" (Người bảo quản văn chương, 1819-21) qua đó, các bài của ông viết về hai nhà thơ Alphonse de Lamartine và André de Chénier, đã được nhiều người chú ý. Trong một cuốn sổ ghi, Victor Hugo đã viết: "*Tôi sẽ trở nên một Chateaubriand hoặc chẳng ra gì*".

Chateaubriand là nhà văn hàng đầu của nước Pháp vào đầu thế kỷ 19.

Khi bà mẹ qua đời vào năm 1821, Victor Hugo đã từ chối nhận trợ cấp của cha và chịu đựng cuộc sống thiếu thốn. Cũng vào năm này, ông cho xuất bản thi phẩm đầu tiên có tên là "*Odes et poesies diverses*" (Các bài thơ ngắn và thơ nhiều loại) qua đó các cảm tình bảo hoàng đã khiến cho ông nhận được món tiền trợ cấp 1,000 quan một năm của Vua Louis 18 rồi nhờ số tiền này, Victor Hugo đã kết hôn với người yêu Adèle Foucher và họ đã có với nhau 4 người con.

Năm 1823, Victor Hugo phổ biến cuốn truyện tiểu thuyết đầu tiên tên là *Han d'Islande* (Đại Hãn của Ai Nhĩ Lan), mô tả sự man rợ của một bộ lạc chặt đầu người bằng búa đá và uống máu kẻ địch. Cuốn truyện này được dịch sang tiếng Anh vào năm 1825 và được nhà báo Charles Nodier cho là có giá trị nên ông này đã mời Victor Hugo tham gia vào nhóm các nhà viết văn thuộc trường phái Lãng Mạn (Romanticism). Nhóm văn hữu này mang danh hiệu là Cénacle và cũng do mối liên lạc này mà Victor Hugo quen biết Saint-Beuve, một nhà phê bình văn chương Pháp độc đáo của thế kỷ 19.

Nhóm văn hữu Cénacle họp mặt thường xuyên tại thư viện Arsenal, họ đã đề cao tự do là nguyên tắc của nghệ thuật và đời sống. Vào thời kỳ này, Victor Hugo đã phổ biến một loại báo văn học có khuynh hướng ôn hòa với tên là *Muse Francaise* (Thi Thần nước Pháp, 1823-24).

Năm 1824, Victor Hugo cho xuất bản tập thơ ngắn *Nouvelles Odes* (Các bài thơ ngắn

mới) rồi hai năm sau, xuất hiện cuốn tiểu thuyết Bug-Jargal (bản dịch tiếng Anh là The Slave King = nhà Vua nô lệ). Tập thơ "Odes et Ballades" (Thơ ngắn và thơ ba tiết ba-lát) là một ấn bản năm 1826, bao gồm nhiều bài thơ Victor Hugo đã làm ra trước kia và các bài thơ sau này mang tính lãng mạn, sau đó là tập thơ "Les Orientales" (Đông Phương, 1829) gợi lên các phong vị lãng mạn và màu sắc của phương đông. Bằng các tập thơ ngắn này và qua cách dùng các nhịp thơ, các hình ảnh rực rỡ, Victor Hugo dần dần trở nên một nhà thơ lãng mạn.

Thiên tài của Victor Hugo đã thể hiện qua trường phái Lãng Mạn như là một nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch qua kịch bản "Cromwell" xuất bản năm 1827. Kịch bản này nổi tiếng vì lời tựa dài, soạn công phu, qua đó Victor Hugo đã đề cập tới chủ thuyết của trường phái Lãng Mạn (a doctrine of Romanticism) trong một kỳ thi thơ phú toàn quốc.

Victor Hugo cho rằng các tương phản của đời người, thiện hay ác, đẹp hay xấu, vui hay buồn, phải được tự do thể hiện trong các cách diễn tả và bài tựa của vở kịch "Cromwell" của ông đã phá vỡ các luật lệ cổ điển chi phối cách viết kịch từ các thời kỳ trước. Victor Hugo đã cổ vũ việc chấp nhận Shakespeare là một nhà soạn kịch kiểu mẫu, ông ủng hộ lập trường tự do trong ba nguyên tắc viết kịch về thời gian, nơi chốn và hành động, và chủ trương rằng trong vở kịch phải có cả các sự việc bi-hài, có cả sự tầm thường lẫn sự cao cả và như vậy, trường phái Lãng Mạn đã lấn sang địa hạt sân khấu.

b- Giai đoạn thành công (1830-52).

Vào khoảng năm 1831, Victor Hugo đã ưa chuộng, tôn sùng Napoléon, ông đã cho xuất hiện tập thơ "À la Colonne" (Xếp Hàng) và "Lui" (Người), nhưng việc giới hạn tự do báo chí của Vua Charles X và các cách kiểm duyệt của chính quyền thời đó lại khiến cho Victor Hugo hướng về lý tưởng tự do, sự kiện này đã khiến ông gặp gỡ các nhà văn cấp tiến của tờ báo Le Globe (Địa Cầu). Vở kịch "Marion de Lorme" (1829) của ông đã bị cấm trình diễn trên sân khấu vì hình ảnh của nhà vua đã không được trình bày thuận lợi. Victor Hugo đã phản đối các cấm đoán, các giới hạn bằng vở kịch lịch sử "Trận chiến Hernani", lần đầu tiên trình diễn vào ngày 25-2-1830. Ông viết vở kịch Hernani này, dùng tới miền đất Tây Ban Nha làm địa bàn với các đặc tính trung cổ, bí ẩn và độc đáo. Vở kịch "Hernani" hầu như đã vi phạm tất cả các quy luật cổ điển của Racine và Corneille.

Ngay từ đầu, vở kịch "Hernani" đã bị những người theo trường phái cổ điển la ó, phản đối, và Théophile Gautier là một nhà văn nổi danh thời đó đã phải ghi nhận rằng cả hai trường phái đã đối nghịch nhau trong các cuộc tranh luận văn chương. Vở kịch "Hernani" đã được trình diễn 45 lần, một thành công đáng kể đối với thời bấy giờ và cuối cùng, các nhà văn cổ điển đã phải chịu thua. Victor Hugo được ca ngợi là người đã giết chết con rồng cổ điển và trường phái Lãng Mạn đã toàn thắng về mọi mặt. Victor Hugo trở thành nhà lãnh đạo của phong trào Văn Chương Lãng Mạn của nước Pháp. Vở kịch "Hernani" về sau được Giuseppe Verdi, nhà soạn nhạc người Ý, dựa theo đó mà sáng tác ra nhạc kịch Ernani vào năm 1844.

Giai đoạn sáng tác phong phú nhất của Victor Hugo là các năm từ 1829 tới 1843. Năm 1831, cuốn truyện "*Nhà Thờ Đức Bà*" (Notre Dame de Paris, dịch sang tiếng Anh là *The Hunchback of Notre Dame* = anh Gù của Nhà Thờ Đức Bà) là một tiểu thuyết lịch sử, đề cập tới đời sống dưới thời Vua Louis 11. Cuốn truyện đã lên án xã hội, đã chống chất các đau khổ lên đầu các nạn nhân như anh gù Quasidomo và người con gái "*gypsy*" tên là Esmeralda. Cuốn tiểu thuyết này đã làm xúc động lương tâm của quần chúng hơn là cuốn truyện đã được xuất bản khi trước, với tên là "*Ngày Cuối Cùng của một Tử Tội*" (Le Dernier Jour d'un condamné, 1829) qua đó Victor Hugo đã phản kháng án tử hình.

Cuốn truyện "*Nhà Thờ Đức Bà*" đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ khác. Qua tác phẩm này, Victor Hugo đã mô tả cuộc sống bi-hài của anh gù kéo chuông cũng như vẻ rục rĩ của ngôi giáo đường và thành phố Paris thời trước. Victor Hugo cũng xác định rằng một tác phẩm văn học phải là một công trình của trí tưởng tượng, của các biến đổi và những điều dị thường. Tác phẩm văn chương "*Nhà Thờ Đức Bà*" đã xác nhận Victor Hugo là nhà văn hàng đầu của nước Pháp.

Trong thời gian cuốn truyện "*Nhà Thờ Đức Bà*" đang được viết, Vua Louis Philippe đã trở thành vị vua của thể chế quân chủ lập hiến sau cuộc Cách Mạng Tháng 7 (the July Revolution). Nhân dịp này, Victor Hugo đã làm một tập thơ đề cao sự kiện kể trên với tên là "*Dicté après Juillet 1830*" (Lời thơ sau cuộc Cách Mạng Tháng 7- 1830) và đây là tập thơ đi trước của loại thơ mang tính chất chính trị của ông.

Cũng vào thời đại quân chủ tháng 7 này, Victor Hugo còn cho xuất hiện tập thơ "*Lá Thu*" (Le Feuilles d'automne, 1831) với các cảm hứng cá nhân và thân thương, "Các bài ca Hoàng Hôn" (Les Chants du Crépuscule, 1835) mang tính chính trị, "*Các lời nội tâm*" (Les Voix intérieures, 1837) chứa đựng các ý tưởng cá nhân và triết học, "*Tia sáng và bóng tối*" (Les Rayons et les Ombres, 1840) qua đó tác giả dùng tới nhiều chi tiết, màu sắc và hình ảnh.

Victor Hugo không chỉ biểu lộ các cảm tưởng cá nhân, các câu thơ của ông còn là tiếng nói đề cập tới các vấn đề chính trị và triết học, mang nhiều bản khoăn của thời đại. Các bài thơ của Victor Hugo gợi lên nỗi nghèo khó của người công nhân cùng các vấn đề của thế kỷ. Victor Hugo cũng dùng thơ phú để ca ngợi sự rục rĩ của Napoléon và hô hào trở lại các lý tưởng cộng hòa. Ông đã nói ra bằng các lời lẽ hùng hồn, làm xao động tâm hồn của mọi người.

Khả năng sáng tạo của Victor Hugo rất lớn lao và đã thể hiện qua các vở kịch. Có hai động lực thúc đẩy ông viết kịch: ông cần một diễn đàn để trình bày các tư tưởng chính trị và xã hội, và lý do nữa là vì cô Juliette Drouet, một diễn viên trẻ, đẹp, mà ông đã quen từ năm 1833. Juliette thực ra không có tài năng diễn xuất nên không lâu, đã từ bỏ sân khấu và trở thành người tình trung thành và kín miệng, một thư ký và một người bạn du lịch với nhà văn, cho tới năm 1883 khi cô ta qua đời.

Vở kịch đầu tiên của Victor Hugo là một kịch thơ có tên là "*Le Roi s'amuse*" (Nhà Vua tiêu khiển - 1832) mô tả các tình yêu nông nổi của Vua Francis I vào thời kỳ Phục Hưng Pháp. Cũng giống như cuốn truyện "*Nhà Thờ*

Đức Bà", kịch thơ kể trên đã chỉ trích các bất công chính trị và xã hội tại nước Pháp. Đầu tiên vở kịch "*Nhà Vua tiêu khiển*" đã bị chính quyền cấm đoán nhưng về sau được phép trình diễn và lại được nhà soạn nhạc Giuseppe Verdi dùng làm lời cho nhạc kịch *Rigoletto*. Bốn vở kịch thơ kế tiếp của Victor Hugo là "*Lucrèce Borgia* và *Marie Tudor*" (1833), "*Angelo, bạo chúa của thành Padoue*" (*Angelo, tyran de Padoue*, 1835), "*Ruy Blas*" (1838) và "*Les Burgraves*" (1843)(được dịch qua tiếng Anh là *The Governors* = các thống đốc) và vở kịch sau cùng này đã không thành công.

Tháng 9 năm 1843, người con gái của Victor Hugo tên là Léopoldine mới kết hôn, đã bị chết đuối cùng người chồng trong một tai nạn, sự việc này đã khiến cho Victor Hugo rất đau buồn. Ông đã ngưng sáng tác trong vài năm, một phần cũng vì các xáo trộn chính trị và xã hội của thời cuộc.

Xã hội của nước Pháp vào giai đoạn này gặp nhiều bất ổn chính trị và thay đổi. Các nhà văn lãng mạn thấy rằng nhiệm vụ của họ không phải là chỉ viết ra các tác phẩm ca ngợi vẻ đẹp, điều hay, mà tài năng của họ còn phải được dùng vào công việc nói lên các điều bất công trong xã hội và công việc phải giúp đỡ các người nghèo, các người bị áp bức. Nhận định này đã chấm dứt thời kỳ văn chương lãng mạn và bắt đầu thời kỳ hiện thực và tự nhiên (realistic-naturalistic period).

Trong khi chính trị và xã hội của nước Pháp thay đổi, thì lập trường chính trị của Victor Hugo cũng biến đổi theo thời gian. Từ khuynh hướng bảo hoàng của người mẹ, Victor Hugo dần dần mở rộng quan điểm chính trị, dần hòa với người cha vào năm

1822 để rồi trở nên một người cộng hòa ôn hòa. Sau cuộc cách mạng năm 1848, Victor Hugo được bầu làm đại biểu của thành phố Paris vào Hội Nghị Lập Hiến rồi về sau là Hội Nghị Lập Pháp. Ông đã ủng hộ ông hoàng Louis Napoléon lúc đầu, nhưng vào tháng 2 năm 1851 đã xảy ra một cuộc đảo chính và Louis Napoléon đã hủy bỏ chế độ cộng hòa, thành lập Đế Chế Thứ Hai (the Second Empire) và trở nên Vua Napoléon III. Do thất bại trong cuộc tập hợp các công nhân của thành phố Paris biểu tình chống lại nhà vua mới, Victor Hugo phải cải trang thành một công nhân và trốn qua đất Bỉ.

c- Giai đoạn lưu vong (1851-70).

Ngày 17 tháng 7 năm 1851, Victor Hugo đã trình bày trước Quốc Hội Pháp một bài đả kích ông hoàng Louis Napoléon. Ông đã giận dữ tuyên bố rằng "*Chúng ta đã có Napoléon Đại Đế, phải chăng chúng ta cần có Napoléon Bé Nhỏ*" (*Napoléon le Petit*). Lời nói "*Napoléon Bé Nhỏ*" đã là một câu hô hào chống lại Vua Napoléon III trong 19 năm. Sau khi nhà vua này đã dẹp tan được mọi chống đối, lệnh truy nã Victor Hugo được ký vào ngày 3 tháng 12 năm 1851 khiến cho ông phải chạy qua nước Bỉ rồi các hoạt động chính trị của ông đã khiến cho chính quyền Bỉ đã phải yêu cầu ông ra đi. Victor Hugo chạy qua nước Anh, đầu tiên cư ngụ trên đảo Jersey thuộc vùng biển Channel từ năm 1852 tới năm 1855.

Victor Hugo đã dùng các bài viết đầu tiên của thời kỳ lưu vong vào việc châm biếm và kết tội Vua Napoléon Bé Nhỏ, mô tả nhà vua này là kẻ cắp, kẻ hèn nhát và bạo

chúa. Khi nước Anh và nước Pháp trở nên đồng minh chống lại nước Nga trong trận chiến tranh Crimea, các chỉ trích của Victor Hugo đã làm cho chính quyền Anh bối rối và ông bị trục xuất khỏi đảo Jersey. Ông dời sang hòn đảo Guernsey, là nơi có thể nhìn thấy bờ biển của nước Pháp.

Thời gian gần 20 năm sống lưu vong này là thời kỳ sáng tác phong phú nhất của Victor Hugo. Ông đã làm các lời thơ châm biếm trong các tập thơ "*Napoléon Bé Nhỏ*" (Napoléon le petit, 1852), "*Trùng Phạt*" (Les Chatiments, 1853) và đây là một trong các tập thơ chỉ trích mạnh mẽ nhất của ngôn ngữ Pháp. Trong thời gian sống lưu vong trên đảo Guernsey, Victor Hugo đã dùng văn chương mô tả các sự thật sâu xa nhất mà ông đã trải qua. Tập thơ "*Suy Tưởng*" (Les Contemplations, 1856) là tập thơ được chia làm hai phần, là "*Ngày Trước*" (Autrefois) và "*Ngày Nay*" (Aujourd'hui) ngăn cách bằng ngày qua đời của cô con gái Leopoldine.

Victor Hugo đã đề cập tới thiên nhiên, tình yêu và sự chết. Bằng tập thơ anh hùng ca "*Truyện thuyết của các thế kỷ*" (La Légende des Siècles, 1859), Victor Hugo đã nói về các tiến bộ của nhân loại qua các thế kỷ. Ông đã bàn luận tới sự tranh đấu của con người giữa điều tốt và điều xấu, con người giải phóng chính mình ra khỏi mọi tôn giáo để đi tới sự thật toàn diện và ông cũng tiên liệu sự tiến bộ của Khoa Học và của Kiến Thức.

Khi Vua Napoléon III công bố lệnh ân xá cho mọi người lưu vong vì chống đối, Victor Hugo đã viết rằng: "*Cam kết với lương tâm của tôi, tôi chia sẻ cuộc sống lưu vong với Tự Do. Khi nào Tự Do trở về, tôi sẽ trở về*".

Trong thời gian sống lưu vong, Victor Hugo trở nên biểu tượng của Tự Do đối với nhân dân Pháp. Ông đã viết ra trong thời gian này các thi phẩm anh hùng ca bất hủ đồng thời hoàn thành cuốn tiểu thuyết dài nhất và danh tiếng nhất: "*Các Kẻ Khốn Cùng*" (Les Misérables, 1862), một cuốn truyện mô tả rõ ràng và kết án sự bất công của xã hội trong thế kỷ 19.

Vào năm 1848 trước khi tham gia vào các hoạt động chính trị, Victor Hugo đã phác thảo cuốn truyện "*Các Đau Khổ*" (Les Misères) nhưng tới khi phải sống lưu vong vào năm 1960, ông trở lại với bản thảo cũ. Victor Hugo đã viết: "*Dante đã tạo ra một địa ngục từ thơ phú, tôi thử tạo ra một thứ địa ngục khác từ thực tế*". Cuốn truyện "*Các Kẻ Khốn Cùng*" với hơn 1,200 trang, ngay từ đầu đã được mọi người công nhận là tiểu thuyết của thế kỷ và được dịch sang nhiều ngôn ngữ. Cuốn truyện này đã lên án các loại địa ngục nhân tạo trên mặt đất với ba vấn đề của thời đại, đó là sự hạ giá nhân phẩm do nghèo khó, sự suy tàn của phụ nữ vì đói khổ và sự thu hẹp thời niên thiếu của trẻ em cả về tinh thần lẫn vật chất. Xã hội của con người còn ngọt ngào khi mà sự ngu dốt và nghèo khó còn tồn tại trên mặt đất.

Ngoài tác phẩm lừng danh "*Các Kẻ Khốn Cùng*", Victor Hugo còn viết viết tác phẩm khảo luận có tên là "*William Shakespeare*" (1864) qua đó bộc lộ các tư tưởng của ông và hai tiểu thuyết khác với tên là "*Les Travailleurs de la Mer*" (Các người lao động trên biển, 1866) viết ra để tặng cho hòn đảo Guernsey và các thủy thủ của nơi này, và "*L'homme qui rit*" (Người hay cười, 1869),

một cuốn tiểu thuyết về người dân nước Anh chống lại chế độ phong kiến của thế kỷ 17. Cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Victor Hugo là cuốn "*Chín Mười Ba*" (Quatrevingt-treize, 1874), tập trung vào năm 1793 đây chính biến tại nước Pháp, đề cập tới sự công bằng và bác ái chống lại hậu trường của cuộc Cách Mạng Pháp.

d- Trở về nước Pháp.

Trong 19 năm, Victor Hugo đã báo trước sự sụp đổ của chế độ độc tài của Vua Napoléon III và cảnh cáo về những tai họa theo sau. Năm 1870, Vua Napoléon III đầu hàng tại Sedan vì nước Pháp thua trận trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ và từ nay tới lượt "*Vua Napoléon Bé Nhỏ*" bị đưa đi lưu vong.

Victor Hugo trở về thành phố Paris trong tiếng chào mừng trên đường phố, trước khách sạn mọi người đều hô to câu "*Victor Hugo muôn năm*". Nhưng Văn Hào Hugo đã không an hưởng được hòa bình. Thành phố Paris còn bị quân đội Phổ vây hãm và Victor Hugo đã kêu gọi người Đức nên thiết lập lại hòa bình giữa hai nước Pháp và Đức bởi vì Đế Chế Thứ Hai đã sụp đổ. Ông viết: "*Hãy xóa biên giới. Giòng sông Rhine nên được dùng cho mọi người. Chúng ta hãy ở trong một liên bang, Liên Bang của châu Âu... Hãy duy trì hòa bình quốc tế. Bây giờ hãy bắt tay với nhau và hãy giúp đỡ lẫn nhau...*". Nhưng mặc dù các lời kêu gọi thống thiết của Văn Hào, vẫn còn các hận thù giữa người Pháp và người Đức, vẫn còn sự chia rẽ giữa phái tả và phái hữu tại nước Pháp, một chính quyền ổn định chỉ là một ảo tưởng. Văn Hào Victor Hugo được bầu làm đại biểu của Quốc Hội Pháp

vào năm 1871 nhưng sau một tháng, ông đã từ chức. Victor Hugo đã tình nguyện rời khỏi nước Pháp một cách cay đắng và trở về đảo Guernsey vào năm 1872 và từ đây, ông đã trải qua một năm hướng nhìn về Tổ Quốc.

Năm 1873, Victor Hugo trở lại thành phố Paris và được bầu vào Thượng Viện (the Senate). Ông luôn luôn chống lại các hình thức độc tài mới, chẳng hạn như ngăn trở các tham vọng của Thống Chế Mac Mahon.

Vào năm 1768 trước kia, bà vợ Adèle của Văn Hào Hugo qua đời, để lại cho ông nỗi buồn vô hạn, rồi sau đó là hai cái tang của hai người con trai, chết vào năm 1871 và 1873. Năm 1882 tới lượt cô Juliette Drouet qua đời, cô là thư ký và cũng là người tình, người bạn đồng hành trung thành của Văn Hào Hugo. Cùng vào năm 1882, lễ thượng thọ 80 của Văn Hào được nước Pháp tổ chức long trọng với Đại Lộ d'Eylau được đổi thành Đại Lộ Victor Hugo và Văn Hào được ca ngợi như một vị anh hùng quốc gia.

Sức khỏe của Victor Hugo suy yếu dần. Vào mùa hè năm 1883, Văn Hào Victor Hugo đã để lại những điều dặn dò, được coi như lời di chúc: - *Tôi cho các kẻ nghèo 50,000 quan. - Tôi ước mong được mang tới nghĩa trang trong quan tài của người nghèo khó. - Tôi từ chối các lời cầu nguyện của tất cả nhà thờ. - Tôi tin tưởng nơi Thượng Đế.*

Victor Hugo từ trần vào ngày 22 tháng 5 năm 1885. Mặc dù ước vọng của ông là được chôn cất trong hoàn cảnh của kẻ nghèo, chiếc quan tài của ông được đặt tại Khải Hoàn Môn (Arc de Triomph) với 12 nhà thơ lớn đứng kề bên, có nhiều kỵ binh cầm đuốc xếp hàng chung quanh và tang lễ được cử

hành rất long trọng như một quốc lễ để tôn kính nhà văn vĩ đại nhất của nước Pháp. Vào ngày tang lễ, dân chúng đứng xếp hàng dài từ Khải Hoàn Môn tới Công Trường Concorde. Văn Hào Victor Hugo được chôn cất trong Điện Panthéon, nơi an nghỉ của các vĩ nhân của nước Pháp.

Victor Hugo là nhà văn, nhà thơ lớn của nước Pháp. Sự rộng lượng trong các tư tưởng của ông, sự ân cần trong cách diễn tả đã làm rung động tâm hồn người đọc bởi vì ông là nhà thơ của người bình dân, đã viết ra văn, làm ra thơ với đặc tính giản dị nhưng bao hàm bên trong sức mạnh, đề cập cả về niềm vui lẫn nỗi buồn của nhiều người. Khi được hỏi ai là nhà thơ lớn nhất của nước Pháp, Văn Hào André Gide đã trả lời: "*Văn là Victor Hugo*". Victor Hugo có thể bị chỉ trích về sự nông cạn của tâm hồn tác giả và sự tầm thường của các nhân vật trong truyện, nhưng tầm vóc tài năng của ông về văn chương, bao gồm cả kịch nghệ và thơ phú, thật là bao la, không có ai sánh kịp trong lịch sử văn học kể từ thời Shakespeare và Goethe. Mặc dù không phải là nhà tư tưởng sâu sắc, Victor Hugo vẫn là nhà văn chân thành, hiến mình cho "*Chân, Thiện, Mỹ*" và ông là Văn Hào được dân chúng Pháp yêu chuộng nhất.

Về Kịch Nghệ, Victor Hugo là người phát ngôn của trường phái Lãng Mạn, ông đã lên án sự cứng đả về ngôn ngữ và hình thức của trường phái Cổ Điển, chỉ quen dùng đề tài là các vua chúa Hy Lạp hay các anh hùng La Mã. Victor Hugo đề nghị dùng lịch sử cận đại với nhân vật trong các vở kịch có thể là một người tư sản, một tên cướp... nhưng vẫn mang vẻ cao thượng trên kịch trường và như

vậy đã chuyển hướng Kịch Nghệ về đường lối Hiện Thực.

Về phương diện tiểu thuyết, Victor Hugo đã đề cập tới các vấn đề luân lý với các nhân vật trong truyện làm các hành động đơn giản nhưng không thể quên được. Cuốn truyện "*Nhà Thờ Đức Bà*" là một tiểu thuyết lịch sử, với thời điểm là các năm 1400 tại thành phố Paris. Cuốn tiểu thuyết "*Chín Mười Ba*" nói về các biến cố của cuộc Cách Mạng Pháp, còn cuốn "*Các Kẻ Khốn Cùng*" được đặt vào trong khung cảnh của nước Pháp cùng thời đại với nhà văn, với nhân vật Jean Valjean phấn đấu để có thể thực hiện một đời sống hữu ích mặc dù các thành kiến của một xã hội tàn ác. Như vậy cuốn truyện đã phản ảnh niềm tin của tác giả vào khả năng tự quyết của cá nhân đối với các thói đời. Cuốn truyện đã mô tả bản chất của xã hội và bản chất của con người. Victor Hugo cho rằng các điều kiện xã hội phải thay đổi để cho các trẻ em được nuôi dưỡng đầy đủ, đàn ông có công việc làm ăn, đàn bà được che chở, nền giáo dục nên dành cho mọi người, cơ hội phải công bằng và giữa con người với nhau phải có tình huynh đệ. Cuốn tiểu thuyết "*Các Kẻ Khốn Cùng*" đã đặt ra nhiều vấn đề liên quan tới chính trị, xã hội, văn chương, lý tưởng nhân đạo và hướng thiện. Ngoài ra, nhiều tác phẩm của Victor Hugo còn được coi là xuất sắc vì cách canh tân về ngôn ngữ và hình thức văn chương, vì cách vận dụng chủ đề theo trừu tượng. Đại Văn Hào Victor Hugo xứng đáng được kể là nhà văn đại diện cho Tinh Thần của nước Pháp vào Thế Kỷ 19./.

Phạm Văn Tuấn.

CE N'EST PAS MOI QUI CHANTE

Ce n'est pas moi qui chante
c'est les fleurs que j'ai vue
ce n'est pas moi qui ris
c'est le vin que j'ai bu
ce n'est pas moi qui pleure
c'est mon amour perdu.

JACQUES PRÉVERT

PARIS LA NUIT

Trois allumettes une à une allumées
dans la nuit
La première pour voir ton visage
tout entier
La seconde pour voir tes yeux
La dernière pour voir ta bouche
Et l'obscurité tout entière pour me
rappeler tout cela
En te serrant dans mes bras.

JACQUES PRÉVERT

KHÔNG PHẢI ANH HÁT

Anh đâu cất tiếng ca vang
Chính hoa anh thấy rộn ràng hát vui
Anh đâu thốt tiếng reo cười
Chính men rượu chát cất lời hoan ca
Anh đâu than khóc xót xa
Chính cuộc tình mất chan hòa lệ rơi.

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

chuyển ngữ

PARIS BAN ĐÊM

Ba que diêm nói bao lời
Đánh từng que một sáng ngời trong đêm
Que đầu thấy trọn mặt em
Que sau nhìn mắt dịu hiền nhưng êm
Que diêm cuối ngấm miệng em
Rồi trời tối hẳn, bên thêm gió reo
Cho anh nhớ lại mọi điều
Khi tay xiết chặt em yêu trong lòng.

chuyển ngữ

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

Ngày du ngoạn Giverny và Auvers-sur-Oise

NGUYỄN THANH

Xuyên qua bình nguyên tây bắc vùng Paris, sáng ngày 1 tháng 10, chúng tôi (Vu Hối, Nguyễn Thùy, Nguyễn Bảo Hưng, Đỗ Bình và Nguyễn Thanh) đồng hành trên chuyến xe đi về làng Giverny. Miền đất này gồm những đồng cỏ xanh tươi, những vườn rau cải và bắp nối tiếp những cánh đồng lúa vàng mới gặt, những cụm rừng còn vương lá xanh cuối hè, nhấp nhô tận các ngọn đồi xa. Thỉnh thoảng chúng tôi còn thấy hai bên đường những ngôi nhà thờ cổ kính, những tòa lâu đài trang nghiêm, tồn tại trong một vùng đã từng là nơi tranh chấp lãnh thổ giữa hai nước Anh và Pháp.

Giverny hiện ra giữa muôn ngàn cây xanh. Làng này nằm dọc sườn phía nam dãy đồi cao trăm mét ven hữu ngạn sông Seine, một vị trí thiên nhiên thuận lợi, tràn ngập nắng ấm những ngày trời quang đãng.

Rời bãi đậu xe trong làng, chúng tôi quẹo phải, rảo bước theo con đường tráng nhựa dẫn đến nhà của Monet. Con đường này là trục xuyên suốt chiều dài làng Giverny, tự nó thôi đã là một bức tranh duyên dáng. Dọc hai bên nối đuôi nhau những biệt thự xinh xắn, những phòng triển lãm, những tiệm bán tranh hay kỷ vật, tất cả hòa hợp trong muôn hoa lá xanh tươi của ngày đầy nắng như sáng hôm nay. Anh Vũ Hối không bỏ qua dịp may này để ghi lại



những ảnh lưu niệm. Sau giây phút được thiên nhiên ân cần đón tiếp, chúng tôi dừng bước trước ngôi nhà của danh họa Monet, vị thủ lĩnh trường phái ấn tượng. Ngôi nhà được xây theo chiều dài năm song song và sát với đường làng, gồm một tầng, mái xám, mặt tiền hướng vào khu vườn bên trong, cho nên từ ngoài đường chúng tôi chỉ thấy phía sau nhà.

Ra khỏi nơi bán vé, chúng tôi bước vào khu vườn rộng, nhưng chưa vội để ý vì muốn đến nơi đi thăm đầu tiên là nhà ở của Monet. Tòa nhà còn giữ nét cổ xưa, không xây theo kiến trúc đặc sắc nào, cũng không đồ sộ như nhiều biệt thự quanh vùng, vì nó vốn là kiểu nhà đơn giản của các nông trại, nhưng nó may mắn được trang điểm



Đến Nhà Monet: Nguyễn Bảo Hưng, Vũ Hối, Đỗ Bình, Nguyễn Thùy (đi sau.)



Trong vườn trước nhà Claude Monet

qua thị giác tinh tế của chủ nhân. Vách tường hồng, cửa sổ, cửa ra vào màu xanh lục, thêm mấy giàn hoa, dây leo, bờ cây, bụi cỏ,... chỉ vậy thôi mà đẹp như ngôi nhà mộng tưởng. Vào nhà chúng ta thấy ngay cách trang hoàng xưa cũ, từ màu vách đến vị trí đồ đạc. Lối cuốn chúng ta ngay từ phút đầu là các bức thủ ấn họa Nhật Bản treo bên nhau khắp mấy căn phòng. Nhà danh họa cũng có tâm hồn ái mộ nghệ thuật đông phương, ông đã dày công sưu tầm và tạo chung quanh mình khung cảnh thật thanh nhàn, sở thích ấy có lẽ rất gần gũi chúng ta. Lên tầng lầu bên cánh trái ngôi nhà, chúng tôi vào thăm phòng riêng của Monet, nơi đây vừa rộng vừa sáng sủa, tập hợp nhiều sao bản các họa phẩm nổi tiếng nhất của ông. Xuống tầng trệt, trước khi ra vườn hoa, chúng tôi qua phòng ăn, giữa có chiếc bàn dài phủ khăn trắng, mười hai ghế ngồi bao quanh, vài ba tủ kính đứng ven vách, trong đựng bát đĩa dùng trang trí. Kề bên và sau cùng là nhà bếp với gạch men xanh lát kín bốn vách và dụng cụ nấu nướng sáng bóng rực rỡ. Chúng tôi trở ra vườn hoa, quay lại trước ngôi nhà chụp thêm vài bức ảnh lưu niệm.

Vườn của Monet là bức họa không lồ. Màu của ông là hoa, lá, cỏ, cây, được pha trộn, bố trí

thật hài hòa. Bức tranh ấy vẫn không thay đổi, lưu truyền đến nay do con người cố trung thành tái tạo di sản vô giá, một kết hợp giữa thiên nhiên và mỹ thuật. Hoa trong vườn chúng tôi thường gặp là anh đào, thủy tiên, hồng, kim liên, mẫu đơn, thược dược,...

Monet còn sáng tạo một khu vườn khác, hòa hợp cỏ cây với ao hồ, theo quan niệm vườn Nhật Bản. Vườn ấy nằm bên kia tỉnh lộ. Sau khi vượt đoạn đường hầm du khách bước từ thế giới của vườn lộ thiên sang một miền nhiều cây cao lá rợp soi bóng bên ao hoa súng. Chúng tôi theo lối đi quanh co ven suối, cạnh những khóm tre, đến bên rặng liễu rủ, qua chiếc cầu gỗ cong cong màu ngọc bích, thỉnh thoảng dừng chân ngắm hoa, chụp ảnh. Nước hồ thông ra con rạch đổ vào sông Seine, trong và tinh khiết. Trong hồ hoa súng hồng và trắng giữa thảm lá xanh ngửa nhìn những cành liễu gió đưa tha thuốt. Hình ảnh ấy làm cảm động Monet, những họa phẩm Nymphéas của ông đa diễn đạt thị giác vượt xa mắt phàm tục. Trên bờ hồ, hoa đỗ quyên, lệ quyên, dây leo đậu tía, cây thấp lá tím, lá xòe bàn tay,... chào đón khách ghé thăm. Tôi nhớ trong giây phút



Bên hồ hoa súng trong vườn Claude Monet.



Vũ Hối trên Cầu Monet

nào đó, anh Đỗ Bình chậm rãi đi trước, đôi mắt mơ màng, bên cạnh là anh Bảo Hưng, người giới thiệu Giverny trong mục tiêu du ngoạn của nhóm chúng tôi, có lẽ đã thân quen với cảnh sắc chốn này, anh ân cần hướng dẫn chúng tôi khám phá biết bao kỳ ảo. Anh Vũ Hối, với nụ cười hiền hòa, hình như cảnh nào anh cũng yêu, nhưng anh chọn lọc những gì xứng đáng cho anh thu qua ống kính. Anh Nguyễn Thùy và tôi theo sau. Anh Thùy nép dưới tàng cây thấp, lá rặng thưa thưa tựa ra như cánh sao, tôi có thêm bức ảnh kỷ niệm.

Chúng tôi trở lại vườn hoa bên nhà Monet, dừng chân nơi xưa kia ông dành làm xưởng vẽ và triển lãm tranh, ngày nay một nửa biến thành bảo tàng, nửa kia là hàng quán kỷ vật. Chúng tôi vừa ngắm tranh vừa nghỉ chân, mua quà, lại lên đường trở về, tìm thức ăn cho buổi trưa và chuẩn bị chuyến đi buổi chiều.

Làng Auvers-sur-Oise là mục tiêu du ngoạn thứ hai, nơi chúng tôi tìm thăm di tích của họa sĩ Van Gogh. Đi Auvers không xa lắm, chúng tôi chọn đường ngoạn mục nhất, một đoạn chạy dọc bờ phía bắc sông Oise, hai bên nhiều cây xanh, nhiều biệt thự cổ. Auvers vươn dài bên triền đồi nhìn xuống dòng sông

êm đềm, nơi chúng tôi đặt chân đầu tiên là công viên hướng ra đường chính. Pho tượng Van Gogh sừng sững giữa muôn ngàn lá xanh, dáng người gầy guộc, mặt âu sầu, vai mang hộp màu, giá vẽ, đi tìm đề tài sáng tác.

Chúng tôi đến xem quán trọ Ravoux, nơi Van Gogh đã sống hai tháng và qua đời trong căn gác kê cận mái nhà. Khắp thị xã Auvers, các nơi Van Gogh đã dừng chân vẽ tranh được đánh dấu bằng biển kỷ niệm kèm ảnh chụp tác phẩm.

Sau khi ghé thăm sân ga, nơi lần đầu Van Gogh tiếp xúc với Auvers, chúng tôi theo một đường dốc lên cao đến phía sau ngôi nhà thờ, toàn cảnh đi vào họa phẩm để trở thành bất tử, dù kiến trúc ấy có vẻ khô khan nhưng đã gợi cảm người nghệ sĩ cô đơn. Vượt trên con đường quê nghiêng dốc và trồng trái, chúng tôi cùng vào nghĩa trang tọa lạc bên cánh đồng hiu quạnh. Hai ngôi mộ bằng phẳng, lá dây thường xuân phủ kín, kề nhau dựa bờ tường là nơi an nghỉ của họa sĩ bên cạnh người em trai Théodore. Anh Vũ Hối trang trọng thu mình ngồi kê bên mộ bia, chụp một bức ảnh kỷ niệm. Tạm biệt nhà danh họa bất hạnh đã nằm yên trong nghĩa trang vắng lặng, chúng tôi băng đồng đến nơi ông thực hiện họa phẩm «Đồng



Nguyễn Thùy Vũ Hối trước nhà trọ của Van Gogh trước khi VG qua đời.



*Nguyễn Thanh, Nguyễn T. N. Dung,
Nguyễn Thùy, Thúy Hằng,
Paris 10/03/09.*

lúa mì và đàn quạ ». Không có cảnh lúa chín vàng như trong tranh nhưng chúng tôi vẫn nhận ra con đường chia ba ngã. Nếu chọn ngã trái chúng tôi quay về phía sau nhà thờ, nhưng lại nghĩ con đường giữa sẽ đưa đến những ngạc nhiên ngoạn mục hơn. Nhưng càng đi càng thấy lạ cảnh. Đến một vùng cây cối âm u, đường đất gồ ghề, lúc đầu năm người tùm một nhóm đi gần nhau, dần dần thành một hàng dài thưa thớt. Trên một quảng dốc anh Đỗ Bình nhanh tay níu kịp anh Nguyễn Thùy vừa hụt chân sắp ngã. Nhưng đoàn du khách lạc đường rồi cũng tìm được lối ra, ngồi nghỉ chân bên quán, quanh tách cà phê hương vị đậm đà. Đây là giây phút quý báu của tình bằng hữu văn

nghệ, các anh hàn huyên thân mật thật vô cùng tri kỷ. Đoàn du khách chúng tôi quay gót trở về, một lần nữa đi ngang quán trọ của Van Gogh. Thêm vài ảnh chụp trước lúc chia tay. Trong một ngày chúng tôi dự hai chuyến hành hương nghệ thuật. Thăm Giverny nơi Claude Monet an cư lạc nghiệp hơn bốn mươi năm trước. Thăm Auvers-sur-Oise nơi Vincent Van Gogh sống hai tháng ngắn ngủi, rồi kết thúc bằng tự sát.

Khi nhớ lại Giverny và Auvers, tôi liên tưởng đến lịch sử hội họa, nhưng đáng ghi nhận hơn hết vẫn là một ngày quý báu cùng các anh chia xẻ niềm vui thương ngoạn.

Nguyễn Thanh
Paris 18-10-2009

PARIS THU VƯƠNG VẤN

Trở lại Paris không có anh
Mùa thu lá rụng áo mong manh
Sông Seine, thiếu vắng vòng tay ấm
Cầu Neuf, xa vời ánh mắt xanh
Montmartre, ngậm ngùi hình bóng cũ
Eiffel, tưởng nhớ nụ hôn nhanh
Hồn thơ ý nhạc mây vương vấn
Cũng đủ vui chung mộng ước lành.

NGUYỄN T. N. DUNG
(Virginia, 10/2009)

VỀ MULHOUSE ĐỌC KINH THIÊN QUÁN

Kính tặng hương hồn chị Trần thị Tuệ Mai

Đưa tiễn người về một giỏ rau
Dăm ba quyển sách, bìa tươi màu
Bức tranh mộc bản thơm mùi mực
Và chút niềm vui suốt chuyến tàu.

Ơi, Troyes sao hiếm ngày hanh nắng?
Áo trắng phơi sào trong gió trưa
Mưa thấm rẫy xanh, hè đến muộn
Êm đêm trái mộng thuở xa xưa.

Rau cải bén dần mạch đất mới
Bao người viếng trại, nhớ quê hương
Mượn hình, mượn bóng nơi xa lạ
Thấp lại niềm tin trong khói sương.

Tách trà ở đó thơm Thiên vị
Cho kẻ miệt mài ngồi chép kinh
Cho kẻ cần cù in sách báo
Không cho người lạc bước đặng trình.

Tới tỉnh Chaumont còn ngoảnh lại
Mơ về đôi rệp cỏ tươi non
Belfort chiều muộn, buồn xa vắng
Gió lạnh len qua ngưỡng cửa hồn.

Tàu ghé, lòng người dường chết lặng
Giữa lòng đô thị, máy inh tai
Chập chùng ám ảnh bao đêm trắng
Hút bóng mùa xuân bao tháng dài.

Về đây đọc lại Kinh Thiên Quán
Êm ái phai dần những vết thương
Tôi sẽ vờn vai, tôi đứng dậy
Thôi nhìn ái ngại quãng đau thương.

Vạn vật và tôi cùng có mặt
Trùng trùng duyên khởi, nhiệm mầu thay!
Ngoài trong, tất cả cao lời hát
Chúc tụng cho nhau, sáng cuộc đời.

Tôi năm phút giây trong hiện tại
Xua ngoài tâm tưởng áng mây trôi
Thấp lên hiện hữu, tôi quay lại
Nhìn cõi tồn sinh ngát nụ cười.

HỒ TRƯỜNG AN

(Troyes – France)

KỶ NIỆM CHUYẾN ĐI THĂM NHÀ VĂN HỒ - TRƯỜNG - AN

TIÊU - THU

Năm 2008, chị bạn thân mà cũng là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Dư Thị Diễm Buồn gọi điện thoại rủ viết chung một cuốn sách, tôi đã rất ngần ngại. Vì không như những lần trước, đề tài tự do, ai muốn viết gì thì viết. Lần này sách có chủ đề hẳn hoi: Món Ăn Theo Bước Chân Di Tàn! Tôi đã thành tâm khai báo với chị Dư Thị Diễm Buồn và cả với anh Hồ Trường An rằng, về vấn đề bếp núc tôi thật tình là dốt số một! Cũng dễ hiểu lắm, từ bé tôi đã không có khiếu nấu ăn. Hơn nữa là con út trong một gia đình có ba người con, mà bà chị

ké khéo nổi tiếng. Món gì chị ấy làm cũng ngon. Thôi thì mình cầm cờ chạy đằng sau, cần gì cứ ới bà chị một tiếng là xong!

Nhưng sau cùng, tôi cũng tham gia, bởi sự có mặt của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung chủ Bút báo Cỏ Thom và một vài người quen khiến tôi đâm ra hăng hái. Chị Ngọc Dung giống như một bà chị tinh thần từ cả chục năm nay. Từ khi tôi bắt đầu đóng góp bài vở cho Tam Cá nguyệt Cỏ Thom. Ngoài ra chị Diễm Buồn còn cho hay, có lẽ đây là cuốn sách cuối cùng mình viết chung với anh Hồ Trường An. Từ khi bị tai biến mạch máu não, anh Hồ Trường An không còn xử dụng bàn tay phải được nữa!

Tôi nghe mà bồi hồi trong lòng. Nhớ tháng 11 năm 2007, chúng tôi đã gặp nhau tại



Ra Mắt Sách tại San Jose 04- 11-2007 -Từ trái sang: Các NV Hồ Trường An, Anh Vân, Vũ Nam, Tiêu Thu, Song Thi, Hoàng Xuyên Anh, Dư thị Diễm Buồn, Nguyễn Phan Ngọc An.

San José, nhân dịp anh Hồ Trường An ra mắt cuốn Biên Khảo "Quê Nam Một Cõi". Lúc ấy sức khỏe của anh rất tốt. Thần thái thật tươi đẹp. Có ngờ đâu, chỉ một năm sau mà anh ra nông nổi này!

Thế rồi, nhờ sự tận tụy của chị Diễm Buồn mà cuốn sách được hoàn tất với sự góp mặt của mười ba tác giả: Hồ Trường An, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thái Quốc Mưu, Duy An Đông, Dư Thị Diễm Buồn, Lê Nguyễn, Cao Thanh Tâm, Phong Thu, Phan Nguyễn Ngọc An, Hoa Hường Dương, Vũ Nam, Tôn Nữ Mặc Giao và Tiểu Thu. Chương trình sang Paris ra mắt sách cũng được số đông tác giả hưởng ứng. Một sự bất ngờ lý thú nữa là phái đoàn bên Mỹ còn có thêm nhà Thư họa kiêm thi sĩ lừng danh Vũ Hối cũng tháp tùng chuyên đi. Rồi sự có mặt của nhà văn Lưu Hồng Phúc cũng như anh chị Chu Kim Oanh- Đoàn Phú Lạc, chủ báo Rạng Đông ở Arizona đã khiến phái đoàn Mỹ Quốc thêm hùng hậu!

Thư qua thư lại như bướm bướm, khiến người nào cũng cảm thấy náo nức cho chuyến "Tây Du ký". Rồi cái ngày hằng mong đợi cũng đến. Chương Trình ra mắt sách lần này do Thi sĩ Đỗ Bình Paris thực hiện. Anh là một người rất năng động và nhiệt tình. Ngoài ra còn là một người hướng dẫn chương trình rất lôi cuốn. Anh Đỗ Bình cùng chị Vân Hải đã giúp cho chương trình của buổi RMS hoàn thành thật mỹ mãn. Ban Tổ Chức còn mời được rất nhiều Văn, Thi, Họa sĩ tiếng tăm, những cây cổ thụ trong nền văn học và âm nhạc Việt Nam đến tham dự buổi RMS. Những bức hình chúng tôi được chụp chung với các Nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, Lê Mộng Nguyên, nhà biên khảo Nguyễn Thùy và nhiều vị khác là một kỷ niệm quý báu mà tôi rất trân trọng. Chuyến du ngoạn trên dòng sông Seine thơ mộng cũng đã để lại trong lòng chúng tôi một kỷ niệm ngọt ngào. Nhờ chuyến Ra Mắt Sách này mà cá nhân tôi được quen biết thêm rất nhiều nhà văn, thi sĩ đến từ phương xa.

Như nhà văn Phong Thu ở Washington DC, nhà văn Lưu Hồng Phúc ở Dallas, nhà văn, nhà báo Chu Kim Oanh cùng phu quân Đoàn Phú Lạc, nhà văn Trúc Giang và nhà văn Nguyễn Văn Nhiệm đến từ Đức Quốc, cũng như tất cả những anh chị trong Ban Tổ Chức Thu Tao ngộ. Tôi chỉ biết gọi đến tất cả quý vị trong Ban Tổ Chức cũng như tất cả Nghệ sĩ đã mang tiếng đàn, giọng hát đến đóng góp cho Thu Tao Ngộ một lời cảm ơn chân thành từ trái tim của tôi.

Tất cả chi tiết về buổi Ra Mắt Sách đã được tất cả quý anh chị bên Mỹ, cũng như bên Đức tường thuật hay, rất đầy đủ và linh động. Vì thế tôi xin phép được nhắc lại một vài kỷ niệm của nhóm chúng tôi đi xuống thành phố Troyes để thăm nhà văn Hồ Trường An.

Mỗi giao tình của chúng tôi đối với Anh Hồ Trường An chỉ mới hơn chục năm, nhưng anh là người đã hết lòng khuyến khích tôi tiếp tục bước đi trên con đường văn học. Những khích lệ này thật vô cùng quý báu đối với tôi. Chúng tôi thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm hỏi nhau. Qua những cuộc điện đàm, tôi thật tình khâm phục cái trí nhớ vô song của anh. Anh có thể kể vanh vách cho chúng ta nghe về một cô ca sĩ, vào ngày nào, tháng nào, năm nào đã trình diễn bản nhạc gì và cô ấy mặc chiếc áo màu gì, trang điểm ra sao...Anh còn diễn tả luôn giọng hát của cô ấy mới là thần sầu! Tôi thích lối nói chuyện rất thật tình, không chút màu mè của anh.

Trước khi bị tai biến mạch máu não, anh Hồ Trường An thường dùng computer để gửi điện thư cho bạn bè. Nhưng hiện giờ anh đã quên hết cách sử dụng. Đây là một mất mát thật lớn lao đối với anh cũng như với bè bạn khắp nơi. Vì muốn liên lạc với anh, chúng tôi phải gọi điện thoại hoặc viết thư mà thôi. Vấn đề đi thăm anh Hồ Trường An lúc đầu cũng gặp phải một số trục trặc nhỏ. Chị Diễm Buồn vì sức khỏe rất yếu của phu quân nên không thể sang Paris được. May có người em họ đứng ra lo

dùng chuyến đi cho những người bạn phương xa. Chị Ngân thật dễ thương và chu đáo.

Trong phái đoàn đi Troyes, ngoài nhà văn Nguyễn Phan Ngọc An mà tôi đã từng gặp ở San Jose, các anh chị khác đều là lần đầu tiên gặp gỡ. Nhưng đúng với câu "Tứ hải giai huynh đệ", trước lạ sau quen. Chúng tôi đã nhanh chóng trở nên thân mật. Chị Ngọc Dung, Tôn Nữ Mặc Giao tôi đã được xem hình từ trước nên nhận ra ngay. Tính vui vẻ, thân thiện của anh Duy An Đông khiến ai cũng cảm thấy thoải mái và cảm mến. Tháp tùng chuyến đi còn có chị Lan Phương (chủ quán ăn Đào Viên Paris), nhà văn Mai Ling và chị Thy Như. Cả ba chị đều ở Pháp. Nhà văn Vũ Nam bên Đức không thể qua sớm hơn để cùng chúng tôi đi thăm anh Hồ Trường An và anh rất lấy làm tiếc.

Hai chiếc xe bảy chỗ đã nối đuôi trực chỉ thành phố Troyes lúc mười giờ sáng. Paris-Troyes chỉ cách nhau chưa đầy 200 km. Trên đường đi, chúng tôi định ghé thăm một toà lâu đài cổ, nhưng khi nhìn thấy con đường từ ngoài đường vào tới lâu đài phải đi bộ hơn 2 km, thì đâm ra mất hứng thú và trở lên xe tiếp tục cuộc hành trình! Xứ Pháp thì nơi nào cũng có lâu đài cổ, lo gì không được chiêm ngưỡng!

Sau hơn hai tiếng thì chúng tôi tới Troyes. Trước đây, Troyes là thủ phủ của vùng Champagne. Dân số vào khoảng 130.000 người. Đây là một thành phố của nghệ thuật, rất êm đềm và xinh đẹp. Đâu đâu cũng thấy nhà thờ cổ, nhiều Viện Bào tàng, nhiều khách sạn và những tòa nhà cổ xưa hàng bao thế kỷ trôi qua, nhưng lối kiến trúc vẫn làm cho du khách ngẩn ngơ! Tôi tự hỏi cách đây vài thế kỷ, không có những phương tiện cơ khí như ngày nay, vậy sao người xưa vẫn có thể hoàn thành những tác phẩm tuyệt vời như thế? Đáng tiếc là chúng tôi không đủ thì giờ để đi thăm những công trình tuyệt tác này. đành hẹn lại dịp khác!

Chúng tôi đậu xe trước nhà ga của thành phố để chờ Bernard, là người bạn của anh Hồ

Trường An đến dẫn về nhà. Lần đầu tiên mới gặp người bạn đời của anh Hồ Trường An, nhưng Bernard đã cho tôi một ấn tượng tốt đẹp. Anh dáng người tầm thước và gương mặt hiền lành, ít nói. Sau này, nhìn thấy những cử chỉ săn sóc tận tâm từ miếng ăn, thuốc uống của Bernard đối với anh Hồ Trường An, tôi thật sự cảm động và mừng cho anh ấy.

Gặp lại anh Hồ Trường An tuy có vui mừng, nhưng nhìn anh trên chiếc xe lăn, tôi thấy cay cay trong khóe mắt. Cuộc đời luôn dành cho chúng ta những sự bất ngờ, lắm khi thật cay nghiệt! Nhưng anh được cái an ủi là lúc nào bên cạnh cũng có những người bạn thân, luôn quan tâm săn sóc cho anh. Như chị Lan Phương, chị Ngân...tuy ở Paris nhưng thường tới lui thăm hỏi và nấu cho anh những món ăn ngon miệng. Hơn nữa chương trình an sinh xã hội bên Pháp rất tốt. Một tuần vài lần có y tá đến tận nhà săn sóc và tập cho tay chân anh mau trở lại bình thường.

Căn chúng cư anh Hồ Trường An cư ngụ tuy nhỏ, nhưng tiện nghi với thang máy mà anh rất cần để di chuyển. Vì thiếu chỗ, anh đã đem phần lớn sách vở của mình tặng cho bạn bè cũng như các thư viện. Chúng tôi người nào cũng được anh biếu cho vài cuốn mang về làm kỷ niệm. Bàn tay mặt không còn xử dụng được nữa, nên anh có sáng kiến lăn dấu tay lên sách thay cho chữ ký. Cũng là một sáng kiến độc đáo khiến mọi cười đều cười và tranh nhau xin...dấu tay của anh!

Sau khi đã tay bắt mặt mừng, hỏi han sức khỏe nhau và không quên trao đổi sách kỷ niệm, chúng tôi dọn những món mà chị Ngân đã làm sẵn từ Paris mang theo, để ăn trưa. Bernard cũng làm món chả giò để đãi khách phương xa. Chị Ngân làm bánh tằm bì chan nước cốt dừa, bánh bao, hủ tiếu...nhiều đến nỗi, anh Hồ Trường An bắt chúng tôi phải ở lại ăn cơm tối rồi mới được về. Thấy còn sớm, mọi người đồng ý lên xe đi một vòng thành phố thăm dân cho biết sự tình. Tuy chỉ là cười



Hàng đầu: anh Duy An Đông, Thy Như, H. T. An, Mai Ling. Hàng sau: T. Thu, Ngọc Dung, Bernard, Ngọc An, Mặc Giao.

ngựa xem hoa, nhưng còn hơn là chẳng thấy gì cũng uống lăm! Troyes tương đối là một thành phố nhỏ, thật dễ thương với những cây cầu bắc ngang con kênh. Dọc theo thành cầu có treo những lẵng hoa đủ màu thật lộng lẫy. Con phố chính với nhiều tiệm quần áo, đồ kỷ niệm đầy hấp dẫn, nhưng tiếc là không có nhiều thì giờ để dạo phố. Đành nhắm mắt đi luôn! Về Paris rồi mới biết Troyes là nơi sản xuất quần áo hiệu Cá Sấu lừng danh thế giới! Lại tiếc!

Trở về nhà anh Hồ Trường An, các bà lẫn vào bếp. Mỗi người phụ một tay. Cười nói râm ran thật là vui. Buổi chiều có com, ăn với canh rau và gà quay. Tuy bụng vẫn còn óc ách, chưa tiêu hết những món ăn của buổi trưa, nhưng người nào cũng cầm đũa cho chủ nhà vui. Sau đó chị Ngành chia tất cả số bánh trái còn lại cho mọi người mang về. Đúng là vừa được ăn, vừa được nói cười vui vẻ vừa được gói mang về.

Cuộc hội ngộ nào rồi cũng phải chia tay. Chúng tôi từ giã anh để trở về Paris, lòng không khỏi ngậm ngùi, dù biết chỉ ít hôm nữa chúng tôi sẽ còn gặp lại anh

trong chương trình Thu Tao Ngộ. Nhìn dáng anh ngồi cô đơn trên chiếc xe lăn, trong ánh chiều tà, lòng tôi thật bồi hồi, xúc cảm. Không biết đến bao giờ mới có dịp trở lại thăm anh! Tôi chỉ biết chúc anh thật nhiều nghị lực, cố gắng tập để một ngày nào đó có thể trở lại cầm bút như xưa. Nhưng dù gì đi nữa, Hồ Trường An cũng là một tên tuổi lớn. Anh đã đóng góp cho kho tàng văn học Việt Nam một số sáng tác không phải nhỏ gồm truyện ngắn, truyện dài, biên

khảo và thơ...Tên tuổi anh đã, đang và sẽ nằm mãi trong lòng những người Việt tha hương. Tạm biệt anh Hồ Trường An.

Tiểu Thu

Montréal Cuối Thu 200



Hàng đầu: chị Ngọc Dung, anh Hồ Trường An, Thy Như. Hàng sau: Tiểu Thu, chị Lan Phương, chị Ngành, NPN An, TNMặc Giao, chị Mai Ling

‘Văn Hóa hóa Chính Trị’ hay ‘Chính Trị hóa Văn Hóa’ ?
 Một cái ‘nhìn’ về
‘BUỔI SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ‘THU TAO NGỘ’
 tại Paris ngày 04/10/2009

Nguyễn Thù

Chương trình ‘Sinh hoạt Văn học Nghệ thuật’, chủ đề ‘**Thu Tào Ngộ**’ tại Paris ngày 04/10/2009 đã thành công ra ngoài dự tưởng của nhóm người tổ chức. Thành công về nhiều mặt :

-Trước tiên, số người tham dự. Tưởng chỉ chừng 200 người, không ngờ đến những gần 300, mặc dù chỗ họp khó tìm và khó có chỗ đậu xe. Và dù ngày này, có nhiều sinh hoạt Hội đoàn được tổ chức tại Paris. Qua Thư Mời, Chương trình Sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật ‘Thu Tào Ngộ’, ngoài các Văn Nghệ sĩ phương xa, Ban Tổ Chức được hân hạnh đón tiếp nhiều khuôn mặt nổi tiếng trong giới Văn hóa, Chính trị người Việt tại Paris : *chiến sĩ Trần Hồng (cựu Tổng Thư Ký VP LL. của Hội đoàn tại Pháp), ông Nguyễn Tường Long (Tổng Thư Ký VP LL các Hội đoàn tại Pháp), BS Nguyễn Minh Tân, ông Lê Văn Tư (Đại Việt Quốc Dân Đảng), ông Lê Minh Triết (VNQD Đảng), ông Chu Vũ Hoan (Liên Đảng), OB Nguyễn Minh Rãn (Phục Hưng), ông Phạm Văn Đức (Văn phòng Liên lạc Quân nhân Châu Âu), ông Châu Văn*



Lộc (Hướng đạo VN), Bs Tạ Thanh Minh (Chủ tịch Hội Y sĩ VN Tự do tại Pháp), Bs Phạm Ngọc Tỏa (Cựu Chủ tịch Hội Y sĩ VN TD tại Pháp), ÔB Nguyễn Dương Tịnh (Hội Hành Thiện), ÔB Gs Bùi Xuân Quang, Gs Nguyễn Ngọc Chân (Hội Chuyên gia), ÔB Bác sĩ Huỳnh Trung Nhì, Bs Nguyễn Thị Thoa, ÔB Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, ÔB Bác sĩ Ts Trần Minh Châm, ÔB Ls Trương Hữu Lương, Ls Vũ Lê Mai, Gs Bùi Sĩ Thành, ÔB Gs Nguyễn Văn

Ích, Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, Nữ sĩ Quỳnh Liên, Nữ sĩ Bình Thanh Vân, Nhà thơ Lê Chí Thạnh, Điêu khắc gia Anh Trần, Nữ nghệ sĩ Diệu Khánh, Họa sĩ Vũ Thái Hòa, Điêu khắc gia Lê Ngọc Khoa, Nhạc sĩ Lê Phương, Nhạc sĩ Nguyễn Đình Tuấn, Ts Nguyễn Thị Kim Đan, Gs Như Mai, ÔB Tiến sĩ Võ Hùng Anh, Bs Phạm Đăng

Thiện, Ls Dương Minh Châu, Kỹ sư Đỗ Hữu Hứa, ÔB Kỹ sư Võ Hoài Nam (nhà văn Tiểu Tử), ...hầu hết đều là giới trí thức khoa bảng. Sự tham dự đông đảo này là một khích lệ lớn lao cho Ban Tổ chức, đồng thời cho thấy sinh hoạt Văn học Nghệ thuật luôn luôn sinh động nơi người Việt tại Thủ đô Ánh sáng này.

-Tiếp đến việc tổ chức đón rước các bạn Văn Nghệ sĩ phương xa : Canada, Đức, Thụy sĩ, Hoa Kỳ khá chu đáo. Từ 30/09 đến 04/10/09, từ đón tại phi trường đến tổ chức từng nhóm viếng thăm cảnh trí, di tích lịch sử Kinh Đô Ánh Sáng, đến thăm nhà văn Hồ Trường An tận Troyes và cả việc đưa nhà họa sĩ Vũ Hối đến Bruxelles để thăm mộ người anh là Giáo sư Vũ Kỳ, tất cả đều được tiến hành thông suốt. Chuyến đi tour bằng bateau mouche đêm 02/10, trong gió Thu, nhìn tháp Eiffel dựng đứng từng cao, dòng sông Seine ôm bóng những nhịp cầu trái với trời nơi nao đang đen sẫm bóng mây đầu..., rồi ăn tối tại nhà hàng Clément ở đại lộ Champs Elysées, tham dự cuộc họp với giới thượng lưu người Việt tại nhà Gs Nguyễn Ngọc Minh & Ca sĩ Đỗ Quyên, ... Rồi xe du lịch đưa toàn nhóm đi vòng các đường phố Paris, qua đại lộ Champs Elysés, nhìn Khải Hoàn Môn, dọc bờ sông Seine, nhìn lại tháp Eiffel sáng bừng ánh điện về đêm. Các hướng dẫn viên, không từng qua một trường lớp ‘Hướng dẫn du lịch’ nhưng là những người du học và sinh sống ở Paris trên dưới nửa thế kỷ như : Gs Nguyễn Ngọc Chân, anh chị Tiến sĩ Võ Hùng Anh, Ts Hải Yên & Gérard, nhà thơ Mây Thu, nhà báo Bảo Hưng, Gs Nguyễn Thanh, nhạc sĩ Minh Nhật... đã giúp ‘khách nước ngoài’ hiểu rõ mọi di tích và thắng cảnh Paris. Đặc biệt những vị cao niên đến bằng xe lăn hoặc già yếu, bệnh tật đều được có người đưa đi cả hai chuyến đi và về đến buổi Sinh hoạt. Nhất là cuộc **viếng ngôi nhà danh họa Pháp Claude Monet** tại làng Giverny, vùng Vernon, miền Normandie, cách Paris 75 km, được thưởng thức những bức tranh cùng cơ ngơi của nhà danh họa này, người được xem đã gợi ý cho trường phái hội họa Ấn Tượng (Impressionnisme), rồi chiêm ngưỡng **bức tượng họa sĩ Van Gogh**, chiếc quán mà họa sĩ đã cư ngụ ngày trước cùng đi

quanh nhìn những con đường, những cánh đồng vùng Auvers sur Oise (cách Paris gần 40 km) đã là đề tài cho Van Gogh trước đây. Họa sĩ Vũ Hối có lẽ là người thích thú nhất vì được tận mắt nhìn, ngắm, tưởng nhớ những bậc thiên tài hội họa mà riêng mình ngày nay, may mắn cũng tạo được một **‘Trường phái hội họa cho Việt Nam’**, trường phái **‘Painting In Motion’** và **‘Thu Họa’**. được thế giới biết đến và giới họa sĩ Thế giới ca ngợi.

-Phần Văn Nghệ : Chương trình Sinh hoạt khá phong phú, kết hợp cả Thơ, Văn, Nhạc, Họa Việt Nam và thế giới . Những nhạc bản danh tiếng Tây phương cùng những nhạc bản VN được trình bày xen kẽ khiến hội trường sinh động. Giọng Opéra của Đỗ Quyên qua trích đoạn **L’Air Voiles Opéra Don Carlos của Verdi** với phần đệm dương cầm của Giáo sư Pháp Nicole Rivière ; giọng Ambroso Laurent trình bày bài ca bất hủ **Serenata của nhạc sĩ Toselli** ; rồi Gs vật lý, nhạc sĩ Phạm Đình Liên độc tấu Guitare bài **LA’Grima của Francisco Tarrega**. Giáo sư âm nhạc Nguyễn Thanh Vân trong chiếc áo dài vàng óng ánh với chiếc khăn đóng cũng màu vàng, biểu diễn đàn tranh **‘Tương Tư Ngự’**. Rồi bao giọng nữ : Minh Cẩm (phu nhân Tiến sĩ Phạm Đình Liên) bài **‘Thu Quyển Rũ’ của Đoàn Chuẩn-Từ Linh**, Minh Nhật bản **‘Một Chiều Thu’ của Nhật Bằng**, Bích Liên thanh nhã trình bày **‘Mùa Thu cho Em’ của Ngô Thụy Miên**, Thúy Hằng thùy mị qua bài **‘Sương Thu’ của Văn Phụng**, Ngọc Châu bài **‘Chiều Vàng Năm Xưa’ của nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên.**, Nhà thơ Nguyễn Phan Ngọc An (San José) diễn ngâm **‘Mùa Thu trên Đất Nước tôi’**, sáng tác của chính nàng ; Nhà thơ Bác sĩ Nguyễn Bá Hậu đọc bài thơ **‘Tình Thu Cho Người’** do chính Bác sĩ sáng tác ghi dấu mùa ‘Thu Tao Ngộ’, nhà thơ Hoài Việt (tiến sĩ Nguyễn Văn Hương) đọc

thơ ‘*Thu*’ cũng do chính nhà thơ sáng tác kỷ niệm Buổi sinh hoạt này. Các tiết mục trình diễn Văn nghệ được đệm nhạc do các nhạc sĩ Michel Tùng, Minh Mạch và tiếng sáo của Trần Tam Nguyên.

-Phần Văn Học. Quy tụ được nhiều khuôn mặt nổi tiếng trong giới làm Văn hóa Paris, những năm sau này, do lớn tuổi, ít xuất hiện trước đám đông. Điểm đặc biệt nhất là những phát biểu của các Văn Nghệ sĩ, họ tự ý thu hẹp bài nói chuyện đề nhiều diễn giả cùng trình bày. Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên với bài ‘*Thu Paris và tâm hồn Nghệ sĩ*’, Giáo sư Từ Trì bài ‘*Paris trong Thi Ca*’; nhà báo Bảo Hưng nói về ‘*Huyền Diệu của Tiếng Việt*’ lúc phân tích một bài thơ của Nguyễn Bình, Giáo sư Phạm Thi Nhung nhắc đến ‘*Một Giai Thoại về Cuộc Tình của Cố Thi sĩ Vũ Hoàng Chương*’. Nhà phê bình Nguyễn Thùy nhận xét về tác phẩm ‘*Món Ăn Theo Bước Di Tản*’ gồm 13 bài viết của 13 tác giả vừa được phát hành tại Hoa Kỳ. Nhà văn Tô Vũ giới thiệu *tác phẩm của Võ Thị Trúc Giang* (Đức Quốc) và giới thiệu một nhà văn nữ vừa góp mặt với Văn đàn: *cô Vũ Ngọc Lan, bút hiệu Mai Linh* với tập Hồi ký viết bằng Tiếng Pháp : ‘*Le Sixième sens de la Petite Souris*’ (Giác quan thứ sáu của Bé Tí). Tác phẩm vừa được nhà in Beaurepaires ấn hành đã được bao đọc giả người Pháp và Việt tại Paris nồng nhiệt tán dương. Kỹ sư Nguyễn Xuân Lang tức nhà thơ Quyện Tâm giới thiệu *thi phẩm đầu tay của Trọng Lễ*. Nhạc sĩ Lê Trạch Lựu nói về ‘*Tâm Tình Mùa Thu*’ và ‘*Người Tình trong Âm Nhạc*’. Nhà văn Hồ Trường An nói về ‘*Tâm Tình Nghệ Sĩ*’. Qua phần Văn Học này, ta biết được đôi tâm tình của nhà văn, nhà thơ cùng động cơ đã đưa dẫn người nghệ sĩ đến sáng tác như nhạc sĩ Lê Thạch Lựu đã cho biết động cơ sáng tác nhạc phẩm ‘*Em*’ của ông.

-Tất cả các Văn Nghệ sĩ phương xa từ Canada, Mỹ, Đức đều được văn thi sĩ Đỗ Bình giới thiệu

Xin lược qua những đóng góp cho Văn Học, Nghệ Thuật (không thể kể hết tên các tác phẩm)

***Vũ Hối :** Khởi nguyên Hội họa quốc tế 1962. Có tên trong danh sách 500 Danh nhân Thế giới. Có tên trong Tự Điển Văn học (thời VNCH), được Học Viện Luân Đôn Anh Quốc bầu là Danh nhân Thế giới trên lãnh vực Nghệ Thuật năm 1995, có tên trong sách ‘*Thư Đạo*’ của Nhật Bản, sáng lập trường phái ‘*Painting In Motion*’ và *Thư Họa* ; xuất bản nhiều tác phẩm, thi tập đầu tay ‘*Mùa Giao Cảm*’ in năm 1958 và ‘*Vũ Hối : 50 năm Văn Học Nghệ Thuật*’. (năm 2007).

***Phong Thu :** nhà văn, nhà báo, sáng tác nhiều tác phẩm, cựu chủ bút tuần báo **Đại Chúng**, cây viết sâu sắc và bén nhọn, cộng tác với nhiều tạp chí Văn học, nghệ thuật hải ngoại : Cội Nguồn, Cỏ Thom,...

***Nguyễn Thị Ngọc Dung:** nhà văn, nhà thơ, đã xuất bản nhiều tác phẩm trong đó có hai tập bút ký *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nhớ Nhớ Mưa Thương...*, hiện là Chủ nhiệm, Chủ bút tạp chí Văn học Nghệ thuật **Cỏ Thom** tại vùng Hoa Thịnh Đốn.

***Võ Thị Trúc Giang :** nhà thơ, đã xuất bản 5 tác phẩm, cựu BCH/VBVNHN, thành viên BVVNHN.

***Chu Kim Oanh:** nhà báo, chủ bút **RANG DONG Magazine**.

***Nguyễn Phan Ngọc An:** nhà văn, nhà thơ, nhà báo, xuất bản gần 10 tác phẩm. Cựu Phó Chủ nhiệm báo **Tiếng Vang**, Cựu Tổng Thư Ký Thi Đàn **Lạc Việt**, chủ trương tuyển tập Văn Thơ **Hoa Vàng** và **Nam Phong**, cộng tác thường xuyên trên các trang Web và các trang báo điện tử toàn cầu.

***Duy An Đông:** nhà văn, nhà thơ, xuất bản nhiều tác phẩm, đặc biệt ‘**Đời cô Thủy**’ do Cội Nguồn, xuất bản.

***Tiểu Thu:** nhà văn, đã xuất bản nhiều tác phẩm, Tổng Thư Ký **TRUNG TÂM VĂN BÚT QUEBEC**, cộng tác viên thường trực **THỜI BÁO Canada**.

***Lưu Hồng Phúc:** hiện là một trong những người chủ trương Thi Đoàn **HƯƠNG THỜI GIAN**, đã từng phụ trách chương trình **VƯỜN THƠ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT HẢI NGOẠI** nhằm giới thiệu tác giả và tác phẩm các Thi, Văn, Nhạc, Họa sĩ trên làn sóng của Đài Phát Thanh. Hiện Hồng Phúc là đang đại diện **CỎ THƠM** tại Dallas.

***Đoàn Phú Lạc :** nhà báo, chủ bút , nhà quay phim.

***Phạm Văn Thành:** bác sĩ, nhà quay phim.

***Vũ Nam:** nhà văn, đã xuất bản nhiều tác phẩm

***Nguyễn Văn Nhiệm:** nhà văn, nhà biên khảo, cộng tác với nhiều Diễn đàn báo chí. Tác phẩm xuất bản: ‘**ĐƯỜNG VÀO TRIẾT HỌC VIỆT NAM**’

***Nguyễn Thùy:** nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo Văn học và Tư tưởng, đã xuất bản 17 tác phẩm, được giải thi thơ hai lần liên tiếp (do phong trào ‘**Hiến Chương 2000**’ tổ chức năm 2008 và 2009).

Mỗi vị được giới thiệu đều phát biểu trước cử tọa, đại cương nói lên niềm vui tao ngộ với bao người trước nay nghe danh mà chưa gặp, niềm vui được viếng thăm Paris, kinh đô ánh sáng và nhất là ý hướng phục vụ Văn hóa, Văn Học, Nghệ thuật. Đặc biệt, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung ở Washington, D.C. nói về Tạp chí văn học ‘**Cỏ Thơm**’ do cô làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, ước mong được đón nhận sự cộng tác của các Văn Nghệ sĩ tại Pháp Quốc. Nhà văn nữ Trúc Giang giới thiệu tập Kỷ Yếu ‘**Hamburg- Das Tor Zur**

Menschlichkeit’ (Hamburg - Cửa Ngõ đến Tinh Người), thuật lại diễn tiến xây dựng Tượng Đài Ty Nạn Hamburg và nói lên tình tự quê hương (cô đã khóc) của mình lúc về VN nhìn cảnh sống lầm than của đồng bào quốc nội. Ba người bạn phương xa bận rộn nhất là Họa sĩ Vũ Hối phải thư họa cho bao người theo yêu cầu, nhà báo Chu Kim Oanh liên tiếp phỏng vấn khá nhiều khách tham dự và nhà văn Tôn Nữ Mặc Giao phải lo cắt các bánh Trung Thu và bánh Dẻo do chính cô làm, đem từ Mỹ sang để các cô gái trẻ bung đến tận nơi mời quan khách. Khả cảm động là nhà văn Nguyễn Phan Ngọc An đem cả phê từ Mỹ sang, cô quên rằng cả phê Mỹ thường nhạt hơn cả phê Pháp. Dù sao, cả hai Mặc Giao và Ngọc An, cũng thể hiện tấm lòng của phương xa đến với các bạn nơi nước chủ nhà. Hai nhà văn Đỗ Bình và Vân Hải làm MC, luôn luôn ‘chăm sóc’ sao cho chương trình không phải bị ‘bỏ trống’. Chính Đỗ Bình là người ‘đứng đầu’ lãnh trách nhiệm phối hợp mọi tổ chức, trông anh lo lắng đến bệnh, thấy mà thương. Nhà văn Vân Hải còn giới thiệu bằng tiếng Pháp một đôi tiết mục với quan khách người Pháp

-**Buổi sinh hoạt tập hợp đủ mọi thành phần tuổi tác.** Từ những vị cao niên mà tuổi đời đang đợi ngày Phật Chúa gọi về Tây Thiên hay cõi Vĩnh Hằng đến lớp thanh niên nam nữ và quan khách, phần lớn là con cháu các vị cao niên kể trên nay đã thành tài, đã tốt nghiệp Đại học từng lãnh vực (bác sĩ, Kỹ sư, Dược sĩ, giáo sư, luật sư...). Cả những em trai gái nhỏ nhít trong màn trình diễn ‘**Rước đèn Trung Thu**’, có một số em chừng ba, bốn tuổi ngây ngô, ngơ ngác trước đám đông. Thật dễ thương và thật thích thú khi thấy các bé hát các bài hát Trung Thu không mấy nhịp nhàng, đôi em tách rời hàng ngũ khiến MC Vân Hải và cô Thy Như phải lúng túng đưa em vào hàng. Và cũng vô cùng cảm động lúc nhìn các

em đưa tay nhận gói quà Trung Thu do Bác sĩ Phan Khắc Tường, chủ tịch CĐVNTD Pháp Quốc và nhà văn, MC Vân Hải trao cho, đôi em còn cúi đầu như cảm tạ. Lốp tuổi bé tí đó nói được tiếng Việt, hát tiếng Việt, cúi đầu cảm ơn người lớn, quả đáng mừng cho văn hóa VN luôn được bảo tồn qua các bậc cha mẹ đã un đúc các em luôn giữ được truyền thống ‘**Nòi Rồng Tiên, Nam quốc sơn hà**’.

-Buổi sinh hoạt không chỉ riêng Văn Nghệ sĩ mà còn có đôi thành phần hoạt động chính trị tại Pháp như Bác sĩ Phan Khắc Tường, chủ tịch CĐVNTD Pháp Quốc, chiến sĩ Trần Hồng,... (xin xem phía trên). Ngoài Bác sĩ Phan Khắc Tường đã có Lời Chào khai mạc buổi sinh hoạt, còn các thành phần hoạt động chính trị đều không lên sân khấu phát biểu nhưng tất cả đều vui mừng thích thú, ca ngợi thành công của Cuộc họp Văn hóa, Văn học, Nghệ thuật này.

-Không có bán sách. Các Văn Nghệ sĩ phương xa mang theo sách để tặng bạn bè từ lâu quen tên mà không gặp mặt. Trông các cô kéo lê những chiếc vali đầy tác phẩm mà thương. Sách báo, những sản phẩm của trái tim và khối óc, hai bộ phận chẳng là bao trong cơ thể con người, mà sao sản phẩm lại công kênh, ‘nặng’ đến thế ! Nhà văn Hồ Trường An đã đem hai thùng carton tác phẩm của mình để ban Tổ chức tặng cho bất kỳ ai ham thích cùng gói vào các thư viện vì nhà văn tuổi lớn lại đang bệnh nặng nên thấy không thể bảo toàn.

-Tất cả đều do tự nguyện. Buổi Sinh hoạt không do một cơ quan, đoàn thể, Hội đoàn nào tổ chức, không xin phép ai, nội dung không phải thông qua một cơ quan nào kiểm duyệt trước. Các tiết mục trong Chương trình không do Ban Tổ chức tự ý định đoạt mà do đề nghị của từng Văn Nghệ sĩ. Các Văn Nghệ sĩ phương xa tự túc tiền di chuyển (máy bay, xe

lửa, xe buýt) và mọi chi phí khách sạn cùng tiêu pha cá nhân, kể cả phụ góp cho ban Tổ chức.

Tất cả những điều trên, từ nội dung chương trình (được liệt kê trên, không theo thứ tự từng tiết mục) cùng tinh thần tự nguyện, tự túc trên cho người viết có cái nhìn như sau: ***Buổi Sinh Hoạt Thu Tao Nghệ hoàn toàn mang tính cách ‘Văn Hóa hóa Chính trị’*** vì thơ ca, nhạc họa trong buổi sinh hoạt này đậm màu sắc quê hương, dân tộc, đều nói lên tâm lòng đối với đất nước non sông, đều mong sao cho quê hương sớm đến ngày tươi đẹp và cảnh đời đồng bào ta sớm được an vui trong tình thương, trong tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền. Đây là điều hầu như hoàn toàn không mấy có nơi mọi sinh hoạt Văn hóa, Nghệ thuật trong nước dưới chế độ CHXHCN hiện nay. Vì, tại quốc nội, mọi sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật đều mang sắc thái ***‘Chính trị hóa Văn hóa’***. Vì phải ‘Chính trị hóa Văn hóa’ nên tổ chức nào cũng phải được cấp trên (Bộ, Ban, Ngành, cấp ủy, cấp UBND) cho phép; nội dung và chương trình phải được kiểm duyệt, thông qua và công an Văn hóa luôn luôn kiểm tra, theo dõi. Nằm trong chủ trương ***‘Chính trị hóa Văn hóa’*** nên hàng ngũ làm Văn hóa, Văn nghệ đều là ‘công chức’ của Nhà Nước. Các Văn Nghệ Sĩ trong ‘Hội Nhà Văn VN’ hưởng lương của Nhà Nước; các Tòa soạn báo chí, các phóng viên của cả 700 tờ báo cũng vậy. Do đó mà nhất nhất phải tuân thủ đúng mọi chỉ thị của Đảng và Nhà Nước. Chủ trương ***‘Chính trị hóa Văn hóa’*** nên tất cả mọi sinh hoạt Văn hóa, Nghệ thuật, mọi lớp Văn Nghệ sĩ đều phải bị ép buộc ***‘đi theo lễ bên phải’*** do Nhà Nước đưa ra. Một sơ sẩy nào bước qua ***‘lễ trái’*** là bị kiểm điểm, phê bình, bị bãi nhiệm, bị khai trừ, còn bị đưa ra Tòa án xét tội, bị đuổi việc, đành phải bỏ bút, bỏ giọng ca, bỏ nghề nghiệp để lang thang khổ nhọc kiếm sống hàng ngày nếu không phải vào tù. Hoàn

toàn không có một hội đoàn Văn hóa, Nghệ thuật tư nhân nào. Ngay cả Viện Nghiên Cứu Phát Triển IDS (Institute of Development Studies) do 16 nhà Trí Thức ở Hà Nội kết hợp lập ra từ tháng 09/2007 nhằm huy động chất xám phục vụ xã hội hầu giúp Đảng và Nhà Nước phục vụ đất nước và nhân dân tốt hơn, cũng đã phải ‘tự giải tán’ sau Quyết định 97 của ông Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng. Quyết định này quy định công dân không được quyền phản biện công khai những quyết sách của Đảng và Nhà Nước. Mặc dù đã ‘tự động giải tán’, các thành viên của IDS lại còn bị ông Thủ Tướng chỉ thị cho Bộ Khoa Học và giới chức cầm quyền ở Hà Nội phải ‘xử lý bằng hình thức thích hợp’ (?) về cái ‘tội tự giải thể’ (sic) IDS và dám phát biểu công khai những ý kiến mà Đảng và Nhà Nước cho là ‘không xây

dựng’ (?) vì đã không đi theo ‘lề phải’. Thế đấy, chao ôi !

Sinh hoạt Văn học Nghệ thuật của người Việt hải ngoại không bị cưỡng bức phải theo ‘lề phải’ hay ‘lề trái’ duy nhất nào. Tất cả hoàn toàn tự do, do thành tâm, thiện chí, do tinh thần tự nguyện phục vụ Văn Hóa, chứ không trở thành công cụ của một thể lực, một quyền lực chính trị nào. Do đó, **buổi ‘Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật Thu Tao Ngộ’ vừa qua tại Paris**, theo người viết, **hoàn toàn mang tính cách ‘Văn Hóa hóa Chính Trị’**, phải thế chẳng ai?

*Mùa ‘Thu Tao Ngộ’ Paris
Người người gặp gỡ khắc ghi tình nồng
Ngậm ngùi, cố quốc vời trông
Dem tình Văn hóa sưởi lòng Quê hương !*

Nguyễn Thùy (Paris)



Hội Trường Paroisse Ste. Anne De La Butte Aux Cailles, Paris.



Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên



Văn Thi Sĩ Đỗ Bình giới thiệu phái đoàn phương xa



Nhà Văn Hồ Trường An



Ca Sĩ Opera Đỗ Quyên



Từ trái: Ngọc Dung, Thúy Hằng, Ngọc An,
Đỗ Quyên, Trọng Lễ, Vũ Hối.



Từ trái: Ngọc Dung, Thúy Hằng, Phong Thu, Ngọc An, Trọng Lễ, Vũ Hối.



Nữ Sĩ Thái Hạc Oanh



Giáo Sư âm nhạc Nguyễn Thanh Vân



Nguyễn Thị Ngọc Dung giới thiệu Tam Nguyệt San Cổ Thơ.



Bích Liên



Nhà Văn Tô Vũ giới thiệu tác phẩm của Võ Thị Trúc Giang và Mai Ling.



Nhạc Sĩ Lê Trạch Lựu



GS Nhạc Sĩ Phạm Đình Liên và CS Minh Cẩm.



CS Ambrosio Laurent



Nhạc Sĩ Phạm Đình Liên



Trúc Giang, Vân Hải và Nhà Văn Tô Vũ.



Thúy Hằng



Vũ Nam, Nguyễn Văn Nhiệm,
Võ Thị Trúc Giang, Nguyễn Thị Ngọc Dung.



GS dương cầm Nicole Rivière
và Đỗ Quyên



Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên
và Phu Nhân.



Tiểu Thu, Vũ Hối, Ngọc Dung, Vũ Thái Hòa, Vũ Nam, Mai Ling, Trúc Giang.



NV Hồ Trường An, NV Mai Ling,
NP Ngọc An và ĐKG Lê Ngọc Khoa.

Giọt Lệ

Niệm thiên địa chi du du
Độc sáng nhiên nhi thế hạ
- Trần Tử Ngang
(Nghĩ trời đất vô cùng một mình tuôn giọt lệ)

Sao không nói gì hết
ngủ ăn rồi ngủ ăn
cõi đời hay cõi mộng
đi, về một bóng cầm

Thức dậy, mau thức dậy
cái gì trong con người
thứ bom nào nổ chậm
con sốt nào vỡ da

Bao lần tôi tự hỏi
giữa buổi tiệc chưa tàn
bao lần tôi tự hỏi
cúi đầu sau xe tang

Còn chẳng hay đã hết
câu chuyện của loài dơi
hai ngàn năm sờ soạng
tìm chưa thấy mặt trời

Hai ngàn năm lửa đỏ
chập chững dấu chân tìm
đường còn xa vạn dặm
- quá khứ hãy nằm im -

Tương lai tiếp tương lai
mình đây là quãng nối
sợi chỉ và cây kim
núi địa cầu đôi cõ

Nhỏ nhoi thay kiếp người
đau thương thì hiện hữu
vết bầm trong xương tủy
sờ nát đầu ngón tay

Ai ngày xưa rơi lệ
mình nước mắt nhỏ sa
nhớ thương tràn thương nhớ
kỷ niệm đầy tha ma

Tử sinh đành hữu hạn
bơ vợ càng bơ vợ
trăm năm là một kiếp
luân hồi chuyện sau xưa

Vi Khuê
(Virginia)

HƯƠNG XƯA: VŨ HOÀNG CHƯƠNG



PARIS TÁI NGỘ

Trường bay vàng rót họa mi,
Chàng Say chẳng hẹn Paris vẫn chờ.
Kim thời gian trở Không-giờ,
Đường hoa sực tỉnh bất ngờ... dậy men.
Tiếng chào vang đỉnh Eiffel,
Mở vòng tay cũ, sông Seine trắng ngần.
Rimbaud có phải tiền thân
Từ Phi-châu khoác phong trần hồi hương?
Hay gò Montmartre đêm sương
Hậu thân nào của phố phường Thăng-long?
Cánh tay kia: giải sông Hồng;
Tháp kia: tháp Bút soi lòng hồ Gươm!
Đài mây bao độ tơ ươm,
Khải-hoàn-môn lại diu bướm bướm về.
Bước chân rộn cỏ Bồ-đề,
Một hay năm Cửa nhất tề nở Sao?
Tàn đêm loãng khói chiêm bao,
Người yêu Hà-nội say vào Paris!
(Paris, 6-8-1967)

EM CHỈ LÀ MÂY

Lờ lững sông Seine mắt mở choàng
Nhìn theo muôn mảnh nguyệt đi hoang
Bỗng dừng tròn bóng... Ôi ngàn thuở
Vân-Muội tình si đã gặp Hoàng!

Sao anh ngỡ ngác? Lạ lòng chưa!
Em vẫn là mây tự kiếp xưa.
Trời xám Paris thu nặng trĩu
Lênh đênh sâu biết mấy cho vừa?

Chợt gió thay chiều, sao đổi ngôi,
Em ca: Xin bước xuống thuyền tôi!
Tiếng ngân dài ấy nghe quen lắm;
Khoảnh khắc tiền thân tỉnh lại rồi.

Cầu Neuf đàng xa buông thông chân
Vào sông Seine, lắng tiếng vàng ngân.
"Khoan hò..." Giọng hát buồn thê thiết;
Ai nhớ nhung gì, Vân hồi Vân?

Em bảo: Rồi trắng lặn một mình
Thì mây lại nổi kiếp phiêu linh.
Chỉ thương bờ đá còn ghi dấu,
Mà đá-thuyền-quyên vốn nặng tình.

Thạch-đầu ngỡ ngẩn bóng mây trôi
Thiết-tháp hờn trăng lạnh lẽo ngồi.
Anh ạ, Paris toàn sắt đá;
Lòng đau, Sắt nọ Đá này thôi!

Anh hiểu! Vàng thu sẽ dậy men
Lá rơi vàng kín mặt sông Seine.
Hồn anh sẽ đọng dài trên lá
Để giúp em màu đan áo "len".

Vân nhớ Hoàng chẳng giữa phút này
Cánh phi cơ lướt cánh đồng mây?
Nhớ Vân, Hoàng chỉ còn hư ảnh
Đôi bạn tung trời sát cánh bay.

*

CÔNG CHÚA PARIS

Từ thu về, ngọn gió may
Lướt mũi kim vàng thoăn thoắt.
Xong rồi! Cô thợ khéo tay
Chiếc áo thời trang đã cắt!

Màu chuyể... Đũa tiên vừa đặt
Cây cảnh thôi khoác thanh y.
Từng phố, đây từng chỗ ngoặt:
Áo vàng Công-chúa Paris.

Khách du có gã tình si
Quyết hái bàn tay Công-chúa.
Ôi, nàng đã thiết triều nghi:
Lộng lẫy ngai vàng lá úa!

Lệnh xuống, bưng lên khúc múa:
Trăm ngàn pho tượng hồi sinh;
Nhịp với đồng vườn đá cựa
Mấy mùa vang bóng hiển linh.

Hai mươi thế kỷ nghiêng mình
Hai chục Paris tròn mắt.
Trái tim vàng của Đế-kinh
Họa điệu tình ca khoan nhặt.

Ai bảo đồng kia lạnh ngắt?
Ai rằng đá nọ trở tro?
Từ đỉnh ba trăm thước sắt,
Này nghe lòng Tháp vương tơ!

Sông Seine vàng lượn đôi bờ
Xuôi xuống vàng Mont-Parnasse
Ngược lên vàng Sacré-Coeur
Từng bậc từng cung đậm nhạt.

Khấp nẻo vàng thu san sát
Ngai vàng Công-chúa nguy nga.
Vương điện, Hoàng-môn, Đế-các
Chầu quanh... vạn thuở không già.

Khách du soi ngọn Đèn-hoa
Xem mặt Đô-kỳ Ánh-sáng.
Nàng ơi, ngoài trái tim ta
Còn sính nghi nào xứng đáng?

Nàng ngủ trong lầu Dĩ-vãng
Chỉ thu về mới hiện thân.
Ta, kiếp phi bồng phiêu dăng,
Vi thu dứt ruột bao lần.

Nàng mang vòng ngọc Giai-nhân
Ta có vòng gai Thi-sĩ;
Tìm nhau đã mấy trăm luân
Mới thỏa u hoài vạn kỷ.

Rồi... mỗi lần thu hội ý
Hoa dăng lại vượt trùng dương.
Tháp lại truyền tin báo hỷ:
Cưới nàng Công-chúa Tây-phương.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

THU PARIS VÀ TÂM HỒN NGHỆ SĨ NS LÊ MỘNG NGUYÊN

Em ra đi mùa thu
Mùa thu không trở lại
Em ra đi mùa thu
Sương mờ giăng âm u

Em ra đi mùa thu
Mùa thu không còn nữa
Đêm lá úa mùa thu
Đo sầu ngập tim tôi

.....
Ngày em đi
Nghe chơi voi nã nề
Qua vườn Luxembourg
Sương rơi che phố mờ
Buồn này ai có mua ?

Từ chia ly, nghe rơi bao lá vàng
Ngập giòng nước sông Seine
Mưa rơi trên phím đàn
Chùng nào cho tôi quên

.....
*Le jour où tu es partie
Grande fut ma douleur
En traversant le jardin du Luxembourg
Envahi par un brouillard si épais qu'il
recouvrait la ville
Et cette tristesse en moi, comment m'en
débarrasser ?*

*Depuis notre séparation,
J'entends tomber ô combien de feuilles mortes
Submergeant l'eau de la Seine*



*Alors que la pluie qui verse des larmes sur
mon sillet
Pourrait-elle un jour me faire t'oublier?*

Nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu là tác giả nhiều ca khúc lãng mạn hiện đại và nhiều loại hòa tấu với kỹ thuật uyên thâm, nhưng *Mùa Thu Không Trở Lại* là bài ca được đồng bào yêu mến nhất vì rất cảm động, vừa thiếu não vừa nhưng nhớ và đượm màu thời gian như đứng dừng trước một vết thương đau không hàn gắn... « *Đối với tôi... – theo tâm tình của người nhạc sĩ – là một mối tình xa xưa thời còn trai trẻ. Gặp nàng vào mùa xuân, mùa hạ tình nồng cháy và mùa thu nàng ra đi. Hôm tiễn nàng ra sân bay, tôi trở về nhà phải đi ngang qua khu vườn Luxembourg. Khu vườn đó, khi tôi đi ngang, tôi chợt nhận ra mùa thu, vì chân mình đã rất nhiều lá vàng, trong tôi tự nhiên vang một giai điệu « Em ra đi mùa thu, mùa thu không trở lại... » Dù là mùa thu ở Paris rất đẹp, nhưng mà từ mùa thu đó, với tôi, mùa thu không bao giờ trở lại nữa, chỉ có thể thôi. »*

Vườn hoa Luxembourg thơ mộng và lãng mạn khi mùa thu đến, lúc người lữ khách đi ngang – sau khi vào Cửa Ngõ Chính, đứng trước *Boulevard Saint Michel* thuộc Quartier Latin-Quận 5-Paris, nằm cùng với *Boulevard Saint Germain* phía bờ tả ngạn sông Seine, nổi tiếng là nơi trú ngụ của nhiều nhà trí thức và nghệ sĩ canh tân : « Ils sont très rive gauche », như người ta thường nói... Người lữ khách đi vào công viên, thẳng tới Cửa Ra, mở trước đường Vavin, rẽ bên phải thì chân đạp Đại lộ Montparnasse mà theo dọc vệ đường có tượng của văn hào Honoré de Balzac 1799-1850 do nhà hội họa điêu khắc RODIN : Honoré de Balzac là tác giả 95 tiểu thuyết xã hội, trở thành tuyển tập *La Comédie humaine* xb năm 1840. Khu này (thuộc Quận 14) rất được hạng văn sĩ hay tài tử ngoại quốc năng tới lui giữa hai thế chiến, mà cũng là lãnh vực của nhà nghệ sĩ hội họa và điêu khắc Ý Đại Lợi Modigliani Amedeo năm 1906 trú ngụ tại Montmartre, rồi dời dời qua Montparnasse kể từ năm 1909 cho đến năm sau (1920) thì mất trong nghèo nàn, cực khổ.

Hiện giờ, khu Montparnasse vẫn còn di tích những Quán Trà Văn Chương (Cafés littéraires) và những xưởng làm việc của họa sĩ và điêu khắc sĩ. Người du khách viếng thăm



Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên (mặt) và Phu Nhân (trái). Ca Sĩ Ngọc Châu (giữa).

khu Montparnasse-Quận 14 ban đêm sẽ chứng kiến trong một thành phố nhỏ, nhưng tung bùng rộn rịp trên bờ đường với hiện diện của nhiều văn nghệ sĩ-họa sĩ trình bày hàng la liệt những sáng tác mới của mình...

Trở lại Vườn hoa Luxembourg vị trí giữa vùng Saint Germain des Prés và Quartier Latin (thuộc Quận 5 và 6 của kinh thành hoa lệ), với một diện tích 23 mẫu Pháp nghĩa là 230 000 thước vuông, là một trong những vườn hoa lớn nhất, đẹp nhất và thơ mộng nhất ở Paris... đặc biệt vào những ngày đầu thu. Người du khách bước chân vào cửa chính Boulevard Saint Michel, rẽ ngay bên phải, có cảm tưởng vong hồn nữ hoàng Marie de Médicis còn lảng vảng đầu đây chung quanh lâu đài của Bà cùng tên (ngày nay là chỗ sở tại của Thượng Nghị Viện Pháp), nên dừng lại ngồi trong chốc lát trên một ghế có tay dựa, đặng thưởng ngoạn *Suối Nước De Médicis* (Fontaine de Médicis) chảy róc rách, êm dịu như một thoáng hương xưa... Chỗ này thật đúng như người ta thường nói là nơi gặp gỡ hẹn hò của tình nhân lúc đầu cùng nhau âu yếm trước giờ chia tay...

Trong suốt công viên, hành khách sẽ gặp nhiều pho tượng đá của những nghệ sĩ, nhạc sĩ, thi hào, văn hào và ngay cả những chính khách mà dân tộc biết ơn như Pierre Mendès-France (1907-1982) là Thủ tướng chính phủ dưới thời Đệ Tứ Cộng Hòa đã ký Hiệp định Genève năm 1954 (sau Điện Biên Phủ) nhằm đem lại hòa bình bằng cách chấm dứt chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh tại Đông Dương. Vì thế du khách có cảm tưởng đi dạo chơi trong một Viện Bảo Tàng ở giữa trời.

Ngày tôi từ già quê hương mùa thu năm ấy, thật buồn không thể tả :

... Anh ra đi trong một chiều ảm đạm
Tháng Mười năm Ngàn Chín Trăm Năm Mười
Trong sương khói biên thùy, trong quên lãng
Bỏ gia đình và đất nước thương đau... (Em Có
Về Làng Xưa, Thơ Nhạc LMN)

Cách đây đúng 59 năm, máy bay Caravelle
chở đưa tôi từ Huế và Sài Gòn-Việt Nam đến
Pháp, hạ xuống phi trường ORLY-Paris
khoảng 10 giờ sáng ngày mùng 5 tháng 10
năm 1950. Vườn Luxembourg là thắng cảnh
đầu tiên tôi viếng thăm, vì ở gần khách sạn
thuê tại số 8 Rue des Quatre-Vents (Đường
Gió Bốn Phương) - cạnh Métro Odéon, cách
Đại học Panthéon-Sorbonne (lúc bấy giờ là
Đại học Luật khoa và Khoa học Kinh Tế) đi
bộ khoảng 10 phút. Bước vào công viên nổi
tiếng một buổi chiều đầu thu, trong tâm hồn
người nghệ sĩ vừa nặng tình gia đình và đất
nước, vừa đau khổ vì từ nay phải sống kiếp
lưu vong :

*Ai hay chia lìa
Sương gió biên thùy
Hiu hắt người đi sa trường xa...* (TMBS, nhạc
và lời : LMN)

Tưởng nhớ lại lúc biệt ly :

*Chiều vàng năm xưa khi mùa thu hiu hắt thiết
tha bao hình bóng
Một người ra đi trong gió sương mờ thoáng
Nước non ngậy buồn trông
Lá vàng rơi chứa chan ngoài song...*

.....
*Chiều vàng năm nay khi mùa thu hiu hắt nhớ
nhưng bao hình bóng
Tìm người yêu đi trong bóng sương, hồn
nướckhóc âm thầm chờ mong
Lá vàng rơi chứa chan ngoài song...(CVNX,
nhạc và lời : LMN)*

Chân đạp trên biết bao nhiêu lá chết, tôi nghe
văng vẳng đâu đây trong vườn hoa mùa thu
Paris, tiếng hát Baryton trầm hậu của Yves
Montand, đi sâu vào tâm hồn người nghệ sĩ:

Oh! Je voudrais tant que tu te souviennes
Des jours heureux où nous étions amis
En ce temps-là la vie était plus belle,
Et le soleil plus brûlant qu'aujourd'hui
Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
Tu vois, je n'ai pas oublié...
Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
Les souvenirs et les regrets aussi
Et le vent du nord les emporte
Dans la nuit froide de l'oubli

.....
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
Tout doucement, sans faire de bruit
Et la mer efface sur le sable
Les pas des amants désunis

.....
(*Les feuilles mortes*, paroles de Jacques
Prévert, musique de Joseph Kosma) :

*Tôi rất mong em nhớ lại, ngày xưa
Với những ngày có nhau trong hạnh phúc
Đời thuở ấy đẹp đẽ hơn bây giờ
Và mặt trời còn ấm khi chiều xuống
Lá chết ngập vườn phải lượm bằng cái xuống
Em biết không, tôi đã không bao giờ quên...
Lá chết ngập vườn phải lượm bằng cái xuống
Cũng như biết bao kỷ niệm và tiếc thương
Mà gió Bắc lang thang mọi nẻo đường
Trong đêm lạnh của thời xưa quên lãng*

.....
*Song cuộc đời chia cách những kẻ mến yêu
nhau
Thật êm dịu, không một lời than thở
Và trùng dương xóa nhòa trên biển cát
Dấu chân của những người tình dang dở*

Nhắc đến mùa thu Paris, tôi theo tâm hồn nghệ sĩ trở về dĩ vãng xa xưa tại nước nhà khi lúc còn thơ ấu, đọc sách bà Tường Phố khóc chồng với *Giọt Lệ Thu* (1923) :

*Trời thu ảm đạm một màu
Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em
Trăng thu bóng ngả bên thềm
Tình thu ai để duyên em bẽ bàng*

hoặc bằng văn xuôi : “Anh ơi, em nghĩ đến : về với anh mùa thu, tiễn đưa anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang, thì em lại bồi hồi nhớ trước, tưởng xưa, mà lòng thu một tấm cũng ngây ngất sầu...” Cái mùa thu tiễn biệt và vĩnh biệt cũng là nguồn hứng cảm của bao nhiêu nhà thơ nữ trong phái đoàn đến từ Hoa Kỳ tham dự Chiều *Thu Tao Ngộ* hôm nay (ngày 04 th.10-2009 tại Paroisse Ste-Anne De La Butte Aux Cailles, Paris Quận 13), như Ngọc An với “Những đêm dài không ngủ” (De Longues Nuits Blanches) sau khi Yên Bình vĩnh viễn ra đi trong mùa thu 2001 :

*Anh ơi! Anh ở nơi đâu ?
Tuyên đài có biết em sầu không anh
Một mình thao thức tàn canh
Chim trời vỗ cánh bình minh đón chào
Bây giờ còn lại thương đau
Thâm ôm kỷ niệm đi vào thiên thu*

Cũng như LAMARTINE : “Chỉ thiếu một người yêu duy nhất, Là đời ta như vắng vẻ, quanh hiu” (Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé) :

*Trước thung lũng, đền đài và nhà lá
Ngoại vật trống không, mê ảo rưng rờ
Cả những sông, núi đá, khu rừng thăm
Từng ẩn núp mộng tưởng với cô liêu
Nay thiếu bóng một người yêu muôn thuở
Tâm hồn ta như hoang vắng, quanh hiu*

Ngọc An mang nặng nỗi buồn thê lương của mình vì còn sống sót trong cõi đời này “không có anh” :

*Anh đã về nơi đâu ?
Để trần gian thương đau
Em âm thầm đổi bóng
Nghe từng tiếng ... thu sầu
(Thu Sầu, thơ Ngọc An 2002)*

“Thu Sầu” cũng là tên bài thơ của Lưu Hồng Phúc viết trong năm 2004. Nhà thơ nữ đã gửi bằng điện thư sau khi đọc trước cho tôi qua điện thoại từ California, và tôi đã phổ nhạc và dịch sang Pháp ngữ. Nhạc và Thơ cùng bản dịch được đăng trên nguyệt san Nghệ Thuật của nhạc sĩ Lê Dinh, số 121, Th.04-2004, tr. 72, cùng trên nhiều báo khác và gần đây trong Tập San Tam Ngữ *Firmament* Tháng Avril-2009, trang 20-21 do Thomas D.Le, Hội trưởng “Thế Hữu Văn Đàn” (Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ) làm Chủ nhiệm, với sáu câu đầu, nhẹ nhàng song buồn thấm thía, không thể tả :

*Từ mấy thu rồi xa cách nhau
Lòng ta mang nặng nỗi u sầu
Gom lá mùa thu ôn kỷ niệm
Dệt thơ giữ lại đến ngày sau
Gió cuốn về đâu những lá vàng
Đường chiều vương vấn một màu tang
Tìm đâu dư ảnh ngày xưa ấy
Hay vẫn trong ta những lỗ làng*

.....

Trong lúc nhà văn nữ, ký giả Nguyễn Thị Ngọc Dung, chủ nhiệm Tam Cá Nguyệt San “Cỏ Thơm”, tác giả những tác phẩm lầy lừng như *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* (Hồi Ký 1995) và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* (Hồi Ký 1996) mà cũng là thi sĩ ấn tượng (poétesse impressionniste) vì với đôi nét chấm

phá nhưng đượm nồng tâm hồn nghệ sĩ tha phương, nàng đã gặp gỡ “Tình Thu” nơi đất lạ :

*Trời thu man mác khung sầu
Mây thu bàng bạc vương màu thời gian
Lá thu vàng đỏ xuống ngàn
Cây thu lạnh lẽo miền man u tình
Rừng thu hiu hắt một mình
Hồ thu in nước bóng hình đơn côi
Sông thu đứt khúc chảy xuôi
Gió thu vi vút khôn người âm buồn...*

(trích Điềm Trang Làm Dáng Cuộc Đời, tr. 67)

Gió thu buồn thật, nhưng với sự có mặt hôm nay của Phong Thu, *một cây viết sâu sắc và bén nhọn* (Đỗ Bình) qua tuần báo Đại Chúng của Hoài Thanh mà nàng làm chủ bút, nhí nhảnh và hồn nhiên, ngay Paris thơ mộng cũng đỡ sầu đôi chút; hơn nữa nhà văn, ký giả Chu Kim Oanh, chủ nhiệm báo Rạng Đông Magazine cùng với phu quân Đoàn Phú Lạc

đến từ Arizona đã đem lại tình bạn nồng ấm cho tất cả văn nghệ sĩ ở Pháp. Ngụ tại Bonneuil Sur Marne (ngoại ô Kinh Thành), nhà thơ nữ Vương Thu Thủy đã diễn tả một cách nhẹ nhàng, có thể nói là dửng dưng, song với những lời thơ không gọt giũa, nỗi lòng mình lúc mùa *Thu Trên Sông Seine** sắp tàn :

*Đêm qua ngòai đếm sao rơi
Lắng nghe thu rụng bên trời Paris
Sông Seine nước đến rồi đi
Luxembourg cỏ xanh ghi ngút ngàn
Đêm nay ngòai đón thu sang
Nhớ người thu ấy mệnh mang thu này*

*Thu xưa duyên lỡ trót vay
Thu này lỗi hẹn ai hay mong chờ
Giòng sông lượn khúc lững lờ
Chiều về gió lộng, đôi bờ sông Seine
Paris sương phủ mong manh
Vàng thu lá đỏ, phím đàn băng khuâng
Đêm qua thu bóng chuyển mình
Đêm nay thu rụng, dết tình thơ yêu
Nhấn thu lá đỏ muôn chiều
Vô tình thu đã để nhiều nhớ mong*

Lê Mộng Nguyên

Paris, Paroisse Ste-Anne De La Butte Aux Cailles, Chiều *Thu Tao Ngô*, ngày 04 tháng 10-2009.

* *Thu Trên Sông Seine* được Lê Mộng Nguyên phổ nhạc, thu vào CD *Bruxelles 2009* – BK2 16 với giọng hát của nữ danh ca Mỹ Dung (Việt Nam).



Từ trái : Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phong Thu, Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên, Trúc Giang, Ngọc An, Giáo Sư Nguyễn Thủy tại nhà hàng Clément, Champs Élysées, Paris 02-10-2009.

PARIS CÓ GÌ LẠ KHÔNG EM?

Paris có gì lạ không em?
Mai anh về em có còn ngoan
Mùa xuân hoa lá vương đầy ngõ
Em có tìm anh trong cánh chim

Paris có gì lạ không em?
Mai anh về giữa bến sông Seine
Anh về giữa một giòng sông trắng
Là áo sương mù hay áo em?

Em có đứng ở bên bờ sông?
Làm ơn che khuất nửa vầng trăng
Anh về có nương theo giòng nước
Anh sẽ tìm em trong bóng trăng

Anh sẽ thở trong hơi sương khuya
Mỗi lần tan một chút sương sa
Bao giờ sáng một trời sao sáng
Là mắt em nhìn trong gió đưa...

Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay
Tóc em anh sẽ gọi là mây
Ngày sau hai đứa mình xa cách
Anh vẫn được nhìn mây trắng bay

Anh sẽ chép thơ trên thời gian
Lời thơ toàn những chuyện hồn ghen
Vì em hay một vầng trăng sáng
Đã đắm trong lòng cặp mắt em?

Anh sẽ đàn những phím tơ trùng
Anh đàn mà chả có thanh âm
Chỉ nghe gió thoảng niềm thương nhớ
Để lúc xa vời đỡ nhớ nhưng

Paris có gì lạ không em?
Mai anh về mắt vẫn lánh đen
Vấn hỏi lòng mình là hương cốm
Chả biết tay ai làm lá sen?...

Nguyễn Sa

CÒN NHAU

Qua giông tố nắng hồng lên ngọn cỏ
Đời còn nhau ngày tháng vẫn là thơ.
Mưa lất phất lá cuối mùa ướn sững,
Đường về quê sao vương chút ngại ngùng?!
Trăng xóm cũ lặng trôi theo sóng cả
Mây hoàng hôn cũng bỏ phố bay xa!
Cơn gió bão mảnh thuyền xưa đảo vắng.
Lòng đại dương nào hiểu ánh sao băng!
Quê hương mãi chợp chờn trong giấc ngủ,
Tiếng võng buồn kéo kẹt vọng lời ru!
Từ xa lắm có mùa xuân thật chậm
Đang trở về tấu lại khúc tình thâm.
Ta chẳng lẽ con đò không bến đỗ!
Ngày lênh đênh đêm nhịp sóng nhấp nhô.
Biết về đâu khi con nước phai màu!
Em chớ khép... cho hồn ta ngủ đậu.

ĐỖ BÌNH

(Paris)

THU TÌNH THƯƠNG

“*Thơ tứ tuyệt độc vận «ương»*”

Ngon gió heo may lạnh phố phường,
Se lòng lữ khách sống tha hương.
Chiều nay chào đón Thu Tao Ngô,
Tấp nập tao nhân chật hội trường.

Vỗ cánh đoàn chim vượt giới cương,
Tìm nơi hòa khí đượm yêu đương.
Đất lành chim đậu, chung làm tổ,
An hưởng nhân quyền dưới ánh dương.

Tình cảnh quê nhà, ôi! Nhiều nhưng:
Bất công, tham nhũng mức khôn lường.
Đường đời gai góc, hoa vuron thắm,
Lửa âm yêu thương giải bạo cường.

Paris, Thu đến vẽ nghệ thường
Quyến rũ muôn vàn khách viễn phương.
Dinh thự đèn đài, xinh tráng lệ
An sinh cuộc sống đáng làm gương.

Mai về Mỹ quốc vượt trùng dương.
Cảnh đẹp tình nồng gọi vãn vương.
Khẩn nguyện Trời Cao thương rọi chiếu
Khấp nơi nhân thế lửa Tình Thương.

Phương Du Nguyễn Bá Hậu

*Bài thơ trên đã được đọc để khai mạc buổi Thu Tao Ngô diễn ra ngày 04 tháng 10 năm 2009 tại Paris. Đông đảo các thi văn nghệ sĩ Việt Nam Hải Ngoại đã tới tham dự.

Sau đây là ba ý chính:

1) Nguyên nhân sự bỏ nước ra đi

Vì đất nước trở thành đất dữ thống trị bởi bọn vô lương nên những người yêu chuộng tự do

dân chủ phải bỏ nhà ra đi tạm trú ở những nước văn minh tôn trọng nhân quyền và giàu lòng bác ái. Tất cả những nước này đều là những nước theo Kitô giáo như Tin lành, Anh giáo, Công giáo, Cơ Đốc giáo... họ đều giống nhau ở chỗ áp dụng lòng từ thiện Kitô giáo «charité chrétienne», sẵn lòng dang tay cứu trợ những người xin tị nạn. Đó là những việc làm hoặc của chính phủ, hoặc của các hội đoàn tư như: Caritas, Secours Catholique, Catholic Relief Committee... Bên Viễn Đông nhiều nước không thờ Thiên Chúa nên coi nhẹ sự thi hành điều căn bản này của Thiên Chúa giáo lòng bác ái. Riêng có Phi Luật Tân là một nước tuy nghèo nhưng giáo dân đã hy sinh nhận bảo trợ những thuyền nhân Việt Nam cư ngụ ở đảo Palavan.

2) Đường đời gai góc, hoa vuron thắm

Tuy ở dưới chế độ bạo tàn hà khắc nhưng vẫn có những tâm hồn quả cảm không sợ tù đầy đứng lên đòi quyền tự do dân chủ đa nguyên. Đó là Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Linh mục Nguyễn Văn Lý, và các luật sư như Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, Lê Công Định...

3) Hy vọng vào một ngày mai tươi sáng

Thi Hào Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh có viết :

Đời người đến thế thì thôi

Trong cơn âm cực dương hồi khôn hay.

Thật vậy, Thúy Kiều sau mười lăm năm đoạn trường, chết xuống âm cực đã được Trời cho sống lại trở về cõi dương để vui hưởng

Một nhà phúc lộc gồm hai

Ngàn năm dằng dặc, quan giai lần lần.

Trong đức tin của người Kitô giáo, Chúa sẽ trở lại trần gian để thanh trừng loài người đang chìm đắm trong vòng tội lỗi, khai mào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên mà mọi người chung sống trong tình huynh đệ. yêu thương. Ngạn ngữ Tây phương có câu: *«après la pluie c'est le beau temps – sau cơn bão cực tới thời thái lai»*.

Vì vậy, chúng ta đặt hy vọng vào niềm tin này, sốt sắng cầu xin Chúa chóng trở lại trần gian.

NGUYỄN BÁ HẬU

(Paris)



Thu Tao Ngộ Paris 04-10-09 – Từ trái: Nguyễn Phan Ngọc An, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Vũ Hối, Đỗ Bình, Vũ Nam, Võ Thị Trúc Giang, Tôn Nữ Mạc Giao, Lưu Hồng Phúc, Tiểu Thu và Phong Thu.

THU TÌNH THƯƠNG

Thơ: Phương Du

Nhạc: Phạm Đình Liên

Slow

Ngon gió heo may lạnh phố phường
Se lông lả khách sông thơ hương
Chiều nay chèo đò Thu Tao Ngô
Tập nập tao nhân chạt hội trường
Vỗ cánh đoàn chim vượt giới cương
Tìm nơi hoa khê đầm yêu đương
Đất lành chim đậu, chung làm tổ
An hưởng nhân quyền dưới ánh dương
Paris thu đến về nghệ thương
Quyên rũ muôn vạn khách viễn phương
Đình thự đến đai xinh trang lệ
An sinh cuộc sống đang làm gương
Mai về Mỹ quốc vượt trùng dương
Cảnh đẹp tình nồng gọi vẫn vương
Khán nguyện Trời Cao thương rơi chiều
Khắp nơi nhân thế lửa Tình Thương
Ngon gió heo may lạnh phố... Thương

THU QUA

Thu về lộng gió mưa buồn
Cảnh phong vàng úa lệ tuôn đáng gầy
Cô đơn chiếc lá trên cây
Bơ vơ chim én xa bay tìm đàn

Trăng thu mộng ảo mây ngàn
Ánh vàng mờ nhạt đêm tàn hóa thân
Dấu sao thay đổi đường trần
Bạn hiền triu mến phím đàn nên duyên

Nhà em tiếng hát chim uyên
Giọng ca trầm bổng nhạc tiêu thần thờ
Ngổn ngang kỷ niệm tình thơ
Mùa xuân chợt đến như mơ nắng hồng.

ĐỖ QUYÊN

Mến tặng

Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Kỷ niệm ngày hội ngộ Neuilly 03-10-2009

*Quelques pensées automnales à travers mon
regard qui, pour Ngọc Dung, a un sens
sympathique et très amical.*

Đỗ Quyên

REGARD AUTOMNAL

Le regard,
sujet de tout un art
saison à multiple visage
Tristess et joie à l'effeuillage
Rosier se dénudant de son habillage
Rossignol perdant son plumage
et même son ramage
fait souvent exister l'artiste qui se sent
méconnu et même exclus.
Du regard engageant
naît l'espérance
et le printemps
C'est votre présence.

ĐỖ QUYÊN

Neuilly 03-10-2009



*Đỗ Quyên, Vân Khanh, Ngọc Dung, thân hữu trong buổi tiếp tân
tại nhà Đỗ Quyên, Paris 03-10-2009.*

LÊ TRẠCH LỰU VIẾT VỀ «EM TÔI»

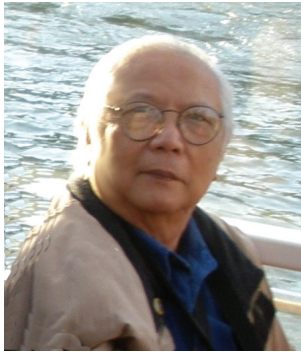
05/1948 – Năm 1948 là năm tôi đi trại hè Sầm Sơn, đi với đoàn Hướng Đạo, cùng nhiều đoàn khác, tập trung tại sân ga Hà nội. Tôi thoáng thấy một cô gái xinh xinh, dáng người phong nhã, có đôi mắt đẹp tuyệt vời. Không hiểu sao tôi thấy tôi như choáng váng, má tôi nóng bừng như lên cơn sốt; lần đầu tiên tôi thấy tôi có cái cảm giác lạ lùng này. Nhà đoàn tôi « đóng trại » to lớn, rộng rãi, đó là những biệt thự nghỉ mát của bọn Pháp thuộc địa bỏ lại, trước nhà là bãi biển mênh mông, sau nhà có một cái giếng. Trưa nào tôi cũng thấy cô gái ấy, đội nón, dưới nắng trang trang rũ áo, tôi ngồi bên cửa sổ nhìn cô ta. Thỉnh thoảng cô nàng ngừng đầu lên, vành nón che đôi mắt, nhưng tôi biết là cô ta đang nhìn tôi. Thú thật, tim tôi đập thình thình. Chao ơi, yêu đương là như vậy hay sao. Đây là một rung động đầu tiên, nào đâu tôi có biết cảm giác này từ thuở ra đời.

Về Hà nội tôi tìm nhà cô ta, vì có duyên nên tìm được ngay, cô ta ở gần nhà tôi. Bây giờ ta phải tìm biết tên cô ta nữa! Chiều nào tôi cũng đi qua nhà cô ta, để nhìn vào nhà, tìm lại đôi mắt đẹp. Tôi thấy có nhiều cậu trai cỡ bằng tuổi tôi đi qua đi lại trước cửa nhà, như tôi. Lúc đó tôi cũng thấy hơi hơi lo... sợ mất!

Nhưng may cho tôi, hồi ấy có một chú bé đi theo tôi hoài, hỏi ra là chú Mỹ, em cô Phượng. Trời ơi là trời, đất ơi là đất. Chúng tôi đi chơi với nhau. Một hôm, tôi viết một lá thư v à mạnh dạn tôi hăng hái ra đi, nhưng chiều

hôm đó tôi không thấy cô ta ra đứng ngoài cửa hóng mát. Rồi chiều hôm sau, chiều sau nữa. Thế rồi một chiều nào đó, tôi lại thấy cô ta đứng rũ tóc bên thềm.

Tìm đủ nghị lực, tôi sấn gần cô ta, tay đưa lá thư, miệng lắp bắp một câu : « Phượng... Phượng cầm... cầm lấy cho... cho... tôi... tôi... lá thư này... » Rồi xong, tôi cầm đầu đi mất, không dám quay lại, sợ nhìn thấy hoặc cô ta xe lá thư, hoặc quẳng xuống bề đường... tôi sẽ mắc cỡ ...



Để đỡ cho cái nặng nề đó, tôi tìm cách nói khéo với chú Mỹ, chú bằng lòng ngay. Thế là chú thành con *chim xanh* của tôi. Chiều nào chú cũng để một lá thư lên bàn. Bấy tháng trời tôi viết đều đều, gần bảy chục lá thư mà vẫn không thấy trả lời.

Tôi đau khổ quá không biết cô ta có yêu tôi không, tại sao cô ta không trả lời tôi, dù thuận dù không... Lúc bấy giờ tôi mới biết là tình yêu, thế nào là đợi chờ, là có nhiều đau khổ. Héo hon con người.

Thế rồi một hôm chú Mỹ tắt đèn chạy đến nhà tôi, đưa cho tôi một lá thư, hôm đó là một tuần trước ngày kháng chiến toàn quốc, tôi bồi hồi cầm lá thư, ở một góc có đề : Xin TRẠCH LỰU đừng giận KIM PHƯỢNG mà xé lá thư này..., tôi mở ra, đọc từng hàng chữ đều đều, tròn tròn, vuông vắn. Phượng nói yêu tôi từ ngay lúc đầu... nhưng muốn thử lòng tôi để xem tôi có phải là người đứng đắn rồi nói rằng ngày mai Phượng đi tản cư... ở Hà Đông, cách

làng tôi mấy làng... Tôi bàng hoàng như tỉnh một giấc mơ lâu dài chờ đợi từ bao nhiêu giờ, bao nhiêu phút. Thế là hai hôm sau, tôi đi bộ từ Hà nội qua làng tôi tới làng tạm trú của gia đình nàng, chúng tôi đi chơi dọc dòng sông Nhuệ cùng chú Mỹ, mẹ của Phượng, bà cụ nhìn chúng tôi âu yếm từ đằng xa ... đi chơi cùng nhau hết cả buổi chiều, tôi không dám cầm tay Phượng, tôi ân hận tới bây giờ. Tôi trở về thành, thế rồi chiến tranh, ba năm sau tôi sang Pháp. Không rõ Phượng ở đâu, tôi vẫn nhớ Phượng hoài. Một hôm trong trường cái nhớ nó làm tôi điên đầu... trong giờ Etude cuối lớp có anh chàng TRẦN BICH LAN NGUYỄN SA đang đọc Socrate hay sao, bên phải gần cửa sổ HOÀNG ANH TUẤN... không biết hắn làm gì, chắc đang làm thơ, tôi cầm cây đàn bấm bấm... hai ngày sau thành bài EM TÔI... cả nhạc lẫn lời. Chủ nhật ra Paris, đường Volontaires, sau bữa cơm trưa, quây quần với nhau, trong đó có Anh Tuấn, Thi Liên, Thoa em gái Nguyễn sa về sau lấy Trần đình Hòa, Bội Liên đã nhận được bài tôi gửi tới trường, hỏi đó cô ta có yêu tôi, nhưng tôi tránh vì cô ta con nhà giàu... , Bội Liên dạo nhạc trên máy phím ngà... Nhạc EM TÔI vang lên khắp cả căn phòng, tôi tê tái nghe nhạc tôi, tôi thấy là lạ, chưa quen... vì mỗi lần tôi đã nghe trong tôi hay nghe cây đàn bên tôi nói với tôi, bây giờ những ngón tay ngà chạy qua phím đàn đến với tôi, tôi như ngỡ ngàng đi vào con mê...

Thế rồi tôi chép lại nhạc và lời trên trang giấy học trò, trên những giòng như đã kẻ nhạc, tôi gửi tới nhà xuất bản TINH HOA...

Những tháng năm qua...

KHI «EM TÔI» ĐƯỢC NÓI TIẾNG, TÔI KHÔNG ĐƯỢC SỐNG CÙNG VỚI THỜI ĐẠI ĐÓ VÌ TÔI Ở XA, TÔI KHÔNG ĐƯỢC NHÌN NHẬN RÕ RÀNG THẾ NÀO LÀ MỘT

BẢN HÁT ĐƯỢC NGƯỜI ĐÒI YÊU CHUỘNG... TRAI HAY GÁI, AI AI CŨNG TUỞNG LÀ MÌNH CÓ MỘT NGƯỜI YÊU, HAY MÌNH ĐƯỢC YÊU, HAY MÌNH TUỞNG TƯỢNG CHÍNH MÌNH LÀ CÔ GÁI ẤY, CÒN CẬU TRAI ĐƯỢC YÊU CÔ GÁI DỊU DẶNG, THƠ NGÂY, ÂU YẾM, MƠ MÀNG CHO NÊN AI AI CŨNG HÁT... CŨNG TUỞNG LÀ MÌNH... CŨNG CẢM LẤY CÂY ĐÀN...

Rồi một hôm tôi tìm ra địa chỉ của Phượng tôi viết về cho chú Mỹ, Mỹ trả lời tôi:

«Em nhận được thư anh, thế là anh vẫn mạnh, chị Phượng đợi anh trong một năm dài, thấy anh không về, tưởng anh chết, rồi ba năm sau chị Phượng để tang anh. Nhiều người đến hỏi chị, chị chỉ lắc đầu. Chị vẫn đợi anh, nhưng hôm qua chị Phượng đi lấy chồng, chị đã 26 tuổi rồi, ngày ngày thầy mẹ thúc dục.»

Thế là tôi cắt đứt, để Phượng đi lấy chồng cho êm thắm, có bốn phận với chồng với con. Tôi không muốn ám ảnh Phượng nữa để cho nàng yên phận.

*Sáu chục năm rồi vẫn nhớ em,
Nhớ ai rũ tóc đứng bên thềm,
Nhớ người giặt áo bên bờ giếng,
Nhớ nhiều, nhớ mãi, mãi không quên...*

Sáu chục năm sau, tôi được biết tin một người bạn cùng trường năm xưa, anh Nguyễn Thiệu Giang viết cùng một tờ báo với tôi hỏi đó cùng Thanh Nam, t ôi có nhờ anh ta đến căn nhà cũ, anh nói Phượng không còn ở đấy nữa. Nhưng có cho tôi số phone, tôi gọi Phượng, đầu giây Phượng trả lời, tôi nói là tôi, cô ta nhắc đi, nhắc lại ba lần, anh LÊ TRẠCH LỰU hả, anh LÊ TRẠCH LỰU hả, như không tin là có thật, khi tôi bảo là tôi thì cô ta oà ra khóc.

Nói chuyện cùng nhau hơn nửa tiếng, sau những lúc ân cần hỏi han. Phượng có nói, anh

ĐÔI MẮT ĐẸP, TRỜI ƠI!

Có một thuở về Sông Seine thơ tưởng,
Người cùng quê, đôi mắt đẹp trời ơi!
Nhập đời tôi, em đi nhẹ trong tôi,
Như con nắng lẩn lẩn nằm trên nước.

Chiều hôm nay mắt em buồn hay ước,
Tấm nắng vàng, chiều lấp lánh sao hôm,
Chiều hôm nao má em hồng xôi gấc,
Môi em hiền như trái chín thơm thơm.

Chiều hôm nay tóc em dài hay ngắn,
Nhớ thuở nào lúc tan học trường ra,
Hè phố ngoan hôn áo lụa mây ngàn,
Em ríu rít như chim đàn trong lá.

Em ơi em, gió những chiều xứ lạ,
Thổi ngất ngây tuổi thơ đại mờ xa,
Nơi đây buồn, những con đường nín
thở,
Mưa đông về cơn gió lạnh bay qua.

LÊ TRẠCH LỰU

(Paris)

Ấy có theo đuổi Phượng trong bốn năm trời,
Phượng bảo Phượng có người, anh ta cứ đeo
đăng, Phượng có nói với anh ấy chuyện
Phượng và anh. Anh ta chịu là trong lòng



*Trên Sông Seine - Hàng đầu: Từ Thạch,
Ngọc Dung, NS Lê Trạch Lựu.*

*Hàng hai: NT Đỗ Bình, NS Lê Mộng Nguyên,
NB Chu Kim Oanh và Đoàn Phú Lạc.*

Phượng có một người. Tôi xin thành thật
cảm ơn Phượng, tình yêu Phượng cho tôi.
những năm đợi chờ, đau khổ. Một lúc sau tôi
hỏi Phượng: «Thế Phượng còn giữ mấy lá thư
ấy không?» Tôi muốn tìm hiểu văn thời 16 tôi
viết ra sao chắc là văn lủng kung lắm. Phượng
trả lời tôi: « Em để vào trong một cái hộp, nó
đi theo em tất cả mọi nơi, trong đó có cả tập
ảnh chụp hồi đó, nhưng chồng em thấy lúc nào
em cũng buồn, nói với em nên giấu nó đi một
chỗ, khi nào vui thì hãy mở ra. Thế là ông ta
bỏ vào đâu không rõ, mấy năm sau ông ta mất,
tìm kiếm khắp nhà không ra. Em chỉ nhớ anh
viết dài lắm... viết dài lắm... Hôm nọ em
muốn tìm cái hình ảnh hồi đó, mà không thấy
đâu. Tủi thân, em lại ngồi khóc, may rằng con,
cháu em bữa đó tụi nó không có nhà... »

Thu Tao Ngộ

Tháng mười năm 2009

LÊ TRẠCH LỰU

CÓ MỘT MÙA THU

MÂY THU

Buổi họp mặt văn nghệ sĩ, thân hữu Paris - California - Washington, D.C., Germany - Canada đã nhen nhúm từ trung tuần tháng 7 - 2009. Và được bàn luận sôi nổi với những cuộc điện đàm, điện thư qua lại dập diu như ong bay bướm lượn. Từ các tên gọi phiêu thai mơ hồ như «Chiều văn nghệ sĩ và bằng hữu» - «Chân trời xa - Văn nghệ gần»... Cuối cùng được hình thành bằng một cái tên rất thơ mộng dịu dàng: «Thu Tao Ngộ».

Có nghĩa là có một sự gặp gỡ cảm thông của những tâm hồn đồng điệu, của những tao nhân mặc khách đây đó xa gần mang trái tim ưu ái đến để cùng nhau chia sẻ những vui buồn và nối kết những tình thân. Thêm vào đó quyển sách «Món Ăn Theo Bước Di Tản» được giới thiệu. Các bạn văn tặng cho nhau sách, CD ... Tôi vô tình cảm nhận được một thứ tình hiếm quý có một không hai trên cõi đời này. Tình nghệ sĩ. Tình yêu đó không phân biệt tuổi tác, giai cấp, sang hèn. Đến với nhau chỉ bằng những bức họa, câu thơ, lời văn, khúc nhạc...

Trước đó vài ngày, tôi hoàn toàn lạ xa với những khuôn mặt: Chu Kim Oanh, Đoàn Phú Lạc, Duy An Đông, Vũ Hối, Lưu Hồng Phúc, Nguyễn Phan Ngọc An, Phong Thu, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Tôn Nữ Mặc Giao, Tiểu Thu... Ba ngày ít ỏi, ngắn ngủi cùng với các anh chị «lê gót mòn» quần quanh trong thành phố Paris sao mà quá đời thân thương. Tôi thật tình cảm ơn các bạn văn đã cho tôi những ngày vui không thể nào quên ấy.

Nhưng tiệc vui nào rồi cũng mau tàn. Giờ phút chia tay bịn rịn đã trôi qua. Hai hôm sau, buổi sáng mùa thu, Paris phơn phớt lạnh với

màu nắng nhạt nhẹ nhàng êm ả thỉnh thoảng có một vài chiếc lá vàng rơi. Tôi một mình đi lại những con đường. Một mình bước xuống métro Tolbiac. Sẽ không bao giờ tôi nhầm lẫn nữa đâu! Lối đi hướng về quận 13 dẫn tới khách sạn nơi các bạn tạm trú. (Hôm đó vì mãi vui đã cùng hướng dẫn viên Nguyễn Ngọc Chân để các bạn phải mệt mỏi đi lại một quãng đường khá xa). Cảnh cũ vẫn còn đây nhưng tiếng cười nói rộn ràng đã như những đợt sóng bạc đầu trả về với biển khơi xa ngút mắt. Tôi chợt mang trong lòng một niềm nhớ tiếc băng quơ. Nhớ mỗi người một phong cách. Phong Thu trong nhà thờ Notre Dame de Paris hài lòng với những bức ảnh tuyệt vời của đôi tình nhân trẻ. Ngọc An long lanh ngấn nước mắt khi nhắc đến Mẹ. Chu Kim Oanh nụ cười vui tươi duyên dáng luôn nở trên môi. Đoàn Phú Lạc thâm trầm ít nói. Mặc Giao rụt rè nhút nhát. Lưu Hồng Phúc đôi khi hay hờn dỗi... Và còn nhiều nữa...

Trên đồi Montmartre, nhà thờ Sacré Cœur hiền hòa với những cánh chim tung bay trong buổi hoàng hôn. Tiếng trống, tiếng nhạc xập xình quyện vào những bước chân nhún nhảy của giới trẻ. Theo làn sóng các du khách từ các nơi đổ về, có Đỗ Bình, Thúy Hằng, Vũ Hối, Nguyễn Thùy, Nguyễn Thanh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngọc An đang say sưa nhìn ngắm các họa sĩ đua nhau thi thố tài năng... Buổi cơm tối ở quán Lê Lai có bao giờ quên được. «Bữa cơm gia đình» giản dị và thân mật. Ở một nơi xa quê hương nghìn dặm lại được cùng nhau thưởng thức các món ăn thuần túy Việt Nam «Canh chua cá kho tộ. Cải xào thịt gà» với những người bạn quý thì còn gì bằng. Chao ôi! Nhớ nhà, nhớ quê xưa quá đi thôi!



Trên đồi Montmartre: Từ trái, Đỗ Bình, Vũ Hối, Nguyễn Thùy, Thúy Hằng, Nguyễn Thanh, Mây Thu, Ngọc An.

Chuyện khởi đầu từ đường dây điện thoại của nhà văn tiền bối rất kính mến Hồ Trường An. Vài hôm trước đó, anh đã khuyến khích tôi viết một «chút gì đi» cho «Món Ăn Theo Bước Di Tàn». Tôi mơ hồ chưa có một ý niệm nào rõ rệt. Bất ngờ, vài hôm sau anh ngã bệnh. Trong bệnh viện, anh nhắc tới chú chó nhỏ dễ thương có đôi mắt nai hiền lành của anh - Bambi - Trong lúc anh ngã quỵ chỉ có mình Bambi ở bên cạnh, nó khều khào gọi anh dậy, nó cứu sống anh. Hôm nay anh được hợp mặt có đông đủ các bạn văn thân hữu xa gần thì nó... vinh viễn ra đi! Tôi thương xót cho Bamby của anh quá! Đêm ấy, tôi thao thức và cố viết một bài đề: «Tiền - em - Bambi» !

Chúc thêm chén rượu vào đây
 Sao cho cuộc tiền đưa đây phân ly.
 Ôi Bambi! EM Bambi!
 Hôm nay EM có biết gì hay không ?
 Tôi nghe đau xót trong lòng ,
 Thương EM tôi để đôi dòng lệ rơi .
 Tiếc cho nhau một cuộc đời .
 Tôi đây - EM đó - Bao lời thương yêu .
 Bao nhiêu gần gũi nâng niu

Thoảng như mây khói bọt bèo chia tan
 EM đi đến chốn bình an
 Riêng tôi ở lại sầu than nơi này !

Có một mùa thu gọi là «Thu Tao Ngô».

Những tấm chân tình đậm đà thân thiết hôm nay đã trở thành một kỷ niệm khó quên. Tuổi đời sẽ chồng chất với những âu lo tất bật trong đời sống. Những mùa thu tới sẽ đi qua. Biết bao giờ tôi sẽ được gặp lại những người bạn trân quý ấy. Hay chỉ là những nỗi ngậm ngùi nhớ tiếc khi nhìn những chiếc lá vàng rơi bên song cửa vào mỗi độ thu về.



NGUYỄN MÂY THU
 (Paris 9 - 10 - 2009)

GIỚI THIỆU TẬP “THI VĂN NHẠC” ĐẦU TAY “QUÊ HƯƠNG VÀ TÌNH YÊU” CỦA THI HỮU ÂU DƯƠNG TRỌNG LỄ

(Ngày 04/10/2009 tại Giáo-xứ Sainte Anne,
11, rue Martin Bernard 75013 Paris)

Kính thưa quý vị,

Hôm nay chúng tôi rất lấy làm vinh hạnh được giới thiệu với quý vị văn nhân, thi hữu, học giả, trí thức ở Paris/Âu Châu cũng như ở Mỹ, Gia Nã Đại, Úc Châu v.v. tập Thi Văn Nhạc đầu tay “Quê Hương và Tình Yêu” của thi hữu Âu Dương Trọng Lễ (ÂDTL). Vì thời giờ có giới hạn và theo lời yêu cầu của Ban Tổ Chức, chúng tôi xin tóm lược lại trong vòng bảy phút mà thôi.



Là một thi nhân có tâm hồn rất nhạy cảm, ÂDTL luôn đặt con tim lên trên lời lẽ lý trí, đặt trọng tâm vào tình yêu quê hương, tình yêu lứa đôi, lòng yêu thương gia đình thân thuộc, để rồi luôn luôn sống trong nỗi buồn ly hương ray rứt, trong niềm đau thương của những mối “tình lỡ”, trong buồn đau ly biệt với người yêu, trong bao nhiêu là kỷ niệm mộng mơ của thời niên thiếu, giờ đã tan biến theo thời gian.

Đây không phải là tập Thi Văn Nhạc gồm những bài mới sáng tác, mà là sưu tập lại các bài thơ, những bản văn đã được đăng tải, phổ biến trên các tạp chí văn học nghệ thuật, các Tập Thi Văn hải ngoại, các Tập San văn hóa, các Nội San của nhiều Hội Đoàn trên khắp năm châu trong vòng trên hai mươi năm qua. Tác giả lo ngại là các bài này, theo thời gian rồi sẽ bị tàn nát thất lạc đi nên thu thập xấp xếp lại thành tập để gởi lại các bạn đọc đồng tâm tư, cùng tha thiết với quê hương dân tộc, mong đóng góp một phần nhỏ nào vào Nền Văn Học Việt Nam hải ngoại sau 1975, và hi vọng để lại một chút gì cho các thế hệ mai sau.

Lần đầu tiên xa xứ, tác giả đã từng than thở từ năm 1963 trên đất Lào :

*Tàu đến SENO bóng xế chiều
Bụi mờ thị trấn phố đầu hiu
Rừng già bát ngát người thưa thớt
Văng vẳng xa đưa tiếng sáo diều.*

.....
*Quê mẹ, đời sống an lành
Quê mẹ, đêm ngắm trăng thanh tuyệt vời
Quê mẹ tình tú sáng ngời
Thương thương nhớ nhớ suốt đời ly hương.
(Quê Hương và Dòng Sông)*

Đến năm 1974, tác giả lại di tản sang Pháp, đường về quê hương lại xa xôi, khó khăn, diệu vợi hơn nữa :

*Trời Âu mưa gió nhiều
Biển hoang vắng cô liêu
Vài vết chân trên cát
Tan theo lượn thủy triều. . .*

(U hoài)

*Trời cuối thu, phố ngoại ô quanh quẽ
Ta âm thầm ngồi vẽ nét quê hương
Qua lá rơi, xào xạc ngập bên đường
Lẩn tiếng gió từ bốn phương vọng lại
(Chợt nhớ)*

Rồi gần đây hơn, có dịp về thăm lại quê hương, ÁDTL ngâm ngùi đi tìm lại cảnh cũ, đau lòng nhớ lại người xưa, chạnh lòng trước vật đổi sao dời :

*Tôi về đất mẹ Trà Vinh
Qua Cầu Mỹ Thuận xót tình bơ vơ
Lục bình xuôi nước lững lờ
Dòng sông lặng lẽ, đôi bờ quanh hiu.
(Nỗi Buồn 1)*

.....
*Ngõ xưa vắng bóng người thương
Lá rơi xào xạc trên đường em qua. . .
Giọt mưa hay giọt lệ nhòa ?
Tình yêu như đã hóa ra xa vời. . . !
(Nỗi Buồn 2)*

.....
*Còn buồn nào hơn nỗi buồn xa xứ
Khi thu sang nhìn cây lá xác xơ
Lúc chiều tàn nhìn cánh nhạn bơ vơ
Đời viễn xứ nào ngờ dài dằng dẵng. . .*

&

Lời thơ của ÁDTL thật dịu dàng êm ái, không cầu kỳ chải chuốt, không cao siêu khó hiểu, mà nhẹ nhàng trong sáng, tươi mát như dòng suối róc rách chảy thẳng vào lòng người đọc, trực tiếp truyền rung cảm

đến tận đáy lòng. Nhiều thi hữu tiếp nhận được nên cảm hứng dịch ra Pháp ngữ và Anh ngữ, mong được phổ biến rộng rãi hơn cho người Tây Phương và cho các thanh thiếu niên Việt Nam thế hệ thứ hai, thứ ba . . . ở nước ngoài.

- Thi hữu Hoài Việt dịch bài “Nhớ Quê Hương” ra Pháp ngữ (Nostalgie)
- Thi Hữu Liêu Phong dịch bài “Nỗi Buồn 1” ra Pháp ngữ (Mélancolie)
- Thi Hữu Lê Sỹ Đông dịch bài “Nỗi Buồn 1” ra anh ngữ (Melancholy)
- Thi hữu Quyện Tâm dịch bài “Nếu” ra Pháp ngữ (Si. . .)

Lời thơ trữ tình, nhiều tiết điệu, nhiều màu sắc, dệt hình ảnh cảnh vật, gọi cảm cho các nhạc sĩ sau đây phổ nhạc nhiều bài thơ của tác giả ÁDTL.

- Nhạc sĩ Minh Mạch phổ nhạc bài “Nếu” và “Ga Khuya”
- Nhạc sĩ Mạnh Bích phổ nhạc bài “Nỗi Buồn”
- Nhạc sĩ Minh Sơn phổ nhạc bài “Nỗi Nhớ”, “Mưa chiều ngoại ô”, “Biển Nhớ”, “Cách Biệt”, “Dưới Mưa Đông” v.v.
- Nhạc sĩ Tống Hữu Minh phổ nhạc bài “Tình Như Bóng Mây”.

&

Trong mấy bài tản văn, tác giả cũng dùng lời văn giản dị, dễ hiểu, nhưng chứa chan tình cảm sâu sắc, nồng nhiệt, như bài “Chị Ba Tôi”, “Nỗi Đau Bất Tận”, “Nỗi Khổ triền miên của người Cung Nữ”, “Nhớ Nhạc sĩ Đặng Thế Phong” v.v..

Trong niềm hi vọng gửi đến các thân hữu độc giả những rung cảm chân thành của lòng mình, tâm tư khắc khoải của kẻ ly hương “sầu vạn cổ”, tìm đến người đồng

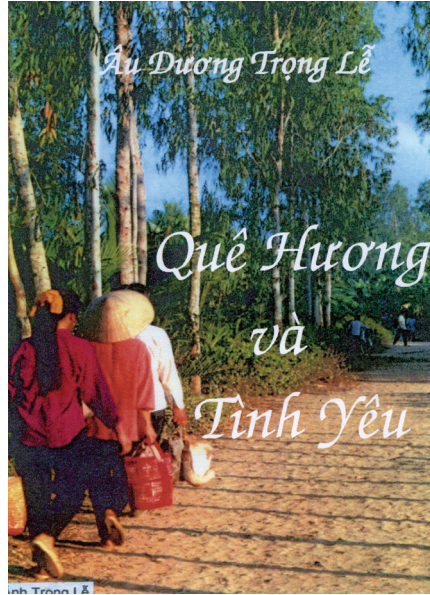
điều, đồng tâm, tha thiết với quê hương đất nước, có lẽ ÁDTL. đã đạt được phần nào như ý nguyện, theo phản ứng thuận lợi nhận được từ một số đồng thân hữu độc giả.

Xin trân trọng giới thiệu với quý thi văn hữu Tập Thi Văn Nhạc “Quê Hương và Tình Yêu” của ADTL.

Xin cảm ơn quý vị,

Quyện Tâm

Paris Mùa Thu, ngày 04 / 10 / 2009



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



MƯA PARIS

Mưa Paris giọt buồn rơi thánh thót
Con mây chiều giăng nổi nhớ quê hương.
Thu đến sớm lá hôm qua vàng vọt,
Gió nửa khuya rụng nhiều chiếc bên đường!
Mưa mãi dột trên phận nghèo rách tả,
Lên mảnh đời phiêu bạt trắng ước mơ!
Tháp Eiffel lặng yên hồn ta ngã,
Khải Hoàn Môn quen những gót ơ thờ!
Mưa trút nước Paris nhòa phong cảnh,
Trời vào thu giá buốt tiết mùa đông.
Trong quán ấm điếu thuốc tàn vẫn lạnh
Ngoài công viên rét mướt mấy nụ hồng!
Mưa thổn thức ôm nổi lòng phố Huế
Nhìn sông Seine mà ngỡ nước sông Hương
Đây thành quách vết thời gian trầm phé,
Thời hoàng kim ôi một thoáng vô thường!
Mưa Hà Nội bỗng chợ chồn lối ngõ
Phố cổ xưa màu sắc lẫn Paris.
Đã lâu lắm quên mùa xuân tuổi nhỏ,
Chưa một lần về lại chốn ra đi!
Mưa rả rích Paris càng thơ mộng
Thương Sài Gòn mưa ngập lối nhà em.
Lá me rơi con đường tình gió lộng,
Áo em bay thơ một thuở say mềm!
Rượu không uống mà hồn ta bỏng cháy
Chút tình quê nào ai hiểu lòng ta!
Sông uốn khúc ngược hai dòng vẫn chảy,
Đời quanh co, mưa vỡ trên phím đàn!

ĐỖ BÌNH

(Paris 10-2009)

THU TAO NGỘ

Từ già Cali về thăm xứ lạ
Lòng nghe như rộn rã một thâm tình
Tuông đầu đây Xuân trào trên cảnh lạ
Và năng Xuân hội tụ giữa bình minh

Ta cảm xúc bao nỗi niềm rung động
Xa cố hương người Việt vẫn xum vầy
Vui hợp mặt vang giữa trời lồng lộng
Một mùa Thu Tao Ngộ nghĩa tình đây...

Duyên văn nghệ kết nên tình bằng hữu
Cõi văn chương tha thiết đến vô cùng
Đời phong ba thêm thác ghềnh mưa lũ
Lưu lạc xứ người lòng vẫn thủy chung

Xin cảm tạ đến những người bạn quý
Đã chung lòng xây dựng đẹp tình người
Mai tôi về sẽ thấy lòng phơi phơi
Nhớ những thâm tình đã tới cùng tôi

Ta cạn chén mừng ngày vui tao ngộ
Dòng sông Seine nước vẫn lặng lẽ trôi
Tháp Eiffel đèn rực trời thành phố
Ôi kinh đô ánh sáng đẹp tuyệt vời

Mai ta về sẽ nhớ từng khuôn mặt
Ghi sâu vào trong khối óc lưu yong
Cho ngàn năm tình Việt Nam thắt chặt
Trong sử xanh lưu dấu giống Lạc hồng

Xin trang trọng tri ân qua bút mực
Cảm tạ đời... Đa tạ những tình thân
Góc trời Âu, một chiều Thu Tao Ngộ
Đậm tình người... Làm tim mãi băng khuôn...

NGUYỄN PHAN NGỌC AN

(San Jose, 10-2009)

Lược Thuật Chuyển Đi PARIS “THU TAO NGỘ” 2009

Duy An Đông

Đầu thu lá cây lốm đốm vàng, đôi lá đậm màu đã rụng rơi. Trời se lạnh, ánh nắng dịu hiền không còn gay gắt như giữa mùa hè hoa phượng nở. Thu, các văn nhân thi nhạc sĩ nhìn lá vàng bay, khung cảnh chung quanh thay sắc đổi màu gọi cho họ cảm hứng ngập tràn làm nên những bài thơ hay những truyện ngắn dài, những bản nhạc đầy mơ mộng lãng mạn trữ tình. Nhưng với nhóm nhỏ văn thi sĩ Cali ngồi nhấm trà Bảo Lộc bốc hơi, mơ màng rồi bàn về ngày Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật “Thu Tảo Ngộ 2009” tại Paris mà lòng nao nao, mong sớm tới ngày lên đường dự hội.

Sáng ngày 29-9-2009, chúng tôi Họa-sĩ Vũ Hối, nhà văn thơ Nguyễn Phan Ngọc An, nhà văn Tôn Nữ Mạc Giao và tôi Duy An Đông trên chiếc xe Van trực chỉ phi trường San Francisco. Mỗi người đều có mang chiếc áo len dày chống lạnh của buổi sáng sớm vùng thung lũng hoa vàng độ lạnh mạnh hơn những lúc khác trong ngày. Chiếc phi cơ 747 đưa chúng tôi đến phi trường Montreal Canada rồi chuyển máy bay chúng tôi đến phi trường Charles De Gaulle Paris sáng ngày 30-9-2009.

Trên phi cơ tôi lo âu, biết rằng chúng tôi sẽ được tiếp đón bởi số văn thi sĩ ở Paris, nhưng cá tính lo lắng tôi có sẵn, cứ nghĩ: “biết đâu có chuyện bất trắc thì sao”. Ta sẽ đến một kinh đô ánh sáng văn minh của Châu Âu nơi đây đầy những nhân tài tầm cỡ, những văn nhân thi sĩ nhạc sĩ nổi tiếng... mà mình thi có mặc cảm như người nhà quê ra Tỉnh, mãi lo âu.- Khi đến phi trường Charles De Gaulle tôi



như con nai vàng ngơ ngác, thì nhà thơ Đỗ Bình xuất hiện, lên tiếng “Ngọc An”, anh bắt tay nồng ấm, rồi anh bắt tay tôi Duy An Đông, họa sĩ Vũ Hối và sau cùng là nhà văn Tôn Nữ Mạc Giao. Tiến về

phía trước, tôi nhìn thấy Giáo sư Nguyễn Thùy tôi kêu, anh quay lại bắt tay tôi thân thiện; thế là từ đây tôi vui mừng không còn lo âu nữa. Tiếp đến nhà văn Đỗ Bình cũng là trưởng Ban Tổ chức “Chiều Thu Hội Ngộ” đã đưa chúng tôi đến chỗ tập trung giới thiệu tiếp số nhà văn đã đến từ Dallas, Arizona và những nhà văn thơ ở Paris đến phi trường đón chúng tôi: như Giáo sư Nguyễn Thủy, giáo sư Minh Nhật, Ông bà giáo sư nhạc sĩ Phạm Đình Liên- Minh Cẩm, Giáo sư Ngọc Chân, vợ chồng Thy Như, Gs Nguyễn Thanh & Mây Thu, nhà thơ Lê chí Thạnh, nhà văn Mai Ling, ông Trần Văn Răn.. Khi nhà văn Nguyễn Thi Ngọc Dung, Phong Thu đến từ Washington DC. Chúng tôi ra xe về Hotel Le Baron, 76 Evenue de Choisy, 75013 Paris. Ông bà nhạc sĩ Nguyễn Đình Liên – Minh Cẩm đã cho chúng tôi nhận phòng và ổn định chỗ ở. Cảm ơn ông bà Nhạc sĩ GS Nguyễn Đình Liên đã sốt sắng với chúng tôi trong việc tìm chỗ ở tốt và chỉ định chỗ ở cho từng nhóm chúng tôi mới đến chẳng biết mô tê gì.

-Vì hai đêm trước tôi mất ngủ, nên khi ổn định chỗ ở tôi có ngay được một giấc ngủ say, thì nhà văn nhà báo Phạm Văn Kiếm đến từ Đức Quốc ở chung phòng, tôi vui mừng vì có bạn hàn huyên, không cô đơn một mình. Lát sau nhà văn Hồng Phúc đến gặp tôi báo anh Thuận người bạn của cô cũng sẽ đến và xin ở chung Phòng, tôi OK bảo rằng ở ba người càng vui. Nhưng sau đó, anh Phạm Văn Kiếm từ nhà dưới lên báo tôi biết là anh gọi anh Đỗ Bình không được và anh ở nhà bạn. Tôi mới bảo đừng đi, ở đây cho vui. Anh hẹn sẽ trở lui nhưng ngó chừng hoài mà chẳng thấy, tôi không vui vì nghĩ khi ngủ gà ngủ gật sự phát biểu của mình có hết ý không mà không thấy anh trở lại. Sau này hỏi ra mới biết chuyện do dưới văn phòng không liên quan gì đến tôi, tôi đã email chia buồn cùng anh Kiếm khi trở về Đức Quốc bị va chạm xe, nhưng may bản thân anh được an toàn.

Đêm đầu tiên 30-9-2009, chị Thy Như đưa chúng tôi khoảng trên mười người dạo khu phố cổ ở đường Avenue D' Italie và Rue Tolbiac... Nơi đây những cửa hàng, những tiệm ăn, những tiệm café Italie, họ sinh hoạt giống Sài Gòn của chúng ta trước 1975. Có những tiệm cà phê bên đường giống cà phê Thanh Thế ở đường Lê Lợi Sài Gòn trước đây, làm tôi nhớ quê hương quá! Ở khu này cũng có những ông Tây cao lớn mang trên vai cây đàn, cỡi con ngựa sắt hai chân có gắn máy chạy quanh đây đó, nơi nào thích hợp thì anh sà đôi cánh, du dương bản nhạc tình, nhạc kích động kêu gọi lòng người, tài tử giai nhân từ trong các tiệm ăn, tiệm cà phê, những văn nhân thi sĩ chúng tôi cũng đồng thanh hưởng ứng ca hát nhảy nhót theo tiếng nhạc xập xình đầy thích thú của ông Tây nghệ sĩ. Có đôi tình nhân trẻ, những cặp vợ chồng già ôm nhau nhảy nhót mùi mẫn khi họ nhập theo giòng nhạc âm đậm tình nồng.

Đạo đã mỏi mệt và cũng khuya, chúng tôi đón xe Bus trở về khách sạn. Trong khi chờ đợi xe Bus đến, phải kiếm chuyện mà đùa cho nó quên mệt nhọc. Tất cả đồng ý, nhưng với một điều kiện là đùa trong văn học nghệ thuật, không đùa giỡn những từ ngữ khó nghe. Chuyện đùa giỡn thì nhiều nhưng tôi muốn nêu lên một chuyện này, văn học nghệ thuật chính xác, nó cũng vui vui. Đây nhé :

Một nữ sĩ bảo: chúng ta đang sống trên xứ người, chúng ta có nhiều Hội, Đoàn. Nào là hội phụ nữ, hội nhà văn nhà báo, hội khuyến học v.v. Nay có người muốn thành lập một hội mới để bảo vệ quyền lợi cho nhóm mình. Ai muốn vào hội thì phải đủ tiêu chuẩn trong nội quy ấn định.

Một nam thi sĩ hỏi:

Trước mắt ta không có nội quy ở đây, vậy xin thi sĩ nêu một đôi điều kiện cụ thể để dễ dàng tính chuyên xin gia nhập hay không gia nhập? Và hội đó là hội gì?

Nữ sĩ đáp:

Điều kiện cũng đơn giản, người gia nhập có thể đẹp xinh hay xấu xí, già hay trẻ nhưng phải có chút đỉnh tài năng đôi đáp với những kẻ không đồng tình. Và, hội đó là hội” Chung Vô Diệm” Xin mọi người suy nghĩ về Chung Vô Diệm và muốn vào thì cho biết để *agent* phát đơn cho các bạn.

Mọi người suy nghĩ về Chung Vô Diệm xấu xí, nhưng có tài không biết người Hội Trưởng muốn gì đây, ai nấy suy nghĩ có vẻ sâu xa chưa có ý kiến thì Duy An Đông lên tiếng:” Tôi xin đơn, gia nhập hội” .

Tại sao anh xin gia nhập Hội ?

Thưa quý vị; Tôi cũng tuân theo qui định của nhóm là trả lời trong văn học nghệ thuật đây ạ. Như mọi người đã biết trong cuốn Paris by Night của Thúy Nga, “Tuyển chọn tài năng mới”, phần Final ca sĩ Tâm Đoan có hát “ Bây



*Duy An Đông, Nguyễn Thuận, Phong Thu
Paris 30-09-2009*

giờ em chẳng còn chi ...” Với sự việc vậy, tôi đủ tiêu chuẩn xin vào hội.

Nữ sĩ. OK anh đủ tiêu chuẩn, anh hiểu, ngày mai tới văn phòng tôi sẽ phát đơn cho anh.

Mọi người ngơ ngác “đủ tiêu chuẩn thế nào? Duy An Đông bảo: Đừng nghĩ xa vời, tiếng Việt tuyệt vời, tiếng nói “lái” ba chữ “Chung Vô Diệm” có gì đâu mà nghĩ cho sâu. Mọi người cười hoà, phục cho nữ sĩ đa tài.

Xe bus đến mọi người lên xe về, ai cũng lấy giấc ngủ ngon để sáng mai đi Troyes thăm nhà văn Hồ Trường An trong tâm hồn đồng điệu, nhiều thương cảm.

Chúng tôi thể hiện tình cảm rõ nét đối với nhà văn Hồ Trường An, một nhà văn có tâm cỡ trên văn đàn hiện đang bị tai biến mạch máu não nên sự đi lại rất khó khăn, do đó việc sáng tác cũng bị gián đoạn, nhìn sức khoẻ của anh hao mòn trông tội nghiệp! Chúng tôi đưa nhau kề cận và chụp hình lưu niệm để thể hiện lòng ngưỡng mộ và quý mến nhà văn tâm cỡ này..

Ngày kế tiếp 2-10-2009, chúng tôi được Giáo sư Ngọc Chân, Nhật Minh và Mây Thu đưa chúng đi thăm số danh lam thắng cảnh

Paris: Khải Hoàn Môn, Tour Eiffel và qua các ngõ đường Subway từ Nam đến Bắc. Hôm nay chúng tôi phải trở về khách sạn trước 3 giờ chiều để tham gia tours dạo phố đêm Paris và dùng cơm chiều tại nhà hàng Clément trên đại lộ Champs Élysées, đại lộ mệnh danh đẹp nhất thế giới. Hôm nay chúng tôi bị lạc “bây”, bây chúng tôi đi chậm vì phải chờ đợi nhà báo RẠNG ĐÔNG đau chân thỉnh thoảng phải ngồi nghỉ mệt. Giáo sư Nhật Minh trở lại tìm “bây” trước, “bây” sau chúng tôi ngồi chờ mới đưa ra câu đố vui thế này:

Nhìn lên ngay giữa còn khô
Hai bên nước chảy, thủy hồ lang dâng
Từ quan cho đến thứ dân
Ai ai cũng uống nước lang dâng thủy hồ.
Đố các bạn đây là cái gì ?

Mọi người suy nghĩ, một cánh tay giơ lên của người nữ sĩ. Tôi xin đáp. Nữ sĩ đáp thế nào mời các bạn suy nghĩ và sẽ đối chiếu với câu đáp ở phần cuối bài.

Giáo sư Minh Nhật không tìm thấy số người nhóm trước, ông nghĩ họ đã về cho kịp trước 3 giờ, nhóm mình chừ đây cũng vậy. Chúng tôi trở về khách sạn sau các bạn đi trước khoảng 10 phút. Mọi người thay áo quần đẹp, lên xe dạo phố Paris và du thuyền trên sông Seine. Sau đó đến nhà Hàng lớn ở Paris lúc 7 giờ chiều và 9 giờ 30 là phải nhường chỗ cho khách mới. Chỗ ngồi nhiều lớp, khách sang trọng vào ra tấp nập, các món ăn thích hợp với chúng tôi là nhờ nhà thơ Đỗ Bình và Giáo sư tiến sĩ Võ Hùng Anh đã chọn lựa, chúng tôi dùng vừa ngon miệng và cũng vừa no bụng nữa. Tôi hân hạnh được ngồi chung bàn với vợ chồng nhà thơ Đỗ Bình, ông bà giáo sư tiến sĩ Võ Hùng Anh, Giáo sư nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, ở Paris, anh chị nhà báo Võ Trúc Giang ở Đức Quốc và họa sĩ Vũ Hối, nhà thơ Hồng Phúc và tôi Duy An Đông ở Hoa Kỳ. Ngồi chung bàn nên trao đổi thân thiện và

biết nhiều chuyện về Pháp Quốc, Đức Quốc. Nếu một cá nhân du lịch kiểu “Tây ba lô” thì làm sao chúng tôi có được sự hưởng thụ này vừa đẹp về mặt tinh thần, vừa nâng cao sự hiểu biết thêm văn hóa, những di tích lịch sử của Pháp Quốc. Xin cảm ơn thi sĩ Đỗ Bình, Tiến sĩ Võ Hùng Anh, Giáo sư Ngọc Chân, Gs Minh Nhật, Thy Như và Mây Thu...

Ngày kế tiếp 3-10-2009, Giáo sư Nguyễn Ngọc Chân đưa chúng tôi tham quan một thành phố ở phía Bắc Paris. Phía Bắc nghèo, không sáng sủa bằng vùng Nam Paris. Ở đây chúng tôi đến thăm nhà thờ Thánh Tâm nằm trên đồi Montmartre cao nhất Paris.. Trèo lên đây chúng tôi mệt vừa nghỉ thở, vừa nhìn toàn bộ phố Paris xinh đẹp. Có giáo sư Chân giải thích về nhà thờ này được xây cách đây khoảng 160 năm và nhà thờ chính bên cạnh nhỏ hơn, nhưng tuổi thọ của nó đã gần 2 ngàn năm rồi. Tò mò chúng tôi đi vào bên trong nhà thờ, nhà thờ rộng thênh thang, chúng tôi đến vừa lúc cha xứ đang làm lễ, những người vào cầu nguyện họ vào khung giữa có ghế ngồi. Khung ngoài có con đường đi vòng quanh khu lễ chính, khách du lịch vào thăm quan cứ tự nhiên đi dạo thăm quanh nhà thờ, nhưng giữ yên lặng. Khung ngoài con đường vòng, dẫn đến khu nghệ sĩ, nơi đây trưng bày nhiều tranh đủ thể loại. Những họa sĩ Paris không có phòng tranh riêng đều qui tụ ở đây để thực hiện lòng đam mê của mình và cũng để kiếm sống. Những người họa sĩ tài hoa nhưng kém thời may đang thả hồn theo sắc màu qua nét cọ, vẽ tranh cho khách du lịch phương xa.

Rời nơi đây chúng tôi về trung tâm Paris, thăm Tòa nhà Thượng viện nước Pháp, thăm vườn hoa Luxemburg, thăm khu nữ thần tình ái, truyện có tính cách huyền hoặc, nhưng lý thú, Giáo sư Ngọc Chân giải thích, tôi nhớ đại khái thế này: Trước đây có người con gái đẹp, lãng mạn, đa tình, yêu một chàng trai khôi

ngộ tuấn tú. Họ yêu nhau, trong khi đó một thần Khổng Lồ cũng yêu nàng nhưng không được nàng đáp ứng. Thần Khổng Lồ từ trên nhìn xuống thấy họ đang yêu đương, họ tình tứ mùi mẫn, lãng mạn thiết tha, thần khổng lồ nổi cơn ghen và ráng nâng tảng đá lớn ném vào đôi tình nhân này, hai người đã chết ngay tại chỗ rồi nữ thần ái tình hóa thân thành con rắn và nằm trên tấm lụa vàng. Sau đó bà Hoàng Hậu thời đó cho lập một cái “am” nhỏ để thờ người con gái đã hóa thân con rắn vàng này. Rồi qua các Triều đại kế tiếp cái “am” được tu sửa canh tân theo quan niệm từng thời và bây giờ có những bức tượng tạc cảnh hai người yêu đương mùi mẫn thời đó, khách tham quan nhìn xem ai cũng mũi lòng.

Ngày 4-10-2009 chính thức tiếp đón quý thân hào nhân sĩ, những văn thi họa nhạc sĩ lừng danh tại Paris trong sinh hoạt văn học nghệ thuật “Thu Tao Ngộ 2009” tại hội trường Paroisse Ste Anne De La Butte Aux Cailles, 11 Rue Martin Bernard 75013.

Hội trường trang trí gọn nhẹ, nhưng đậm đà ý nghĩa. Trên đầu tấm phông nơi sân khấu được treo câu “Chiều Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật ‘THU TAO NGỘ 2009’ tại Paris. “Bên trái sân khấu là lá cờ Pháp, cạnh lá cờ là ban nhạc, bên phải có lá cờ Việt Nam Cộng Hoà, giữa sân khấu có chiếc bàn nhỏ dành cho MC và diễn giả. - Nhìn xuống dưới sân khấu, chúng tôi thấy có nhiều giới chức trong văn học và chính trị tham gia như: ông bà bác sĩ Phan khắc Tường, chủ tịch cộng đồng người Việt Quốc gia tại Paris, Giáo sư Bùi Sỹ Thành, Nữ sĩ Minh Châu, Gs.Thái Hạc Oanh , nữ sĩ Quỳnh Liên, nữ sĩ Bình Thanh Vân, nữ điêu khắc gia Anh Trần, điêu khắc gia Lê Ngọc Khoa, họa sĩ Vũ Thái Hoà, nhạc sĩ Lê Phương, nhà văn lão thành Tô Vũ, nữ nghệ sĩ Diệu Khánh, Ls Dương Ngọc Chấn, Ls Trương Hữu Lương, Ls Dương Minh Châu, Ls

Vũ Lê Mai Hương, Bs Nguyễn Bá Hậu, Ts Bs Tạ Thanh Minh, Bs Phạm Ngọc Tỏa, Bs Nguyễn Dương Tịnh, BS Phạm Đăng Thiện, BS Nguyễn Văn Thọ, Ts Trần Minh Trâm, Ks Nguyễn Hoài Nam, (nhà thơ Tiểu Tử), Ts Nguyễn Văn Hương (nhà thơ Hoài Việt), Bs Vũ Thị Thoa, Ts Nguyễn Thị Kim Đan, Gs Nguyễn Ngọc Chân, Gs Nguyễn Văn Ích, Gs Như Mai, Gs Nguyễn Thùy, nhà văn Hồ Trường An và nhiều vị nữa, tôi không rõ tên ... Đặc biệt Bác sĩ Phạm Hữu Trác từ Canada, nhân dịp cũng đến tham dự, ngưỡng mộ tỏ lòng quý mến những người đang làm văn học nghệ thuật. Tôi hân hạnh được tặng bác sĩ quyền truyền “Đời Cô Thủy”.

Chiều Thu Hội Ngộ khai mạc lúc 3:00 PM Hoa sĩ Nguyễn Đức Tăng ngỏ lời của BTC cảm ơn quý vị quan khách, quý văn thi nhạc sĩ gần xa; tiếp đến MC nhà thơ Đỗ Bình và Văn Hải điều khiển chương trình “ Chiều Thu Tao Ngộ” hôm nay.....

Lần lượt theo chương trình chào Quốc Kỳ Pháp - Việt, phút mặc niệm những anh hùng, liệt sĩ, những nghệ sĩ ... hy sinh vì Tổ Quốc Việt Nam.

Tiếp đến Bác sĩ Phan Khắc Tường, chủ tịch CĐNVTD Pháp Quốc có lời chào mừng các văn nhân thi sĩ phương xa và các nhà văn học nghệ thuật Paris vì yêu quý văn hóa Việt Nam mà tổ chức và đến tham dự Chiều Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật THU TAO NGO 2009 hôm nay đông đủ như thế này, ông rất vui mừng.

Tiếp đến rước đèn Trung Thu, do nữ sĩ Văn Hải hướng dẫn các em trẻ thực hiện, nói lên thế hệ trẻ không quên tiếp nối truyền thống ông cha, nghĩ đến cội nguồn dân tộc.

Rồi lần lượt bác sĩ Nguyễn Bá Hậu tức nhà thơ Phương Du đã đọc bài thơ Thu Tình Thương đầy cảm động và ý nghĩa đậm đà. Tiếp đến Ts Nguyễn Văn Hưng, nhà thơ Hoài

Việt đọc thơ THU. Sau đó nhà nghiên cứu Nguyễn Thùy giới thiệu tác phẩm Món Ăn Theo Bước Di Tàn... Tiếp theo giới thiệu số nhà văn, nhà thơ, nhà họa sĩ phương xa.

Rồi các văn nhân, thi, hoa, nhạc sĩ lần lượt góp phần tích cực trong Chiều Thu Tao Ngộ như nhà văn Hồ Trường An, giáo sư nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, Đỗ Quyên, Phương Tuyết, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, âm nhạc Nguyễn Thanh, Nguyễn Phan Ngọc An, Gs Minh Nhật, giáo sư nhạc sĩ Phạm Đình Liên, Lê Trạch Lựu, nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh đều có tham gia góp phần đắc lực trong chiều Thu Tao Ngộ. Tuy mỗi người phát biểu chỉ mười phút, nhưng họ đã nói lên được những nét chính về tình cảm, về sự huyền diệu của tiếng Việt nên giữ gìn nó trên xứ người. Đặc biệt Giáo sư Phạm Thị Nhung trình bày một giai thoại về cuộc tình thầm kín của thi sĩ Vũ Hoàng Chương với nàng thơ Tố Uyên quá hấp dẫn, giáo sư vừa chấm dứt, hồi dài tiếng vỗ tay vang dội hội trường..

Chương trình kết thúc khoảng 7 giờ tối, nhưng khán thính giả vẫn còn ngồi kín hội trường, bằng hữu tâm tình chưa dứt, phải hẹn lần hội ngộ sau, vì đến giờ phải trả hội trường cho thân chủ.. Quả thật đại hội thành công đáng kể.

Chuyến đi Paris kỳ này cho tôi nhiều kỷ niệm nhớ mãi không quên, lần trước tôi đi theo Tours du lịch đến Paris như là “cởi ngựa xem hoa” chỉ hơn một ngày rồi tiếp tục đi Đức, Ý, Thụy sĩ ... mỗi nơi đều được thăm một đội điểm chính, không có thì giờ đi nhiều nơi. Lần này tôi có 5 ngày tại Paris mà lại có những giáo sư tiếng tăm nơi thành Đô Pháp quốc, am tường mọi nơi và giảng cho chúng tôi nghe hiểu từng nơi sâu đậm hơn, thật là tuyệt vời. Đặc biệt các nước phương Tây biết duy trì và tu bổ những công trình kiến trúc qua các thời đại. Họ không quá khích phá hủy

những di tích lịch sử có giá trị qua mỗi thời kỳ thay đổi chế độ, cho nên ngày nay chúng tôi mới được xem những đền đài cổ, những bổ sung, tu bổ vĩ đại. những công trình xây dựng mới đồ sộ ở đây, ... Trong ngày Hội chính 4-10-2009, tôi cũng được chuyển trở thân thiện với một số quý vị thật đáng quý. Có những vị cao niên quá tuổi về chiều, người chồng gầy, có cụ đi xe lăn là vì yêu thương văn học Việt Nam, tha thiết với cội nguồn, cũng gắng đến tham gia, khuyến khích, nâng đỡ lớp hậu duệ duy trì văn hóa Việt.

Tôi có mang theo số ít quyển truyện dài “Đời Cô Thủy”, nhiều vị cao niên nhìn muốn đọc, tôi liền biên tặng. Đặc biệt bác sĩ Huỳnh Trung Nhi có cho tôi tâm danh thiếp tôi lưu giữ kỷ để kỷ niệm, một nhà trí thức lão thành; tôi nghĩ bác sĩ đã đọc và thương “Đời Cô Lụa” nơi Tự Lực Văn Đoàn hay xem một tuồng cải lương của soạn giả Nguyễn Hữu Trang ngày trước, rồi thương xót người phụ nữ Việt Nam chung tình, chịu đựng. Giờ đây ông nhìn “Đời Cô Thủy” chắc ông cũng cảm xót đau thương nên ông nhìn và muốn đọc biết truyện “Đời Cô Thủy” ở thế hệ ngày nay, xin cảm ơn bác sĩ. Tôi rất tiếc sức tôi không mang được nhiều, nên những vị đến sau tôi không còn sách để hân hạnh được tặng.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn thi sĩ Đỗ Bình và BTC đã cho chúng tôi được tham gia sinh hoạt trong Thu Tao Ngộ 2009 kỳ này, chúng tôi cũng xin cảm ơn quý thân hào nhân sĩ, quý văn thi họa nhạc sĩ Paris đã vì thương yêu văn học nghệ thuật nước nhà đã đến tham dự quá đông, đầy ấp hội trường và cho chúng tôi những người phương xa được nghe những lời khuyên, những sự trao đổi quý giá.

Dù sao cũng có những thiếu sót trong tổ chức, mọi tổ chức đều có khiếm khuyết không nhiều cũng ít. Chúng tôi những người phương xa đến có gì thiếu sót xin quý vị niệm tình đại xá.

Tôi không phải là nhà văn, nhà thơ mà là người viết theo cảm nghĩ của mình qua từng giai đoạn lịch sử của cuộc đời. Tuy tuổi đã cao, nhưng sắc màu cũng còn hơi đậm đà tươi mát, tôi không muốn có mặc cảm số tuổi để lôi kéo mình vào vị trí ngồi yên. Tôi đã từng xếp bút nghiên, rồi vào trường trở lại, tôi đã từng ngưng viết lách, rồi thỉnh thoảng viết đôi bài. “Thu Tao Ngộ” thi sĩ Đỗ Bình tổ chức tại phương Tây, tôi cũng gắng qua đây với tấm lòng thương yêu văn hóa Việt và quý trọng những vị có tâm hồn đồng điệu.

Tôi đã tham gia từ đầu đến cuối năm ngày rông ở Paris, trên đây tôi viết tường thuật có phần lê thê, nhưng tôi muốn cụ thể những gì tôi lãnh hội bổ ích cho bản thân và những gì tôi thấy kết quả tốt đẹp cho tập thể trong chiều đại hội 4-10-2009. Việc tổ chức được một buổi hội như thế này không đơn giản, và số người tầm cỡ đến tham dự đầy ấp hội trường như thế đó không dễ dàng gì. Vì lòng yêu thương văn hóa Việt cho nên cả bên tổ chức và cả bên tham dự cố gắng tham gia khuyến khích không để văn hóa Việt mai một nơi xứ người. Những nhà văn trẻ như: Kim Oanh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phạm Ngọc Kiểm cô duy trì nuôi dưỡng tờ báo như đứa con tinh thần. Những nhà văn thơ trẻ như Hồng Phúc, Mạc Giao, Ngọc An, Phong Thu, Tiểu Thu, Dư Thi Diễm Buồn, Vũ Nam, Trúc Giang cũng yêu thương văn hóa Việt và cố duy trì nó nơi xứ người. Hoan nghênh tinh thần các bạn.

Tôi cảm ơn quý ân nhân Gs Nguyễn Ngọc Chân, Gs Minh Nhật, chị Mây Thu, chị Thy Như, đã hướng dẫn chúng tôi trong những ngày tham quan vất vả. Tôi xin cảm ơn Thi sĩ Đỗ Bình, Văn Hải, GS Nguyễn Thủy, Ts Võ Hùng Anh, nhà văn Hồ Trường An, Gs nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, Gs Phạm thị Nhung, Bs Huỳnh Trung Nhi đã cho chúng tôi những lời khuyên, những lời khuyến khích bổ ích. Tôi viết có

phần lê thê, những từ ngữ mộc mạc chân quê,
không suông sê như bao người khác. Xin quý
vị đọc trong tinh thần rộng mở.

Kính chúc quý nhân văn thi hoạ nhạc sĩ
Paris sức khoẻ vui vẻ trong tình thơ ý nhạc
mãi mãi yêu thương quê hương.../.

Trân trọng .

Thu 2009

Thung Lũng Hoa Vàng, Cali, Hoa Kỳ

Duy An Đông

BC: Nữ sĩ giải đáp câu đố:

Nhìn lên vú mẹ mà xem

Ai mà chẳng bú cả đêm lẫn ngày.

THU TAO NGỘ PARIS

Thi nhân Âu Mỹ cách trùng dương
Lãng mạng hồn thơ trải bốn phương
Vật chất nhẹ nhàng người nghệ sĩ
Tình nồng nặng gánh vốn non sông
Thu Tao Ngộ đôi trao thêm thắm
Xuân Cọp này men nhấm thắm nồng
Thơ lại qua tình thâm ở nét
Say Đào Mai nở nhớ quê hương

DUY AN ĐÔNG

California, Thu 2009

Buddy Photo

Fully Digital Photofinishing Lab

7238 Arlington Blvd. Falls Church, Va 22042

703-698-9595

Rửa hình trong vòng 1 giờ (từ phim hay digital files)

- Phóng hình lớn - Chụp hình passport, thẻ xanh

- In photo business card - In hình từ phim slide v.v...

**Wedding Photography &
Video Production**

Xin gọi: Khánh Trần hay Hiếu Nguyễn

703-698-9595

571-278-0771

PARIS THU TAO NGỘ

TÔN NỮ MẠC GIAO

Hình như mùa Thu là mùa đẹp nhất trong bốn mùa thì phải. Cái xám buồn của bầu trời, cái se lạnh của không gian, cái đổi màu của sắc lá, cái rụng rơi của lá vàng. Tất cả đã gọi lên trong lòng người thi nhạc sĩ những vần thơ, những điệu nhạc thật trữ tình, lãng mạn về mùa Thu làm xao xuyến lòng người. Và hình như mùa Thu cũng là mùa để các thi nhân, mặc khách gặp gỡ nhau hàn huyên, tâm sự. Để những tâm hồn đồng điệu thông cảm nhau qua những lời thơ, ý nhạc.

Chiều “Thu Tao Ngộ” được tổ chức tại Paris vào ngày Chúa Nhật 4 tháng 10 năm 2009 vừa qua thành công với sự tham dự của nhiều văn nghệ sĩ khắp nơi. Hội trường Paroisse Ste Anne De L. Butte Aux Cailles chật ních người tham dự phải kê thêm ghế ngồi dọc theo hai bên chân cầu thang đường



Tôn Nữ Mạc Giao và Tiểu Thu, Nhà Hàng clement, Champs Élysées, 03-10-2009.

đi. Tại Paris, đã qui tụ được những khuôn mặt nổi bật trong giới văn hóa, chính trị của người Việt như: Bác Sĩ Phạm Hữu Trác, một khuôn mặt quen thuộc của cộng đồng Canada tại Hải ngoại. Giáo Sư Bùi Sỹ Thành, Giáo Sư Thái Hạc Oanh, nhà văn Tô Vũ, nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, nhà văn Hồ Trường An. Là những người phải ngồi trên xe lăn, vì muốn duy trì và bảo tồn văn hóa Việt, muốn tỏ lòng quý trọng đến những người làm văn học nghệ thuật từ phương xa đến. Đã không quản ngại khó khăn đều đến tham dự. Kể đến là các vị cao niên đi đứng khó khăn cần phải có người đi nhà theo để chăm sóc, diu đỡ cũng đều đến tham dự như: Nữ nghệ sĩ Diệu Khánh, điêu khắc gia Anh Trần, Bác Sĩ Huỳnh Trung Nhi, Luật Sư

Dương Thái Chân, Bác Sĩ Nguyễn Bá Hậu, Tiến Sĩ Hồ Minh Trâm, Tiến Sĩ Nguyễn Văn Hường (nhà thơ Hoài Việt). Ông Võ Hoài Nam (nhà văn Tiểu Từ), Giáo Sư Như Mai, Bác Sĩ Vũ Thị Thoa, Tiến Sĩ Nguyễn Thị Kim Đan, nhà báo Phạm Hữu. Hai nhà đấu tranh Trần Hồng và Nhất Long...v...v... cùng rất đông quý khán giả là những người yêu thích và ủng hộ những tâm hồn thi văn tại hải ngoại.

Ngoài ra còn có sự tham dự của giáo sư, nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên. Tác giả của bài hát nổi tiếng: “Trăng Mờ Bên Suối” không ai mà không biết. Giáo Sư Nguyễn Thùy cũng là một nhà bình luận tên tuổi đến từ Thụy Sĩ. Nhưng đặc biệt nhất đối Mạc Giao vẫn là sự tham dự của ông bà Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia tại Paris. Đó là ông bà Bác Sĩ Phan Khắc Tường. Đây cũng là một nguyên nhân khiến Mạc Giao tò mò muốn tham dự khi được mời qua chị Diễm Buồn. Xin quý vị chịu

khó đọc một mẩu chuyện nho nhỏ dưới đây thì sẽ hiểu vì sao MG nói như vậy.

Một buổi tối cách đây khoảng gần một năm. Ông bố nuôi của MG có gọi điện thoại nói với MG rằng:

- Ba báo tin cho con biết, con “nổi tiếng” qua tới bên Tây rồi đó con!

MG rất ngạc nhiên hỏi lại:

- Nổi tiếng cái gì Ba?

Ông giải thích:

- Bạn của Ba ở bên Tây hỏi Ba ở San Jose có biết ai tên Tôn Nữ Mặc Giao không?

MG kêu lên:

- Ủa! Sao họ biết con?

- Thì chắc họ đọc bài của con ở đâu đó trên web site của Việt Nam Nhật Báo nên họ mới biết mà hỏi Ba.

- Rồi Ba có nói con là con gái của Ba không?

- Ba nói rồi, ba nói liền. Rồi ông cụ lâu bàu: Mà cái “người này” họ là bác sĩ. Ba cũng không hiểu tại sao họ lại thích đọc truyện của con, họ tin và khen hay nữa chứ! Rồi ông cụ góp ý: Mà con ơi! Con viết truyện khác đi! Thiếu gì chuyện để viết. Bậy viết chỉ ba cái chuyện ma đó hồng có tốt. Hồng có nên đâu con....

Đó là mẩu đối thoại nho nhỏ giữa hai cha con của MG. Dĩ nhiên khi biết có người chịu thưởng thức văn của mình thì MG cũng thích chứ! Ít ra thì mình cũng không đến nỗi đoán tích sự, gây cảm giác khó chịu cho người đọc. MG nghe ông cụ nói vậy thì biết vậy chứ không có hỏi tên tuổi vị Bác Sĩ đó là ai. Rồi bằng đi một thời gian khi nghe nhà văn Dư Thị Diễm Buồn nói: “Bên Tây người ta tổ chức Thu Tao Ngộ vào tháng 10. Họ mời mình (là những tác giả viết chung một cuốn sách). Mặc Giao đi không?”

Chị là người xung phong đầu tiên đi Paris. Rồi đến nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung ở Washington DC, nhà văn Tiểu Thu ở Canada. Sau đó là email qua lại giữa các nhà văn cứ

như là bướm bướm lượn, đọc một nghỉ luôn. Mặc Giao cũng bắt nôn theo mà chưa dám quyết định vì lúc đó ông xã còn đi có chuyện ở dưới miền Nam Cali không có nhà. MG làm thơ, viết văn từ hồi còn ở Trung học nhưng bị gián đoạn vì mất nước. Sang Mỹ mới viết lại khoảng 7, 8 năm nay tại San Jose. Bản tính vốn rụt rè, nhút nhát ít khi dám sinh hoạt cộng đồng nhiều nên chẳng biết ai vào với ai. Chỉ quen biết với chị Diễm Buồn bởi mên mộ văn chị mà ra. (Gặp gỡ một đôi lần và email qua lại thường xuyên nên thân nhau).

Rồi ông xã về không cho đi nói bầy đặt! ai biết em là ai mà đi? (khi để tui ghé hông!). Thế là đành phải cầu cứu với hai chị Tiểu Thu và Diễm Buồn cộng thêm với nước mắt của “bà” mới làm siêu đờ được “ngài”. Lúc đầu “ngài” định đi theo MG để luôn tiện thăm bạn bè, và qua Đức để được bạn bè chờ qua Ý, hướng dẫn đi thăm thành phố nổi Venise cho biết. Nhưng cuối cùng việc sở lu bu quá! Ông xã đành phải ở lại, tin tưởng vào chị Diễm Buồn để MG đi một mình. Phái đoàn văn nghệ sĩ bên Mỹ tham dự THU TAO NGỘ cũng khá đông. Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung và Phong Thu ở Washington DC. Nhà văn, nhà báo Chu Kim Oanh và phu quân Đoàn Phú Lạc ở Arizona. Nhà văn, nhà thơ Lưu Hồng Phúc và anh Thuận ở Dallas, TX. Riêng ở San Jose có tất cả 5 người đi chung. Đó là nhà văn, nhà thơ Dư Thị Diễm Buồn, Duy An Đông, Ngọc An, họa sĩ Vũ Hối và Mặc Giao.

Đón tiếp phái đoàn chúng tôi tại phi trường Charles De Gaulle gồm có Giáo Sư Nguyễn Thùy, GS Minh Nhật, GS Ngọc Chân, GS nhạc sĩ Phạm Đình Liên và phu nhân Minh Cẩm, vợ chồng chị Mây Thu...v...v...và anh Đỗ Bình, là người đã đứng ra tổ chức buổi TAO NGỘ này với tất cả sự nhiệt tâm và chu đáo. Anh cũng chính là người MC điều hợp chương trình THU TAO NGỘ cùng chị Vân

Hải. Xin cảm ơn anh, cho phép MG nói qua về anh một chút. MG chưa hề biết anh bao giờ. Nhờ có chiều THU TAO NGỘ, email qua lại MG mới biết anh là một nhà văn, nhà thơ. Và còn là một nhạc sĩ có tài, phổ nhạc từ chính thơ của mình rất hay. Rất có thể anh còn có nhiều tài khác nữa ở Paris mà MG chưa được biết đến cũng nên? Lúc chưa gặp anh, MG cứ tưởng tượng anh là một người đàn ông trung niên. Tóc hoa râu, chải gọn gàng, đeo mắt kính trắng gọng vàng giống như mấy ông Giáo Sư Đại Học Việt Nam thừ trước năm 1975 vậy. Nào ngờ khi gặp anh MG không thể nào ngờ được anh lại là một người mang hai giòng máu Ấn Việt. Từ dáng dấp đến khuôn mặt và mái tóc đầy nghệ sĩ tính. Nhìn anh không có một chút nào Việt Nam cả, thể mà tâm hồn anh lại tràn đầy quê hương Việt Nam. Đọc thơ và nhạc của anh, MG rất là cảm xúc. Được biết anh vẫn còn mẹ già ở Việt Nam, và cụ vẫn còn khỏe mạnh. Thật là một điểm phúc xin chúc mừng anh. Đó là nguyên nhân chính vì sao mà nguồn thơ lai láng chảy trong giòng máu của anh và văn hoá Việt Nam lại thấm nhuần với anh như vậy. Anh tâm sự: “Đó là vì tôi yêu mẹ tôi, mẹ tôi là người VN. Tôi yêu mẹ tôi nên tôi yêu cả đất nước, quê hương VN...”. Ôi! Cảm động thay tấm lòng những đứa con của Mẹ, dù ở chân trời góc bể nào cũng vẫn một lòng hướng về tổ quốc thân yêu. Một lần nữa xin chúc mừng anh còn hưởng được cái điểm phúc quý báu nhất là vẫn còn mẹ trên đời.

Chỉ có một điều MG hơi bị sốc một chút là không thấy chị Diễm Buồn đi chung một chuyến bay. Cứ những tưởng qua đến bên ấy thế nào cũng gặp nhau. Nhưng đến khi anh lên tiếng hỏi “Chị Diễm Buồn đâu?” Mặc Giao mới “hoảng” thật sự vì biết chắc là chị ấy rút lui rồi. Chị Tiểu Thu ơi! Khi trở về tới Canada chị nhớ mua vé máy bay qua Mỹ, em với chị

đi Sacramento tìm chị Diễm Buồn vật hết răng chị ấy không chừa một cái cho húp cháo luôn, oke! Vì chính chị ấy nói người nào hứa đi rồi mà không đi thì sẽ bị bẻ răng, chị nhớ không? Thấy MG cứ buồn buồn vì không có chị Diễm, nhà văn thơ Lưu Hồng Phúc mới vuốt lưng MG an ủi: “Thôi! đừng có buồn, không có chị Diễm Buồn thì đã có mấy chị Diễm Vui đây rồi còn sợ cái gì nữa!”. Chị Hồng Phúc thật là vui tánh khiến MG cũng cảm thấy bớt xa lạ.

Trở lại buổi họp mặt THU TAO NGỘ ngày 4 tháng 10 vừa qua tại Paris. Ngoài phái đoàn văn nghệ sĩ bên Mỹ (10 người, trừ chị Diễm Buồn phút chót không có mặt vì lý do cá nhân, còn lại chín). Còn có Vũ Nam và Trúc Giang, hai cây bút trẻ từ bên Đức qua. Hình như còn có một nhà văn đến từ Úc Châu (?) mà MG quên tên rồi (sorry!). Sở dĩ MG nhận lời đi Paris tham dự chiều THU TAO NGỘ là vì cũng muốn “đi cho biết đó biết đây, ở nhà với “bố” (gọi thay cho con) biết ngày nào khôn?”. Thứ hai vì tò mò muốn biết vị Bác Sĩ đọc văn của MG khi biết MG có mặt trong buổi chiều THU TAO NGỘ ở Paris có đến tham dự không? Và MG đã được toại nguyện. Vẫn là người rụt rè, nhút nhát, không ham danh lợi, không thích tiếng tăm. Cho nên MG chỉ để một cuốn sách ở bàn gọi là cho có “góp mặt”, rồi ngồi ẩn vào một chỗ sau khi đã chào hỏi quan khách đến tham dự. Vì MG nghĩ, nếu họ “thích” MG thì tự họ sẽ tìm đến thôi! Và quả nhiên phu nhân của Bác Sĩ Phan Khắc Tường đã tìm đến MG để “xin” cuốn sách 10 truyện kinh dị làm MG thật là cảm động. Xin cảm ơn phu nhân đã có nhã ý thương thức văn của MG. MG không có hỏi, nhưng có lẽ MG đoán không lầm thì Bác Sĩ là người quen với Ba nuôi của MG ở San Jose phải không ạ? Mà cho dù có không phải đi chăng nữa thì MG cũng rất hân hạnh. Một lần nữa xin cảm ơn Bác Sĩ.

Chúa Nhật THU TAO NGỘ bắt đầu từ 3 giờ chiều với sự điều hợp chương trình của hai MC Đỗ Bình và Vân Hải. Mở đầu là lễ chào Quốc Kỳ và hát Quốc Ca. Sau phần tưởng niệm những người đã bỏ mình vì tổ quốc là một màn ca múa rước đèn Trung Thu: "...Đèn ông sao với đèn cá chép. Đèn Thiên Nga với đèn bướm bướm. Em rước đèn này đến Cung Hằng..." của các em bé nhi đồng VN dưới sự hướng dẫn của chị Vân Hải. Cộng thêm với những miếng bánh dẻo, bánh nướng do chính tay Mặc giao làm từ bên Mỹ đem sang khiến càng gợi nhớ đến cái lễ Tết Trung Thu cổ truyền của dân tộc VN quê hương ta. Sau đó các em lại chuyển sang bài hát thứ hai: "Cái nhà là nhà của ta, ông Cổ ông Cha lập ra. Cháu con phải gìn giữ lấy, muôn năm với nước non nhà". Như một nhắc nhở đời đời cho con cháu sau này hãy nhớ đến cội nguồn, nhớ đến công ơn của Ông Bà, Tổ Tiên ta từ ngàn xưa lúc mới dựng cờ giữ nước.

Kế đến là lời chào mừng của Bác Sĩ Phan Khắc Tường, Chủ tịch CĐNVQG tại Pháp Quốc, và những lời phát biểu ngắn gọn của các vị có tên tuổi lớn ở Paris như đã nêu ở trên. Tuy mỗi người chỉ giới hạn trong thời gian ngắn ngủi có 10 phút, nhưng họ cũng đã trình bày được phần nào những nét đặc trưng Sự Huyền Diệu của Tiếng Việt. Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh đọc bài thơ cuối cùng của cuộc đời bà trước số đông bằng hữu. Nhà văn lão thành Tô Vũ giới thiệu tác phẩm mới của cây bút trẻ Trúc giang. Còn có nhà phê bình giáo sư Nguyễn Thùy điểm qua về cuốn sách "Những Món Ăn Theo Bước Chân Di dân" và một màn trình diễn phái đoàn văn nghệ Sĩ từ phương xa các nước lên sân khấu. Bên Mỹ thì có nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung (Washington DC) chủ nhiệm kiêm chủ bút Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm nói về Tạp Chí Cỏ Thơm của chị. Nhà văn Trúc Giang vừa

tâm tình với khán giả thật cảm động khi thuật lại những nét sinh hoạt cộng đồng của chị với người Việt tị nạn tại Tây Đức trong 30 năm qua, xúc động nhất khi chị giới thiệu tập san "30 năm Tri Ân Cap Anamur" của Hội Xây Dựng Tượng Đài TNVN tại Đức. Tượng đài vừa được khánh thành ngày 12 tháng 9 vừa qua tại Hamburg. Còn có sự diễn ngâm đặc biệt của nhà văn, nhà thơ Nguyễn Phan Ngọc An (San Jose) qua bài thơ của chính tác giả: "Mùa Thu trên đất nước tôi" thật cảm động. Rồi đến giáo sư Phạm Thị Nhung "bật mí" câu chuyện tình thầm kín của thi sĩ Vũ Hoàng Chương với nàng thơ của ông là người đẹp Tô Uyên. Xen kẽ trong chương trình còn có ngâm thơ, bình thơ, bình sách, đàn tranh và hát Opera cũng không kém phần hấp dẫn.

Chương trình được kết thúc vào khoảng 7 giờ tối cùng ngày mà quý khán giả vẫn còn ngồi kín hội trường. Phải nói là một thành công lớn, nhờ sự tổ chức uyển chuyển và điều hợp chương trình khéo léo của nhà văn Đỗ Bình. Một lần nữa xin cảm ơn anh đã cho Mặc Giao có cái cảm giác "hình như" người của Paris trân trọng người cầm bút hơn là người của San Jose thì phải? Sau cùng là lời cảm ơn và lời tâm sự của MG gửi đến ban tổ chức cùng tất cả quý vị có mặt trong buổi chiều THU TAO NGỘ ấy.

Trước hết, MG xin cảm ơn ban tổ chức, quý anh chị văn nghệ sĩ của Paris THU TAO NGỘ, đã tạo điều kiện cho tất cả các anh chị em của chúng tôi nói chung và cá nhân MG nói riêng. Từ phương xa các nước tựu về Paris để có dịp hàn huyên, tâm sự, quen biết thêm bạn bè mới và thắt chặt thêm tình bằng hữu. Một lần nữa xin cảm ơn ban tổ chức về một buổi chiều lành lành trên giòng sông Seine với bữa cơm tối đượm ấm tình người trong một nhà hàng sang trọng "CLÉMENT" trên đại lộ được mệnh danh là đẹp nhất thế giới

“CHAMPS ÉLYSÉES” và một buổi tối dạo quanh thành phố Paris, kinh đô rực rỡ ánh sáng về đêm thật khó quên này. MG cũng xin phép quý vị cho MG được có đôi lời tâm sự gửi đến quý vị gọi là để ra mắt lần đầu tiên gặp gỡ của MG

Kính thưa quý vị, MG là một người phụ nữ VN sinh ra và lớn lên trên đất mẹ. Đã từng sống đến hơn nửa đời người trên quê hương của mình rồi mới đi định cư tại Mỹ, cho nên đầu óc của MG vẫn còn rất là thủ cựu và nghiêng nhiều về nề nếp đạo đức, giáo dục Khổng Mạnh của ông bà Tổ Tiên ta từ ngàn xưa để lại. Bởi thế cho nên khi đã lập gia đình rồi MG vẫn không thể nào quên được câu “thuyền theo lái gái phải theo chồng”. Cho nên ông xã MG đặt đâu MG phải gồi đấy không dám cãi.

Ông xã của MG dưới con mắt của nhà văn Tiểu Thu giống như là một nhà giáo đạo đức, nguyên tắc và khó như một ông cụ non (có lẽ bây giờ đang trên đường trở thành một ông già rồi chứ không phải là một ông cụ non nữa quý vị ạ!). Ông xã MG không bao giờ dám bài xích những người viết văn mà chỉ không muốn có một bà vợ làm văn sĩ. MG không phải là một nhà văn chuyên nghiệp, mà chỉ là tác giả những bài viết về chuyện ngắn và chuyện dài của mình mà thôi! Nhưng dù gì đi nữa đã cầm bút, không ít thì nhiều cũng dính líu đến hai chữ văn sĩ làm ông xã không được hài lòng lắm!

Vì không được sự ủng hộ của ông xã cho nên MG rất là rụt rè và nhút nhát. Hơn bảy năm qua, MG chỉ dám âm thầm lặng lẽ viết trong bóng tối chứ chưa bao giờ dám xuất đầu lộ diện. Đây là lần đầu tiên MG dám xuất hiện trước đám đông, danh chánh ngôn thuận với bút hiệu Tôn Nữ Mặc Giao của mình. Đó là nhờ hai chị Diễm Buồn và Tiểu Thu. Xin cảm ơn hai chị đã hết lòng khuyến khích MG. Nhất là chị Diễm Buồn, tuy phút cuối cùng chị

không đi, nhưng MG vẫn phải cảm ơn chị đã có nhiều lời giải thích để ông xã MG hiểu và thông cảm mà cho phép MG được xuất hiện ngày hôm đó.

Nói đi nói lại thì cũng phải cảm ơn ông xã MG một tiếng, vì tuy anh không ủng hộ MG viết văn nhưng cũng đã giúp đỡ. Làm bìa, lay out và in sách bằng computer cho MG được hai tập truyện ngắn, một cuốn truyện dài và một tập 10 truyện kinh dị mà sau khi đi Paris về, MG không còn dư được một cuốn nào nữa hết.

MG cũng xin cảm ơn tất cả quý vị có mặt ngày hôm đó đã cho MG được có cơ hội hiện diện trong ngày THU TAO NGŨ vừa qua. Mong là quý vị sẽ thông cảm và tha thứ nếu như MG có cái gì không thuận mắt hoặc là không vừa ý quý vị. MG cũng rất mong muốn là quý vị sẽ mở rộng vòng tay đón nhận để MG được góp mặt trên diễn đàn văn bút tại hải ngoại kể từ bây giờ. Xin cảm ơn.

Thương mến gửi đến quý anh chị vài giòng thơ cảm xúc về mùa Thu của MG:

ĐÊM THU

Trăng mùa Thu khuyết hay tròn?
Gió mùa Thu vẫn ngọt ngào đưa hương
Hương Thu quyên rũ lạ thường
Ngát ngát lòng khách vấn vương hồn người

Thu ơi! Ghé lại mời Thu
Cùng Thu ta đợi trăng ru giấc nồng
Nhờ Trăng ta được ngủ yên
Dấu hờn vong quốc vui niềm nhớ quê.

TÔN NỮ MẶC GIAO
(San Jose)

THU PARIS-TÌNH YÊU VÀ NHỮNG NỤ HÔN

Phong Thu

THU ƠI TA CHÀO MI!

Thu đã về rồi phải không Thu? Trên thính không đã có những đàn chim di bay lang thang về phương Nam sớm hơn mọi năm. Những hàng cây bên đường đã chuyển màu. Tôi có thể nhìn thấy những chiếc lá còn xanh có chen lẫn với màu vàng chanh, màu rượu chát, màu nâu, đỏ bầm, hồng, vàng úa, xám như hàng triệu đoá hoa muôn màu bùng lên trong sắc trời u buồn và dai dẳng những cơn mưa rả rít. Mùa Thu đẹp và buồn nào nùng khiến lòng tôi se thắt lại một cảm giác nôn nao, xao xuyến khó tả. Tôi yêu mùa Thu lạ lùng vì nét đẹp quyến rũ của thu, của bầu trời xám đục màu chì, của những chiếc lá vàng rơi rụng bay giữa lưng trời trong sắc thu êm ả, tịch liêu. Hàng ngày đi làm về, tôi thường ngồi bên song cửa nhìn ra vườn và băng khuân nhìn những hàng cây trút lá rơi âm thầm trên cỏ úa. Mười ngày nay, trời u ám, trở lạnh, mưa gió toi bồi và nhiệt độ xuống thấp kỷ lục đã được những nhà khí tượng học ghi nhận rằng đây là mùa Thu lịch sử của Hoa Kỳ. Nhiệt độ xuống thấp nhất trong vòng 130 năm qua. Người bạn đời của tôi cũng mê viết lách. Anh suốt ngày vui đầu trên máy điện toán, biên tập những quyển sách dày cộm cho hai nhà xuất bản lớn ở New York và Florida gửi đến. Nhưng anh cũng thích thú dành thời gian ngắm bầu trời thu đầy lá chết và những cơn mưa buốt giá. Anh đã nói với tôi rằng Washington D.C nhiệt độ dưới 45 độ F. Nhưng nhiều tiểu bang khác

có tuyết rơi nhẹ. Hàng cây phong trong sân nhà tôi lá ửng lên màu vàng cam rực lửa, lá phong vào thu đẹp như những chùm cúc mâm xôi đang mọc bên thềm.

Sau những ngày âm u, trời ửng lên chút nắng, cũng là lúc tâm trạng u hoài của tôi vơi đi. Tôi liên tưởng và nhớ lại những ngày “Thu Tao Ngô”, lần đầu tiên tôi đặt chân đến Paris. Tôi gặp lại khuôn mặt bạn bè thân quen và xa lạ. Paris bây giờ lá có vàng thêm trên những hàng cây dọc theo hai bờ sông Seine êm ả, dịu dàng. Hay bây giờ Paris đang mưa để tiếng reo của gió làm héo úa những hàng cây dọc theo đại lộ Khải Hoàn Môn? Nắng có rộn ràng theo những bước chân của khách lãng du không? Hay Paris đã lặng im, chìm trong những ngày mưa rả rít. Đêm đầu tiên ở Paris, chúng tôi đi bộ dọc trên vỉa hè. Những quán cà phê, quán ăn bên đường đèn sáng choang. Quán nào cũng đông người. Những quán cà phê trên vỉa hè với những chiếc ghế và những cái bàn con con là nét độc đáo, riêng biệt của Paris. Nhìn Paris, tôi nhớ Sài Gòn da diết bởi kiến trúc xây dựng, phố xá và phong cách sống của người Paris mang dáng nét của người Sài Gòn. Nhiều nơi tôi đi qua, tôi cứ ngỡ Đà Lạt ngàn thông. Paris là thành phố nửa cổ kính, nửa hiện đại. Những con đường lát đá hàng ngàn năm vẫn giữ nguyên hình dáng cũ. Nhiều con đường nhỏ uốn lượn trên những con dốc cao và đổ xuống những con đường lớn. Người Paris sống rất nhàn hạ, họ đi thong thả trên đường phố, họ ăn uống, vui chơi bình thản trên những con phố cô ôn ào, náo nhiệt.

Những ngày ở Paris, người bạn đồng hành với chúng tôi là Giáo Sư Nguyễn Ngọc Chân, ông là một người sinh trưởng tại Cam Bốt, sang Pháp trên 30 năm nhưng vẫn nói tiếng Việt rất sõi. Ông dẫn chúng tôi đi thăm nhiều nơi như: Champs-Élysées Opéra, Sacré Coeur, Tour Eiffel, Trocadéro, L'Obélisque, Notre-Dame... Ông giải thích cho chúng tôi biết những di tích lịch sử, những nhà thờ và những kiến trúc đặc biệt, nổi tiếng. Ông còn nhớ cả những bài ca dao, dân ca và những bài thơ trữ tình. Ông nói với chúng tôi về tình hình đất nước, sự tàn ác ngu xuẩn của chế độ Cộng Sản. Tôi không những phục ông về kiến thức mà còn kính trọng giáo sư vì trong trái tim ông vẫn nuôi dưỡng, hun đúc tình yêu sâu đậm đối với quê hương, dân tộc đau khổ mang tên Việt Nam. Chị Mây Thu và anh Nguyễn Thanh giản dị, hiền hậu và nhiệt tâm. Hai vợ chồng chị đã cùng với anh Đỗ Bình, anh Nguyễn Thùy, chị Mai Ling, vợ chồng chị Thi Như đã đón chúng tôi từ sân bay và đi theo giúp đỡ chúng tôi trong suốt cuộc hành trình.

Ngày thứ hai, với sự hướng dẫn của anh Võ Hùng Anh và phu nhân, và nhà thơ Đỗ Bình cùng phu nhân, đã đưa chúng tôi đi du thuyền trên dòng sông Seine. Buổi chiều trên sông Seine làm tôi nhớ lại bài hát “Chiều Trên Sông Seine” của nhà thơ Đỗ Bình. Dòng sông Seine huyền diệu đã đi vào thơ ca của nhiều thế hệ. Tôi chưa đọc hết những thi phẩm Pháp nói về dòng sông Seine. Nhưng bài hát của nhạc sĩ Đỗ Bình đã diễn đạt thật đầy đủ nét đẹp gợi cảm của dòng sông Seine: “Chiều tà thơm nắng tơ. Thu về soi bóng sông Seine lững lờ. Chuyện tình như áng mây. Theo cánh chim xưa bay về phương nao....” . Và bao năm trôi qua trên xứ lạ quê người, tác giả cảm nhận rằng “... kiếp tha hương buồn tênh. Người quanh ta hừng hờ...”, xa lạ. Những dư âm của



Phong Thu và Lê Nguyễn

tình yêu, tình người lãng đãng, rơi rụng như những chiếc lá bay ngang dòng sông Seine. Những gì êm đềm của ngày xưa chỉ còn trong cõi mộng. Anh từ nhà tù trở về, chỉ còn thân xác của một kẻ tật nguyền. Đôi mắt anh không còn sáng sau những năm tháng tù đày.

Từ con thuyền trôi trên dòng sông Seine, chúng tôi có thể nhìn thấy những biệt thự, những ngôi giáo đường cao ngất với những cấu trúc rất tinh vi. Nắng chiều rơi trên dòng sông một màu vàng óng ả, mượt như nhung.

NỤ HÔN VÀ TÌNH YÊU

Nụ hôn là biểu hiện của tình bạn, tình thương mến, tình yêu, tình người. Nếu loài người ban phát cho nhau nhiều nụ hôn thì thế giới này bớt ganh ghét, hận thù, tranh giành và chém giết lẫn nhau. Người Mỹ biểu hiện tình cảm bạn bè bằng cách bắt tay hoặc ôm vai nhau và thân thiết hơn họ hôn nhau trên má. Nhiều người Việt ở Mỹ trên 30 năm vẫn làm bộ đạo đức giả cho rằng không tốt, không đứng đắn. Đến Paris, tôi mới thấy nụ hôn thật sự có ý nghĩa. Những người bạn tôi gặp là những trí thức nổi tiếng, tài hoa họ đã dành cho chúng tôi những nụ hôn thật đầm ấm “Ôm chằm lấy và đặt má của tôi áp vào má họ

ở cả hai bên”. Tôi cảm thấy ấm áp tình bạn, gần gũi và xúc động. Nhà thơ Đỗ Bình ôm tôi và nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung trên sân bay, nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên chạy đi kiểm chúng tôi trong khách sạn và ôm hôn lên má. Nhạc sĩ lão thành Lê Trạch Lưu đã gọi trên má tôi hai nụ hôn chia tay, vợ chồng nhạc sĩ Phạm Đình Liên, nhà phê bình Nguyễn Thùy cũng tặng tôi những vòng tay thân ái và những nụ hôn, chị Thi Như cũng áp má hôn tôi từ giả. Tiến Sĩ Hải Yến và phu quân đã hướng dẫn chúng tôi đến Place Vendôme nơi Tổng Trường Tư Pháp cư ngụ và khách sạn Vint, nơi công chúa Diana ở lúc sinh thời. Chị cũng chỉ cho tôi xem nơi văn hào lừng danh Victor Hugo sinh sống. Hải Yến trông giản dị, mộc mạc, dễ mến. Chị có tài ca vọng cổ rất mùi làm tôi thích thú. Chị đã ôm hôn tôi hai bên má khi chia tay. Nghệ sĩ Bích Xuân không biết về tôi nhiều. Nhưng ngày chia tay chị hôn tôi nhiều nhất (có lẽ gần mười nụ hôn). Tôi cầu mong chị tìm được sự bình an, hạnh phúc trong cuộc sống đơn độc. Nhiều khi cuộc sống lứa đôi chỉ là một tấm bình phong che mắt thế gian. Còn đằng sau là những tiếng gào, hét, những lời nói không đẹp và hành hạ nhau cả cuộc đời. Đó cũng là bi kịch của những nụ hôn không trọn vẹn. Hay nơi đó, chúng ta chỉ tìm thấy nửa nụ hôn hờ hững, giả tạo.

Ngày 3 tháng 10, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Chân và chị Thu Mây hướng dẫn chúng tôi đến viếng thăm nhà thờ Notre Dam De Paris. Ngôi nhà thờ mà tôi mơ ước một lần đặt chân đến từ khi còn là một cô bé con mười hai tuổi. Tác phẩm lừng danh “Thăng Gù Nhà Thờ Đức Bà” văn hào tài hoa Victor Hugo đã cuốn hút hàng triệu người say mê trong nhiều thập kỷ. Ông là thần tượng văn học mà tôi yêu thích, ngưỡng mộ. Khi vào trường Đại Học, tôi học hai chương trình văn học: Văn Học Việt Nam và

Văn Học Thế Giới. Văn Học Việt Nam do giáo sư Lê Trí Viễn giảng dạy. Nhưng Văn Học Thế Giới lại là con gái của thầy là cô Phương Thảo hướng dẫn. Cô có giọng nói êm ái và có tài kể chuyện rất thu hút khiến cho mấy anh sinh viên trong lớp say mê. Cô kể liên tục tiểu thuyết “Thăng Gù Nhà Thờ Đức Bà và Những Người Khôn Khở” vào cuối giờ học làm cho tôi mơ ước và nuôi dưỡng một ngày nào đó sẽ đặt chân trong ngôi giáo đường đã đi vào lịch sử nền văn học Pháp. Notre Dame de Paris có nghĩa là 'Our Lady of Paris' in French”, là ngôi nhà thờ bắt đầu xây dựng từ năm 1163, và thời gian xây dựng kéo dài qua nhiều giai đoạn. Có thể tóm gọn cho các bạn cùng tìm hiểu “Timeline of construction”:

1160 Maurice de Sully (Bishop of Paris), Đức Giám Mục - Maurice de Sully ở Paris đã có ý định phá huỷ ngôi nhà thờ nhỏ để xây dựng ngôi nhà thờ lớn (orders the original cathedral to be demolished).

1163 Viên gạch đầu tiên đặt nền móng để xây dựng Notre Dame (Cornerstone laid for Notre Dame de Paris — construction begins).

1182 Thánh đường và nơi hát thánh ca hoàn thành (Apse and choir completed)

1196 Đức Giám Mục Maurice de Sully qua đời và Đức Giám Mục Eudes de Sully tiếp tục xây dựng (Bishop Maurice de Sully dies. Bishop Eudes de Sully (no relation) takes over the project.

1200 Bắt đầu xây dựng mặt tiền của hướng Tây (Work begins on western façade).

1208 Đức Giám Mục Eudes de Sully qua đời. Gian giữa của giáo đường xây dựng gần xong (Bishop Eudes de Sully dies. Nave vaults nearing completion)

c.1225 Mặt tiền hướng Tây đã hoàn thành (Western façade completed)

1250 Vòm mái hướng Tây và cánh cửa Hoa Hồng hướng Bắc đã hoàn chỉnh (Western towers and north rose window completed)

c.1245–1260s Những họa tiết trên cửa Hoa Hồng được trang trí trở lại bởi hai họa sĩ-kiến trúc sư Jean De Chelles và Pierre de Montreuil (Transepts remodelled in the Rayonnant style by Jean de Chelles then Pierre de Montreuil) 1250–1345 Nhà thờ đã xây dựng hoàn chỉnh (Remaining elements completed).

Notre Dame của Paris nổi tiếng thế giới không chỉ kiến trúc độc đáo của nó mà Notre Dame còn là một trong những kiến trúc đầu tiên đã sử dụng flying buttress (arched exterior supports) như những cánh tay nhỏ vươn ra như những cánh bướm để nâng đỡ, bảo vệ ngôi nhà thờ thêm vững chắc (Notre Dame de Paris was among the first buildings in the world to use the flying buttress (arched exterior supports)).

Đặc biệt trong nhà thờ có một giàn nhạc rất vĩ đại có 7.800 pipes, với 900 classified đã có từ mấy trăm năm, 109 phím đàn phía trên, có đến năm dãy 56 phím manual và một dàn phím đàn bằng chân có 32 phím (The organ has 7,800 pipes, with 900 classified as historical. The organ has 109 stops, five 56-key manuals and a 32-key pedalboard). Giàn nhạc độc nhất vô nhị này rất khó sử dụng và chỉ có một số nhạc sĩ tài ba nhất Paris mới có thể chơi được nhạc cụ này (có dịp tôi sẽ trở lại).

Chị Mây Thu và tôi vào bên trong nhà thờ. Mắt chúng tôi chạm phải những ánh nền lung linh đặt trên những chiếc đĩa tròn màu bạc có trụ bằng sắt của dải hành lang bên phải, được nối tiếp nhau bằng những sợi dây xích chia

thành từng ngăn để mọi người vào cầu nguyện. Có hai người tuổi trẻ đang âu yếm bên nhau. Cô gái người Pháp có khuôn mặt trang nhã, mái tóc dài vàng óng đứng tựa đầu vào vai của người tình. Người thanh niên tuấn tú, cao lớn choàng tay qua vai người yêu và cả hai thì thầm cầu nguyện. Tôi đi một vòng nhà thờ, xem các bức tranh, tượng chạm trổ cầu kỳ, những hoa văn trên các cửa sổ, trên tường và nghe lời cầu kinh vang vọng. Nhà thờ đông nghẹt người nhưng mọi người nói chuyện rất khẽ và không gây náo động trong buổi cầu kinh. Giữa thánh đường rộng thênh thang



những hàng ghế đông nghẹt người đến cầu kinh. Vị linh mục da đen mặc áo choàng màu trắng và bốn cô gái mặc áo choàng màu xanh dương đang hát thánh ca. Một làn khói trắng từ dưới bục gỗ bay lên nghi ngút khiến cho buổi cầu kinh thêm phần long trọng. Khi tôi đi ra đến cửa và chụp hình khung cảnh nhà thờ thì tôi gặp lại hai người trẻ tuổi. Hình như đối với những người trẻ tuổi yêu nhau, không gian đang dừng lại, những

đám đông xung quanh không làm cho tâm trí họ bị chi phối. Cả hai đang say đắm bên nhau. Họ quấn quýt, âu yếm, hôn nhau. Hình ảnh đó thật sống động, thật kỳ diệu và thật tuyệt vời khiến tôi xúc động. Tôi chụp hình của họ như một biểu tượng cho cái đẹp, cái thanh khiết vĩnh cửu để tôn vinh tình yêu. Cầu mong họ mãi mãi bên nhau trong êm ái và hạnh phúc

GẶP BẠN HIỆN

Trước khi đi Paris, tôi có dự định ngoài việc viếng thăm gia đình nhà thơ Đỗ Bình, nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên và vài người bạn

khác tại Paris. Nhưng thời gian và những yếu tố khách quan không cho phép. Cuối cùng tôi chỉ còn gặp được Lê Nguyên, Chủ Biên Phù Sa online. Website của anh đã thu hút tôi ngay từ những ngày đầu tiên Phù Sa ra đời. Thế nhưng mấy năm gần đây, tôi mới bắt đầu gửi bài cho Phù Sa. Anh dành cho tôi một Mục Thư riêng trên trang Văn Học. Lần đầu tiên gặp Lê Nguyên, tôi đã có cảm tình ngay do phong cách giản dị, giọng nói miền Nam gần gũi, chân thật. Chúng tôi đi uống cà phê và nói chuyện về vấn nạn của Bát Nhã ở Lâm Đồng, Đà Lạt. Một vấn đề nổi cộm gây chấn động lương tâm mọi người trong và ngoài nước. Nó đánh dấu bàn tay tàn độc, hiểm ác và vô nhân đạo của chế độ cầm quyền Hà Nội đối với Phật Giáo. Lê Nguyên quan tâm về tình hình chính trị của đất nước. Nhiều người mang danh tị nạn cộng sản, nhưng họ quan niệm rằng văn học nghệ thuật là để tụ họp, ăn uống, vui chơi, nhảy đầm, giải trí. Lê Nguyên vượt lên những quan niệm dung tục, tầm thường, anh cho rằng văn học nghệ thuật là để giúp đạo và đời. Nếu văn học không hai mang chức năng đó thì không mang lại giá trị cho cuộc sống, cho con người và không giúp được gì cho quê cha đất tổ. Nhiều người quan niệm viết văn, làm thơ để lấy danh. Họ sẽ cười chê, phỉ báng, chế nhạo quan điểm của anh. Thế nhưng, văn học nghệ thuật nếu không phản ánh được xã hội, lịch sử và thân phận con người, để giúp con người hướng thiện và tìm ra chân thiện mỹ thì người cầm bút đã không hiểu chức năng của mình một cách đầy đủ. Hay đúng hơn họ chẳng hiểu gì về vai trò của văn học nghệ thuật.

Lê Nguyên cho tôi biết cuộc triển lãm đặc biệt cảnh báo sự “Bức Tử của Dòng Mekong” làm tôi tò mò. Anh lái xe đưa tôi đến đó xem. Những bức ảnh chụp về dòng sông Mekong được phóng lớn và treo từng hàng dọc theo

hàng rào của vườn Luxembourg. Những bức hình được lựa chọn từ các nước có liên quan đến dòng Mê Kông: Tây Tạng, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Campuchia, Miên Điện... Những bức hình này đang báo động với thế giới về sự nguy hại của dòng Mekong khi con người khai thác nó quá đáng.

Dự án con đập Pa-Mong ở hạ lưu sông Mekong là con đập lớn giữa biên giới Thái – Lào nằm trên dòng chính sông Mekong. Nó sẽ cung cấp nguồn điện trên 2.000 MW, cải thiện thủy lộ giao thông, phát triển kinh tế cho toàn vùng đông bắc Thái Lan và Lào với hồ chứa dài hơn 300 km.

Thượng lưu sông Mekong, Trung Cộng xây đập Tiểu Loan (Xiaowan) trên dòng chính sông Lan Thương, đứng thứ hai sau con đập Tam Hợp (Three Gorges Dam) lớn nhất thế giới trên sông Dương Tử. Công suất đập Tiểu Loan là 4,200 MW là con đập cao nhất thế giới (292 mét), tương đương với tòa nhà chọc trời cao 100 tầng, với dung lượng hồ chứa lên tới 15 tỉ mét khối nước lấy từ con sông Mekong, sẽ bắt đầu hoạt động từ năm 2010, cung cấp điện cho tỉnh Quảng Đông và các tỉnh lân cận.

Theo tài liệu của Ủy Ban Sông Mekong có trụ sở ở Bangkok, Trung Cộng đã xây dựng mười bốn con đập trên dòng chính thượng nguồn sông Mekong, chưa kể vô số những con đập ở phụ lưu như: Xiaowan (Tiểu Loan), Manwan (Mạn Loan), Daichaosan (Đại Chiêu Sơn), Nuozhado; Jinghong (Cảnh Hồng), Gunlanba và Mengsong. Liutongsiang; Jiabi; Wunenglong; Tuoba; Huangdeng; Tiemenkan; Guongguoqiao;.

Dòng Mekong sẽ bị bức tử trong một thời gian không xa và những hiện tượng địa chấn gây động đất có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Câu chuyện thần thoại về ngọn sóng thần của những con đập bị vỡ sẽ cuốn theo hàng triệu triệu sinh

linh sống dưới hạ nguồn không còn nằm trong tiêu thuyết. Thật kinh hoàng cho sự tham lam, cuồng vọng và tàn ác của Trung Cộng.

Hai chúng tôi đi vòng quanh Luxembourg, anh chỉ cho tôi xem ngôi nhà của Thượng Viện của Pháp đồ sộ nằm trong khuôn viên Luxembourg. Mặt tiền của Thượng Viện đối diện với con đường đông đúc xe cộ nhưng bên trong là một vườn hoa xinh đẹp, có đặt những chiếc ghế cho mọi người nghỉ chân, có quán ăn, giải khát nằm khuất dưới những hàng cây xanh tươi. Và mọi người bình thân chạy bộ, tập thể dục thể thao. Chúng tôi đi dưới những hàng cây đầy lá chết. Lê Nguyên kể cho tôi nghe về cuộc đời mờ tối của anh, về những chuyến vượt biên bất thành khiến anh mất trên 265 cây vàng trước khi vượt thoát ra hải ngoại. Anh kể về nỗi buồn và nỗi nhục nhằn của đời tị nạn, bị vu oan, bị chụp mũ cộng sản... đã khiến anh quyết định đến với cửa Phật. Anh đã tìm được nơi nâng đỡ tinh thần bằng sự tĩnh lặng, an lạc của tâm hồn. Thiên là một phương pháp tốt nhất để tịnh tâm. Nhìn anh, tôi lại nhớ đến Đinh Ban Thuận, người chị, người bạn luôn gần gũi bên tôi. Mùa thu này chị sẽ rời trụ sở đài truyền hình ABC của Hoa Kỳ để về hưu non. Trong khi nhiều người bon chen tìm danh lợi thì chị dứt bỏ tất cả để tìm đến cửa thiền môn. Chị sống đơn độc hơn mười lăm năm từ khi người bạn đời đã về cõi viên mãn. Chị yêu anh đến mức không bao giờ còn tìm được người thứ hai thay thế cho anh. Giữa cuộc sống sôi động, đầy cảm dỗ, với địa vị xã hội trí thức cao trọng chị vẫn giản dị, khiêm tốn, chung thủy, tử tế với mọi người. Chị chơi với tôi không bao giờ so bì hơn thiệt, được không. Đối với chị tiền tài, danh vọng chỉ là phù du, cát bụi. Tôi cảm ơn cuộc đời còn cho tôi những người bạn hiền. Bữa tiệc cuối cùng sẽ diễn ra vào ngày 31 tháng 10 để chị từ giã bạn bè về hưu trí, từ bỏ cương vị của một nhân viên

uy tín, tận tụy với đài trên 30 năm. Tôi bỗng lo lắng khi chị mong muốn rời khỏi Hoa Kỳ trong một thời gian khá dài và tôi sẽ rất hiếm hoi gặp lại chị. Tôi gọi điện thoại nói với chị về nỗi lo của tôi. Chị cười và nói rằng “Chị sẽ cho Phong Thu biết tin chị sẽ làm gì và đi đâu?”.

Ngày 7 tháng 10, tôi và nhà thơ Đỗ Bình gặp lại Lê Nguyên lần sau cùng bên quán cà phê đối diện toà nhà Thượng Viện. Anh tặng tôi một bịch nấm Linh Chi. Nấm Linh Chi mang theo tình bạn lần gặp gỡ đầu tiên của tôi và Lê Nguyên.

ĐỖ BÌNH VÀ THU TAO NGÔ

Với đôi mắt đã mờ theo những năm lao tù và những bệnh tật đeo đẳng, nhà thơ Đỗ Bình vẫn muốn gọi lại cho đời những rung cảm của con tim qua những vần thơ, những bài hát. Anh vẫn giữ vai trò Chủ tịch Câu Lạc Bộ Văn Học Paris và hàng năm tổ chức những buổi họp mặt văn nghệ, ra mắt sách cho các văn nghệ sĩ ở Paris và nơi khác đến.

Năm nay, “Thu Tao Ngô” đã đến với anh bằng những cơn bão, những trận mưa rào làm anh ướt áo, nhức đầu, sổ mũi?!...Nhưng anh đã thành công một cách ngoạn mục do sự linh động và tài điều hợp chương trình của anh với sự cộng tác của nữ sĩ Vân Hải và Ban Tổ Chức.

Thu Tao Ngô quy tụ được một lực lượng tri thức, chất xám đáng kể của Paris. Những người tôi chỉ nghe tên tuổi, tài năng nhưng chưa bao giờ biết mặt: Tiến Sĩ Nguyễn Văn Hương tức nhà thơ Hoài Việt và phu nhân Huệ Châu, ông bà Bác Sĩ Phan Khắc Tường, chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Paris, nhà văn nữ Mai Ling, Bác Sĩ Phạm Hữu Trác (Canada), nhạc sĩ Phạm Đình Liên và phu nhân Minh Cẩm, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Chân, Giáo Sư Bùi Sỹ Thành, Giáo Sư Thái Hạc Oanh, nhà văn Tô Vũ, nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, nhà văn Hồ Trường An, Nữ nghệ sĩ Diệu Khánh, điêu khắc gia Anh Trần, Bác Sĩ Huỳnh

Trung Nhi, Luật Sư Dương Thái Chân, Bác Sĩ Nguyễn Bá Hậu, nhà thơ Phương Du, Tiến Sĩ Hồ Minh Trâm, Ông Võ Hoài Nam (nhà văn Tiểu Tử), Giáo Sư Như Mai, Bác Sĩ Vũ Thị Thoa, Tiến Sĩ Nguyễn Thị Kim Đan, Giáo Sư Phạm Thị Nhung, nữ sĩ Vân Hải, nhà báo Phạm Hữu, nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, nhà văn Trọng Lễ, kỹ sư Nguyễn Xuân Lan, nhà thơ Quyên Tâm, họa sĩ Nguyễn Đức Tăng, Giáo Sư Tư Trì, Giáo Sư Âm Nhạc Nguyễn Thanh Vân (đàn tranh), nhà thơ Mây Thu và phu quân Nguyễn Thanh dễ mến, vợ chồng nghệ sĩ Võ Hùng Anh và vợ chồng chị Thy Như. Bên cạnh nhà thơ Đỗ Bình là phu nhân Thúy Hằng, người vợ hiền cũng là một ca sĩ đã sát cánh bên anh trong tất cả các buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật. Nhà thơ Đỗ Bình còn lời cuốn đờn hai trí thức nổi tiếng từ nhiều thập niên qua là nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên và phu nhân và nhà phê bình văn học lão thành Nguyễn Thùy đến từ Thụy Sĩ. Những ca sĩ yêu văn học nghệ thuật của Paris cũng đã đến tham dự và đóng góp tài năng cho nghệ thuật như: Ca sĩ Minh Nhật, người ca sĩ đã một thời vang danh nay vẫn đến chia sẻ tâm tình và cùng chúng tôi lang thang trên thành phố Paris, ca sĩ Đỗ Quyên và giáo sư Nicole Rivière, ca sĩ Bích Liên, ca sĩ Ambrosio Laurent, ca sĩ Ngọc Châu. Ngoài ra còn có mặt hai nhà đấu tranh trong cộng đồng người Việt tại Paris là Trần Hồng và Nhật Long và các em thiếu nhi xinh xắn, dễ yêu trong tà áo dài khăn đóng với chiếc lồng đèn trong tay. Hội trường đông nghẹt không còn có chỗ ngồi, ban tổ chức phải xếp ghế hai bên hành lang. Số lượng quan khách Paris đông đảo trong ngày “Thu Tao Ngô” là để chào đón những tác giả phương xa cùng viết chung tác phẩm “Món Ăn Theo Bước Chân Di Tản” như: Nguyễn Thị Ngọc Dung (Chủ Nhiệm tập san Cỏ Thom) và Phong Thu (Washington D.C), Vũ Nam

(Đức), Tiểu Thu (Canada), Duy An Đông, Ngọc An, Mặc Giao (Califorina). Tháp tùng đoàn còn có nhà danh họa Vũ Hối (Washington D.C), nhà biên khảo Nguyễn Văn Nhiệm (Đức), Hồng Phúc và Nguyễn Thuận (TX), Trúc Giang và phu quân (Đức), Chu Kim Oanh và phu quân (Arizona).

Thu Tao Ngô là nét đặc thù riêng sinh hoạt văn học nghệ thuật của Paris. Cùng một lúc, chương trình đã giới thiệu nhiều tác giả và tác phẩm khác nhau với những nội dung phong phú đa dạng. Chiều Thu Tao Ngô đã để lại một dư âm ngọt ngào trong lòng mọi người.

GIÃ TỪ PARIS VÀ NHỮNG NGƯỜI TÔI YÊU

Ngày vui qua mau, ngày chia tay cuối cùng chúng tôi còn gặp lại Nguyễn Thùy, nhà phê bình nhỏ nhắn, dễ mến, vui tính, bộc trực và mê thuốc lá. Nhớ Nguyễn Thùy, tôi phải làm thơ con cóc “Khói thuốc bay trong chiều lãng đãng. Anh về dệt mộng buổi chiều thu”. Nhà thơ Đỗ Bình bị tôi hành hạ nên phải đón Metro vượt chặng đường dài hơn 60 Km để đến giúp bạn bè. Anh chạy ngược xuôi trên đường Luxembourg trong một tiếng đồng hồ để tìm mua chiếc vé đậu Parking. Rồi cả buổi trưa, anh loay quay đi tìm nhà bác sĩ Nguyễn Bá Hậu nhờ làm giúp bạn giấy tờ để tiết kiệm tiền vé máy bay \$500 cho bạn. Với đôi mắt đã mờ và thường xuyên chảy nước mắt, anh phải xin lỗi tôi liên tục vì anh không thấy đường để đọc những hàng chữ trên đường. Thương anh, tôi chỉ còn biết im lặng mà nhìn. Tôi cảm thấy mình có lỗi với anh. Vợ chồng nhạc sĩ Phạm Đình Liên và Minh Cẩm, Bích Xuân, Họa sĩ Vũ Hối, Ngọc An cũng có mặt trong buổi chia tay. Bữa ăn chia tay cuối cùng là một bữa ăn lịch sử chưa bao giờ xảy ra trong đời tôi. Tôi sẽ trân trọng gìn giữ mãi tình cảm chân thành của bạn bè thân thương trong ký ức. Và tôi

cũng dọn dẹp sạch sẽ những cây gai nhọn trên đường tôi đã đi qua. Tạm biệt Paris, thành phố “ánh sáng và nước”, với những người bạn mới gặp gỡ chưa kịp nắm tay nhau đã phải chia tay, của những người hát rong nhảy múa trên đường phố, của những nụ cười và những nụ hôn. Biết đến bao giờ tôi mới trở lại Paris. Và ngày đó, có còn không nhạc sĩ Lê Trạch Lựu kể cho tôi nghe sự ra đời của bài hát “Em Tôi”, nhà văn Hồ Trường An với những bài thơ trải rộng tình quê hương, bạn bè trong tuyển tập thơ “Vườn Cau Quê Ngoại”. Nhà phê bình Nguyễn Thùy nói cười rỗ ràng, say mê nghiên cứu và viết tiểu thuyết. Bóng chiều đã ngã xuống cuộc đời của những người tài hoa. Niềm mong ước của tôi là cầu chúc cho tất cả bình an trong cuộc sống.

Trở về Washington D.C, hành trang tôi trĩu nặng tình và trĩu nặng tri thức. Thư viện nhỏ trong nhà tôi có thêm những quyển sách và những CD nhạc bạn bè gửi tặng: Cánh Chim Huyền Thoại (Truyện vừa của Nguyễn Thùy và Huy Phong), Đời Cô Thủy (tiểu thuyết của Duy An Đông), Hoa Tâm và Tha Hương (Thơ của Phương Du Nguyễn Bá Hậu), Đường Vào Triết Học Việt Nam (Nguyễn Văn Nhiệm), Tiếng Hót Vành Khuyên (Tập truyện ngắn của Tiểu Thu), CD nhạc của Bích Xuân, CD nhạc của nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên và CD nhạc của vợ chồng nhạc sĩ Phạm Đình Liên. Niềm vui mới đến với tôi là nhận được quyển sách “Người Đẹp Cung Hằng” của nhà thơ Hoài Việt gửi tặng. Ông viết bằng hai thứ tiếng theo dạng ngụ ngôn. Nội dung quyển sách có giá trị vì mang hai ngôn ngữ và có tính giáo dục và nhân bản.



*Ngọc Dung và Phong Thu trong
quận 5, Paris 30-09-2009*

Lê Nguyên gọi điện thoại lú lo “Hi Phong Thu, mới đó mà đã về nhà rồi. Nhớ nấu linh chi để uống nghen. Bà xã tôi đọc sách cô một lèo rồi khóc...”, rồi anh hướng dẫn cách nấu và dùng Linh Chi. Lê Nguyên đã cho một lời khuyên hữu ích “Những cây nấm độc bên đường mình nên quên nó đi. Tự nó sẽ héo úa và chết”.

Cảm ơn mùa thu trở lại để tôi có thể giờ nhanh những trang nhật ký và viết về một chuyến đi đáng nhớ “Thu Tao Ngộ” Paris.

Phong Thu

Maryland, 26/10/2009

Tài liệu tham khảo:

- Caroline Bruzelius, The Construction of Notre-Dame in Paris, in The Art Bulletin, Vol. 69, No. 4 (Dec., 1987), pp. 540-569
- Paul Williamson, Gothic Sculpture, 1140–1300, Yale University Press, 1995
- (English) Daniel Stone (2001). The Polish-Lithuanian State, 1386-1795. Warsaw: University of Washington Press. pp. 119. ISBN 02-95980-93-1.

SÔNG SEINE, BUỔI CHIỀU TÀN

1-

Trời hôm nay thanh thanh mát rượi
Gió mùa hè lạnh lạnh tựa vào thu
Nhà thờ Notre Dame uy nghi đứng nhìn
dòng du khách
Tôi bên em mắt tròn sáng quắc
Tôi thương em có lần đắm ướt,
cũng có lần nở nụ cười tươi...

2-

Đọc bờ sông Seine, những cặp tình nhân
ngồi ôm nhau trên ghế đá
Chỉ còn biết thế giới này là của riêng ta
Mặc cho dòng đời gió nổi phong ba
Ta cứ tận hưởng tình yêu: uống từng ngụ
hôn ngọt ngào theo hơi thở...

3-

Đứng trên cầu nhìn sông Seine tươi mát,
Nghe tiếng sóng nhe nhẹ vỗ bờ
Bỗng dâng lên niềm vui bát ngát,
mênh mông.
Một hồi còi vang động.
Vội vã bước xuống tàu.
Bateau Parisien chật đầy du khách.
Tay trong tay người yêu,
bên dòng sông mơ mộng!

Tuổi 15, 16... mài quần trên ghế trường
trung học.

Bao lần thầm mong ước...

Giấc mơ xưa nay thành sự thật!

4-

Màn đêm buông xuống,
con tàu vẫn chầm chậm trên sông
Nhìn lên hai bờ sáng rực:
kinh thành ánh sáng Paris.
Khởi đầu từ Notre Dame,
qua một vòng Louvre, Champs Élysées,
Tour Eiffel, Saint Germain des Prés.
Một giờ sau, thuyền về bến cũ
Hơi nước tỏa đầy mặt gương trên tàu,
mờ như sương phủ
Ngồi nơi đây mà lòng chợt nhớ buổi chiều
tà sóng nước Cửu Long...

Paris, July 14, 2002.



**Bùi
Thanh
Tiên**

Một Ngàn Năm

HOÀNG DUNG

Có một lần anh nói với em: “Chùng nào em về với anh, trước khi bước vào nhà, anh muốn em bỏ lại đằng sau lưng tất cả những gì không thuộc về anh... kể cả những thứ em đang mang trên người kia... những thứ không do anh mua cho em, thì em không được mang nó vào nhà của mình.”

Ha..ha...một ý tưởng thật ngộ nghĩnh và vô cùng nghiêm túc.

Cứ tưởng tượng một hôm, có một người đàn bà khoảng 50, 60 hay 70 tuổi gì đó, trở về nhà của mình, sau một ngàn năm lạc lối, tới trước cửa, chiếc cửa được mở ra bởi người đàn ông cũng đã đợi vợ mình từ một ngàn năm trước, người đàn bà thông thả cởi bỏ tất cả những gì đang vướng mắc trên người, trước tiên có lẽ là cái ví, tuột đôi giày ra, rồi tới chiếc áo, xong tới mảnh váy hay chiếc quần gì đó, kể cả cái áo nịt ngực và cái quần lót cũng được trút bỏ, tất cả dồn lại thành đống trước cửa ra vào. Người đàn bà với tay ra đằng sau ót, gỡ cái búi tóc củ hành cho mái tóc xõa ra, không biết người đàn bà trở về lúc đó khoảng bao nhiêu tuổi, nếu 50 thì mái tóc sẽ là màu hạt dẻ, nếu 60 thì muối tiêu, còn 70 thì chắc đã trắng lấm ròi.



Người đàn bà thông thả bước vào nhà mình một cách quen thuộc, người đàn ông khép cửa lại, khoảng cách một ngàn năm biến mất... Người đàn bà đang độ 50, 60, hay 70 đối với người đàn ông không có gì khác biệt, người đàn ông vẫn có thể từ đằng sau, ôm choàng lấy vợ của mình úp mặt mình vào mái tóc xõa dài, màu hạt dẻ cũng được, muối tiêu cũng được, bạc trắng cũng không sao, người đàn ông vẫn ngửi thấy mùi hương bồ kết. Đây mái tóc về một bên để lộ ra chiếc cổ còn trắng nõn, hay đã hơi chùng, hoặc đã nhăn nheo, người đàn ông vẫn có thể kê mũi vào hít một hơi dài, hương dạ lý vẫn còn nguyên.

Xoay người đàn bà lại, mắt vẫn tròn xoe, hay đã đầy vết chân chim, hoặc có lẽ đã sụp xuống với những da thừa xếp nếp, người đàn ông vẫn thấy rất quen thuộc, vẫn thấy bóng dáng oai hùng, với đôi má lúm đồng tiền, môi cười toe toét và mắt thì reo vui của mình trong đó. Người đàn ông vẫn có thể đặt một nụ hôn nồng ấm trên đôi mắt đó, trên chiếc mũi hênh hếch đó và cả trên đôi môi còn tươi mọng, hay đã héo úa... không sao... không sao cả...

Một ngàn năm không có nghĩa gì cả. Một ngàn năm sẽ được khép lại cho những người đã thất lạc nhau có phải thế không ???

Hoàng Dung.

09/13/2009

VÀI CẢM NGHĨ KHI ĐỌC CUỐN “MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN”

TÂM MINH

“**M**ÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN” là một tập sách viết chung của 13 tác giả. Sách do Bảo Linh xuất bản năm 2009. Các tác giả góp mặt lần lượt gồm có: Hồ Trường An, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Tiểu Thu, Thái Quốc Mưu, Phong Thu, Nguyễn Phan Ngọc An, Duy An Đông, Hoa Hương Dương, Tôn Nữ Mặc Giao, Lê Nguyễn, Cao Thanh Tâm, Vũ Nam và Dư Thị Diễm Buồn.

Ngay trong phần mở đầu với “Đôi Dòng Tâm Tinh” thay cho lời tựa, nhóm tác giả viết chung đã khẳng định rằng quý vị đó “không phải là thợ nấu, cũng không phải là người nấu ngon nhất”. Họ chỉ “viết lại, kể lại hay nói lên câu chuyện có kỷ niệm nào đó lúc còn tuổi học trò, thời thanh xuân, tuổi vào đời, hay hiện thực ở hải ngoại bằng nỗi trào lòng với niềm khao khát nhớ thương, hoài niệm hay hạnh phúc đang có”. Họ muốn “gửi gắm chút lòng giữ thơm quê mẹ và chút tình với quê hương”

Chính vì thế nên người đọc đã buông bỏ ngay cái ý nghĩ sơ khởi rằng đây là một tập tài liệu thuộc loại hướng dẫn cho quần chúng về “nữ công gia chánh”. Tuy vậy bằng bạc trong suốt tập sách người đọc cũng được dịp nghe các tác giả, hoặc chính bản thân mình hay qua các nhân vật trong chuyện, nhắc lại

biết bao món ăn uống khoái khẩu của người Việt mình thuở còn trong nước. Họ kể lại tỉ mỉ từ cách chuẩn bị, cách thực hiện nấu nướng và cả cách thưởng thức những món ăn này một cách hào hứng. Thật quả là theo bước chân di tản, người ly hương dù ở chốn đâu trên đất nước tạm dung vẫn khó mà quên được hương vị những món ăn Việt Nam.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG viết: “Món ăn dân tộc không thể thiếu trên bước đường xa quê hương. Nó là nguồn gốc giống nòi làm cho kẻ tha hương có cảm tưởng gần gũi nơi chôn nhau cắt rún và ấm lòng mỗi khi được thưởng thức hương vị quê nhà. Không gian, thời gian và hình ảnh kỷ niệm thường xuất hiện bồi hồi tâm trí mỗi khi làm, hay ăn một món quê hương.” Người viết nhấn mạnh thêm: “Nấu ăn và cách ăn uống cũng là một nghệ thuật. Món ăn tượng trưng cho văn hoá của một dân tộc”.

Nghĩ về các món ăn xưa TIỂU THU viết: “Nhớ nước mắt chảy nước miếng luôn. Lúc đó chỉ cần có cơm trắng chan nước mắm cũng ngon chết giấc, nói chi tới món canh, món xào, món kho!”

Còn HỒ TRƯỜNG AN với chuyện “VEN SÔNG BÌNH MINH” kể chuyện anh chàng Tân qua Pháp vào năm 1976. Sau khi rời trại tiếp cư là được đi định cư và từ đó học nghề

rồi đi làm. Kế đó là những sinh hoạt của chàng với bạn bè. Tất nhiên những món ẩm thực xưa của người Việt được nhắc nhở tới và mang ra chế biến. Người viết đưa ra nhận xét: *“những món ăn quốc túy, quốc hồn vẫn có nhiều cơ hội xen vào những câu chuyện hàn huyên kia. Những món ăn đó há không là những thứ xúc tác làm cho tình hoài hương thêm xôn xao nổi dậy trong tâm tư họ, há không làm cho nỗi cảm hoài của người kể lẫn người nghe thêm phần sắc đậm hay sao?”*

VŨ NAM có bài viết “NHỮNG MÓN ĂN TRONG ĐỜI.” Người viết dưới danh xưng một nhân vật là anh chàng Hưng đã phát biểu niềm mong ước: *“Hy vọng những món ăn của Việt Nam từ ba miền đất nước cứ tiến vững, tiến mạnh. Ngày nào còn người Việt - nhất là những đàn bà Việt- ở hải ngoại, người viết tin tưởng ngày đó còn các món ăn ngon Việt Nam, cả mặn lẫn chay.”* Người viết cũng nhân chuyện ăn uống mà phát biểu nhận xét của mình về chế độ chính trị hiện tồn tại trong nước: *“Nhưng cũng có những món ăn ‘thanh đạm’ từ Việt nam, ở thời kỳ sau bảy mươi lăm, nên cho nó đi luôn vào lịch sử, đừng nhắc đến, gọi nhớ làm gì vì nó không phải là ‘Món Ăn Theo Bước Di Tản’, mà là sản phẩm của thời đại đòi rách bần cùng sau ngày chấm dứt chiến tranh”.*

Người di tản như LÊ NGUYỄN luôn nhớ đến những món ăn có tính cách khoái khẩu, *“những bữa ăn đúng nghĩa cao lương, mỹ vị ở các nhà hàng, khách sạn”* của thời xa xưa, nhưng cũng vẫn không thể quên được những cảnh chết chóc và đói ăn của những người

trong chế độ tù tội cộng sản sau 1975 nên có bài viết “TẢN MẠN VỀ CHUYỆN ĂN TRONG TRẠI TÙ CÁI TẠO”. Cái đói ăn thật tang thương: *“Bữa ăn và nỗi thèm thuồng lẫn đau nhức của cái ăn, trong suốt hành trình cam khổ ấy: Đói, đói đến là người hoa mắt”.* Thậm chí cái thèm ăn được coi như một lời trăng trối trước khi từ già cõi đời: *“Xin cho, xin cho tôi ăn một bữa sắn tươi thật no, trước khi tôi chết!”*

Ngoài chuyện ăn uống các tác giả cũng nhân đó đề cập tới một số chuyện khác từ lâu nay vẫn còn nằm sâu trong tiềm thức người di tản. Nào là những thảm cảnh khi phải bỏ nước ra đi, nào là tình cảm bạn bè còn thân thương, tình cảm vợ chồng trong gia đình còn nồng ấm, tình cha mẹ đối với con cái còn thấm thiết và cả vấn đề tâm linh cũng được đề cập tới nữa

Nói chuyện di tản, TIỂU THU với bài “HOÀI NIỆM” kể chuyện vợ chồng bà Khanh định cư tại Montréal tháng 5 năm 1975. Khi có dịp nói chuyện qua điện thoại với chị gái là bà Bá, hai chị em cùng nhắc lại kỷ niệm xưa. Nhớ lại hồi vượt thoát khỏi Việt Nam bằng tàu qua đảo Guam rồi qua Montréal, Canada. Hình ảnh cũ khó quên: *“Chị có nhớ dưới hầm tàu nóng như thiêu như đốt, người nào cũng kiếm thứ gì đó để quạt thành phạch, khiến lòng tàu như có một đàn bướm đang chớp cánh hay không? Rồi lúc tàu chạy ngang Rừng Sát mọi người hầu như nín thở, làm như nếu thở mạnh, Việt Cộng trên bờ sẽ nghe thấy. Hi hi hi!”*

NGHỊCH HƯỚNG THỜI GIAN

1

*Cuộc đời như thu nhỏ trong giấc mơ,
hay trong tiềm thức xuất thần lời thơ
trong ánh mắt đã từng quen thuộc
đã nhìn nhau lơ đãng tự bao giờ.*

2

*Hình ảnh trôi đi với ám ảnh thần kỳ
với ngọn triều xúc giác một đêm xuân thì
với hiện thực buồn như mây trắng
như vẫn bước song song hai mảnh đời
thảm lặng.*

3

*Những tiếng hát từ Thiên Đường mù
hay tiếng hát của bầy Quạ đen thụ du
trong một khoảng trời đêm chưa gần gũi
trong sắc nhớ màu thương về Phố Núi*

4

*Những niềm vui thoi thóp như hồn ai vừa
nhập xác,
dưới trời sao nửa khuya ngỡ ngác
nếu nụ hôn thật dịu thật mềm
tôi vẫn tìm em, khi chưa bóng hình ai
trong trái tim.*

5

*Tôi vẫn đi tìm một cánh gió mùa đông
một màu xanh không còn ở cánh đồng
mà còn dấu vết một trái tim trầm tích
của thời gian muôn đời hướng nghịch.*

Viết Bằng

(San Jose, CA)

NGUYỄN PHAN NGỌC AN với bài viết “BAO LA TÌNH MẸ” ghi lại cuộc di tản hãi hùng: “*Đây là một ngày kinh khủng trong đời tôi. Dạn pháo kích của giặc cứ tuôn xối xả chụp xuống con đường dân chạy loạn. Trời ơi! Trước mặt tôi một chiếc xe Honda trúng đạn pháo, trên xe có 4 người, hai vợ chồng hai đứa con nhỏ. Người chồng và hai con chết liền tại chỗ, xương thịt văng khắp nơi, người vợ bị thương, lúc ấy tình thế nguy ngập ai cũng phải chạy qua không thể ngừng lại giúp nhau được*”

HOA HƯỚNG DƯƠNG với KIẾP LỤC BÌNH cũng kể lại hành trình tị nạn của mình bằng tàu từ Việt Nam tới Subic Bay, một căn cứ hải quân của Mỹ, sau 18 ngày lênh đênh trên biển. Sau đó di chuyển qua đảo Guam và cuối cùng định cư tại San Jose, California. Người viết kết luận về cuộc sống tại Mỹ: “*Đời tị nạn giống như kiếp lục bình: ‘Ba chìm, bảy nổi, chín cái linh đình!’*”

Tình cảm bạn bè tuy nhiều khi biến đổi một cách tệ hại nhưng không phải lúc nào cũng xấu xa đi. DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN trong “CÁNH HOA CHÙM GỎI” cho nhân vật Lam Ngọc phát biểu nhận xét về thân phận di tản: “*những kẻ lưu vong cùng chung cảnh ngộ nương tựa xứ người như những cánh hoa chùm gói*” Khi tham dự đại hội cựu học sinh của trường mình, Lam Ngọc đến ở nhà cô bạn Yến Thu. Gặp lại Tố Hương. Mọi người cùng nhớ lại chuyện cũ từ hồi Việt Nam. Người viết đề cao: “*Thói đời đen bạc, tình người dễ đổi thay! Ruột thịt đôi khi còn trở mặt thành thù! Tình bạn đã mấy chục năm rồi, mà cả ba*

cô vẫn còn giữ được cho đến ngày nay. Quả thật là rất hiếm và rất quý.”

Tình cảm vợ chồng trong gia đình không phải lúc nào cũng là thiếu chung thủy và đưa đến ly tan. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG với chuyện “KHI GIA ĐÌNH TÔI SUM HỌP” kể lại chuyện tới định cư tại Virginia Hoa Kỳ từ năm 1972. Sau khi ghi lại các sinh hoạt trong gia đình mình khi phải làm nội trợ cho một ông chồng ngoại quốc làm trong ngành ngoại giao và 4 người con từ tuổi ăn học tới khi trưởng thành và học hành thành tài, người viết tâm sự: *“Thời gian qua mau, ông xã tôi đã đi vào mùa đông của cuộc đời nhưng vẫn cảm động vì được vợ, con và các cháu thương yêu, săn sóc, sum vầy bên cạnh. Các con tôi và tôi vẫn luôn ghi nhớ vì chàng mà chúng tôi không phải trải qua biến cố loạn lạc kinh hoàng 30 tháng tư, không phải vượt biển hãi hùng hay sống dưới chế độ cộng sản dã man tàn bạo như dưới thời Tần Thủy Hoàng. Bản thân tôi được sống hạnh phúc, nhàn hạ từ 37 năm qua.”*

TÔN NỮ MẶC GIAO với bài viết “MỘT GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC” kể chuyện về Tín và Thoa cùng với bé Nina. Quan niệm của Thoa thật đơn giản: *“Nàng chỉ cần biết, nàng yêu Tín, quan niệm của nàng yêu là cho tất cả mà không cần phải so bì, hồi báo. Cái gì chồng vui, chồng thích. Đó! Đích thực là niềm vui của nàng. Há chẳng phải là một sự hồi báo không cần đòi hỏi đó hay sao?”*

Cũng nói về tình nghĩa vợ chồng, THÁI QUỐC MUU trong bài viết “VỢ CHỒNG GIÀ” tỏ ra thật hạnh phúc tròn đầy: *“Cuộc*

tình duyên của vợ chồng tôi kéo dài suốt gần năm mươi năm, vậy mà, khi nhìn cách cư xử với nhau, nhiều người cứ nghĩ rồi cho rằng chúng tôi vừa chấp vá hoặc mới tái hôn. Họ làm như trên đời này ‘Già’ không được quyền có hạnh phúc! Qua cách ứng xử, không ai ngờ, chúng tôi đã có chung một đàn con 12 đứa và đám cháu nội, ngoại gần năm mươi thằng cu, cái đi.”

Tình cha con được CAO THANH TÂM đề cập tới với bài viết “CÔ BẠCH TUYẾT TRONG ĐÊM MA” ghi lại hình ảnh nhân vật chính là Ông Hiên. Ông Hiên nhớ lại chuyện cũ năm ngoài: *“ông chợt nhớ ra, hôm nay đã là đêm ba mươi tháng mười, ‘đêm của ma quỷ’ và ông nhớ là đêm Halloween năm ngoài, ông đã hứa với con! Khi chiều tối ông sẽ hoá trang cho bé Thủy Tiên thành nàng Bạch Tuyết xinh đẹp để cùng các bạn hàng xóm đi xin kẹo.”* Nhưng tối đó ông đã quên hẳn lời hứa với con mà dẫn người tình đi ăn tối và khiêu vũ. Năm nay Ông Hiên vội hủy cuộc hẹn với người tình. Trào dâng niềm hối hận. Gọi phone về cho con với lời âu yếm: *“Ba sẽ về ngay bây giờ đưa con đi xin kẹo, mặc đồ sẵn đi, con nhớ làm Snow White như ngày xưa má hoá trang cho con nghe, ba về ngay đây.”*

Tình Mẹ cũng được PHONG THU đề cập tới với bài viết “BÁNH ÍCH LÁ GAI”. Từ nước ngoài tác giả đã nhớ lại bánh ích lá gai mà bà mẹ mình thường gói khi xưa vào dịp Tết. Người viết thường nhủ với lòng mình rằng rồi một ngày nào đó sẽ trở về quê cũ để *“trông thêm những cây lá gai chứa đựng mầm thương yêu.”* “và chiếc bánh ích lá gai mãi

mãi là một giấc mơ đẹp như một câu chuyện cổ tích của tuổi thơ yêu dấu.” Người viết thiết tha mong ước: “*Nguyện cầu cho Má bình yên! Má ơi! Con thương Má lắm!*”

NGUYỄN PHAN NGỌC AN với bài viết “BAO LA TÌNH MẸ” đã ghi lại trong “*tâm bút*” này những lời hiếu thảo thống thiết: “*Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan tuyệt hảo nhất vẫn là trái tim người mẹ.*” “*Mẹ ơi! Đêm nay lạnh con buồn nhớ Mẹ. Đã hơn hai mươi năm Mẹ nằm yên trong huyết lạnh, thân xác Mẹ đã thành tro bụi hoà cùng với thiên nhiên cây cỏ. Các con của Mẹ nay đã thành nhân, đã là ông, bà nội ngoại hết rồi.*”

DUY AN ĐÔNG với bài viết “LỄ VU LAN – ĐẾN THU TÀN” sau khi nhắc lại ý nghĩa Lễ Vu Lan cũng tâm sự nỗi lòng với chút ít hối hận: “*Cha mẹ tôi đã quá vắng lâu rồi, nhưng hình bóng người luôn hiện trước mắt tôi.*” “*Tôi ngồi yên lặng nhớ về mẹ mình lúc bà sinh tiền mà thương mẹ nhiều, nhớ lại những điều mình thiếu sót.*”

Vấn đề tâm linh cũng được dịp nhắc tới một cách thành kính. TÔN NỮ MẶC GIAO với bài “BỮA CƠM ÂM PHỦ” kể chuyện Vân Anh bị một chứng bệnh bẩm sinh, “*một cái mạch máu nhỏ trong óc bị vỡ*” nên bị hôn mê. Sau khi tỉnh đã kể lại nhiều chuyện. “*Nàng nghĩ, đây không phải là một giấc mơ bình thường mà là một sự báo trước để cho nàng chuẩn bị ‘dọn mình’.* Tu đi là vừa nếu không muốn bị đi về cõi âm hay trôi lăn mãi trong vòng luân hồi thì hãy tin tưởng vào Phật Pháp. Dốc một lòng tụng kinh, trì chú, tu tâm sửa tánh. Để may sao mai sau có thể vãng sanh về cõi cực lạc”

Bếp Lạnh

Người ơi biển biệt một phương trời
Hường lửa dầu là chữa bén hơi
Chưa gặp bóng hình sao nhớ lạ?
Mới nghe giọng nói đã thương rồi!
Tôi về bếp lạnh tro tàn lụi,
Chiều xuống sầu lên rượu đắng môi!
Góc bẽ chân mây ai hứa hẹn,
Đọc thơ, người ấy có bụi ngùi?!

Hồ Công Tâm (Texas)

Hai tác giả trong tập sách đã tâm sự cùng nhau: “*Chủ yếu là kiếm chuyện viết lách có lồng món ăn trong bài viết của mình để viết chung, để có tác phẩm lưu niệm cho vui...*” (trang 204). Thật quả tập sách không những đã đạt được mục đích này mà còn vượt xa hơn nữa vì đã gợi lại trong lòng người đọc những bồi hồi xúc cảm về những chuyện từ hồi phải bỏ quê hương ra đi sống đời tị nạn đến nay tính ra đã ba mươi mấy năm trời...!

TÂM MINH
MÙA LỄ TẠ ƠN
Thanksgiving
(Virginia 11-2009)

TÌNH NỒNG PARIS

Tâm cảm

Nguyễn Phan Ngọc An

Thời gian qua nhanh quá, mới đó mà đã hai tuần tôi rời xa kinh đô ánh sáng Paris, trở về Cali, trở về với cuộc sống thường nhật, chẳng còn đủ hấp dẫn với những người không còn trẻ nữa như tôi... Mùa Thu đã thực sự về với nhân loại, lá vàng rơi tung khắp ngã đường, tôi co ro bước từng bước một với khí trời lạnh buốt chiều nay, những khuôn mặt của khung trời ánh sáng Paris như ẩn hiện quanh tôi ... tôi dừng lại bên ghế đá công viên và lấy giấy bút ra ghi vội vàng từng nhân vật vừa tìm tòi trong tim óc của mình với cõi lòng lâng lâng khó tả...

Đây là lần thứ hai tôi đến Paris, thủ đô nước Pháp, nơi được mệnh danh là kinh đô ánh sáng của thế giới – Đoàn chúng tôi đi Pháp tham dự ngày Văn Hoá Thu Tao Ngô gồm có 16 người: Họa sĩ Vũ Hôi, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phong Thu từ Virginia, Duy An Đông, Tôn nữ Mặc Giao, Nguyễn Phan Ngọc An từ San Jose, Anh chị Phan Văn Thành - Tiểu Thu từ Canada, Anh chị Đoàn Phú Lạc- Chu Kim Oanh từ Arizona, Lưu Hồng Phúc, anh Thuận từ Dallas, Anh Nguyễn Văn Nhiệm, Vũ Nam và anh chị Trúc Giang đến từ Đức Quốc. Chị Du thị Diễm Buồn là người phụ trách thực hiện cuốn *Món Ăn Theo Bước Di Tản* lại vắng mặt vì hoàn cảnh gia đình vào giờ chót, thiếu vắng chị chúng tôi rất buồn trong lòng, đã có vài người lên tiếng trách móc chị nhưng cá nhân tôi thì rất thông cảm cho sự việc xảy ra bất ngờ cho gia đình chị...



Ngồi yên lặng trên phi cơ để đầu óc tôi nhớ lại những kỷ niệm xa xưa đã trôi qua 7 năm rồi, lòng hồi hộp biết bao khi nghĩ tới ngày được nhìn lại thành phố hoa lệ nhất thế giới, gặp lại anh Đỗ Bình, chị Thúy Hằng, anh Lê Mộng Nguyên, anh Nguyễn Thùy, anh Trọng Lễ, anh Hoài Việt, anh Huỳnh Tâm, anh Từ Tri, anh Quyện Tâm và tất cả các anh chị trong Ban Tổ Chức mà tôi chưa được quen biết như anh chị Võ Hùng Anh, nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, N/S Phạm Đình Liên và phu nhân Minh Cẩm, B/S Nguyễn Bá Hậu, nhà văn nhà báo Tô Vũ, anh Trần Đại Sỹ, anh chị Nguyễn Thanh ... nhưng phải nói là mong nhất được gặp lại anh Hồ Trường An vì sau khi ra mắt cuốn *Quê Nam Một Cõi* tại miền Bắc Cali thành công tốt đẹp, anh trở về Pháp và bị stroke nằm một chỗ gần hai năm nay – Tôi còn nhớ năm 2002 tôi đến Paris với một phái đoàn hội thơ đông đảo do nhà thơ Lê Quang Sinh tổ chức thực hiện chuyến đi với 48 hội viên của hội – BTC là nhà thơ Hoài Việt, nhà văn Từ Nguyên, nhà thơ Quyện Tâm, nhà văn Mạnh Bích, nhà văn Từ Tri và phu nhân Từ Dung, MC là phu nhân anh Mạnh Bích – Quý anh chị đã tổ chức thành công tốt đẹp với số quan khách đông đảo, nhưng vài năm sau thì anh Mạnh Bích đã từ giã trần gian, đến bây giờ nhắc đến anh Mạnh Bích lòng tôi thương tiếc vô cùng, một người chân tình đáng quý đã cùng rất nhiều anh chị khác hướng dẫn đoàn 48 người chúng tôi tham quan khắp nơi

trên nước Pháp... Ngày xa xưa ấy không bao giờ phai nhạt trong tôi, nhà thơ Đỗ Bình đã vội vàng và cấp tốc tổ chức cho tôi một buổi ra mắt sách tại quán cà phê Chiều Tím vì hội thơ chỉ ở lại Paris một tuần rồi phải đi các nước mà hội thơ phải liên tục ra mắt, họp mặt 3 ngày liền tại Paris - Nhắc đến lòng tôi cảm động vô cùng, tấm lòng và sự nhiệt tình của nhà thơ Đỗ Bình không ai mà không biết, tôi là người đầy may mắn nên đã có cơ duyên được quen biết anh vì chung trong hội thơ tài tử - Hôm ấy tôi vẫn còn nhớ số người tham dự dù cấp bách tổ chức vẫn hơn 100 quan khách, Giáo Sư Nguyễn thị Hoàng giới thiệu tác phẩm, nữ nghệ sĩ Bích Thuận diễn ngâm và hát - Ca sĩ Thúy Hằng và một số ca nghệ sĩ Paris cùng trình diễn tân nhạc - Nhà văn Trọng Lễ độc tấu Lục Huyền Cầm, nữ giáo sư Quỳnh Hạnh Đàn Tranh - Anh Đỗ Bình vừa là MC vừa giới thiệu tác giả... Chiều ấy đến nay vẫn không hề quên trong lòng tôi, xin mượn bài viết này gửi lời tri ân đến quý anh chị.

Máy bay chúng tôi đáp lại Montréal Canada và sau hai giờ thì transfer qua chiếc phi cơ đến Pháp - Vui làm sao khi gặp lại các anh chị đã chờ sẵn tại phi trường, ngoài các anh đã thân quen Đỗ Bình, Nguyễn Thùy còn có các anh Phạm Đình Liên và phu nhân Minh Cầm, anh Minh Nhật, anh Nguyễn Thanh và phu nhân Mây Thu, chị Mai Ling, anh Cang là người rất nhiệt tình xách phụ những valise và đưa chúng tôi lên hai xe về khách sạn - Tại đây chúng tôi gặp thêm nhiều anh chị khác như Giáo Sư Nguyễn Ngọc Chân, anh chị Võ Hùng Anh, nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, nhà văn Phạm Văn Kiểm, anh chị Hải Yến, anh chị Thy Như, chị Vũ Lan Phương đã từng là chủ nhà hàng Đào Viên lâu năm tại Paris nên chị quen thân rất nhiều thi văn hữu.

Đoàn chúng tôi được BTC phân phối thành 5 nhóm - Các anh chị của miền kinh đô ánh sáng quả rất nhiệt tâm và tình cảm chứa chan - Một nhóm theo sự hướng dẫn tham quan của anh Chân, anh Minh Nhật, một nhóm theo anh

chị Nguyễn Thanh và chị Mây Thu, một nhóm theo sự hướng dẫn của anh chị Hải Yến, nhóm chúng tôi theo chị Ngành, chị Lan Phương, chị Mai Ling và chị Thy Như đi lên thành phố Troyes thăm nhà văn Hồ Trường An, anh Đỗ Bình hướng dẫn họa sĩ Vũ Hối và nhà văn Nguyễn Thùy đi xem các bảo tàng hội họa cách Paris hàng trăm cây số - Chuyến đi Troyes gồm 2 xe Van, mỗi



Trong khu Montmartre: NT Đỗ Bình, HS Vũ Hối, GS Nguyễn Thùy, Thúy Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Mây Thu và Ngọc An.

xe 7 chỗ ngồi - Đường đi xa thăm có đến hơn 200 cây số nhưng trong lòng ai cũng vui vì sắp gặp nhà văn tên tuổi mà con tạo sắp bày tai họa đến bất ngờ cho anh – Văn miền Nam của anh Hồ Trường An đã lừng lẫy trong giới độc giả yêu văn chương hàng mấy chục năm qua, nói đến anh là nói đến văn phong chữ nghĩa người miền Nam, tác phẩm của anh đã xuất bản có đến trên 60 cuốn, một gia tài đồ sộ, một sự nghiệp văn chương vào hàng phải kể phục.

Chúng tôi đến nơi nhà văn Hồ Trường An cư ngụ, một người Pháp tên Bernard ra tận ngoài chỗ xe đậu đón chúng tôi, anh hiền lành và vui vẻ đưa chúng tôi lên lầu 2 gặp anh An - Hơn hai năm mới gặp lại, trông anh An hốc hác gầy ốm hơn xưa, ngồi trên xe lăn đôi mắt nhìn chúng tôi rung rung cảm động, một tay anh còn nhúc nhích cử động, tay kia thì băng kín và bất động, một chân cũng bất động như tay và chân còn lại cũng chỉ xê dịch miễn cưỡng mà thôi... Đau lòng thay cho người anh thân thương, mới hôm nào tại San Jose oai phong lẫm lẫm, ai ai cũng trầm trồ khen anh đẹp trai trắng kiện và chen nhau tới chụp hình với anh - Định mệnh quái ác, không biết thời gian có trả lại cho anh những ân sủng một thời đã qua, trả lại cho anh nét thanh tú hoàn hảo nữa không hay phải chịu tật nguyên suốt kiếp – Ôi, nghĩ đến điều này lòng tôi chùng hẳn xuống tưởng như cơn bão táp cuồng phong đang trút xuống đầu nhân gian thảm khốc!

Chị Ngân chủ đạo bày biện 2 bữa ăn trưa và chiều cho nhóm chúng tôi – Xin thành thật cảm ơn sự nhiệt tình của chị khi biết chị ở khá xa nơi này - Đi tham quan vài chỗ trong thành phố Troyes, anh An vì vui cố gắng cùng đi, anh Bernard phải bế anh An lên xe cùng chiếc xe lăn, chúng tôi nhìn thấy cảnh ấy lòng bùi ngùi khôn tả, chào từ giã ra về trong ghen ngào rơi ngấn lệ.

Trưa hôm sau, chúng tôi gồm có anh chị Đỗ Bình, họa sĩ Vũ Hối, nhà văn Nguyễn Thùy, nhà văn nữ Nguyễn thị Ngọc Dung và tôi được Ông bà Giáo Sư Nguyễn Ngọc Minh và phu nhân Đỗ Quyên mời tham dự Party tại tư gia - Một ngôi nhà trên tầng 4 nằm trong khu biệt thự sang trọng, chúng tôi được chủ gia tiếp đón nồng hậu, quan khách gồm những vị trí thức và trường giả quý tộc, những vị phu nhân một thời vàng son trước 1975 - Đặc biệt bà chủ nhà là một ca sĩ trình bày các bản nhạc Opéra lừng danh, tiếng hát cất lên cao vút mà không cần dùng micro, tiếng vỗ tay nồng nhiệt từng chập dành cho nữ ca sĩ Đỗ Quyên – Nhóm chúng tôi được xem như khách quý và được trang trọng mời lên giới thiệu cùng thân hữu buổi họp mặt - Chị Ngọc Dung hát, tôi ngâm thơ, tiếng vỗ tay tán thưởng khiến chị Dung bảo thầm vào tai tôi “ về vang dân Việt” khiến cả hai cùng cười xòa - Chị Vân Khanh người bạn học chung trường chung lớp với chị Ngọc Dung thời Trung Vương áo trắng, hơn 50 năm gặp lại ôm chầm lấy nhau mừng vui vô kể - Anh chị Nguyễn Thanh – Mây Thu từ sáng sớm đã lái chiếc xe hơi nhỏ đến Hotel đón tôi và chị Ngọc Dung đến party, chủ nhà mời nhưng anh chị ngại không vào rồi không rõ anh chị đi đâu vào ngày đầu thu lạnh giá, gió thổi ào ào, anh chị là một cặp uyên ương thật đẹp đôi và thật hạnh phúc - Đến 4 giờ chiều anh chị trở lại đón chúng tôi khi tiệc chưa tàn, cái tình cảm thiết tha của anh chị NA không thể nào quên được. Chúng tôi chào từ giã mọi người trong khi tiếng ca hát ngâm nga vẫn còn đang vang vọng trong căn nhà âm cúng – Chúng tôi hẹn gặp lại ông bà chủ gia và quan khách vào trưa ngày 4/10/09 là ngày chính cho buổi Văn Hóa Thu Tao Ngô do nhà thơ Đỗ Bình cùng quý anh chị tổ chức.

Đường phố Paris chật và thường bị kẹt xe, hai chiếc xe hơi của chúng tôi bị kẹt cứng trên

đường đến tham quan nhà thờ Sacré'- Coeur - Chị Thúy Hằng chở anh Đỗ Bình, anh Vũ Hối, anh Nguyễn Thùy – Anh Thanh chở 3 chúng tôi - người dân Paris có cách sống không giống dân Mỹ, mà cách sống lại giống dân Việt Nam, họ thường đi bộ đông đúc ngoài đường, ban đêm tập nập trong các quán cà phê, quán ăn đến khuya vẫn chưa tàn, khiến tôi liên tưởng đến quê hương và thấy lòng nao nao một niềm thương nhớ quê cha đất tổ, người dân Tây nơi đây họ sống rất nhàn hạ thoải mái thì giờ tuy rằng vật giá nơi đây rất đắt đỏ, tôi nhớ mãi đêm đầu tiên chị Thy Như dẫn chúng tôi đi bộ trên đường phố Paris về đêm, đi mãi đi mãi thật xa gặp các người khách nghệ sĩ Pháp chúng tôi cùng nhập vào ca hát líu lo giữa lộ về khuya, vui thật là vui... Thế rồi tất cả 9 người cùng mỏi chân quá, bảo chị Thy Như cho trở về thì mới hay không thể nào... vì quá xa đành dẫn nhau đi thêm một quãng nữa để đến trạm xe bus – Chân căng rã rời, gặp được xe bus trở đến cả bọn mừng như bắt được vàng vội vã lên xe và xe chạy mãi vẫn chưa đến Hotel, nếu đi bộ trở về chắc là chết sướng hơn phải không đoàn tham quan đi bộ của chúng ta??? Ở đây không có xe hơi tầm cỡ lớn và dài vì parking rất chật, theo cách nói của người dân bên Pháp thì xe hơi nào muốn vào Parking đậu đều phải tông đăng trước rồi tông đăng sau ầm ầm mới vào được, xe nào cũng mang dấu tích dầu và đuôi xe bởi thật sự khi chúng tôi vào chỗ đậu gian nan vô cùng, vào đã khó mà khi ra càng khó hơn, đành phải đung cộ cộ vào đuôi các xe khác thôi – Mà cũng lạ, chẳng có ai chạy ra *complain* hoặc cảnh sát đến phạt gì cả - Tất cả tự nhiên như chẳng có gì xảy ra trong khi chúng tôi ngồi trên xe run cầm cập bởi xứ Mỹ mà như thế là bị gọi Police làm report ngay để lãnh phạt mấy trăm đô rồi đấy!

Chiều hôm sau xe bus 50 chỗ ngồi đến đón chúng tôi tại khách sạn, một Tour đi chơi dòng

sông Seine và ăn nhà hàng Ý quả thật vui và hấp dẫn - Chiếc thuyền chở nhóm Ban Tổ Chức và chúng tôi được ưu tiên ngồi phía trước, khách trên tàu ra ngồi phía sau – Sông nước nhịp nhàng khiến lòng người lắng dịu, êm ả vô tư... Đi ngang chỗ công nương Diana tử nạn, tôi thấy ngậm ngùi thương xót một công nương đầy lòng từ ái sớm bạc phận – Đi tới đoạn nào là nhà biên khảo Lê Mộng Nguyên và nhà thơ Đỗ Bình phân tích giảng giải cho đoàn chúng tôi từng chi tiết về lịch sử các di tích thật là hấp dẫn cho chúng tôi hiểu biết thêm về những câu chuyện xa xưa huyền bí của nước Pháp- Những tấm ảnh chụp trên tàu sẽ là những kỷ niệm mang về xứ Hoa Kỳ cho chúng tôi niềm tự hào đã được tham quan Kinh Đô ánh sáng bởi thật tình có biết bao người cư ngụ ở Mỹ thật lâu vẫn chưa đến Paris lần nào cả. Riêng bản thân tôi rất nghèo, nay làm mai off nhưng may mắn nhờ vào duyên văn nghệ mà có dịp đi đây đi đó – Âu cũng là cơ duyên cho mình vậy.

Nhà hàng Clément của Ý, tọa lạc trên đại lộ Champs Élysées nổi tiếng sang trọng bậc nhì, ba của Paris cho chúng tôi những món ăn lạ miệng, hấp dẫn du khách bốn phương đến với nhà hàng – Trên đường trở về khách sạn, xe dừng lại bên góc tháp Eiffel, tài xế rất tinh, 5 phút sau đèn tháp Eiffel bật sáng chiếu rực lên liên hồi, đẹp và ngoạn mục vô cùng khi chúng tôi ở cận kề bên chân tháp – Mãi mê với những vĩ đại và đồ sộ thắng cảnh lịch sử của nước Pháp, đoàn chúng tôi đã tham quan tháp Eiffel, nhà thờ Notre Dame, nhà thờ Sacré-Coeur, Opéra Garnier, La Conciergerie, vườn Luxembourg (Lục Xâm Bảo)... và nhiều di tích nữa mà tôi không thể nhớ hết...

Ngày chính thức đã đến, quan khách chật ních cả hội trường, toàn những thành phần chọn lọc: Tôi nhìn thấy Giáo Sư Bùi Sĩ Thành gần 90 tuổi mang theo mình cả bình dưỡng khí đến

tham dự mà lòng tôi nao nao xúc động trước tấm lòng yêu văn hóa Việt Nam vô bờ của Giáo Sư, vô cùng trân quý và cảm tạ sự hiện diện của ông - Giáo Sư Thái Hạc Oanh đến tham dự trên chiếc xe lăn có người đẩy, ôi nhìn cụ bà năm nay đã ngoài 90 mà vẫn yêu ngôn ngữ VN đến thế, xin ghi sâu cái tình văn học cao quý mà quý cụ đã dành cho đàn con cháu hậu sinh này - Bác Sĩ Phạm Hữu Trác, đại diện cộng đồng Canada và hải ngoại cũng đã nhìn thì giờ quý báu đến chung vui, nhà văn Hồ Trường An vào hội trường với chiếc xe lăn do anh Bernard đẩy xe, trên tay cầm một khúc bánh mì và một hộp nhỏ đưa tận tay tôi - Cảm động xiết bao khi tôi mở ra thấy một thời son hồng rất đẹp – Tình văn hữu cao cả làm sao, xin chân thành ghi nhận tình cảm trân quý anh đã dành cho tôi. Từ cách xa trên 200 cây số, anh Lê Ngọc Khoa đã lái xe chở anh An và anh Bernard, diu dắt nhau đến với Chiều Tao Ngô, xuống tầng dưới nhà thờ với chiếc xe lăn sẽ trở ngại vô cùng vậy mà anh và Bernard vẫn có mặt đúng giờ, thật tôi nhìn anh An và anh Bernal mà lòng cảm xúc dâng tràn...

Còn nhiều lắm những niềm vui bất ngờ đến với tôi, nhạc sĩ Nguyễn Đình Tuấn tìm tôi để gửi bản nhạc mà anh đã phổ gần 10 năm nay khi tôi đến Paris năm 2002, bài thơ Rừng Thu Xưa Vẫn Nhớ đã làm cảm xúc và anh đã phổ nhạc chờ ngày gặp giao cho tôi, chương trình truyền thông văn hóa Việt do anh Huỳnh Tâm phụ trách mời tôi đến phỏng vấn, vui làm sao khi gặp lại anh Huỳnh Tâm, anh Đình Tuấn và chị Yên của truyền hình TVV, bài thơ phổ nhạc đã được tác giả hát và bài thơ mùa Thu cũng được ngâm trong chương trình phỏng vấn dài trên 30 phút – Xin đa tạ những chân tình đã dành cho tôi trong phút giây hạnh ngộ.

Buổi Thu Tao Ngô thân tình và trang trọng, quý nhân sĩ thương mến BTC đã đến rất đông, được biết ngày 4/10 có đến mấy hội đoàn tổ chức, anh Đỗ Bình rất lo lắng số quan

khách sẽ bị chia nhiều nơi nhưng thật không ngờ, cái hội trường của nhà thờ nằm khuất và sâu dưới mấy tầng vẫn có những tâm hồn đồng điệu, yêu chữ nghĩa văn chương Việt Nam nên đến chung vui ngày họp mặt: ÔB Phan Khắc Tường chủ tịch cộng đồng người Việt tại Paris, nhìn thấy sự đầm ấm và mẫu mực qua tư cách, tự nhiên tôi thấy gần gũi và trân quý ông bà Chủ tịch thật nhiều - Nhà văn Tô Vũ đến với hai chiếc gậy trong hai tay, mái tóc bạc trắng, lưng đã khòm với tuổi đời chồng chất, nhưng tâm hồn ông vẫn trẻ và yêu đời, luôn nở nụ cười trên môi chào mừng xiết tay thật chặt chứng tỏ cả tấm lòng bao la ông dành cho nhóm trẻ chúng tôi - nhạc sĩ Lê Trạch Lựu, đôi chân đi khập khiễng vì tai nạn gì thì tôi không được rõ nhưng niềm tâm cảm dạt dào vẫn hiện rõ trong đôi mắt khi anh tiếp xúc với đoàn chúng tôi – Tôi được dịp gặp gỡ anh chị tiến sĩ Võ Hùng Anh, anh thì cao lớn, chị thì thấp nhỏ nhưng dường như họ là một cặp uyên ương không rời nhau gang tấc - Một nhà Điều Khắc Gia nổi tiếng của Paris, bà Anh Trần cũng đã đến chung vui với chiều Thu Tao Ngô, Bác Sĩ Nguyễn Bá Hậu, ôi đẹp thay một tâm hồn lương y yêu văn hóa Việt Nam, ông dành bao nhiêu thời gian có được sáng tác thơ văn nhạc để cống hiến cho đời niềm tự hào của một con người làm kinh tế vẫn không bỏ quên ngôn ngữ mẹ đẻ, xin cảm ơn Bác Sĩ đã cùng Bác sĩ Nguyễn Hoàng Việt tận tình giúp anh Đoàn Phú Lạc với cái chân *gout* hành hạ và xin cảm ơn B/S đã ưu ái tặng NA 2 cuốn Hoa Tâm và Tha Hương với bút hiệu Phương Du - ÔB Bác Sĩ Huỳnh Trung Nhi quả là đôi nhân tình cao tuổi đẹp đôi mà NA đã được gặp và chuyện trò tại nhà chị Đỗ Quyên, hôm nay ông bà vẫn dành thời giờ quý báu đến chung vui, thật vô cùng cảm kích - Nữ ca sĩ Đỗ Quyên, tiếng hát vang vọng cả hội trường, Opéra là loại nhạc cổ nhưng rất thịnh với giới thượng lưu nhân nhã, trên sân

khẩu trang bà như một nữ ca sĩ đặc thù, chuyên nghiệp nhưng ai biết được trong gia đình bà là một người nội trợ xuất chúng, buổi *party* hôm chúng tôi được mời đến do một tay bà nấu nướng khoản đãi trên 60 thực khách, tôi thăm phục một người phụ nữ tài năng ngoài xã hội và giỏi giang cả trong gia đình...

Cộng đồng Paris thể hiện cho tình người Việt lưu vong thấm thiết, chúng tôi thừa hiểu tạo được một buổi họp mặt không phải dễ dàng vì người Việt cũng không nhiều, đường xá xe cộ đi lại khó khăn, phần đông phải đi xe Métro vì không có *parking* đậu xe, vậy mà theo danh sách tôi ghi nhận được từ BTC thì quả thật quý vị đã quá nhiều ưu ái, hiểu khách dành cho đoàn chúng tôi từ xa đến, nói đúng hơn quý anh chị trong BTC đã được nhiều yêu thương từ quý vị nên Chiêu Thu Tao Ngô còn rất nhiều gương mặt thân thương hiện diện như: Luật sư Lương Ngọc Chấn, Tiến sĩ Trần Minh Trâm, Tiến sĩ Nguyễn Văn Hương (nhà thơ Hoài Việt) Bà Đỗ Quyên, ÔB K/S Võ Hoài Nam (nhà văn Tiểu Tử) nhà văn Âu Dương Trọng Lễ, gặp lại anh Trọng Lễ, quả thật tôi không ngờ, anh trẻ ra và đẹp trai mập mạp hồng hào hơn 7 năm về trước, gặp lại NA mừng quá và cảm ơn anh đã tặng cuốn *Quê Hương Và Tình Yêu* gồm Thơ Truyện và rất nhiều hình ảnh quê hương gợi cho tôi niềm rạo thương nhớ dòng sông quê Mẹ - ÔB G/S Tiến sĩ nhạc sĩ Phạm Đình Liên vẫn keo sơn gắn bó như thuở nào, nhìn chị Minh Cầm không thể ngờ đã 71 cái xuân xanh, trông chị rất trẻ có lẽ nhờ anh Liên có bí quyết chăm sóc - Giáo sư Như Mai, Giáo sư Phạm thị Nhung, Bác sĩ Vũ Thị Thoa, Tiến sĩ Nguyễn Thị Kim Đan, nhà báo Nguyễn báo Hưng, nhà văn Liễu Phong, K/S Nguyễn Xuân Lang, Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng, Ô Bùi Hữu Tinh, Bà Bích Khuê, T/S Huệ Châu, Nguyễn Thanh Vân, Bích Liên, Michel Tùng, Huy Hoàng, Minh

Nhật, Minh Mạch, Trần Văn Trung, nhà báo Phạm Hữu, nhà tranh đấu Trần Hồng (cựu TTK Văn Phòng liên lạc), ÔB B/S Tạ Thanh Minh Chủ tịch Hội Y sĩ Tự Do tại Pháp, Ông Nhất Long, nữ nghệ sĩ Diệu Khánh, nhà văn nữ Bích Xuân, B/S Phạm Ngọc Tỏa (Cựu Chủ Tịch Hội Y sĩ VNTD), ÔB B/S Nguyễn Đương Tịnh hội Hành Thiện, ÔB G/S Bùi Xuân Quang, G/S Nguyễn Ngọc Chân hội Chuyên gia, ÔB tiến sĩ Võ Hùng Anh, B/S Phạm Đăng Thiện, L/s Dương Minh Châu, K/S Đỗ Hữu Hứa, Bác Sĩ Nguyễn Hoàng Việt, nhà văn Chu Chi Nam (Liên Đảng), ÔB Nguyễn Minh Răn (Chủ tịch văn phòng Liên Đới xã hội), Ô Phạm Văn Đức (văn phòng Liên lạc quân nhân Âu Châu), Ô Châu Văn Lộc (Hướng Đạo VN), Ô Nguyễn Tường Long (Tổng thư ký Văn phòng Liên lạc các Hội Đoàn tại Pháp), Ô Lê Minh Triết (VNQD Đảng), Ô Lê Văn Tư (Đại Việt QĐĐ), B/S Nguyễn Minh Tân (VNQĐĐ), B/S Nguyễn Văn Thọ, L/S Trương Hữu Lương, Nữ Sĩ Quỳnh Liên, Nhà thơ Lê Chí Thạnh, Điêu khắc gia Lê Ngọc Khoa, GS Bernard Detrez, anh chị Thanh - Mây Thu, chị Mai Ling, chị Thy Như ... và tôi tin rằng vẫn còn thiếu sót danh sách quý vị tham dự, xin quý vị niệm tình tha thứ cho. Với một lượng quan khách tham dự hùng hậu và tên tuổi như thế quả là BTC thật tài tình và được nhiều cảm tình từ mọi phía...

Bắt đầu chương trình, nghi lễ Quốc ca VN do anh Nguyễn Hữu Xương điều khiển, tiếp theo là lời chào mừng của Ông Chủ tịch Phan Khắc Tường, Họa Sĩ Nguyễn Đức Tăng thay mặt BTC gửi lời ngỏ thân tình đến quý quan khách hiện diện, một màn rước đèn Trung Thu do các em nhi đồng trình diễn rất vui mắt, nhà thơ Phương Du đọc thơ Thu, nhà thơ Hoài Việt đọc thơ Thu...

Đoàn chúng tôi rất hân diện được MC Đỗ Bình mời lên trình diện quan khách Paris, hai MC Vân Hải & Đỗ Bình nhịp nhàng linh động

với chương trình tâm tình của các diễn giả Lê Mộng Nguyên, Nguyễn Thùy, Hồ Trường An ... Tâm tình Thu Paris và Tâm Hồn nghệ sĩ, T/S Lê Mộng Nguyên tâm cảm gợi lại bao kỷ niệm về mùa Thu làm lòng tôi bồi hồi xúc động. G/S Nguyễn Thùy đôi dòng phân tích về cuốn *Món Ăn Theo Bước Di Tàn* nội dung chất chứa bao nhiêu kỷ niệm trong tâm hồn 13 tác giả trên bước lưu vong, tình yêu Tổ quốc, yêu gia đình mãi trường tồn trong trái tim những tác giả định cư Hoa Kỳ, Đức Quốc và Canada nay không ai còn trẻ nữa, người trẻ nhất trong đoàn cũng đã trên 50 cái xuân xanh - Nhà văn Hồ Trường An lên sân khấu với chiếc xe lăn mà thấy thương làm sao, anh vẫn được ca tụng là điển trai nhất nhì trong nhóm cầm bút, thế mà hôm nay... anh tâm tình đầy xúc cảm và không quên giới thiệu hai cuốn *Hoa Vàng & Nam Phong* do Ngọc An thực hiện năm 2003 và 2005 với số đông tác giả chọn lọc - Cụ bà Thái Hạc Oanh lụm cụm cùng chiếc xe lăn lên sân khấu góp lời ủng hộ tinh thần văn học, khuyến khích các tài năng trẻ - Ca sĩ Đỗ Quyên trình bày một trích đoạn Les Voiles Opéra Don Carlos của Verdi với phần đệm dương cầm nữ giáo sư nhạc sĩ người Pháp Nicole Rivière - Nữ Ca sĩ Ambrosio Laurent trình bày ca khúc Serenata của Toselhi - Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung được mời lên giới thiệu tam cá nguyệt san Cỏ Thơm mà chị là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tại vùng Hoa Thịnh Đốn nhiều năm qua. Tiếng đàn tranh thánh thót của Nữ G/S Âm nhạc Nguyễn Thanh Vân trình bày bài Tương Tư Ngự đã làm hội trường im phăng phắc lắng nghe như đọng từng nốt đàn vào tâm khảm, diu dặt mà trầm lắng xốn xao... Khi NA lên ngâm bài thơ Mùa Thu Trên Đất Nước Tôi đã được tiếng đàn tranh của chị Thanh Vân và tiếng sáo trúc của anh Trần Tam Nguyên yểm trợ nên tăng thêm phần hồn cho bài thơ nói về mùa Thu của ba miền Nam

Trung Bắc đã được quan khách lắng nghe và chia sẻ nhiệt tình - Tiếp theo là phần giới thiệu tác phẩm của nhà văn Âu Dương Trọng Lễ, nhà văn nữ Trúc Giang do các nhà văn Nguyễn Xuân Lang, nhà thơ Quyên Tâm và nhà báo Tô Vũ nhận định - Sau đó là bài nói chuyện của G/S Phạm thị Nhung về Giai thoại cuộc tình lãng mạn của thi sĩ Vũ Hoàng Chương cùng người đẹp Tố Uyên đầy say mê và cảm động - Xen kẽ chương trình là phần độc tấu Guitar của N/S Phạm Đình Liên, Paris trong thi ca của G/S Từ Tri, Người Tình Trong Âm Nhạc của N/S Lê Trạch Lựu, nhà báo Nguyễn Bảo Hưng với chủ đề: Sự Huyền Diệu Của Tiếng Việt, Ca sĩ Thúy Hằng trình bày bản nhạc Sương Thu, giọng trầm buồn sâu lắng làm lắng đọng bao tâm hồn yêu nghệ thuật nước nhà, và còn nhiều lắm ca sĩ Minh Cẩm, Minh Nhật, Bích Liên, Ngọc Châu... lên trình diễn những bài ca toàn về mùa thu nên buổi Thu Tao Ngô thật hoàn toàn có ý nghĩa sâu xa và khó quên - Nhà văn nữ Trúc Giang lên sân khấu góp ý tưởng và kể lại lập trường đấu tranh sôi nổi của người dân nước Đức - Chúng tôi rất tiếc là thời gian không cho phép và chương trình đã quá dài chứ nếu còn thời gian thì các nhà thơ nhà văn của chúng tôi tuy cầm bút nhưng cũng là những ca sĩ, nghệ sĩ có hạng của Hoa Kỳ và Canada, Đức Quốc sẽ lên công hiến tài năng với quý vị, thôi xin hẹn vào một dịp khác vậy, nhưng đâu dễ gì quý vị ơi, nên rất tiếc và rất tiếc... Phần văn nghệ hào hứng nên hấp dẫn quan khách ngồi lại đến giờ phút chót - Miền đất Paris theo tôi biết thì rất khó khăn tụ họp nhưng buổi tổ chức Thu Tao Ngô đã quy tụ nhiều gương mặt sáng chói của cộng đồng Paris chứng tỏ BTC có tầm cỡ và tình cảm, tình đồng hương thâm sâu đậm đà như thế nào rồi. Một lần nữa xin cảm tạ anh chị Đỗ Bình và quý anh chị trong BTC thật nhiều. Cảm tạ quý quan khách đã dành thì giờ quý báu đến chung

vui với chúng tôi, nhất là các vị phải dùng xe lăn, mang theo cả bình dưỡng khí và các vị thật cao tuổi - Cảm động biết chừng nào với tấm lòng yêu văn hóa Việt Nam của quý vị - Cảm ơn chị Bích Xuân đã dành cho 4 người chúng tôi: anh chị Đoàn Phú Lạc – Chu Kim Oanh – Phong Thu và Ngọc An những tình cảm thật đẹp khi đến trú ngụ trong “tòa lâu đài cổ” và những lời tâm tình của hai người độc thân BX- NA nên đã phải thức trắng đêm không ngủ, cảm ơn chị đã tặng mình CD nhạc do chính chị hát... Đêm cuối cùng để từ giã Paris, NA còn được nhân duyên với chị Mai Ling, về ngủ với chị, một căn phòng dành cho người cao niên, ấm cúng và sạch đẹp với cách trang trí thẩm mỹ - Tôi đã được nghe qua tâm tình thương đau của đời chị và một quyết định về VN sống những ngày còn lại với viện dưỡng lão dù tại nước Pháp chị vẫn còn có ba người con, cái tình người Việt Nam cao đẹp và trường tồn trong xương tủy đến khi gần kề cát bụi vẫn muốn gửi năm xương tàn trên quê hương Mẹ - Chị Mai Ling rất giỏi về Pháp ngữ, cuốn sách chị tặng tôi mang tựa đề: *Le Sixième Sens De La “Petite Souris”* dày 338 trang hoàn toàn bằng Pháp ngữ, rất cảm ơn chị - Cảm ơn chân tình của anh chị Thanh-Mây Thu... Cảm ơn nhà văn Hồ Trường An đã tặng NA rất nhiều sách của anh: *Thấp Nắng Bên Trời, Giữa Đất Trời Giao Hưởng, Những Đóa Hoa Nở Muộn, Truyền Kỳ Trên Quê Nam, Giai Thoại Văn Chương, Trở Lại Bến Thuyền Dương, Trăng Xanh Bên Trời Huế, Vườn Cau Quê Ngoại*, nhà thơ Đỗ Bình tặng NA cuốn thơ mang tựa đề thật hấp dẫn “*Mùa Xưa Vô Cánh*”, nhà văn Nguyễn Văn Nhiệm với cuốn *Đường Vào Triết Học Việt Nam* dày 486 trang với bao công phu thực hiện - nhà văn nữ Tiểu Thu với truyện ngắn *Tiếng Hót Vành Khuyên* líu lo êm ả và dễ thương không khác gì tác giả - Cảm ơn hai CD của chị Minh Cẩm, tuy bạn

rộn nhưng CD của chị và Bích Xuân NA đã nghe và rất thích – Về Cali NA còn nhận được cuốn *Hoa Liên Kiều* tác giả Vũ Nam gửi tặng, chỉ mới nghe tên cuốn sách là người đọc phải tò mò rồi đấy, cảm ơn Vũ Nam nhiều - Những cuốn văn thơ quý anh chị tặng sẽ là bầu bạn gối đầu giường mỗi đêm trước khi NA đi ngủ - Cảm ơn G/S Nguyễn Ngọc Chân đã hướng dẫn và giảng thích tỉ mỉ từng chi tiết lịch sử cho đoàn tham quan chúng tôi, rõ ràng ông có bộ óc không khác gì tự điển sống, quý anh chị Hải Yến, Minh Nhật, Mai Ling, Thy Như... tất cả quý vị đã bỏ nhiều thì giờ quý báu đưa đoàn chúng tôi tham quan thắng cảnh Paris, cảm ơn chị Minh Cẩm và Chu Kim Oanh đãi một buổi ăn tối tại Phở Hòa trước khi rời Paris, xú thần tiên về thắng cảnh. Chắc hẳn bài viết này còn rất nhiều thiếu sót, bởi tôi từ phương xa đến không thể am tường, xin quý vị rộng lượng đừng chấp nhất, xin ơn trên ban cho tất cả đồng hương tại nước Pháp an lành hạnh phúc. Kính chúc quý vị cao niên của miền kinh đô ánh sáng Paris sống trường thọ, quý vị đang mang bệnh hoạn tật nguyên sớm trở thành lành mạnh để có ngày NA trở lại Paris còn được gặp gỡ hàn huyên cùng tất cả quý vị...

Chiều Văn Hóa Thu Tao Ngộ tại Paris đã được ghi lại từng chi tiết, thực hiện thành những cuốn DVD thật đẹp qua các anh Đoàn Phú Lạc, B/S Phan Văn Thành và anh Duy An Đông, xin cảm ơn các anh thật nhiều - Về phần chụp ảnh thì dường như ai cũng mang theo máy ảnh, do đó buổi du lịch Paris quả tình không uổng phí và vô cùng ý nghĩa cho một ngày đầu thu tình thơ văn kết tụ.

Rồi tất cả đã trở lại bình thường, nhưng dư âm vẫn còn vang vọng, trời mùa thu Cali buồn não nuột, những chiếc lá vàng rơi lá tả, gọi lòng ta nổi ngao ngán cho một kiếp người phù du, lá vàng rồi lá rụng... trời mùa thu mang sắc màu u ám nhưng người thơ lại thích mùa

thu, nó gọi trong lòng những cảm hứng mông lung, u uẩn, tiếc nhớ, băng khuâng...

Cho đến muôn đời thu vẫn đẹp
Lá vàng pha lá đỏ tươi xinh
Bên đường lặng lẽ hàng cây đứng
Những đóa hồng khoe sắc hữu tình

Phố Palo Alto êm đềm thơ mộng
Một buổi chiều lữ khách ghé thăm
Hoa lá reo vui theo gió lộng
Làm say lòng bao gã thi nhân ...

Ta cũng say sưa phố lạ chiều
Muôn trùng lá thắm động thương yêu
Dọc theo con lộ dài hun hút
Vàng, đỏ, nâu, hồng... thoáng tịch liêu

Rừng lá mùa thu trải khắp miền
Điểm tô thêm đẹp phố bình yên
Ta ngỡ ngỡ với ngàn hoa lá
Hồn bướm mơ tiên ... chẳng lụy phiền

Ta thấy quanh ta xác lá vàng
Quyện tròn trong gió buổi thu sang
Tưởng như ai đó đang vương vấn
Cho mộng thêm dài ... lạnh gối chăn !

Cảnh đẹp cho hồn ta ngất ngây
Tình thơ lai láng giữa trời mây
Nhìn thu ta bỗng lòng say đắm
Giấc mộng Hằng Nga ... giữa cõi này ...

Nhớ các anh các chị các bạn của Paris nhiều lắm, chân tình kia bao giờ chúng tôi đền trả đây – Nhớ những vòng tay ôm xiết chặt dù chỉ mới biết nhau lần đầu, nhớ những nụ hôn thân tình tây phương lên má, lên tóc của những tình cảm thân thương vui mừng tao ngộ, người Việt nơi đất Pháp chân tình và dễ thương một cách lạ lùng, gần gũi và thương mến nhau tựa như trong một đại gia đình vậy - Tình người ly hương thiết tha cho nhau không bao quản nhọc nhằn, vất vả - Xin trân trọng ghi sâu vào tâm

não những ân tình mãi mãi không quên... nhớ các anh, các chị các bạn của nhóm chúng ta, để gì có một cuộc tao ngộ bên nhau với những gương mặt thân thương này nữa, mùa thu này là mùa thu đầy ý nghĩa của cuộc đời cầm bút chúng ta, mong những hình ảnh của chuyến đi sẽ được trang trọng lưu giữ như những kỷ vật của đời mình...

Thân kính ghi lại đây bài thơ: “mùa thu trên đất nước tôi” để làm kỷ niệm cùng quý vị:

MÙA THU TRÊN ĐẤT NƯỚC TÔI

Sáng hôm nay nghe gió về lành lạnh
Thu đã chuyển mùa, anh có biết không
Mây lang thang, hồn trĩu nặng nhớ mong
Nắng diu diu... lòng em buồn man mác

Em bỗng nhớ mùa thu xưa Đà Lạt
Mây Lâm Viên mờ ảo phủ thông rừng
Mì mô da từng hạt lệ rung rung
Bên hồ biếc xôn xao con sóng gợn

Em chưa có mùa thu sông núi Ngự
Huế mơ màng ôm cung điện nghìn xưa
Huế của ai ... sao nhiều nắng lắm mưa
Em ao ước được một lần hạnh ngộ

Em nghe nói trời mùa thu Hà Nội
Heo may về từng đợt gió buồn hiu
Lá vàng rơi trên đường phố cô liêu
Hồ Lăng Bạc... vết tích xưa huyền sử

Thế là đã mười tám thu cô lữ
Lá quê người sắc vàng đỏ mênh mang
Nhưng trong em bao kỷ niệm úa vàng
Niềm cố quốc, quê hương xa vời vợi

Anh biết đó, em vẫn hằng mong đợi
Một mùa thu ta gặp... lá vàng rơi

Nguyễnphanngocan

California mùa thu 2009



30-09-2009 – Từ trái: Kim Oanh, Ngọc Dung, Hồng Phúc, Thy Nhu, Ngọc An, Thuận, Duy Đông An.



*Troyes, 01-10-200 - Ngồi: Thy Nhu, Hồ Trường An, Mai Ling.
Đứng: Ngân, Tiểu Thu, Lan Phương, Ngọc Dung, Bernard,
Ngọc An và Mặc Giao.*



Paris

10-

02-2009 – Từ trái Minh Nhật, Duy An Đông, Ngọc Dung, Mây Thu, Ngọc Chân, Kim Oanh, Ngọc An, Mặc Giao, Đoàn Phú Lạc.



Bateau Mouche sur La Seine, 10-02-2009

Tại Nhà hàng Clément, Champs Élysées, 02-10-2009



Vũ Hồi và anh chị Đỗ Bình Thúy Hằng.



Ngọc Dung, Mạc Giao, Phong Thu,
NS Lê Mộng Nguyên, Trúc Giang, Ngọc An,
GS Nguyễn Thùy



Ngọc Dung, Kim Oanh, Tiểu Thu, NS Lê Mộng Nguyên, thân hữu, Mạc Giao, Ngọc An



Ngọc Dung với Hồng Phúc, Từ Thạch, Võ Hùng Anh.

Tặng Võ Hùng Anh và Từ Thạch
Bên nhau mỗi thấy tình chan chứa
Mãi tác càng thêm nết mẫn nồng
Để biết tình yêu đàu có tuổi
Hạnh phúc lặng thắm mãi thùy chung
Bùi Vĩnh Hùng



Đỗ Bình, Ngọc Dung, Đỗ Quyên, Thúy Hằng, Bích Liên, Nguyễn Thanh, Ngọc An, Nguyễn Thùy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Mây Thu tại nhà Đỗ Quyên, 03-10-2009.



Nguyễn Thùy, Đỗ Quyên, Vân Khanh, Ngọc Dung,



^ Bên Nhà Thờ Sacré Coeur.

<Trong khu nghệ sĩ, hội họa, Montmartre.





Các em thiếu nhi rước đèn Trung Thu.



Từ trái: Ngọc An, Ngọc Dung, Vũ Hối, Duy An Đông, Đỗ Bình, Vũ Nam, Trúc Giang, Mạc Giao, Hồng Phúc, Tiểu Thu, Phong Thu, Kim Oanh.

THUYỀN MÂY

Ai chờ mây về đây trưa nay?
Đem giăng giăng xám phủ vai gầy
Đem cô liêu dật nghiêng giòng tóc
Ai chờ mây về đây trưa nay?

Mỏi mắt dõi nhìn chân trời tím
Cô lê đường mây cánh chim bay
Tay cài vạt áo thu sương lạt
Gió lộng vờn theo khói hương say

Giá buốt tuôn tràn giòng huyết lệ
Bồng bênh theo vận nước lưu ly
Má hồng phai lạt dần hương sắc
Bước ngập ngừng đau phút phân kỳ

Anh nằm đó ôm trong lòng đất mẹ
Trên hoang tàn đổ nát mảnh quê hương
Ai gieo tang tóc thê lương?
Cho em cô phụ bên đường gió bay

Ai chờ mây về đây trưa nay?
Đem giăng giăng xám phủ vai gầy
Đem cô liêu dật nghiêng giòng tóc
Ai chờ mây về đây trưa nay?

BARQUE DE NUAGES

Qui emmène ici les nuages cet après-midi?
Voilant les frêles épaules de jeune fille
Sur ses cheveux se penche la solitude
Qui emmène ici les nuages cet après-midi?

Scrutant l'horizon violacé
Où un oiseau vole en solitaire
Par la main, ferme sa robe d'automne légère
Dans le parfum d'encens, que le vent soulève

Les larmes coulent en gouttes de sang glaciales
Comme le sort malheureux de son pays
Le rose de ses joues perd sa beauté
Elle hésite ses pas au moment de se séparer

Il reste là, enveloppé de sa terre natale
Sur mille chaos de son pays
Qui a semé de telles situations fatales?
La laissant veuve au bord du chemin venté?

Qui emmène ici les nuages cet après-midi?
Voilant les frêles épaules de jeune fille
Sur ses cheveux se penche la solitude
Qui emmène ici les nuages cet après-midi?

Vân
Hải
(Paris)



Nhật Ký Về Những Ngày Ở Paris

VŨ NAM

Tôi trở lại Paris ngày 4 tháng 10 trong trạng thái lâng lâng. Trời nước Đức hôm nay có ngọn gió thu nhẹ đầu mùa và buổi sáng lạnh lạnh. Nhưng trưa, khi đến Paris lại hưởng được cơn nắng muộn màng của ngày hè đã qua. Bầu trời Paris xanh trong, người người tập nập trên khắp các con đường. Một ngày nắng cuối hè làm ấm áp thành phố, ấm áp con người, như thanh kiếm vàng chiếu sáng, ánh nắng từ mặt trời chiều, làm ấm áp mặt hồ Boden See trong những ngày thu nơi quê hương „nước Đức“ của tôi.

Gặp lại những người bạn cũ Paris và biết thêm những vị khách và văn nghệ sĩ mới của kinh thành Paris tôi thấy như vừa nhận được những món quà. Với các anh chị, bạn bè cũ thân thương! Thời gian qua mau quá phải không các anh chị? Ngày nào chúng ta cùng ngồi đàm đạo ăn uống trong nhà bạn bè, trong các kỳ hội thảo. Mới đó mà đã mười năm, mười lăm năm rồi. Nay mới có dịp gặp lại.

Đời sống thật sôi động nhưng cũng thật tất bật. Cuộc sống đôi khi vui, nhưng đôi khi cũng không vui. Đến Paris lần này, mặc dù vì chuyện cuốn sách *Món Ăn Theo Bước Di Tản* (MATBDT), nhưng tôi vẫn muốn gặp lại những bạn văn cũ, và muốn biết thêm bạn văn mới cùng các anh chị, những người đã có danh tiếng ở Paris.

Chuyện về buổi chiều Thu Tao Ngô (TTN) ất hẳn đã có vài bạn văn đã viết trên các báo và các diễn đàn Internet. Các bài viết của các bạn văn rất đầy đủ: tên các vị khách và những sinh hoạt trong buổi chiều hôm đó. Trong bài này tôi cố gắng ghi lại những gì tôi



còn giữ trong đầu liên quan đến buổi chiều TTN này, cùng những kỷ niệm tôi đã có với Paris, với những người bạn Việt Nam ở Paris và trên nước Pháp bằng những trang nhật ký của những ngày tháng cũ....

Ngày....Ngày... Cùng thi văn nhân Paris đón vợ chồng nhà văn Nguyễn Tấn Hưng tại tư gia cô Bình Phương. Hôm đó, ngoài vợ chồng anh NTH tôi còn gặp lại các anh Hồ Trường An, Từ Nguyên, Trần Đại Sĩ.... gặp các chị Thụy Khanh, Bích Xuân. Đặc biệt hôm ấy gặp vợ chồng Lê Hằng, người cựu chủ bút (hay chủ nhiệm) tờ Ái Hữu ở Paris, Đặng Mai Lan, nhà văn. Sau này thỉnh thoảng tôi cũng có liên lạc với Lê Hằng và Đặng Mai Lan qua những email thăm hỏi. Vợ chồng Lê Hằng hay viết, khi nào đến Paris nhớ ghé đến gia thất Lê Hằng. Đọc những dòng chữ email của Lê Hằng bao giờ tôi cũng cảm thấy có một tình cảm của người em gái dành cho người anh trai. Những dòng chữ ấy mà khi hồi tưởng lại tôi thấy xúc động...

Ngày... Sau những lần lỡ hẹn tôi cũng ghé thăm nhà Đặng Mai Lan, cô bạn văn nghệ có dáng nhỏ bé, e lệ, khi tôi có dịp chạy xe đến thăm một gia đình người quen ở gần nhà Lan. Sau khi cùng ăn buổi trưa trong nhà Lan xong, cô rủ tôi cùng đi dạo. Trời tháng hai đang lạnh. Những hàng cây hai bên đường đã trụi

lá, bầu trời có màu xám xám. Lan dẫn tôi vào những con đường phố nơi cô cư ngụ. Hẳn những con đường đã hằn in dấu chân cô. Xuân đi hè đến, với đời sống hơn hai mươi năm ở đây, con phố này chắc rất quen thuộc với Lan. Sau những ngày mở cửa đón khách đi mua cho lễ Noel và tết Tây, những hàng quán nằm dọc dài theo giữa con lộ giờ đã đóng cửa, nhưng trong buổi chiều cuối tuần của mùa đông khi có vài ánh nắng vàng rơi xuống thành phố vẫn chiếu rọi được con người đi dạo tập nập. Lan giải thích cho tôi vài điểm nổi bật của thành phố. Thành phố có nền lịch sử lâu đời. Có ngôi nhà thờ cổ kính. Nơi trở về nhà nghỉ ngơi của những doanh gia giàu, sau vài ngày, một tuần vui đầu bận rộn làm ăn trên thủ đô Paris ồn ào. Trong buổi chiều hôm ấy tôi thấy Lan có nét vui. Có lẽ vì các con đang đoàn tụ ở nhà, sau một tuần đi học xa mẹ. Mẹ con cuối tuần mới có dịp gặp lại. Nỗi buồn đã qua. Ngày tháng rồi cũng quét trôi đi tất cả những đau thương trong đời người. Hơn một năm qua không biết Lan đã quên những đau thương lớn lao của mình chưa? Nhưng buổi chiều hôm ấy trông Đặng Mai Lan rất vui.

Ngày... Lần đầu tôi đến Paris là năm 1982 với vài bạn Việt Nam và cô giáo dạy tiếng Đức cho lớp tiếng Đức. Trên xe có khoảng năm mươi người khách. Xe bắt đầu khởi hành từ Đức lúc trời chạng vạng tối. Đến biên giới Đức-Pháp ngoài trời đã tối đen như đêm ba mươi, chúng tôi không ai bảo ai, mọi người tự do đi vào „giấc điệp“. Tỉnh thoảng ánh đèn xe trên đường ngược chiều rọi sáng làm tôi thức dậy từ giấc ngủ chập chờn, cứ mong trời mau sáng „đến Paris“. Hôm sau, khi xe chuẩn bị vào Paris trời bắt đầu sáng. Đến Paris, xe chạy tới trước cửa một Hotel, nơi chúng tôi sẽ ngủ qua đêm, tài xế cho mọi người xuống và hẹn đúng sáng hôm sau, khoảng 10 giờ ông sẽ trở lại đón tại một điểm

khác được hẹn trước. Ngày hôm ấy, không ai đưa đón, chúng tôi tự động cùng nhau đi dạo phố Paris. Chúng tôi „lội“ bộ, dùng Métro đi cùng khắp. Tháp Eiffel, Khải hoàn môn, dòng sông Seine, quán, Bar về đêm... Lần đầu tiên bước chân lên thành phố diễm lệ vào bậc nhất của Âu Châu, lòng thật vui. Sau này, khi có dịp đến Paris, chúng tôi có ngay những văn hữu bản địa dẫn dắt đi phố, mời ăn cơm, như ở nhà vợ chồng anh chị Từ Nguyên; hướng dẫn đi chơi, như cô Bình Phương. Hay như khi chia tay lúc hoàng hôn đã bao trùm cảnh vật Paris, chai nước suối từ bàn tay nhà văn Trần Thị Diệu Tâm trao cho chúng tôi - anh Phù Vân, Đan Hà, Nguyễn Anh Tuấn, Huy Giang và tôi - để uống dọc đường, trên hành trình trở về Đức trong đêm, khi trời chiều đã tắt trên những con đường, phố xá Paris, với tôi cứ chỉ thân thiện này từ người Paris thật đậm thắm, khó quên.

Ngày... Ngồi nhìn bầu trời đang kéo mây u ám bên ngoài cửa buổi sáng mùa xuân, lại nhớ đến mùa hè vừa qua trong năm nay. Một mùa hè vui vui. Khi ngồi trên thuyền dạo trong buổi tối mùa hè lộng gió từ dòng sông Seine của kinh thành ánh sáng Ba Lê. Ánh sáng hai bên bờ sông rực rỡ như hoa đăng. Dòng nước sông đã nhận và phản chiếu nổi sinh hoạt miệt mài của con người, cùng một lúc với những hoan ca và hạnh phúc nếu có từ những cuộc vui của trần thế. Ánh sáng từ những nhà hàng nổi hai bên bờ, những chiếc đèn pha từ những thuyền bè qua lại, hình ảnh những người đồng tình lướt ái đứng mờ ảo ở một nơi u tối nào đó dưới chân cầu. Và dưới chân tháp Eiffel, mỗi họa sĩ với tấm bảng vẽ và cây viết chì đang lãng xăng cho cuộc đời nghệ thuật, cộng sự hiện nổi lộ lộ nhưng thành quách, lâu đài, trường học danh tiếng, cầu cống bằng lối kiến trúc tân kỳ với màu vàng kim óng ả đã tạo cho Paris trên dòng sông Seine một nổi thu hút kỳ lạ.

Trong đêm Paris cô đơn, cộng gió thổi vù vù hai bên tai và thấm lên da thịt những làn không khí đến lạnh buốt, mới cảm thấy sự lâng lâng u hoài trong tâm hồn đã dâng cao đến độ nào, bởi cái muôn mặt đa dạng của những người xa lạ và của cảnh vật không từng quen thuộc vây quanh.



*Thu Tao Ngô: Nhà văn Vũ Nam,
Nguyễn Văn Nhiệm, Võ Thị Trúc Giang,
Nguyễn Thị Ngọc Dung.*

Ngày... Tôi trở về sau ngày Thu Tao Ngô, Paris 4 tháng 10. Cuộc sống đã trở lại bình thường nhưng những dư âm và hình ảnh ngày hôm đó vẫn còn nằm trong đầu. Gặp lại các anh chị Hoài Việt, Từ Tri, Vũ Thái Hoà, Tô Vũ, Bích Xuân... tôi rất vui, vì chúng tôi đã từng gặp Paris và ở Đức. Thiếu anh Mạnh Bích! Vì anh đã mất cách đây vài năm! Bao năm qua, việc liên lạc của chúng tôi bị gián đoạn bởi không gian quá xa và thời gian bao giờ cũng... thiếu! Cũng không quá đáng lắm đâu, khi nói như thế! Xã hội Tây phương này làm người ta quay cuồng như chiếc ốc trong một cái máy. Cứ quay theo máy, ngày này qua ngày khác, tháng tháng năm năm. May lắm là có thì giờ cho gia đình, sau là các bạn bè ở gần, chứ bạn bè xa thì chịu!

Gặp lại anh Hồ Trường An được ít giây, khi đến hàng ghế đầu, nơi anh đang ngồi, bằng

một lời chào hỏi: Anh khoẻ không? Anh hỏi lại: À, Nam mới tới. Sau đó giọng người MC thật thanh lịch trong ngày hôm đó, anh Đỗ Bình hay chị Vân Hải tôi quên rồi, vang lên, tôi cũng phải trở về vị trí phía dưới để trả lại không khí trật tự cho ngày Tao Ngô. Giữa chương trình, thấy êm êm, muốn lên nói chuyện với anh lâu hơn, thì được biết anh đã ra về rồi. Thôi hẹn anh ở một dịp khác. Chúc anh mau khoẻ mạnh lại.

Tôi đến với anh Nguyễn Văn Nhiệm, tác giả cuốn Đường Vào Triết Học Việt Nam, từ nước Đức hơi trẻ nên ngoài chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, Tiểu Thu-anh Thành và Nguyễn Phan Ngọc An, đã biết trước, qua dò hỏi tôi mới biết được những khuôn mặt mới, những người cùng tôi viết chung trong cuốn sách MATBDT như anh Duy An Đông, chị Tôn Nữ mặc Giao, Phong Thu. Gặp lần đầu, trong bầu không khí ồn ào, đầy người, chúng tôi cũng chỉ chào hỏi thông thường, chớ không có thì giờ cho những chuyện trò tâm sự lâu.

Nhà văn Nguyễn Thùy nói về cuốn sách MATBDT. Dáng dấp của một nhà giáo, nhà biên khảo mực thước. Khi anh nói về quyển sách, dù anh nói rất thật, chân tình, nhưng chúng tôi những người cùng viết trong cuốn sách cũng cảm thấy buồn. Nhưng rồi cũng cố „đổ gió cuốn đi“ những nỗi buồn. Vui trước cái đã, vì lâu ngày mới có dịp gặp lại. Đông Tây mới hội ngộ.

Cũng vì đến trễ nên tôi không được nghe Lời Chào của bác sĩ Phan Khắc Tường, Lời Ngỏ của họa sĩ Nguyễn Đức tăng! Đến nơi là lúc các em bé mặc áo vàng đang rước đèn trung thu „rần rần“ trên sân khấu. Không khí nhộn nhịp. Chúng tôi lần bước trong ánh sáng lờ mờ của hội trường để tìm người quen. À đây rồi. Anh Thành và chị Tiểu Thu. Rồi đến chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Phan Ngọc An. Các chị từ Bắc Mỹ đến Paris đã mấy

ngày mà xem còn tươi tỉnh. Còn ăn mặc đúng là „đi hội“. Thật sự tôi bắt đầu ngồi và lắng nghe là từ bài nói chuyện của nhạc sĩ Lê Mộ Phong. Anh có một bài nói chuyện linh động, thích thú, khi nói về Paris và những dòng thơ Thu từ các tác giả nữ. Giáo sư Phạm Thị Nhung với bài nói chuyện về người tình của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Bài nói chuyện rất hay, vì GS là cô giáo dạy văn chương, còn là người Hà Nội (tôi đoán vậy), nên giọng nói chuyện rất hay, nhất là những khi cô ngâm thơ của thi sĩ họ Vũ, mọi người đều yên lặng để thưởng thức. Nhạc sĩ Lê Trạch Lưu về đề tài âm nhạc và nhà báo Nguyễn Bảo Hưng về Tiếng Việt. Những bài này nên là những tài liệu cần có trong nhà cho người viết văn, thơ. Hoài Việt, Từ Tri, Tô Vũ cũng đóng góp những bài nói chuyện, ngâm thơ về Thu.

Phần văn nghệ, những người nghệ sĩ Paris như Đỗ Quyên, Bích Liên, Thúy Hằng, Nguyễn Thanh Vân, Phạm Đình Liên... đã hết lòng đem tiếng hát và cung đàn của họ để hiến tặng quan khách. Họ sống với lời ca tiếng đàn. Một công hiến tận tình. Cách biểu diễn trình bày của họ cho thấy điều đó. Phe ta, TT, TNMG thấy cũng có „đăng ký“ với anh ĐB từ trước cho những tiệc mục văn nghệ nhưng chiều hôm đó không thấy trình diễn, chỉ có chị NPNA. Chắc các chị nhường cho các nghệ sĩ Paris. Chị Nguyễn Thị Ngọc Dung với chiếc áo dài VN màu xanh trang nhã bước lên “diễn đàn” đã chùng mục, không ít cũng không nhiều, khi giới thiệu báo văn học Cô Thơm, do chị làm chủ nhiệm, đến với quan khách. Hy vọng sau lần giới thiệu này, báo Cô Thơm sẽ có nhiều văn hữu, độc giả ở Âu Châu hơn. Anh Nguyễn Văn Nhiệm cũng được ban tổ chức dành cho ít phút để nói vài lời về cuốn sách của anh. Anh cũng có mang theo một số sách để tặng quan khách. Cô Mai Linh đáng

người nhỏ, cầm trên tay cuốn truyện bằng tiếng Pháp do cô viết đã được nhà văn Tô Vũ giới thiệu, cùng lúc giới thiệu những tập truyện ngắn của Trúc Giang đến từ nước Đức. Hôm ấy cô ML mặc “áo đầm” màu đỏ làm tôi để ý. Mới nhớ ra. À thì ra giống cô gái người Pháp Isabelle Durchnesnay trong giải thi vũ đôi trên tuyết của thế giới năm 1989. Kỳ thi ấy Isabelle về nhì. Hôm thi cô cũng mặc chiếc “áo đầm” màu đỏ, người nam vũ cùng, quay cô, làm tà áo đỏ cuộn quay như những vòng lửa. Hình ảnh gợi người ta nhớ đến vụ Thiên An Môn, sinh viên Trung Quốc ngã dưới những nòng súng lửa của những chiếc xe tăng! Nhưng ML trong Chiều Tao Ngộ thì từ tốn, chậm rãi vì là nhà văn chứ không phải vũ sư biểu diễn.

Hồng Phúc đến từ Dalas, anh chị Chu Kim Oanh-Đoàn Phú Thứ đến từ Arizona, là những bạn văn tôi cũng mới gặp lần đầu. Tôi cũng có dịp đôi phút để nói chuyện với chị CKO và HP. CKO thì nói chuyện lần đầu, nhưng HP thì có lần nói chuyện bằng điện thoại liên cách đây cũng khá lâu.

Buổi chiều tối hôm ấy nhờ ngồi chung xe và chung trong bàn ăn chiều nên tôi mới có dịp nói chuyện nhiều hơn với chị NTND, NPNA và Phong Thu. Nội dung câu chuyện cũng xoay quanh chuyện về buổi chiều hôm ấy...

Thành thật xin lỗi nếu bài viết Nhật Ký Về Những Ngày Ở Paris này không thể kể tên được hết quý vị quan khách trong buổi chiều Thu Tao Ngộ. Và cũng không viết gì được cho chị Dư Thị Diễm Buồn vì ngày hôm đó không có sự hiện diện của chị. Chửi!

Vũ Nam
(Germany)

Khe Khẽ Trong Mơ

Tặng các tâm hồn Thu cảm.

biết không anh / mùa thu hồn em lạnh
gió lạnh hồn người / gió thoảng bay
quanh đâu đây / còn vang lời ai hát
đồi núi ngồi chờ / nhẩn với chân mây

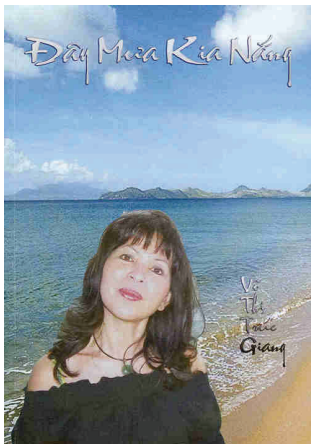
đã bao mùa qua / bao mùa lá rụng
lỡ một cuộc tình / đá cuội nằm tro
giấc mơ bình thường / ôm sầu con sóng động
biển có gợn lòng / biển có bờ vờ ?

Từ ngày xa nhau / sao tình như nước nở
lá rớt ven rừng / bụi thoảng sương mơ
ngày dần qua mau / đêm có về an ủi
dễ giấc ngủ vùi / trăng có đứng chờ ?

có biết không anh / đêm khuya mưa tạnh
chiếc bóng hiện về / khe khẽ trong mơ !

Võ thị Trúc Giang Lúa 9

31.10.2009 Germany



Sao Ngoại Khóc

Kê từ đêm xa anh,
Tóc có vài sợi bạc.
Qua một thời lưu lạc.
Tóc còn vài sợi xanh.

Những sợi bạc như anh
Vô tình che kín mặt..
Bỗng nhiên rơi nước mắt..
Quên đi –sao không đành.

Cùng cháu nhìn mây trôi.
Chiều nay ngồi nhuộm tóc.
- Ngoại ơi!sao ngoại khóc.
Ngoại nhớ ai nữa rồi.

Nhóc con ! ngoại cười đây.
Mắt ngoại vừa vướn tóc.
-Ngoại ơi sao ngoại khóc
Mà mắt cháu lại cay?.

Tại vì khói lò than.
-Nhưng tại sao ngoại khóc
Tại vì hương thời gian..
-Nhưng tại sao ngoại khóc?

Ngoại khóc vì mít ướt.
Hỏi chi cứ hỏi hoài.
Bối cháu là con trai
Làm sao mà hiểu được.

Lam Điền Nguyễn Thử

(Charlotte, mùa lá rơi 2009)

Anh Đáo Làng Tôi

Phạm - Hữu

Làng tôi một làng, thời thực dân là ngoại ô thành phố, nay là quận Đống Đa trực thuộc thành Hà Nội. Tuy thuộc thành Hà Nội, nhưng làng tôi nghèo sơ sác, trông những mái nhà lợp ngói đồ sộ khá nhiều, đường vào làng, và đường đi trong làng xây bằng gạch nghiêng ... nó đã không dấu được cái nghèo. Người trong làng loại giàu có chỉ vài ba sào ruộng. Trâu cày hình như không có. Người dân trong làng phải tha phương cầu thực, nếu không cũng buôn thúng bán mẹt ở Hà Nội để sống. Nghề gánh bún ốc ra Hà Nội bán là nghề « tay phải » của làng tôi. Đàn ông ra Hà Nội làm thợ, làm phu hồ hay đập xích lô, làm công chức hay phải tha phương đi mưu sinh. Người may mắn được cấp sách đi học phải bù đầu vào sách vở, để kiếm mảnh bằng nuôi thân. Người ở đây nói rằng làng tôi đất phát, không phải phát tự bây giờ mà phát tự ngàn xưa. :

Ca dao đã có câu :

“Quan kẻ Mọc, thóc Thanh Trì”

Các dòng họ trong làng tôi làm quan lớn ngồn. Thi sĩ Đặng Trần Côn, tác giả cuốn thơ Chinh phụ ngâm khúc. Một tác phẩm ngày nay đã có giá trị vượt không gian và thời gian. Luật sư Trịnh đình Thảo, được đi Pháp du học. Ông đỗ tiến sỹ luật ở đại học Montphelie, khi có danh vọng tiến sỹ, ông trở về làng vận động để bố ông tranh chức tiên chỉ. Tôi sinh đẻ ở quê người, hơn nữa còn quá nhỏ, ngày nhỏ tôi về quê hai, ba lần. Tới nay tôi vẫn không rõ, các hương chức làng tôi chỉ có cụ tiên chỉ. Làng không có lý trưởng, không phó lý, trưởng bạ hay chương tuần, dềnh dàng như các làng.

Tiên chỉ thường là quan tuần phủ hay tổng đốc đã hưu thuộc dòng họ lớn trong làng. Thân phụ luật sư Trịnh đình Thảo, không tranh nối chức tiên chỉ. Ông quá tức giận bỏ làng ra đi biệt biệt vào Nam từ đấy. Khâm sai đại thần Bắc kỳ, quyền tiền trạm hậu tấu Lê Hoan, con trai trưởng của ông, ông huyện Đình đã từ quan về làng mở quán bán bún riêu, ở vệ đường. Tổng đốc Nguyễn hữu Đắc, ông và các con ông đều làm quan. Sau khi tổng đốc Nguyễn Hữu Đắc mất bố tôi từ giã nghề làm thông ngôn. Ông bản chất nghệ sĩ, sống giữa đêm trường tịch mịch thời thực dân cai trị, ông chỉ biết lao vào thú vui, ngày hai bữa rượu, ngày tháng sống trong sông cờ bạc, rất may ông nghiện đủ thứ nhưng không nghiện thuốc phiện ! Tôi đẻ ở quê người, một vùng quê phủ Kinh Môn tỉnh Hải Dương, tôi về quê hàng năm, nhưng không biết rõ quê. Làng tôi có anh mõ, gọi là anh Đáo, tới nay 70 tuổi, tôi vẫn không hiểu đáo có ý nghĩ gì ?. Cụ Tam Nguyên Yên Đổ, không chịu ra làm quan với Pháp. Sống cô đơn và cô độc nơi thôn dã, cụ đã phải kết bạn với anh Đáo :

« Chú Đáo bên đình sang với tớ »

Nguyễn Khuyến

Anh đáo làng tôi, được làng cấp cho ngôi nhà tranh ở gần đình. Anh khoảng 30 tuổi, khá đẹp trai. Anh sống với mẹ, chị Nghĩa trong ngôi nhà ấy. Anh thường phải làm cái công việc loan truyền cho làng biết những thông cáo, những nghị định từ quan trên gửi xuống, anh gõ mõ cốc cốc đi quanh làng, miệng anh dao, bao giờ anh cũng mở đầu bằng câu : « Khố chiêng làng nước » . Nghĩ cho cùng đời sống của anh Đáo, tương đối dễ chịu hơn những người nghèo khổ ở trong làng, như : bán bún ốc, phu hồ, đập xích lô.....Người trong làng những ngày tết, ngày giỗ, ngày ăn hỏi, ngày đám cưới, thượng điền và hạ điền, anh

Đáo và chị Nghĩa mẹ anh, chẳng chờ gọi, từ sáng sớm, anh và chị Nghĩa « tự động » đến giúp việc. Trưa, giờ nhập tiệm, anh Đáo tự động xuống bếp, bê một mâm cỗ 3 tầng lên nhà hai mẹ con ngồi ăn. Chị Nghĩa vốn nghiện, lúc nào chị nói cũng lè nhè hơi rượu. Trước bữa ăn, chị lấy trong bị cái chai không, chứa khoảng một phần lít. Chị sách trai rượu, chị đến nói với gia chủ :

« Thừa cụ, hôm nay là ngày vui (hay buồn, nếu là đám ma) cháu xin cụ một chút rượu để mừng vui cho cụ « «

Mâm cỗ 3 tầng cao vời vời, chỉ hai người ăn sao có thể hết, những món còn dư lại, anh Đáo đổ hết vào bị, mang về nhà ăn những ngày sau. Năm 1975, vật đổi sao dời, trật tự xã hội bị bật tận gốc, anh Đáo là người thấp kém trong làng, lại đất đai, ruộng vườn không có. Người bản cổ nông ấy, được « mắt xanh « của CS ngó tới. Chúng nâng anh lên chức chủ tịch làng. Anh Đáo vô cùng kiêu hãnh với chức vụ mới. Anh kiêu căng ra mặt, trụ sở của ông chủ tịch ở gần đình, hàng ngày, mùa nắng cũng như mùa lạnh, anh mở lớn 4 cửa sổ nhìn ra đường, không phải để mát, mà để mọi người trong làng đều nhìn ông chủ tịch ta đây.

Một bữa chị gánh bún ốc ra Hà Nội, buổi chiều thung thảng quây gánh trở về. Chị trong gia cảnh nghèo cực khổ: đông con, người chồng không nghề, không nghiệp, bốn mùa đều thất nghiệp. Chị đã than thở muốn bỏ chồng cho con đỡ khổ, nhưng ngại vì ly dị quá tốn kém, chị không biết làm giấy tờ. Lòng chị muốn nhưng ngại chị còn trần chờ. Đời đổi thay, ông chủ tịch làng việc gì của người dân, trình lên ông, ông đều phê, ký và đóng dấu hết !

Chị để gánh bún ốc ngoài cửa văn phòng, chị bước vào phòng, chị rút từ yếm ra lá đơn. Chị nói nhỏ vào tai ông chủ tịch, nước mắt chị từng giọt chảy. Ông chủ tịch như tê tái cả người. Ông mò từng chữ, đọc kỹ lá đơn rồi ông

phê ký và đóng dấu bên bì lá đơn : Cho phép về đi lấy chồng....từ đó lời mĩa mai, ông chủ tịch là tay hay chữ lan đến Hà Nội và như làn sóng dội vào Hà Đông. Chị bán bún ốc ôm chặt lá thơ vào trong lòng và từ ngày ấy tuân lệnh ông chủ tịch, chị bán bún riêu ly dị với chồng.

Trường học ở đình, dạy tới lớp chertificat (lớp nhất tiểu học), giờ ra chơi lũ học trò, đông đảo ở quanh trụ sở của ông chủ tịch. Một hôm ông chủ tịch vẫy tay gọi lớn :

- Các cậu ơi ! vào chơi với tớ !

Mấy thằng nhóc ủa vào, miệng ông nói, tay ông kéo ngăn kéo lấy thông tư, đánh máy không bỏ dấu, chỉ cho học sinh thấy :

- Nguy quá rồi các cậu ơi ! sao thân phụ bác Hồ lại là dân Tây các cậu a. Tay ông chỉ vào mấy chữ đo phobang.

Lũ học trò nhìn một lúc, chúng đều lắc đầu quày quạy. Ông chủ tịch lâm bầm trong miệng như nói một mình rằng :

-Nếu mình đọc cho dân làng nghe, họ biết bố bác Hồ là dân Tây thì mất lập trường giai cấp quá ! Cái văn thư được đút vào ngăn kéo, ngày 19 tháng năm sinh nhật bác Hồ, văn thư được đọc cho dân làng nghe, ba chữ đo phobang đã bị đục bỏ !

Một ngày chớm Thu chị bán bún ốc, quảy gánh, chân đi tung tăng trở về, chị đi ngang qua trụ sở ông chủ tịch. Vắng người, ông chủ tịch bước ra cửa, tay vẫy vẫy, miệng buông lời khá lớn:

- Đàng ấy.....oi có muốn lấy giống chủ tịch thì vào đây !

Chị bán bún ốc vốn nổi tiếng nhiều lời, đanh đá. Ông chủ tịch như động vào độc rần, chị bán bún ốc nổi cơn tam bành lục tặc, chị quang gánh chồm lên chửi ngay trước cửa trụ sở, đông đảo người ra coi và nghe rõ tiếng chửi :

- Tiên sư cha nhà mày, mày là ông lớn gì chẳng nữa, mặt mẹ mày. Bà chỉ biết dòng dõi nhà mày là thằng mõ làng này....

Ba ngày sau chị đi chửi khắp làng. Cán bộ từ huyện về đe dọa chị mới ngừng chửi ông chủ tịch.

Tôi xa làng, xa quê từ khi cất tiếng khóc chào đời, nhưng lòng quê vẫn vời vợi... nay tôi đã bước vào tuổi thất thập cổ lai hy, lòng vẫn hỏi lòng : Chẳng biết quê mình giờ ra sao? anh Đáo làm mõ, đã từ lâu, lâu lắm, không thấy báo của Cộng Sản loan tin anh là tá, tướng hay bộ trưởng hoặc giám đốc gì cả !

Tôi gặp một người làng cùng quê, tôi hỏi thăm làng và hỏi về anh Đáo, anh đã già, miệng cười hình hích trả lời tôi :

- Làng mình quả là đất phát cậu a ! thời đại nào các cụ, các dòng họ đều làm lớn, ông to,

quan ngổn ngang. Anh Đáo không được loan trên báo chí như cậu nói. Nhưng hiện thời anh là ông lớn, tinh ủy trong một tỉnh nhỏ, với Cộng Sản tinh ủy phải là trung ương đảng viên !

- Vợ con anh ra sao ?

- Làm lớn như hấn, thì hiếm gì vợ, thiếu gì con. Hấn có nhiều con của nhiều dòng vợ, cậu ạ.

Trời đất quá bao la, lòng tôi buồn rười rượi cho tình đời, không nói lên được một câu, tôi chấp đầu cúi tay, thốt ra hai tiếng :

- Mô Phật !

Phạm - Hữu
(Paris)

CHỚM THU

Hôm nay mây xám giăng đầy lối
Một chút thu về bên khóm hoa
Đàn bướm tung tăng trong gió sớm
Hương thơm hoa lý, thoảng đưa xa

Chiếc lá vào thu đã đổi màu
Trên cành riu rít tiếng chim ca
Trong làn gió nhẹ vương tà áo
Dừng bước bên hoa buổi xế tà

Dáng liễu bên hồ trông thướt tha
Vi vu tiếng nhạc bản tình ca
Thoáng chút thu về trong mắt biếc
Hình như thu đến tối hôm qua

Hồng Phúc
(Dallas)

THU NHỚ ANH

Chiều nay nắng vẫn giăng đầy lối
Trái xuống khu vườn bát ngát hoa
Một đôi bướm lượn đầy ầu yếm
Nhớ anh hồn mộng muốn bay xa

Nhìn lá rừng phong thay đổi sắc
Lòng em điệu vợi tiếng bi ca
Gió ơi xin đuổi làn mây xám
Chớ để triệt tiêu ánh nắng tà

Em bỗng nhớ anh nhớ thiết tha
Và nghe đồng vọng tiếng song ca
Chúng ta cùng hát bao năm trước
Ôi những ân tình chỉ thoáng qua...

Chu Kim Oanh
(Arizona)

Sài Gòn - Paris

Thơ: Phan Khâm
Nhạc: Đỗ Hồng Anh
16-10-2007

Habanera



Đêm nào nhớ Sài Gòn Đêm nằm tưởng Pa ris Vòng đôi tay dáng



ngọc Những con đường ta đi Đêm em gặp đời



ta Đợi bến sông ngân hà Đêm sao trời viễn xứ Đêm gần giữa đêm




xa Đêm đã mất Sài Gòn Tắm tay với Pa



ris Hoàng hôn chiều môi tím Hoa nhớ người tường vi



Màu hồng nụ tường vi Hồng đường hoa Pa ris Dòng sông Seine thơm

19

nắng Nguồn vi diệu từ bi Dòng sông Seine ươm

22

nắng Dòng sông Seine xanh xanh Ôi Sài Gòn hoang vắng Giữa dòng người lênh

25

đênh Sài Gòn đã thay đen Ngày Sài Gòn đổi

28

tên Cuộc đời như mắt mẹ Mạch máu nghẹn về tim

31

Sài Gòn ơi nhớ nắng Qua từng giờ mong manh Ôi Sài Gòn mặt

34

đắng Rót vào hỗn chong chanh

Có Những Quê Hương

NGUYỄN VĂN NHIỆM

Trên đường trở về nước Đức, sau buổi chiều *Thu Tao Ngô Paris*, tôi dự định viết đôi dòng cảm nghĩ, cảm ơn những tấm chân tình của BTC, các bạn văn học, văn thơ khắp nơi vừa mới quen biết và nhất là xin lỗi người bạn văn thơ đồng hương về việc không thể thu xếp mời về thăm quê hương của Rừng Đen, sông Donau (Danuble), hồ Bodensee được. Vừa về đến nhà lại nhận được đề nghị viết bài cho Đặc san kỷ niệm 30 năm người Việt tỵ nạn tại vùng Tam biên Đức- Áo- Thụy sĩ quanh hồ Bodensee, tôi phân vân không biết nên bắt đầu cái nào. Chợt nhớ đến câu ca dao miền Nam:

“ Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về ”

tôi có ý nghĩ, viết chung một chủ đề rồi san sẻ ra vì tuy mỗi nơi có khác nhau, nhưng tất cả mọi người đều có những tâm tình, ưu tư tương tự gắn liền với những biến cố lịch sử bi tráng của dân tộc. Bài viết này, tuy bắt đầu bằng những cái riêng rẽ, nhưng thật ra cũng chỉ là những vấn đề chung của những người đồng cảnh ngộ, đồng hội, đồng thuyền vượt biển khơi tìm Tự Do.

Năm 2009 đánh dấu 30 năm Người Việt tỵ nạn khắp nơi trên toàn thế giới. Riêng tại Cộng Hòa Liên Bang Đức có những sự kiện quan trọng như sau:

Ngày 02 tháng 05 , Cộng Đồng Người Việt tại Bayern long trọng tổ chức **Hội Ngộ 30 Năm Người Việt Tỵ Nạn** để tri ân dân tộc và chính quyền Đức, những ân nhân đã đón nhận,

tận tình giúp đỡ người Việt trong những bước đầu định cư tại quê hương mới này.

Ngày 12 tháng 09 năm 2009, lễ khánh thành **Tượng Đài Tỵ Nạn ở Hamburg**, là biểu tượng khắc ghi lời tri ân nước Đức, tàu **Cap Anamur**, tưởng niệm các đồng hương tỵ nạn Cộng Sản đã bỏ mình trên đường tìm Tự Do và đặc biệt tri ân Tiến sĩ **Rupert Neudeck**, người đã kêu gọi thành lập “ **Một con tàu cho Việt Nam** ” và đã sáng lập chương trình **Cap Anamur**, đã cứu vớt được 11.300 thuyền nhân trên biển Đông

Ngày 09 tháng 11 năm 2009, kỷ niệm **20 năm bức tường Bá Linh sụp đổ**, là biểu tượng đánh dấu sự thắng lợi của chính nghĩa **Tự Do, Dân Chủ, Nhân Bản**.

Ý nghĩa của những ngày Hội Lễ này :

Người Việt Nam vốn có truyền thống **biết ơn**, nó đã bao đời bắt rễ vào tận cùng tiềm thức thâm sâu và trở thành một yếu tố luân lý, đạo đức trong Tâm thức con người, đã trở thành cái Tinh Việt. Từ sự biết ơn sẽ dẫn đến sự nhớ ơn. Điều này được thể hiện qua ca dao, tục ngữ Việt Nam:

“ **Ăn trái nhớ kẻ trồng cây**

Uống nước nhớ người đào giếng ”

hay :

“ **Uống nước hãy nhớ đến nguồn** ”

Rồi từ biết ơn, nhớ ơn chuyển qua hành động cụ thể bằng việc tổ chức những Hội Lễ như kể trên để trân trọng nói lên những lời **cám ơn** chân thành hoặc bằng những hành động đóng góp thiết thực cho đất nước này như nghĩa vụ một công dân, nghĩa vụ của con người yêu chuộng tự do, dân chủ và hòa bình.

Đặc biệt là sự biết ơn đó được khắc ghi bằng Tượng đài đề dòi, mà giới truyền thông Đức ghi bằng tựa đề “*Gedenkstein der Dankbarkeit*”. Tượng đài tưởng niệm là một cuốn sách bằng đồng được đặt trên trụ đá hoa cương đen. Trên trang sách mở ra có khắc hình tàu Cap Anamur, in nổi ba thứ tiếng với nội dung như sau:

Đức ngữ: **Danksagung**

In tiefster Dankbarkeit gegenüber dem Deutschen Volk, der Bundesregierung...

Anh ngữ: **In gratitude**

To the German people, the government of Germany...

Việt ngữ: **Tri ân**

Tri ân nhân dân, chính quyền nước Đức, chính quyền tiểu bang Hamburg, nơi xuất phát của các con tàu Cap Anamur, đã tiếp nhận người Việt tỵ nạn Cộng Sản.

Tri ân ủy ban Cap Anamur do Tiến sĩ Rupert Neudeck sáng lập, đã cứu vớt 1.300 thuyền nhân Việt Nam.

Tưởng niệm các đồng hương tỵ nạn Cộng Sản đã bỏ mình trên đường tìm Tự Do.

Cộng đồng người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Ngày 12 tháng 9 năm 2009”

Trong ngày Lễ khánh thành tượng đài, với tám biểu ngữ lớn ghi những hàng chữ:

Deutschland (nước Đức)

Danke (Cám ơn)

Cap Anamur (Cap Anamur). Người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại Đức muốn trân trọng nói lên nguyện vọng chánh của mình.

Theo bài viết “*Gedenkstein der Dankbarkeit*” (Tượng đài tri ân), nguồn BMI/Hans-Joachim M. Rickel, Ông Thomas H. Nguyen, chủ tịch Hội Xây Dựng Tượng Đài Hamburg đã gọi đến nhân dân Đức những lời thật cảm động: “*Nước Đức đã tặng cho chúng tôi cuộc đời thứ hai sống trong Tự Do, Dân*

Chủ và Nhân Đạo” (Deutschland hat uns das zweite Leben in der Freiheit, in der Demokratie und in der Menschlichkeit geschenkt.) Trong khi đó Ông Bộ trưởng Bộ nội vụ Liên Bang Dr. Wolfgang Schäuble tuyên dương cho **lý tưởng Tự Do**: “*Tự Do chỉ thực sự có giá trị khi nó được thể nghiệm trong lòng Nhân Đạo.*” (Die Freiheit ist nur etwas wert, wenn sie sich in der Humanität bewährt.) Ông cũng nói: “*Nếu thí dụ về sự đa nguyên và hội nhập không phải là mối đe dọa, mà là một cơ hội, thì đó là lịch sử người Việt Nam, những người tỵ nạn trước đây đã đến và hiện đang chung sống với chúng ta. **Cám ơn** rằng các bạn đã làm cho đất nước của chúng ta thêm phần phong phú!*” (Wenn es ein Beispiel dafür gibt, dass Vielfalt und Integration keine Bedrohung sondern eine Chance sind, dann ist es die Geschichte der Vietnamesen, die damals als Flüchtlinge zu uns gekommen sind und nun bei uns leben. Danke, dass ihr unser Land so bereichert.)

Theo Thông tin Berlin, ngày 27 tháng 6 năm 2009, các nhà lãnh đạo Âu Châu đã quy tụ về Budapest để kỷ niệm 20 năm ngày Bức Màn Sắt bị phá bỏ. Nhân dịp này Tổng thống Đức Horst Köhler đã ngỏ lời **cám ơn** dân chúng Ungarn đã giúp đỡ, góp phần vào sự thống nhất của nước Đức. Cũng theo giới truyền thông này, ngày 19 tháng 8 năm 2009, nữ Thủ Tướng Đức Angela Merkel đã đến Sopron, gần biên giới nước Áo để nói lời **cám ơn** dân tộc Ungarn đã tạo thuận lợi cho dân Đông Đức vượt biên tìm Tự Do.

Như vậy **Biết ơn, cám ơn** là đặc tính phổ biến chung của nhân loại, mà nếu phủ nhận nó thì chỉ có phía phi chính nghĩa, phi nhân bản vì ý đồ đen tối mà thôi.

Trong quá trình xây dựng tượng đài không phải hoàn toàn êm thấm mà không có những khó khăn. Theo bản dịch của Hội XDTĐTN từ bài viết “*Ein Tag des Dankes an die deutsche*

Bevölkerung ” của Dr. Rupert Neudeck có đoạn ghi như sau: “... Và khi mọi chuyện đã xong thì Đại Sứ Quán của nước Cộng Hòa Nhân Dân Việt Nam lại nhúng tay vào. Và sau đó người ta yêu cầu sửa một số đoạn trong bản văn được ghi khắc trên tượng đài. Họ muốn xóa bỏ đoạn văn đã được ghi là: “người Việt tỵ nạn vượt biên chỉ vì trốn chạy nạn Cộng Sản”, thay vào đó là: “người Việt bỏ nước ra đi...không vì ai cả”. Rồi người ta còn yêu cầu trên tượng đài này họ không được viết: “người tỵ nạn, mà chỉ nên viết là con người”.

Đối với dân biểu đảng CDU Arnold Vaatz thì điều này đã là quá đáng. Ông đã viết một lá thư gửi trực tiếp cho thống đốc tiểu bang Hamburg rằng: “Tôi yêu cầu ông hãy rút lại việc kiểm duyệt một cách trơ tráo như thế từ các cơ quan của ông. Theo tôi, đây là một điều không thể chấp nhận được, khi ngay tại Hamburg, một thành phố nổi tiếng trên thế giới về tinh thần yêu mến **Tự Do, Bao Dung và Nhân Quyền**, lại xuất hiện một bầu khí của sự cúi mình như một con mèo nhỏ trước những **học thuyết phản nhân tính**, để rồi một **nạn nhân không được phép nêu rõ danh tính của thủ phạm và những tội ác của chúng**.”

Trong khi đó, theo Thông Tin Berlin, ở trong nước Huy Đức viết bài “*Bức tường Berlin*” có đoạn kết như sau: “Chỉ có với khát khao Tự Do con người mới có thể bất chấp sự hiểm nguy mà vượt thoát mãnh liệt đến vậy. Lượng người dân Đông Đức bị bắn chết khi trèo qua bức tường Berlin không dừng lại ở con số 1.374; mới đây, Báo tàng vừa cho bổ sung vào danh sách này những người không phải là dân” vượt biên ” mà là lính biên phòng Đông Đức. Hàng chục lính biên phòng Đông Đức đã tự sát thay vì chấp hành lệnh chính quyền bắn vào nhân dân, những người tìm kiếm Tự Do....

Từng là một người lính ở Campuchia tôi hiểu, không có người lính nào sẵn sàng hy sinh nếu không nghĩ, sứ mệnh của mình là giải phóng...Một cuộc chiến không còn được coi là “giải phóng” nếu những gì mà nhân dân cuối cùng được hưởng không phải là Độc Lập, Tự Do.”

Hậu quả của bài viết theo báo Sài Gòn Tiếp Thị xác nhận với BBC rằng đã “ngừng hợp đồng” với nhà báo Huy Đức, vì cho rằng ông có “*quan điểm chính trị đi ngược lại hệ thống*”. (cũng theo Thông Tin Berlin)

Đó là những sự kiện đã xảy ra ở trong và ngoài nước để mọi người suy gẫm về điều mà Ông Arnold Vaatz nói về những **học thuyết không tôn trọng con người**

(menschenverachtende Ideologien) như đã nói ở trên, mà thực tế là dựa trên bạo lực, trấn áp, lừa dối, che dấu sự thật, không tôn trọng các quyền căn bản của con người...mà còn tệ hơn thế nữa, quyền yêu nước của nhân dân chống đối đế quốc Tàu xâm chiếm lãnh thổ, lãnh hải, cướp bóc ngư dân... cũng bị cấm đoán. Thật là không thể nghĩ bàn, vì đâu nên nỗi? Ôi ! Tinh thần “*Bình Ngô đại cáo*” thời kháng Minh nay còn đâu?”

Vận nước đã như thế từ lâu rồi, sau năm 1975 hàng triệu người Việt Nam đã lần lượt bỏ nước ra đi, phần nhiều bằng những chiếc thuyền nhỏ gắn máy nổ hoặc thuyền buồm mong manh đối với biển cả, sóng to, gió lớn, thật là “*thập tử nhất sinh*”. Thế mà từng đoàn người vẫn cứ liều lĩnh ra đi đến nỗi trong dân gian có câu “*Nếu trụ đền mà biết đi thì nó cũng đi*”. Trong số những thuyền vượt biển nọ, có những thuyền không may bị hải tặc cướp bóc, hủy hoại, có những thuyền bị gió bão nhận chìm, có những thuyền trôi lênh đênh hàng tháng phải chết đói, chết khát thật bi thảm. Một số thuyền may mắn được các tàu mang nhiều quốc tịch khác nhau cứu vớt, trong đó có tàu Cap Anamur của Đức. Hầu hết những người được tàu Cap Anamur cứu vớt được phép định

cur tại Đức. Sau đó lại có chương trình đoàn tụ gia đình, rồi đến khi bức tường Berlin sụp đổ, những người khách thợ từ Đông Âu chạy sang tỵ nạn thêm nữa. Ngày khánh thành Tượng Đài Tỵ Nạn Hamburg, Bộ trưởng Bộ nội vụ Liên bang, Dr. Wolfgang Schäuble cho biết người Việt sinh sống tại Đức lên tới khoảng 90.000 người, trong đó phân nửa là những người đến từ các nước Đông Âu.

Thuyền nhân được định cư ở các tiểu bang khác nhau, học tiếng Đức khoảng 8 tháng rồi được giới thiệu tìm việc làm tùy theo khả năng từng người và tùy nhu cầu hàng xưởng. Những ai muốn học nghề thì được Sở Lao Động bảo trợ, những người trẻ hơn muốn học Cao đẳng hay Đại học cũng được cấp học bổng. Trẻ em tùy khả năng, lứa tuổi được theo học ở các trường Tiểu học (Grundschule), trường Cơ sở (Hauptschule), trường Chính (Realschule) và trường Trung học (Gymnasium) để sau đó học nghề chuyên môn ở các cấp, hoặc trở thành sinh viên ở trường Cao đẳng (Hochschule), Học viện (Akademie) hay Đại học (Universität).

Người Việt Nam ở đây hội nhập vào xã hội Đức rất tốt như sự xác nhận của Ông Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Liên Bang đã nói ở trên và sự khẳng định của Dr. Rupert Neudeck nhân Lễ kỷ niệm ngày 2 tháng 5 năm 2009 tại München: “*Giờ thì chẳng có nhầm lẫn gì nữa và cũng không ai nghi ngờ gì cả: Tập thể người Việt Nam ở đây tạo thịnh vượng thêm cho xã hội Đức, họ làm người Đức chúng ta được hạnh diện.*” (Es ist heute unbeirrbar klar und wird von niemandem mehr bezweifelt: Diese Vietnamesen tun der deutschen Gesellschaft gut, sie tun uns als Deutschen gut.)

Thật vậy, những người tỵ nạn sau một thời gian ngắn đã trở thành những người công dân Đức gốc Việt có phẩm chất tốt, họ có mặt và đóng góp công sức trong nhiều lãnh vực, rất

có năng lực và thành công. Họ làm tròn nghĩa vụ công dân: đóng thuế lợi tức, thuế nghĩa vụ đoàn kết, làm nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ xã hội... Họ là những nhà kinh doanh giỏi, những người thợ được huấn luyện tay nghề thiện xảo, những chuyên gia, những kỹ sư, những tiến sĩ, những nhà nghiên cứu có trình độ cao. Người Đức gốc Việt cũng có mặt trong cả chính trường và có người như Tiến sĩ Philipp Rösler vừa mới được đề cử giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ sức khỏe trong Nội các Liên Bang.

Về sinh hoạt tôn giáo, Phật tử đi Lễ Phật, tham dự các khóa huân tu tại các Chùa, Niệm Phật Đường, hoặc tại các Chi Hội được tổ chức định kỳ hàng năm. Thiên Chúa Giáo được các Tòa Tổng Giám Mục bảo trợ, tín đồ dự Thánh lễ tại các Nhà thờ địa phương, có trung tâm sinh hoạt thường là những Nhà chung (Gemeindehaus), hàng năm thường có Đại Hội Công Giáo. Các Chùa, Niệm Phật Đường, Chi Hội Phật Tử, các Hội Đoàn thường tổ chức Hội Mừng Xuân vào dịp Tết, Lễ Trung Thu cho trẻ em vào mùa thu. Các Hội Đoàn Thiên Chúa Giáo thường tổ chức mừng Lễ Giáng Sinh vào cuối tháng Chạp.

Cùng mối quan tâm về Tự Do Tín Ngưỡng, Nhân Quyền, Vận Nước, nói chung hai tôn giáo đoàn kết với nhau, trong các Lễ lớn đều có Chư Tăng, các Linh Mục đồng cầu nguyện.

Hội nhập tốt không có nghĩa là đồng hóa hoàn toàn với người, chọn cái này bỏ cái kia, mà người Việt tỵ nạn cũng còn có bản phận bảo tồn những truyền thống tốt đẹp của mình. Điều đó rất quý báu. Thật vậy, việc người ta khen ngợi rằng học sinh gốc Việt phân đồng xuất sắc, đó không phải nhất thiết vì chỉ số IQ cao hơn người, mà chính nhờ ở **truyền thống gia đình** tốt đẹp. Gia đình được xây dựng trên Tình-Nghĩa, Lễ Giáo: thờ cúng Tổ Tiên, Ông Bà với các Lễ Gia Tiên, Gia Quan (1*) Gia đình hòa hợp, thuận thảo, hiếu kính, hạnh

phúc thì làm sao không ảnh hưởng, tác động tốt đến việc học hành của con cái.

Tuy đang hưởng cuộc sống ổn định, an vui tại quê hương mới, người Việt tỵ nạn không quên đấu tranh đòi Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền cho Việt Nam, phản đối sự xâm chiếm lãnh thổ, lãnh hải, cướp phá, giết hại ngư dân Việt Nam của Trung Quốc, lạm quyền giúp đỡ thương phế binh của Quân Lực VNCH, nạn nhân bị thiên tai bão lụt tại quê nhà.

Người Việt tỵ nạn cũng luôn bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc. Nhiều tạp chí ra đời như *Viên Giác*, *Dân Chúa Âu Châu*, *Bản Tin Đức Quốc*... Các nhà báo, nhà văn, nhà thơ sinh hoạt trong không khí tự do, dân chủ, trọng trách nhiệm, danh dự của người cầm bút. Nhiều tác phẩm thơ văn với đủ mọi thể tài được sáng tác phản ánh linh động cuộc sống hiện thực, tình cảm, nguyện vọng, ước mơ, lý tưởng đấu tranh... của những nhà văn mà chúng tôi quen biết như:

Tìm nẻo đường về của Vũ Ngọc Long:
Tham luận chính trị.

Nỗi nhớ, tập thơ của Đan Hà- Huy Giang nói lên sự nhớ thương Quê Hương mến yêu không lúc nào nguôi trong lòng người Việt tỵ nạn.

Những tập truyện của Vũ Nam như *Câu*

chuyện từ con tàu Cap Anamur, *Bên này bức tường Bá Linh*, *Bên dòng sông Donau* ghi lại những mẫu chuyện bi tráng của người tỵ nạn gắn liền với thời cuộc, các biến cố lịch sử, mà nhà thơ Đan Hà trong một bài bạt đã viết: “... *Vũ Nam vừa là nạn nhân, vừa là nhân chứng, đồng thời cũng là tác giả*...” nghĩa là những mẫu chuyện “*được ghi lại bằng một ngòi bút tham dự*”

Có một quê hương :

Nhân đề cập đến tập truyện *Bên dòng sông Donau* của Vũ Nam, chúng tôi chợt nảy ra ý nghĩ muốn trân trọng giới thiệu quê hương mới của mình, mà trong tâm thức tưởng chừng như là cố hương do những tương đồng từ căn cơ. Dòng sông **Donau**, ở vị trí nào đó trong tâm thức của mình, là hình ảnh của dòng sông **Cửu Long** mến thương, bắt nguồn từ vùng Rừng Đen (Schwarzwald) nổi tiếng chảy xuyên qua các Tiểu Bang Baden- Württemberg, Bayern của Đức, qua các thủ đô Wien của Áo, Budapest của Ungarn (Hungary), Belgrad của Nam Tư, Bukarest của Rumänien, rồi sau cùng đổ ra Hắc Hải. qua một vùng tam giác châu phi nhiều. Gia đình chúng tôi định cư tại một thành phố nhỏ có chừng 15 ngàn dân, nằm ngay dưới chân ngọn núi có tên là **Dreifaltigketsberg**, nghĩa là ngọn núi có ba nếp gập, nên có thể gọi theo tiếng Việt là núi **Ba Ngôi**



Dreifaltigkeitsberg ở Spaichingen



Sông Donau ở Tuttlingen

hay Núi **Ba Vì**. Nhìn lên ngọn núi này, tôi chợt nghe đâu đây vang vọng câu nói của Nguyễn Bình Khiêm ngày xưa:

“Hoàn Sơn nhất đá, vạn đại dung thân,,

Bởi Landkreis Tuttlingen cách Spaichingen đúng 15 km, mà sông Donau lại chảy ngay qua trung tâm thành phố này, cho nên sông Donau và núi Dreifaltigkeitsberg được xem như nằm kề cận nhau, tạo thành cặp *Lưỡng Hợp Núi Sông*. Nhà thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu giải thích bút hiệu của mình cũng bằng cặp lưỡng hợp núi sông đó như sau:

Ba Vì trước mặt

Hát Giang bên cạnh nhà

Tản Đà

Theo tinh thần huyền sử Việt Nam thì Núi là quê hương của *Tiên*, Sông là quê hương của *Rồng*, còn nói theo huyền số hay cơ số của Việt lý thì đó là con số **2**, tức là nguyên lý *Âm Dương* phổ quát. Còn Dreifaltigkeitsberg biểu thị con số **3** là biểu thị *tam nguyên* cũng là *nhất nguyên*.

Ở Lạc thư, sách quý của Lạc Việt thì con số **5** ở trung ương là tổng hợp của số 2 âm căn với số 3 dương căn nên thường được gọi là số “*tham thiên, lưỡng địa*” (bao quát cả âm dương).

Con số 5 cũng là con số của hành Thổ ở trung cung trong Ngũ Hành. Một điều trùng hợp lý thú là con số 15 ngàn dân cư, khoảng cách 15 cây số

lại cũng có thể qui về cơ số 5 như sau : $15 = 3 \times 5$ hay $15 : 3 = 5$.

Tương truyền rằng, René Descartes (1596-1650) trong một đêm nằm mơ khi đoàn quân của ông đóng trại bên bờ sông Donau đã có trực giác sáng nghĩ ra học thuyết triết lý nổi tiếng của ông.

Không biết dòng sông Donau có liên hệ gì đến tâm thức của Triết nhân? Nếu có thì đó không phải là liên hệ nhân quả, mà là sự liên hệ đồng bộ không nhân quả do hoạt động thâm sâu của tiềm thức mà thôi.

Dòng sông Donau vang vọng âm hưởng cuộc sống thơ mộng, trữ tình một thời và còn đang nói tiếp như dòng nước chảy bất tận. Công chúa Sissi xứ Bayern cũng đã theo dòng sông này trên chiếc tàu cưới lộng lẫy về thủ đô Wien để trở thành Hoàng Hậu đế quốc Áo một thời (Phim nổi tiếng).

Dòng sông này cũng đã vang vọng đến tận miền viễn Đông xa xôi. Nhạc sĩ Phạm Duy dạo đó có viết lời Việt cho bản nhạc bất hủ “*Dòng sông xanh*” từ bản “*Le beau Danuble bleu*”, mà bản gốc tiếng Đức là “*An der schönen blauen Donau*” của Johann Strauss nước Áo (1825- 1899) được sáng tác vào năm 1867. Trong bản nhạc “*Sầu biên giới*” của Phạm Duy có câu “*hay là chết bên dòng sông Danuble*”, không biết nhạc sĩ có đích thân nhìn thấy dòng sông này chưa, chứ chúng tôi ở đây đã bao lần



Đảo Mainau- Bodensee



Hoa Tulpen (tulip) xinh đẹp ở Mainau

nhảy vào lòng sông trong mát này vào những mùa hè ẩm áp ở ngoại thành Tuttlingen rất thỏa thích, không khác mấy những lần tắm sông Hàn ở Bà Rịa thời niên thiếu.

Tôi còn nhớ, vào khoảng năm 1954- 1955, lúc học lớp đệ thất trường Trung học tư thục Sĩ Tải ở Bà Rịa, Thầy Hồ Đắc Thăng, một hiền giả tốt nghiệp trường Đại học Sorbonne về khoa khảo cổ, một thời làm việc tại Viễn Đông Bác Cổ, có tham gia khai quật cổ vật Ốc Eo, sau về ẩn dật nơi đây, mở trường dạy học. Có lần Thầy mở máy quay đĩa, giảng giải cho chúng tôi hiểu cái hay của bản nhạc này. Đoạn “*Một dòng sông xanh xanh- schát schát- schin schin*”, Thầy nói điệu luân vũ này (Walzer, valse) diễn tả âm thanh phát ra từ động tác giặt giũ của các cô gái xinh đẹp trên những mỏm đá hòa cùng tiếng sóng nước lao xao vỗ nhịp nhàng vào vách đá ven sông. Điệu luân vũ nhịp $\frac{3}{4}$ cũng qui về cặp cơ số 3-2. Không biết vũ khúc “*Nghê Thường*”, có xoay theo vòng tròn- vuông (bánh dày, bánh chưng) như nhịp $\frac{3}{4}$ của điệu luân vũ hay không? Thật là hết sức ấn tượng!

Trên con đường xuyên suốt Âu Châu từ Tây sang Đông, đến phía Nam nước Đức, sông Donau có một chi nhánh nhỏ chảy vào hồ Bodensee, là cái hồ lớn và đẹp nhất của châu này với nhiều địa danh thắng cảnh du lịch nổi tiếng, nhất là đảo nhỏ *Mainau*, đảo của các loài hoa đẹp nhất miền ôn đới. Cũng tương tự như núi Dreifaltigkeitsberg, sông Doanu, từ *Bodensee* chúng tôi liên tưởng đến **Động Đình Hồ**, quê hương của Lạc Long Quân với nàng Âu Cơ, tổ tiên của Bách Việt. Lại có một sự trùng hợp tình cờ lý thú khác. Boden là Nền, mà Nền và Động đều có đặc tính tương tự là sâu rộng vô cùng, có khả năng thu hút, tích trữ nước từ khắp mọi sông ngòi, kênh lạch có các mực nước chênh lệch khác nhau, làm cho trở thành ngang bằng nhau theo *nguyên lý quân bình*. Nó cũng có khả năng làm điều hòa

khí hậu trong cả một vùng rộng lớn làm cho mọi sự, mọi vật tốt lành, con người thư thái. Bởi vậy trong truyện Hồng Bàng Thị của Lĩnh Nam Trích Quái có kể rằng hễ mỗi khi hữu sự thì mẹ con nàng Âu Cơ kêu gọi và “*Lạc Long Quân bỗng trở về, gặp nhau ở đất Tương*”. Tương ở đây là mối tương quan, tức là nguyên lý liên hệ trong *Triết lý quân bình*. Điều đó nói lên rằng, điều quan trọng không phải là chọn mặt này, bỏ mặt kia của những cặp đối kháng, mà là sự liên hệ như thế nào giữa chúng với nhau theo *nguyên lý quân bình*. Tuy thừa nhận âm dương, thủy hỏa xung khắc phải tạm chia ly, nhưng Lạc Long Quân cũng không quên dặn dò: “*hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên*.” Trên tinh thần đó, người Việt tỵ nạn ở vùng Tam Biên: Đức-Áo- Thụy Sĩ và các nước lân cận khác ở Âu Châu như Ý, Pháp, Hòa Lan, Đan Mạch, Na Uy..thường về đây hội ngộ trong sinh hoạt văn hóa Văn Lang như có “*Đêm Văn Nghệ Thơ Ca Nhạc Ravenburg-Bodensee*”, mà Đan Hà đã viết lời **Cám Ơn Tiếng Hát Quê Hương**:

“*Như nhân duyên buổi hôm nay **hạnh ngộ**
Cho muôn sau tình tự được **trương phùng***
.....

*Xin cảm ơn những tâm lòng **nhân bản**
Đã chung lời dâng tiếng hát **quê hương**.”*

Đàn chim Lạc Việt không chỉ quây quần chung quanh bờ hồ Bodensee, mà còn đáp xuống đoàn tụ bất cứ nơi nào có đất lành như Paris Thu Tao Ngộ 4 tháng 10 năm 2009 trong “*Thu Tình Thương*”, của Phương Du Nguyễn Bá Hậu :

“*Vô cánh đoàn chim vượt gờ cương,
Tìm nơi hòa khí đượm yêu đương...*

Đất lành chim đậu, chung làm tổ,

An hưởng nhân quyền dưới ánh dương...,,

Dịp này, Nguyễn Phan Ngọc An cũng đã viết cảm xúc qua *Thu Tao Ngộ*:

“*Xin trang trọng tri ân qua bút mực
Cảm tạ đời... **đã tạ** những tình thân*

Góc trời Âu, một chiều Thu Tao Ngô

Đậm tình người...làm tìm mãi bằng không...,,

Ở đây lại thấy vang lên lời *cám ơn* “*Tiếng hát quê hương*”, là trân trọng *cám ơn* Văn hóa Dân tộc, *cám tạ* đời...*đã tạ* những tình thân là *cám tạ* Nhân bản.

Nhân đây, chúng tôi xin chân thành *cám ơn* BTC Thu Tao Ngô đã tạo điều kiện cho chúng tôi được quen biết các bạn văn học, văn thơ, nghệ sĩ khắp nơi trên thế giới trong chương trình sinh hoạt văn học nghệ thuật tại Paris. Vũ Nam và tôi, chúng tôi rất *cám ơn* Chị Ngọc Dung, Ngọc An, Phong Thu đã mời một bữa cơm chiều thật ngon nhớ đời.

Nói đến bữa cơm chiều đó, tôi nhớ đến tập sách viết chung nhiều tác giả: *Món Ăn Theo Bước Di Tản* đã được tặng. Đây không phải là sách trình bày kỹ thuật nấu ăn, mà là tập truyện có đề cập đến những món ăn dân tộc mang theo bước chân di tản ra xứ người, được xem như một thành phần di sản văn hóa dân tộc. Thật vậy, dân tộc Việt Nam từ xưa đã có một đời sống rất phong lưu đặc biệt như văn học bình dân mô tả:

“*Tháng giêng là tháng ăn chơi...*”

Ăn chơi mà kéo dài cả tháng thì chắc có lẽ trên thế giới không nơi đâu sánh kịp. Theo tinh thần triết lý an sinh của dân ta, hai cặp động từ “*làm ăn*”, “*ăn chơi*” đã được bàn đến từ lâu, mà ở Âu châu mới được nói đến sau cách mạng khoa học kỹ thuật, còn trước đó toàn nói đến ý niệm bằng danh từ.

Bởi vậy nên phân biệt hai thứ triết lý: triết lý nhân sinh động từ của Việt Nam và triết lý ý niệm danh từ của Tây phương. Thử tóm lược quá trình đưa đến Hạnh Phúc của triết lý động từ nhân sinh.

Giai đoạn đầu “*làm ăn*”, thì “*có làm mới có ăn*”, hay “*tay làm hàm nhai*”,

Khi có đủ ăn, dư ăn, con người mới chuyển sang giai đoạn giải trí “*ăn chơi*”, Khi quá trình

làm- ăn- chơi theo đúng nguyên lý quân bình thì có Hạnh Phúc, còn không làm mà muốn ăn chơi thì sanh tệ nạn trộm, cướp, tham nhũng. Việt Nam xưa là nước nông nghiệp, kinh tế chưa phát triển, nhưng dân chúng có đời sống phong lưu là nhờ có chế độ bình sản, ai cũng có từ đủ ăn đến dư ăn. Các bữa ăn trong gia đình ngoài mục đích dinh dưỡng còn có ý nghĩa đem lại Hạnh Phúc. Các món ăn truyền thống dân tộc ngày nay cũng thấy khắp nơi trên thế giới, nơi nào có người Việt ở như các truyện kể trong tập sách *Món Ăn Theo Bước Di Tản*: các món chả giò, bánh xèo, bò nhúng dấm của Chị Ngọc Dung, bánh canh giò heo của Chị Tiểu Thu, gà rô ti của Tôn Nữ Mặc Giao, gỏi cá Mai của Vũ Nam, canh bún Tàu (miến) nấu với lòng gà của Ngọc An, bánh ích lá gai của Phong Thu... Đọc đến các món ăn này, ai mà không thèm, nhớ hương vị quê hương.

Tôi không được hân hạnh viết truyện về món ăn, nhưng do cảm kích hai câu ca dao :

“Cá trê mà nấu canh bầu

Chồng chan, vợ húp gật đầu khen ngon”

lại thêm kỷ niệm đồng nội không bao giờ quên nơi quê hương bên vợ , những ngày sau thời gian tập trung cải tạo và trước khi rời bỏ quê hương, nên tôi tìm cho được hạt bầu giống, mà phải là giống bầu sao mới được để trồng., bởi vì chỉ có bầu sao mới có vị ngon đặc biệt:

“Bầu sao nấu nước ao cũng ngọt”

Ở xứ lạnh, trồng bầu không phải dễ, phải trồng vào mùa hè mà cả giàn bầu cũng chỉ thu hoạch được vài ba trái. Cá trê thì mua ở tiệm thực phẩm Á Châu, vì là cá đông lạnh nên không thể so sánh được với cá vừa mới tát dưới ruộng lên, nhưng quan trọng là mình được thỏa chí và có niềm vui là làm sống lại kỷ niệm. Đó là niềm Hạnh Phúc, mà suối nguồn của nó là Hòa Hợp, Thuận Thảo, Yêu Thương.

Bây giờ xin phép trở lại giới thiệu quê hương nước Đức tiếp. Địa hình nước này trái ngược hẳn với Việt Nam: miền Nam với nhiều đồi núi kéo

dài đến tận dãy Alpen hùng vĩ, Rừng Đen bát ngát chạy dài suốt cả Tiểu bang Baden Württemberg với nhiều trung tâm điều dưỡng, mà đã có lần được quay thành phim truyền hình nhiều tập nổi tiếng có tên là “*Schwarzwald Klinik*”. Trái với miền Nam núi rừng, miền Bắc lại là bình nguyên. Với Tượng Đài Tỵ Nạn, cảng Hamburg từ nay sẽ thu hút thêm nhiều du khách hơn nữa, nhất là du khách gốc Việt khắp mọi nơi. Tượng đài kỷ niệm là một công trình kiến tạo nghệ thuật công phu, có cân nhắc. Đó là một biểu tượng có nhiều ý nghĩa.

Trước hết thử xét cấu trúc của bàn thiên để so sánh. Theo truyền thống kiến trúc bình dân Việt tộc, trước căn nhà ba gian hai chái (huyền số 2-3) thường có một bàn thiên với mái nhà thu nhỏ, mà bình diện là hình vuông, đặt trên trụ cột tròn thẳng đứng. Mái bàn thiên hướng lên Trời, trụ cột thông với Đất, việc thờ cúng, tế tự là việc của Người, nghĩa là biểu thị lý thuyết Tam Tài: Thiên-Địa- Nhân. Mái bàn thiên là biểu tượng âm hướng về Trời dương, còn trụ cột là biểu tượng dương thông với đất âm theo đúng qui luật khoa điện học. Chùa Một

Cột đời Lý cũng tương tự như thế, nhưng ngoài ý nghĩa lý thuyết âm- dương lại còn có ý nghĩa triết lý nhà Phật nữa. Mái chùa là hình ảnh hoa sen nở, biểu thị sự Giác Ngộ Bồ Đề Tâm; trụ cột là hình ảnh cọng sen mọc dưới bùn, biểu thị thế gian phiền lụy. Đó là ý nghĩa Phật pháp bất ly thế gian của phái Đại Thừa.

Ngoài ra, bốn đỉnh góc của hình vuông là vị trí của bốn Hành: 1 Thủy, 2 Hỏa, 3 Mộc, 4 Kim; còn trụ cột ở giữa bình diện hình vuông là hành Thổ số 5 của cơ cấu Ngũ Hành (2*) Hành Thổ ở trung cung, là trung gian hòa giải các cặp đối lập Thủy-Hỏa, Mộc- Kim trên kia theo nguyên lý quân

bình. Nếu biểu thị bằng số thì như sau : 1-5-2 chỉ hàng dọc (tung), còn 3-5-4 chỉ hàng ngang (hoành). Từ bình diện vật chất hữu hình Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ chuyển sang bình diện siêu hình thì chữ Ngũ có ý nghĩa sâu xa, chỉ Thiên Địa. Lúc đó số 5 = 3 + 2 tức là “*tham thiên lưỡng địa*”, mà 3 là Trời dương, 2 là Đất âm. Một Đất, một Trời, một âm, một dương tương tác làm nên Đạo. Số 5 lúc đó có ý nghĩa siêu hình, biểu thị Tiềm thể **Tâm linh**, vì thế Thổ không như các hành kia, mà là “*hành vô hành*”, trở nên thần diệu vượt không gian, thời gian nên mới nói “*Thần vô phương*”. Thực ra triết lý Ngũ Hành cũng chính là triết lý Tam Tài, nhưng ở bình diện nhân sinh hữu hình, còn Tam Tài ở bình diện siêu hình Nhân bản tâm linh.



Tượng đài tỵ nạn Hamburg

Tượng Đài Tỵ Nạn Hamburg cũng có ý nghĩa tương tự như vậy, nhưng ở đây mái nhà là **sách ước**, trụ cột là **gậy thần**. Sách ước và gậy thần nói lên nguyện vọng, ước mơ của ngàn đời của con cháu Tiên Rồng là có một đất nước Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ, một quê hương Thanh Bình, một cuộc sống Hạnh Phúc.

Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi người ta theo đúng luật ứng- cầu :

Trước hết Tâm phải chí thành, bởi vì “*chí thành thông thánh*”, còn vọng tưởng, lừa đảo thì chỉ gần với ma vương, vô minh mà thôi.

Sau đó rèn luyện tâm linh tinh tấn. Tâm linh bao gồm đột tiểu ngã với *trí thức biện biệt, nhị nguyên*, tượng trưng bằng hình vuông (Địa phương) và đột đại ngã với *trí tuệ bình đẳng, nhất nguyên*, tượng trưng bằng hình tròn (Thiên viên).

Ở *đồ thư hợp nhất* (2**), *Hà đồ* hình tròn, tượng trưng cho nội giới (Thiên), là *đạo nội thánh*; *Lạc thư* hình vuông, tượng trưng cho ngoại

giới (Địa), là *đạo ngoại vương*, đạo xử thế. Có hợp nhất được cả “ *nội ngoại chi đạo* ” thì mới có thể thực hiện được Đạo. Chỉ lo bên nội mà lơ là bên ngoại, hoặc chỉ lo bên ngoại mà quên bên nội là mất hẳn quân bình, sẽ không bao giờ có được chân hạnh phúc. Thời buổi bây giờ *vật thường lấn tâm*, cho nên cần phải nuôi dưỡng cho *Đại ngã tâm linh* lớn lên mãi thành tâm bao la như vũ trụ thì mới lấy lại được quân bình. Muốn như vậy phải để ý đến qui luật : “ *Nội hàm càng nhỏ, ngoại hàm càng to* ”, nghĩa là càng vào nhỏ bao nhiêu, sức bao quát bên ngoài càng rộng bấy nhiêu, vào cùng cực đến độ trống không thì sức bao quát gồm thấu cả vũ trụ, càn khôn. Vào cùng cực đến đó gọi là *chí trung*, mà có chí trung thì sẽ *chí hòa*, cho nên Trung Dung mới viết: “*Chí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên*” (cùng cực trung hòa thì trời đất định vị, vạn vật hóa dục) . Như vậy là đã thực hiện được **Tâm Không**, buông xả tất cả tài vật, lợi lộc, thay thế tham, sân si, oán thù, ghen tị, vị kỷ...bằng lòng quảng đại, khoan dung, vô cầu, vô công, vô danh, vô kỷ... thì tự nhiên *chiều kích vô biên* sẽ tràn ngập tâm hồn, không còn bị lệ thuộc vào đâu nữa, là chấm dứt vong thân, thanh lọc nghiệp chướng, là tự do, là chân hạnh phúc.

Hai trang sách mở của Tượng Đài Ty Nạn Hamburg có chữ viết xác định, c hỉ mới nói lên nguyện vọng hữu hạn của con người. Ngoài ra, còn những trang còn lại ẩn tàng, mới đích thực là sách ước, là kinh vô tự, là chân kinh, mới thật linh diệu. Ở bài “ *Lương Chiêu Minh Thái Tử phân kinh thạch đài* ”, Nguyễn Du có viết: “ *Chung tri vô tự thị chân kinh* ”. Cảm nhận được kinh vô tự là đã đạt chiều kích vô biên, siêu vượt thời-không, vào tới trung cung của Ngũ hành, nơi có Suối Việt (Việt tinh) với nguồn nước Cam Tuyền linh diệu, là **nguồn sáng tạo vô tận**, là **Tính Việt** (Tinh Siêu Việt), có lẽ nhờ đó mà Nguyễn Du mới viết được truyện Thúy Kiều, một tác phẩm văn thơ bất hủ để đời.

Theo truyền thống dân tộc, vào ngày Tết trên bàn thờ Tổ quốc, bàn thờ Tổ tiên đều có chung bánh dày hình tròn tượng trưng cho Trời và bánh chưng hình vuông tượng trưng cho đất là theo ý nghĩa chuyên cổ tích “ *Bánh dày bánh chưng* ” từ thời Hùng Vương lập quốc. Thế cho nên, lễ Tết mà chỉ có bánh chưng, thiếu bánh dày là mất hết ý nghĩa, bởi vì như vậy là chỉ lo có phần xử thế, đạo ngoại vương, mà thiếu phần đạo nội thánh để vươn tới Đại ngã tâm linh. Mà **Tính thể của con người** là gì, nếu không phải là **Đại ngã tâm linh** ấy như người ta vẫn thường nói “ *Nhân linh vạn vật* ”. Đó mới thật xứng đáng là **Nhân bản Tâm linh**, chứ không như những định nghĩa phiến diện “ *con người tư duy* ”, “ *con người kinh tế* ”, “ *con người lao động* ”...

Trở về nguồn cội không phải chỉ có nghĩa là tìm về với mái nhà kỷ niệm xưa bằng vật chất hữu hình hạn hẹp biến dịch qua thời gian, mà phải nhập vào trung cung của Hành Thổ, “*hành vô hành*”, “ *hành vô phương* ”, tức nhập vào ngôi “ *Thái thất* ”, là **Quê Hương trên tất cả mọi quê hương**, để tìm lại “ *Bản lai diện mục* ” của mình.

Nhân kỷ niệm 30 Năm Người Việt Ty Nạn, không riêng ở Đức mà khắp nơi trên toàn thế giới, ngoài việc tri ân các ân nhân, người Việt chúng ta còn muốn nhắc nhở cho con cháu biết lý do tại sao cha ông của chúng đã phải gạt nước mắt bỏ nước ra đi. Ra đi bằng những con thuyền nhỏ mong manh “ *thập tử nhất sinh* ” không bao giờ có nghĩa là “ *tha phương cầu thực* ”, mà chỉ vì lòng khát khao Tự Do và vì tương lai của con cháu mai sau. Trẻ em, thanh niên, thiếu nữ gốc Việt giờ đây được khen ngợi là học giỏi, xuất sắc, có nhiều người trở thành nhà bác học, được các giải thưởng khoa học có giá trị, mà nếu còn ở lại trong nước họ phải chịu dốt do chính sách phân biệt đối xử, trấn áp qua lý lịch nhiều đời, mà thực chất chủ trương kỳ quái „ *Trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận rễ* „, chưa hề chính thức thay đổi. Chặn đứng **Trí thức, Trí tuệ** là bít đường vào

Tính Việt Có Trí thức chưa chắc hẳn là có Trí tuệ, cho nên khi đã có Trí thức rồi cũng đừng quên lo lập đức, rèn luyện tâm linh để trở thành con người toàn diện.

Ngoài ra, giới trẻ cần phải biết rằng, cha ông của họ đã bị tập trung cải tạo lâu dài không bản án, khi thả ra cũng có thể bị bắt trở lại không biết lúc nào và còn bị gán cho chữ “ngụy”, đến muôn đời.

Ngày nay, nhân dân nhất là thanh niên, trí thức trong nước đã hiểu rõ đâu là sự thật. Bài thơ “*Người anh hùng họ Ngụy*” của Trần Mạnh Hảo nói lên điều đó:

*"Người yêu nước không thể nào là ngụy
 Người chết vì nước như anh không thể nào là
 ngụy. Nhưng anh : Là Ngụy Văn Thà (3*)
 Anh- hạm trưởng chiến hạm Nhật Tảo
 Lao thẳng vào tàu giặc cướp
 Tên anh còn mãi với Hoàng Sa ..."*
 (Bài thơ do Hoanghac đưa lên mạng)

Như vậy đâu là Chính nghĩa Quốc gia, Dân tộc, đâu là ngụy?

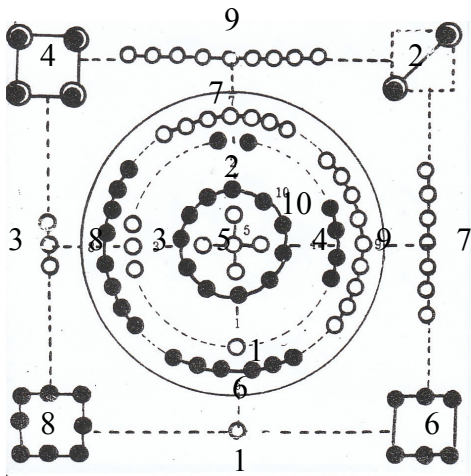
Viết xong ngày 30 tháng 10 năm 2009
Nguyễn Văn Nhiệm

Ghi chú : Hình Tượng đài từ nguồn Thông tin Berlin. Các hình khác do tác giả tự thực hiện.

(1*) Lễ gia tiên thuộc Đạo Thờ Cúng Ông Bà. Lễ gia quan được tổ chức vào tuổi trưởng thành nhằm để thừa nhận và phát huy tinh thần tự lập.

(2**) : Hà Đồ gồm 55 điểm chấm đen trắng, được chỉ bằng các số, được phân bố theo hình tròn, mà trung cung gồm cả số 5 và 10, chẳng khác nào sự phân bố các hạt điện trong mô hình nguyên tử. Lạc Thư chỉ có 45 điểm hay vạch được phân bố theo hình vuông. Tổng số của Đồ Thư hợp nhất là 55 + 45 = 100 trùng hợp với số đốt của Gậy Thần 100 đốt và Bọc 100 Trứng, tên Bách Việt (Bách= 100).

Đồ thư hợp nhất



(2*) Nhũ Hành

	Hỏa			Kim		
	2			4		
Mộc	Thổ	Kim	Mộc	Thổ	Hỏa	
3	5	4	3	5	2	
	Thủy			Thủy		
	1			1		
	Hữu nhậm			Tả nhậm		

(3*) : Ngụy Văn Thà là Thiếu Tá Hải Quân VNCH đã anh dũng hy sinh vì Tổ Quốc ngày 19 tháng 11 năm 1974 để bảo vệ Hoàng Sa.

Bài Xương :

Bài Họa 2 :

VUI NGÀY XUÂN MUỘN

Bình rượu vui rồi, chuyện đã thân
 Tâm tư cởi mở hết xa gần
 Một : thiêu tuổi trẻ lò hu ảnh
 Một : tuổi danh hờ hương ảo vân
 Một : vợ con đeo vòng hệ lụy
 Một : nghiên bút vướng nợ phong trần
 Nhìn nhau...chợt hiểu sao đầu bạc
 Bốn cái cười rung cả nắng xuân

Thạch Ân **BÙI KHÁNH ĐẢN**

THÚ VUI XƯƠNG HỌA

Văn chương xương họa lạ thành thân
 Dù cách xa nhau cũng hóa gần
 Người : vẫn ngâm nga câu chính khí
 Người : còn mê mãi chuyện phong vân
 Người : luôn giữ vững niềm son sắt
 Người : dõi trông theo dáng tuyết trần
 Để thấy quanh đây đời mãi đẹp
 Cho hồn thơ dậy khắp trời xuân

NGUYỄN KINH BẮC
(10/09)

Bài Họa 1 :

Bài Họa 3 :

ĐỪ BỐN MÙA XUÂN

Độc thơ người tặng mới vừa thân
 Hết nhớ chuyện xa lại nghĩ gần
 Ai : kẻ tung hoành theo ảo ảnh
 Ai : người phiêu lãng kiếm phù vân
 Ai : đem thi phú vào duyên nghiệp
 Ai : nợ thê nhi trả lụy trần
 Còn mấy ai ngoài vòng thế tục
 Để năm có đủ bốn mùa xuân

NGÂN SƠN

GIỮ CHÚT TÌNH THÂN

Duyên thơ xin giữ chút tình thân
 Để dặm đường xa bạn vẫn gần
 Khi : xót trời quê loài ác điều
 Khi : cầu đất mẹ áng tường vân
 Khi : còn hít thở bên bờ mộng
 Khi : lỡ rong chơi lạc bến trần
 Tri ngộ ơn đời như vật nặng
 Về hong năm tháng níu hồn xuân

NGUYỄN VÔ CÙNG
(11/09)

Ý nghĩa của tựa truyện “Postcards from Nam” và quan niệm về dịch thuật, diễn giải, diễn tả, và diễn đạt văn chương

DƯƠNG NHƯ NGUYỄN

(bài nghị luận này dựa trên cuộc đàm thoại với Vietbang.com, tháng tám 2009)

I. Thử bàn về vấn đề chữ nghĩa trong việc dịch thuật tựa đề:

Vietbang (“VB”): Xin cô giải thích tựa truyện “Postcards from Nam” / “Bưu Thiếp Của Nam”? Lưu ý cô chữ “của” như “Con Gái Của Sông Hương.” Cô đặt nặng vấn đề sở hữu chủ về **những** bưu thiếp này, số nhiều phải không? Trong cuốn *Sông Hương* cô cũng nói về bưu thiếp. Đó có phải là một biểu tượng / motif không, hay là một sự thể của cốt truyện?

Xin nói trước, bài nói chuyện này có tính cách cá nhân. Đây không phải là một cuộc phỏng vấn của báo chí. Không hiểu vì sao một cuộc nói chuyện cá nhân của tôi bị đi thẳng vào google.com. Vì đã bị lên google.com, tôi xin phép ông được đem cuộc phỏng vấn cá nhân này vào cuốn sách mới.

Biểu tượng (motif) “postcards” đã được dùng bởi những soạn giả và nhà văn Mỹ. Trong chu trình viết của tôi, “postcards”

có những ý nghĩa khác hẳn: hình ảnh những mảnh đời, tin từ xa, sự hiểu biết cô đọng, nhu cầu được hiểu, thông điệp, tiếng nói v.v... Tất cả có chung các đặc tính sau: rất ngắn, rất trừu tượng, không được giải thích rõ ràng hay chân chất, mà chỉ là những ghi nhận hình như vội vã và thu hẹp trong khuôn khổ giấy, nhưng vô cùng rộng rãi về ý nghĩa.

“Postcards” có thể được mong đợi, có thể bất ngờ, có thể mang niềm vui, mà cũng có thể mang nỗi buồn hoặc niềm ước ao lưu luyến.

Độc giả của “*Daughters of the River Hương*” sẽ thấy postcards trong đó, mang những bí mật của quá khứ đầy nghi vấn, Nhân vật chính phải bỏ qua những nghi vấn về quá khứ để tìm thấy sự an bình trong tâm hồn.

Postcards from Nam có thể là postcards gửi từ phương nam, từ nước Nam, từ một nơi chốn nào đó về phía Nam, từ cộng đồng hay tổ quốc mang tên Nam. Mà cũng có thể từ một người tên Nam. Ý nghĩa “tác giả” (authorship) của “bưu thiếp” là thế nào? Người chụp hình, người vẽ, hay người gửi? Ai là sở hữu chủ của bưu thiếp? Người gửi? Hay người nhận? Ở thời điểm nào?

Cho nên cụm từ “postcards from Nam” rất mơ hồ mà xúc tích.



“Buru Thiệp Của Nam” không hẳn là câu dịch chính xác nhất của tựa đề tiếng Anh. “Cánh Thiệp từ Nam” chính xác và thơ mộng hơn. “Buru Thiệp Của Nam” là *Nam’s Postcards*. Sau khi Mimi nhận được postcards rồi, có thể nói là “*Mimi’s Postcards*.”

Số nhiều hay số ít trong cụm từ “Cánh Thiệp từ Nam” hay “Buru Thiệp Của Nam” không quan trọng cho ý nghĩa (semantics). Trái lại, trong “NHỮNG đôi hoa sim,” chữ NHỮNG rất quan trọng. Cảnh vật muôn tả là nhiều ngọn đôi bát ngát hoa sim tím cả chân trời. Ngược lại, một cánh thiệp hay nhiều cánh thiệp đều mang một ý nghĩa biểu tượng (symbolic meaning) như nhau.

Chữ “Những” trong “Con Gái Của Sông Hương” cũng không quan trọng, vì ý nghĩa “con gái” mang tính cách máu huyết và nguồn cội, thay vì ngồi đếm có bao nhiêu người con gái (một cái nhìn chân chất đi đến chỗ lệch lạc).

Chữ “của” quan trọng trong tựa đề “Sông Hương” cũng vì thế. Sông Hương là danh từ chứ không phải tính từ: “The River Hương women” có thể dịch là “Con Gái Sông Hương.” Thân mẫu của tôi không bằng lòng tựa đề như vậy, vì ý nghĩa “Con Gái Sông Hương” ở xứ Huế không hẳn mang ý niệm máu huyết và nguồn cội thiêng liêng có tính cách mẹ truyền con nối. “Con Gái **Của** Sông Hương” nói lên ý niệm Sông Hương là người mẹ, để lại di sản cho các con. “Con gái” hay “Sông Hương” chỉ là biểu tượng Không nhất thiết phải là con sông địa lý nằm ở đâu.

Trở lại vấn đề “Buru Thiệp Của Nam” hay “Cánh Thiệp Từ Nam”: thường thường “Cánh Thiệp” có ý nghĩa tin vui, như thiệp cưới chẳng hạn. Vì thế “buru thiệp” tương xứng hơn với cốt truyện.

Theo ý kiến của một vài độc giả đã đọc bản thảo, cùng với sự chọn lựa của dịch giả, tôi đã chấp thuận tựa đề “Buru Thiệp Của Nam” dù

rằng tựa đề dịch thuật này không hoàn toàn nói lên tất cả những ý nghĩa vừa xúc tích vừa trừu tượng của tựa đề tiếng Anh. “Buru Thiệp của Nam” có sự mộc mạc do chữ “của,” thích hợp với sự mộc mạc gần gũi của hai nhân vật chính trong truyện và “xóm nhà lá” thân mến của tình yêu tuổi nhỏ: “của tui,” “của bồ” trong liên đới ngây thơ của hai trẻ.

II. Dịch thuật (công việc của dịch giả) khác hẳn với việc diễn đạt tư tưởng nhân vật của nghệ thuật viết tiểu thuyết (hành trình của tác giả):

VB: Đây là một truyện dịch. Còn bản chính chỉ là một phụ lục/Appendix. Cô chú trọng đến bản dịch hơn, qua tay một người khác? Tại sao cô không dịch lấy cuốn *Sông Hương* và cuốn này? Thêm một vấn đề khác cũng liên hệ đến dịch thuật: Có nhiều người cho rằng cô chính là nhân vật và đồng thời quy cho nhân vật là dịch giả nữa. Rồi lại có người đặt vấn đề dịch sai hay dịch đúng. Quan niệm của cô về dịch thuật như thế nào?

Bản chính chỉ là một “Appendix” (phụ lục) vì nguyên tác chưa chính thức xuất bản, và vì có hai “versions” khác nhau. Lý do tôi không muốn nói, và không cần thiết, vì tâm điểm là bản dịch, đi theo dịch giả.

Việc xuất bản truyện dịch là công lao của dịch giả và Văn Mới. Tôi không có công trạng gì trong đó.

Tôi xin nói qua về quan niệm dịch thuật một tác phẩm. ***Dịch giả, tác giả, và nhân vật.***

Dù rằng “Buru Thiệp Của Nam” không hoàn toàn sát ý, nếu con mắt nhìn của độc giả VN hoặc ý thích sáng tạo của dịch giả muốn dùng “Buru Thiệp của Nam,” thì điều đó phải được tôn trọng. Bất dịch giả phải đi theo “text” của bản chính như một tín đồ là trái ngược với chu trình sáng tạo của dịch giả.

Dịch thuật một tác phẩm khác hẳn với cách diễn tả của một nhân vật khi nhân vật ấy nhắc đến các từ ngữ một ngôn ngữ khác, mà ngôn ngữ đó không phải là ngôn ngữ của nghệ thuật kể chuyện (narration). Ngôn ngữ của narration là giọng nói rung cảm của nhân vật. Lấy thí dụ, một nhân vật người Việt làm sao suy nghĩ bằng tiếng Anh được? Thế nhưng, tác phẩm viết bằng tiếng Anh, có nghĩa là tư tưởng của nhân vật được tác giả diễn đạt bằng tiếng Anh. Tiếng Anh là ngôn ngữ của narration.

Có một số độc giả khăng định một cách sai lầm rằng khi nhân vật của tôi diễn đạt tư tưởng của mình (Stream of Consciousness) trong ngôn ngữ của narration, lúc nhân vật ấy nghĩ đến một câu văn, câu thơ nào đó ở một ngôn ngữ khác, điều đó có nghĩa là nhân vật đã trở thành dịch giả. Rồi cho rằng nhân vật hay tác giả/dịch giả đã “dịch sai.” Lập luận này hoàn toàn lệch lạc về phương diện viết tiểu thuyết. Nhân vật không trở thành dịch giả bao giờ, trừ phi tôi dựng nên một nhân vật làm nghề dịch giả. (Tôi chưa bao giờ dựng nên một nhân vật làm nghề dịch giả.)

Người dịch một tác phẩm khác hẳn nhân vật liên tưởng đến một vài câu văn từ ngôn ngữ khác, rồi nói lên tư tưởng của mình bằng ngôn ngữ của narration. Lấy thí dụ, nhân vật nghĩ đến vàng trắng của Nguyễn Du, rồi thốt lên, “Vàng trắng ai xẻ làm ba” khi nhân vật ấy đang nghĩ về ba miền chia cách (Bắc Trung Nam), điều đó không có nghĩa rằng nhân vật đang “quote” Nguyễn Du và quote sai.

Lấy một thí dụ kế tiếp, nếu nhân vật tiếp tục nghĩ bằng tiếng Anh, “My moon has split into three regions...” (Vàng trắng của tôi đã xẻ ra làm ba...miền). Đây là một hành trình tâm thức đi theo tư tưởng độc thoại của nhân vật, từ thế giới này đi sang thế giới khác trong hành trình tư tưởng ấy (Stream of

Consciousness), dựa trên cảm xúc từ câu thơ của Nguyễn Du, nhưng không còn dừng ở tâm trạng Thúy Kiều nữa. Điều này không có nghĩa rằng nhân vật “trích” Nguyễn Du sai, rồi dịch thuật sai.

Lấy một thí dụ khác, nếu nhân vật nghĩ đến Baudelaire, “Les Fleurs du Mal,” chẳng hạn, và liên tưởng đến một nghĩa, trong nhiều nghĩa của cụm từ này, điều này không có nghĩa là nhân vật (hay tác giả, hoặc dịch giả đi theo tư tưởng nhân vật) đã “ngu dốt,” “vụng về” hay ‘cẩu thả,” không biết đến những nghĩa khác của cụm từ “Les Fleurs du Mal.” Trong nghệ thuật tiểu thuyết, không có việc bắt buộc tác giả, dịch giả, hay nhân vật phải chú thích (bằng footnotes chẳng hạn) tất cả các ý nghĩa của cụm từ Les Fleurs du Mal trong thế giới của Baudelaire, vì thế giới mà độc giả đang sống lúc đó là thế giới của nhân vật, không phải là thế giới của Baudelaire trong cuốn sách dịch thơ Baudelaire. Đây là những nguyên tắc căn bản của nghệ thuật tiểu thuyết.

Lại thêm một thí dụ nữa, rất cụ thể: trong một tác phẩm mà ngôn ngữ kể chuyện là tiếng Anh, nhân vật là một đứa bé Việt Nam tập tễnh nói tiếng...Đức, thì dĩ nhiên ngôn ngữ tiếng Đức được dùng trong tiểu thuyết phải là ngôn ngữ bập bẹ của một đứa trẻ nói tiếng Đức, trong khi tiếng Đức không phải là tiếng mẹ đẻ của nhân vật. Nhân vật đứa bé Việt Nam ấy không thể nói tiếng Đức như Hermann Hesse, hay như tiến sĩ Kissinger được.

Đây là một điển hình tại sao trong văn chương Hoa Kỳ, khi các nhân vật da đen ở các ngõ hẻm của Detroit hay Chicago, đều nói tiếng Anh dưới tiêu chuẩn, sai văn phạm bê bết. Điều này không có nghĩa là tác giả “dốt” tiếng Anh. Còn dịch giả thì sao? Phải dịch thế nào để nói lên tình trạng tiếng Anh bê bết nhưng rất đặc thù của nhân vật như thế?

Tâm lý và tư tưởng nhân vật được xây dựng trên tiềm thức, dựa trên cái mà thế giới tiểu thuyết và kịch nghệ gọi là “subtext.” Sự phân tích và tìm hiểu về “subtext” là việc của độc giả trong chu trình diễn đạt của văn chương (interpretation). Trong thế giới của nhân vật di dân, “subtext” đòi hỏi độc giả hay nhà phê bình phải tìm tòi, tìm hiểu về cả một quá trình tâm thức tập thể (collective subconsciousness – xin đọc Carl Jung). Không cần thiết tác giả phải giảng giải, mà độc giả cần tự tìm tòi và suy diễn ra.

Lại thêm một tình trạng rất nguy hiểm đưa đến sự xuyên tạc do vấn đề “counter-translation” (tôi tạm gọi là ‘dịch ngược’ để có tình làm sai ý nghĩa). Lấy thí dụ: một câu văn nguyên tác được dịch giả dịch thoát ý. Sự xuyên tạc bắt đầu khi câu dịch thoát ý này bị một người thứ ba dịch ngược lại thành nguyên tác một cách chân chất và sai lầm, phản văn chương (literal, thay vì literary), làm sai lệch hoàn toàn ý nghĩa ban đầu.

Nguyên tác: [*xã hội đã tạo ra*] *chính trị gia sung túc (ăn no rừng mỡ)*

Dịch thoát ý: ...*the well-fed politician*

Dịch ngược trở lại nguyên tác: *chính trị gia béo mập (the politician who is fat)*

Nguyên tác đã bị bóp méo hoàn toàn vì dịch ngược. Xảo thuật này làm thay đổi hết tất cả ngữ cảnh (context), ý nghĩa (semantics) và subtext (ngữ ý—những tính chất không cần nói ra trong cấu trúc nhân vật và cốt truyện). Tác phẩm dịch thuật văn chương và nguyên tác của tác giả sử dụng ngữ ý đã bị bóp méo vì sự việc “counter-translation” rất nguy hiểm này.

Tất cả những cái nhìn lệch lạc cho rằng nhân vật là dịch giả, hoặc nhân vật là tác giả, trích sai, dịch sai, áp dụng chính sách “dịch

ngược,” v.v., được gọi chung là sự thô thiển của cách diễn đạt nghĩa đen quá mức (“*literal interpretation*”). Lạm dụng tính cách chân chất này dễ làm lệch lạc nguyên tác, không còn là sự diễn giải trừu tượng của văn chương (“*literary interpretation*”), dựa trên cấu trúc nhân vật.

Nghệ thuật “Stream of Consciousness” (đi theo tư tưởng nhân vật, liên đới từ điểm này sang điểm khác theo vô thức) được dùng điển hình nhất trong tiểu thuyết của William Faulker. Một người khác dùng Stream of Consciousness rất khéo và rất tự nhiên, xúc tích, mơ mộng, của văn chương Saigon, là bà Nguyễn Thị Hoàng. Tuy nhiên nhân vật của Bà Hoàng không sống kiếp di dân, nên không đi vào thế giới tư tưởng bằng song ngữ (bilingual) – sự liên tưởng từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tùy theo tình cảm của nhân vật lúc đó.

Sự liên đới này, trong thế giới “Stream of Consciousness” của tiểu thuyết (việc đi vào khối óc và trái tim của nhân vật bằng ngôn ngữ của narration), không phải là **dịch thuật**, mà là **diễn tả tư tưởng của nhân vật**. Hai chu trình khác hẳn nhau.

Và vì thế, có một số độc giả đã hiểu lầm khi cho rằng tôi “không biết tiếng Việt” hay “đã quên tiếng Việt” nên mới dùng tiếng Anh trong tiểu thuyết viết bằng tiếng Việt. Điều này không đúng, vì tư tưởng của một nhân vật song ngữ được thể hiện bằng cả hai thứ tiếng, để diễn tả tình huống và não trạng của người di dân. Khi tôi tạo dựng một nhân vật di dân thế hệ thứ nhất hoàn toàn không suy nghĩ bằng tiếng Anh, lúc đó sẽ không có một chữ tiếng Anh trong độc thoại và đối thoại của nhân vật đó.

Tôi cũng không cho rằng đem tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng gì chẳng nữa vào ngôn ngữ kể chuyện (narration) có nghĩa là vọng ngoại hay lai căng. Đó là chu trình tự nhiên tùy theo

“subtext” trong việc tạo dựng nhân vật. Thời đại của chủ thuyết dân tộc (nationalism) nhằm mục đích phá vỡ thực dân đã qua rồi, thay thế bởi quan niệm toàn cầu hóa. Chu trình phát triển của tiếng Việt là một chu trình đa văn hóa vì hoàn cảnh lịch sử của người Việt. Cái mà tôi mô tả hôm nay là tình huống người Mỹ gốc Việt còn nói được tiếng mẹ đẻ (home language). Hơn nữa, tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu. Tại Singapore chẳng hạn, tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong trường học. Ở văn bản luật pháp của cộng đồng Âu Châu (EU), có khoảng 11 thứ tiếng.

Tôi cũng không quan niệm rằng con cháu chúng ta phải nói tiếng Việt rành mới là “về nguồn.” Một cô bé không nói một câu tiếng Việt nào mà biết yêu thương người Việt khôn khổ đối với tôi là một kho tàng hiếm có còn hơn một sinh viên rành tiếng Việt hơn tiếng Anh. Tất cả những quan niệm chật hẹp đều do một tính xấu gọi là “ethnocentrism” (tính dân tộc cực đoan) làm cản bước tiến của thế hệ mới và xã hội toàn cầu.

III. Quan niệm dịch thuật trở thành một chu trình sáng tạo riêng của dịch giả:

VB: Như vậy cô làm việc với dịch giả như thế nào? Và quan niệm của cô về tiêu chuẩn cho bản dịch ra sao?

Tiêu chuẩn nào đi nữa cũng phải là tiêu chuẩn xây dựng, sáng tạo, và trách nhiệm đạo đức thực sự của người cầm bút.

Theo cái nhìn “chân chất” (“literal”), có người cho rằng dịch thuật là “chuyên ngữ.” Tôi cho rằng chữ “chuyên ngữ” không thích hợp cho chu trình dịch thuật văn chương.

Bản dịch không phải là chuyên ngữ. Theo quan niệm rộng rãi hơn của trào lưu thế giới, từ ngữ “dịch thuật” mới thực sự là đúng đắn cho văn chương. Trong từ ngữ “dịch thuật,” có

cả việc kể chuyện (“story telling,” tức “narration”); có cả nghệ thuật (“art”) và kỹ thuật (“craft”).

Vì thế, theo quan niệm rộng rãi này, bản dịch là một chu trình sáng tạo của dịch giả. Chu trình sáng tạo đó riêng biệt, và dịch giả có bản quyền dựa trên bản chính (derivative copyright). Giọng văn và đường lối cũng như cách thức chọn lựa phải là của dịch giả.

Đây là lý do người dịch những tác phẩm tuyệt hảo của thế giới luôn luôn là các giáo sư văn chương và sinh ngữ, chuyên môn về tác giả đó. Người dịch văn chương khác hẳn người dịch cho các cuộc họp thương mại hay chính trị ở...Liên Hiệp Quốc chẳng hạn.

Trong phạm vi nhỏ bé hơn, tôi có chủ trương không sửa giọng văn hoặc cách dùng chữ của người dịch. Lấy thí dụ, trong bản dịch “Con Gái Cửa Sông Hương,” có độc giả cho rằng Dịch giả Linh Chân viết, “trong cơn rối loạn của lịch sử,” nên dịch là “trong cơn lốc của lịch sử...” Tôi sẽ không bao giờ sửa đổi như thế. Để dịch giả toàn quyền. Và vì thế, giọng văn của bản dịch do Dịch giả Linh Chân chủ động không phải là giọng văn của tôi, như khi tôi viết thẳng bằng tiếng Việt.

Trong bản dịch này của Giáo Sư Thanh Tâm, tôi hoàn toàn không sửa đổi những gì gọi là “nội dung” (substance) của chu trình dịch thuật. “Nội dung” có nghĩa là việc bà làm không phải chỉ là “chuyên ngữ.” Và tôi thấy cũng không cần thiết phải đọc lại chu trình sáng tạo của bà. Để cho Giáo Sư hoàn toàn diễn giải cốt truyện và nhân vật qua cái nhìn và suy diễn của mình, bằng giọng văn và cách trình bày của chính mình.

Vì thế, tôi hoàn toàn để cho dịch giả Thanh Tâm được tha hồ “phóng tác” khi cần thiết để đem tác phẩm đến với đặc thù văn hóa của độc giả mà tôi gọi là “độc giả giới hạn đặc biệt” (“target audience”). Những độc giả nào

ở ngoài phạm vi “target audience” có thể tìm hiểu, phân tích chu trình sáng tạo của chính tác giả lúc khác.

Dịch giả trở thành nhịp cầu văn hóa và ngôn ngữ, qua lăng kính sáng tạo của chính mình. Bản dịch thể hiện cái áo văn hóa của chính dịch giả mặc, những lo ngại quan tâm, quan hoài, cảm tưởng, cảm kích, trạng thái xúc động, niềm hứng khởi của dịch giả, cá tính và chu trình sáng tạo riêng của dịch giả. Mỗi dịch giả có một văn phong và cái nhìn riêng. Tất cả đều được tôn trọng, độc giả cũng như tác giả và dịch giả. Nếu không có dịch giả, ai làm nhịp cầu vô cùng khó khăn và tế nhị ấy? Nhất là khi viết và đọc tiếng Việt càng ngày càng hiếm. Vấn đề phê bình, dịch hay dịch dở, dịch đúng, dịch sai, theo tính cách chân chất (literal), đối với tôi không cần thiết mà còn có hậu quả băng hoại. Độc giả đọc toàn bộ để được lôi cuốn vào cốt truyện và tâm tình nhân vật, trong kinh nghiệm nhân sinh, đó mới là điều quan trọng. Cũng như ăn một bát cơm. Không ai ăn từng hạt gạo riêng biệt bao giờ.

Nói đến tận cùng của sự việc, nếu dịch giả có toàn quyền, họ sẽ sửa đổi bản chính cho hợp tình hợp cảnh và cảm quan của họ. (Trường hợp phóng tác của Hoàng Hải Thủy với cuốn Kiều Giang là một điển hình, chẳng hạn). Sở dĩ hiếm khi chuyện đó xảy ra thường vì bản chính đã phát hành rồi, đa số các dịch giả và nhà xuất bản e ngại pháp luật của xã hội mà thôi. Nếu để hoàn toàn theo chu trình sáng tạo, các dịch giả sẽ dịch theo cảm xúc và diễn giải của chính mình. Lấy thí dụ: các giáo sư văn chương ở Mỹ khi dịch thơ Baudelaire, đi theo cảm quan của mình rất nhiều. Không ai ngồi đó mà dịch từng chữ. Mỗi bản dịch một khác. Không ai phê bình bằng cách đem từng câu ra tra tự điển, trước nhất do sự trừu tượng xúc tích của ngôn ngữ, và mỗi dịch giả của Baudelaire đều là một giáo sư văn chương có thẩm quyền thẩm định

(giáo sư văn chương chứ không phải giáo sư dạy ngôn ngữ). Nên khuyến khích thay vì ngăn chặn dịch giả đi theo thôi thúc sáng tạo của họ khi diễn đạt (interpret).

Dĩ nhiên, tự do này đặt vào dịch giả có lương tâm, kiến thức, lòng tôn trọng bản chính, và tính can đảm.

Nói tóm lại, nhìn vào trào lưu “hậu-hiện đại” chung trên thế giới (post-modernism), trên lý thuyết, tôi cho rằng dịch giả có quyền phóng tác, nếu được sự chấp thuận tổng quát (carte blanche) của tác giả, hoặc khi ngộ biến phải từng quyền. Khi dịch thuật cho một tập thể giới hạn đặc biệt (target audience), dịch giả mặc cái áo văn hóa của tập thể ấy, dù đó có thể là một việc bất đắc chí. Thậm chí, rất nhiều dịch giả đã phải tự kiểm duyệt khi đem tác phẩm vào một chế độ độc tài, chẳng hạn. “Có còn hơn không” trở thành tôn chỉ một cách tương đối, do ngộ biến từng quyền mà ra.

IV. Từ dịch thuật (là một nghệ thuật sáng tạo) đi đến việc diễn đạt và thẩm định văn chương – những quan niệm mới của thời đại bây giờ trong khuôn khổ đại học nhân văn của thế giới Tây Phương (là một trong những cha đẻ? của nghệ thuật tiểu thuyết):

VB: Tôi nghĩ rằng nếu cô quan niệm như vậy thì chắc là quan niệm về viết văn hay thẩm định, bình giảng văn chương của cô cũng tương xứng với đường hướng đó? Theo tôi biết – Luật với cô là Nghệ, Văn là Nghiệp, hai bộ môn đó có tương quan hay liên đới với nhau không? Nếu có, trong phạm vi nào?

Quan niệm về dịch thuật văn chương này song đôi với quan niệm mới về vấn đề diễn đạt văn chương. Việc diễn đạt phê bình hay phân tích văn chương cũng là một chu trình sáng tạo, một hình thức nghệ thuật. Trong chu trình

diễn đạt, không ai đi vào đường lối “chân chất,” (“literal”). Mỗi diễn giải là một chu trình sáng tạo nghệ thuật riêng biệt. Các học giả Tây Phương đồng ý với tôi điểm này, là trọng tâm của nhiều bài nghị luận về “interpretation.”

Trong môi trường rộng lớn của văn chương, tiêu chuẩn thẩm định phê bình văn chương bắt đầu bằng tiêu chuẩn nghệ thuật là vì thế. (Đó không hẳn là tiêu chuẩn “book review” của ngay cả New York Times – New York Times “điểm sách” chỉ là một hướng dẫn cho người mua sách về số bán, số mua, (best sellers” chẳng hạn), chứ không phải là một chu trình nghệ thuật hay phân tích, và tất cả cộng đồng văn chương đều biết như thế. Tiêu chuẩn điểm sách của New York Times chỉ ở mức độ phổ thông, vì giới học báo chí của Hoa Kỳ đều được dạy rằng viết báo là viết cho độc giả tốt nghiệp trung học, có đi làm bàn giấy. Tuy nhiên, New York Times đã trở thành thông lệ quan trọng cho Hoa Kỳ, và rất ảnh hưởng đến việc mua bán sách vở hoặc bán vé cho môi trường kịch nghệ. Nghệ thuật thẩm định văn chương ở mức độ cao chỉ có mặt trong các tạp chí “literary reviews” của các đại học mà thôi.

(Nhân tiện đây, xin nói thêm: khi tôi mới bắt đầu làm luật sư, vị thẩm phán liên bang mà tôi đã thực tập nghề tố tụng, là một chuyên gia về Shakespeare. Kịch bản người yêu thích là vở “*Tempest*.” Người tiên đoán rằng trong tương lai tôi sẽ trở thành một luật sư chống kỳ thị chủng tộc. Tôi bảo rằng có thể tôi sẽ trở thành một người viết văn nghèo đói không tên tuổi. Người đã bảo tôi rằng, “khi con viết, nên gạt bỏ New York Times ra ngoài.”) Vậy New York Times trong con mắt nhìn của trí thức Hoa Kỳ không phải là tiêu chuẩn tối thượng về nghệ thuật, và chỉ là tiêu chuẩn thông thường của xã hội có vấn đề mua bán sách ở trong đó mà thôi.

Như ông thấy đó, luật học và văn chương có liên đới mật thiết. Cả hai bộ môn đều dùng ngôn ngữ và bị chi phối bởi nghệ thuật diễn giải (interpretation). Cả hai đều mang sứ mạng thay đổi xã hội và chuyển hướng tình trạng dậm chân tại chỗ (status quo). Từ sự liên đới này, chúng ta đi đến quan niệm diễn giải sau đây:

Trong chu trình sáng tạo của việc bình giảng văn chương, nhất là khi cần phải cố võ để đem đến những thay đổi xã hội có tính cách “doctrinal” (chủ thuyết), theo khuynh hướng diễn đạt văn chương mới bây giờ, nhà thẩm định không nhất thiết phải tôn trọng “chủ đích đầu tiên” của tác giả (“author’s original intent”). Lý do rất giản dị: có nhiều khi đi vào “chủ đích đầu tiên” của tác giả đã lỗi thời, tức là đã phá hoặc làm cản lại mức tiến của xã hội, nhất là khi tác phẩm đã quá xưa. Quan niệm không cần đi vào “chủ đích đầu tiên” của tác giả đã được áp dụng vào việc diễn giải (interpretation) bản văn nổi tiếng nhất nước Mỹ: bản hiến pháp Hoa Kỳ.

Lấy thí dụ cụ thể, khi diễn đạt “Khoan khoan ngồi đó chờ ra, nàng là phận gái ta là phận trai” lời Lục Vân Tiên, theo khuynh hướng mới, không nhất thiết phải thu hẹp vào nghĩa đen Vân Tiên-Nguyệt Nga trong hoàn cảnh bị ăn cướp như thế nào (“chủ đích đầu tiên” của Nguyễn Đình Chiểu), vì điều đó ai cũng biết rồi, trong khuôn khổ diễn đạt nghĩa đen đã trở thành công lệ.

Theo tôi, nhà phê bình, diễn đạt và thẩm định, có quyền đổi ngược luôn chủ đích đầu tiên của nhà Nho, nếu cần thiết, để cố võ cho những cải cách xã hội thời nay (không phải thời đại của Vân Tiên-Nguyệt Nga, hay Nguyễn Đình Chiểu nữa). Cái mà độc giả cần rõ là cái nhìn mới lạ trong chiều hướng thay đổi xã hội. Cái mà độc giả đã biết rồi còn nhắc lại làm chi?

Thêm một thí dụ nữa, như ông biết, tôi đã đặt vấn đề đối chiếu Thúy Kiều (“Truyện Kiều Còn Nước Ta Còn”) và Bà Trưng (“Đồng Trụ Chiết, Giao Chỉ Diệt”). Câu hỏi, khi được đặt ra, có người cho rằng...ngu dốt, theo khái niệm diễn giải chân chất (literal):

--Thúy Kiều là người Tàu, nhân vật giả tưởng, một kỹ nữ.

--Bà Trưng là người thật, nữ vương đất Việt.

Trong khi đó, vấn đề được đặt ra không phải là sự khác biệt có tính cách chân chất ấy, mà chính là để nghiệm lại những tư tưởng về chất sáng tạo và khái niệm nguồn cội:

--Thúy Kiều: biểu tượng của nghệ thuật sáng tạo, biểu tượng phụ nữ/female motif trở thành sự sống còn của dân tộc qua văn chương sáng tạo. Vậy thì chữ “còn” của Truyện Kiều có nghĩa gì?

--Bà Trưng: khái niệm dựng nước (nation-building), biểu tượng phụ nữ bị hủy diệt nhưng mãi sống còn, chính vì khái niệm độc lập, tổ quốc, chu trình dựng nước và giữ nước (nation-building). Vậy thì chữ “diệt” của Mã Viện có nghĩa gì?

Sự duy trì văn chương sáng tạo có phải là một phần của khái niệm dựng nước hay giữ nước, “nation-building,” hay không? Nếu nước không còn, văn chương sáng tạo đi về đâu? Và thế nào là “nước còn,” “nước mất” qua hai biểu tượng phụ nữ Thúy Kiều và Trưng Trắc?

Tất cả những quan niệm về chu trình sáng tạo trong nghệ thuật bình giảng (interpretation) này đều thuộc về một bộ môn phân tích mới(mới, so với kiến thức phổ thông, nhưng không mới với môi trường đại học hoặc hậu đại học nhân văn, thí dụ, ở mức độ Ph.D. hay hậu Ph.D. (post-doctorate) chẳng hạn. Phân khoa này được gọi là “triết lý ngôn ngữ” (the philosophy of language), trong đó sự liên đới giữa luật học và văn chương (sở

trường nghiên cứu của tôi) chỉ là một phần. Thuộc về phân khoa này (cũng góp phần vào phong trào, chủ thuyết về sự tương quan giữa luật học và văn chương (law and literature, a doctrine and movement)) là môn học “hùng biện” (rhetoric), thường có ở bậc Ph.D., và rất ít người học.

Không cần thiết phải “bê” một cái bằng Ph.D. nào đó về nhà mới chấp nhận hay nhìn thấy những quan niệm mới này. Chỉ cần một cái nhìn rộng rãi, và một đầu óc biết đặt câu hỏi, trong khi vẫn kính trọng tư tưởng của mọi người thay vì đặt vấn đề sai hay đúng (independent thinking). Giá trị của giáo dục (được mô tả trên bằng cấp) chỉ là ở sự bắt buộc phải nghị luận để đi đến “independent thinking,” bỏ đi tính chân chất một chiều (literal, concrete, one-dimensional) để đi đến trừu tượng, phân tích và đa chiều (abstractionist, analytical, multi-dimensional).

V. Trở về với tác phẩm dịch thuật và lòng quan hoài đến độc giả hiếm hoi:

VB: Nếu người khác cho rằng người dịch có nhiều quyền năng sáng tạo như vậy tức là coi thường độc giả, thì cô nghĩ sao? Cô cần nói thêm gì không?

Những tư tưởng và cái nhìn rộng rãi hơn như đã nói trên, không có nghĩa là coi thường độc giả.

Trong trường hợp “Buru Thiếp Của Nam,” dịch giả dịch từ một bản thảo. Lời tôi nói với bà cũng như độc giả viết lời bàn, là bản dịch sẽ được đọc bởi một số độc giả hiếm hoi còn hiểu tiếng Việt (trong đó có cả mẹ tôi, người đã giới thiệu tôi vào thế giới văn chương ngày tôi lên 4 tuổi, từ đó tôi đã biết đọc và biết viết.) Đặc biệt cho các độc giả vừa dùng cảm quan vừa dùng trí tuệ, suy luận, trong hành trình đọc và viết.

Dịch giả, cũng như gia đình tôi, thuộc về cộng đồng nhà giáo, một nghề nghiệp được gọi là cốt lõi của văn hóa Việt Nam cổ truyền, cái mà tôi tạm gọi trong truyện ngắn “Phong Cầm” (được phổ biến khá nhiều trên mạng lưới) là vẻ đẹp của “tinh nghĩa giáo khoa thư.” Trong tinh thần ấy, tôi xin gửi đến số ít độc giả Việt Nam – những vị ân nhân đã cảm kích đến văn chương của tôi -- chút lời thân mến, trình bày, và thông cảm qua quan niệm và cái nhìn rộng rãi này.

VI. Sự ẩn náu vào nghệ thuật và việc trích dẫn nhà văn Nga Vladimir Nabokov:

VB: *Phải hỏi thêm cô một điều nữa. Tại sao trong bản chính, cô lại trích dẫn lời nhân vật có vẻ...đạo Phật, rồi lại trích dẫn Nabokov, trái ngược hẳn nhau? Nhất là cụm từ “refuge of art”?*

Theo một độc giả sau khi ghi chú về cụm từ “refuge of art,” thì “*nghệ thuật không thể chỉ là nơi trú ẩn lánh đời tiêu cực của một cá nhân. Sáng tạo của nghệ thuật luôn luôn là một dâng hiến cho tương lai.*” Tôi trích dẫn cụm từ “refuge of art” từ đoạn cuối của Nabokov trong cuốn *Lolita*, trong chiều hướng ấy. Như ông biết, cụm từ “refuge of art” ở chương cuối cùng khá thông dụng trong văn chương và đời sống văn hóa Pháp. Việc Nabokov dùng cụm từ này không có gì lạ, vì Paris là đất dung thân của rất nhiều trí thức Nga tỵ nạn, và văn hóa Pháp cũng có dấu chân rất đậm trên văn chương Nga. Nabokov có dùng ý nghĩa thông thường của cụm từ này trong văn hóa Pháp hay không là chuyện khác. Không có lý do gì bắt buộc người diễn đạt phải hiểu cụm từ này theo văn hóa Pháp.

Tuy nhiên trong việc trích dẫn của tôi, có một sự khác biệt rất lớn: ‘Refuge of art’ theo

Nabokov, và *Lolita*, chỉ là nhân chứng của một tình yêu đam mê đầy sức công phá của một nhà trí thức Âu Châu đã gạt bỏ khía cạnh đạo đức của xã hội để đi theo một tình yêu mù loà không giải thích được, một tình yêu có thể đem hại đến cho mình và cho người: tình yêu phi đạo đức.

Khi trích dẫn Nabokov để dùng cho hai nhân vật ngây thơ của tôi, Mimi và Nam, tôi muốn tạo dựng lên một môi trường khác cho sự trú ẩn vào nghệ thuật: sự thăng hoa trong kiếp người đau đớn ở hoàn cảnh bản cùng. Ở đó, Mimi đã và luôn luôn đi tới, trên con đường đi tìm Nam, con đường nàng đi tìm cái đẹp tập thể...

Cái đẹp tập thể đây phải tạo dựng trong một môi trường tranh tối tranh sáng, không có ý niệm đạo đức bất tử hay nhất quán, vì sự bản cùng của kiếp người trong môi trường đảo điên đã làm sụp đổ tất cả... Theo một độc giả khác, tôi đã phải tạo dựng một chương nói về hoàn cảnh tranh tối tranh sáng của khái niệm nguồn cội, trên đường đi tìm Nam của Mimi – cái mà tôi gọi là câu chuyện *Rashomon* của Việt Nam. Khi cái đẹp vẫn còn được Mimi theo đuổi, ý niệm đạo đức trở thành chân thiện mỹ, bất tử, vượt thời gian và không gian. Điềm này làm cụm từ “refuge of art” trong ngữ cảnh (contextual meaning) của Nam và Mimi có khái niệm đạo đức rõ ràng. Do đó, cụm từ này, dù rằng lấy từ *Lolita*, khác hẳn cái “phi đạo đức” tiêu cực của cây bút tài hoa Nabokov.

Toi muốn nói lên hy vọng của mình -- ***cái còn lại của cái đã mất*** – cái đẹp tập thể của cả một dân tộc, sau khi tất cả những xấu xa đã tự nó đẩy chết ... Trên con đường đi tìm cái đẹp tập thể ấy, Nam và Mimi đã kết hợp và kết tụ – để ẩn náu vào nghệ thuật sáng tạo sống động và tích cực, trong đó một mình Mimi sẽ tạo dựng lại cái đẹp cuối cùng, vì nàng đã có Nam làm tượng trưng cho nguồn cội và văn hóa dân tộc – cái đẹp của hy vọng không thể dập tắt

được, hy vọng vào sự trường tồn, và đạo đức tập thể mà Nabokov không màng tới.

Tại sao tôi vừa trích dẫn Nabokov rồi lại vào đề *Buru Thiếp Của Nam* bằng một vài tư tưởng đạo Phật rất thô thiển, trích từ lời của Mimi, đặt bên cạnh câu hỏi của Nabokov về thượng đế? (Xin lưu ý, sự trích dẫn này là của tôi, tác giả, chứ không phải của nhân vật). Thật ra theo tôi, câu hỏi của Nabokov *nêu lên* không tương phản với đạo Phật. Cuối cùng phải là diễn giải của độc giả hiem hơi mà thôi.

Tôi chỉ nêu thêm ở đây một vài điểm về tiểu sử rất đặc biệt của Nabokov – một cây bút tài hoa có thể viết bằng ba thứ tiếng: tiếng mẹ đẻ (Nga), tiếng Pháp (ngôn ngữ thứ hai), và tiếng Anh (ngôn ngữ thứ ba). Nabokov không có một giải thưởng gì trong thế giới văn chương, ngoại trừ một số ít tác phẩm chứa đựng văn phong tuyệt tác của ông (sau này *Lolita* được tuyển chọn làm một trong những tiểu thuyết hay nhất của thế kỷ). Vị trí người vợ của ông trong tác phẩm do ông để lại từ trước đến giờ vẫn mù mờ, khó hiểu. Nabokov đã xuất bản một “*novella*” là tiền thân của *Lolita*, vẫn trong chiều hướng “phi đạo đức,” và đây rấy tính chất tâm lý học, rất tỉ mỉ. Nabokov không hành nghề văn chương toàn thời gian. Ông là một giáo sư đại học nghiên cứu một bộ môn cũng rất tỉ mỉ đầy khoa học tính, và không dính dáng trực tiếp gì đến văn chương.

Tôi thích Nabokov ở những điểm này. Đồng thời tôi vẫn luôn băn khoăn về tính chất phi đạo đức của văn chương Nabokov, trong đó nghệ thuật vừa là phương tiện vừa là cứu cánh. Cứu cánh đó có thể trở thành vô nghĩa trong đời sống nhân sinh. Đạo Phật của nhân vật Mimi – hình ảnh con người boi lội trong bể khổ – nói lên sự vô nghĩa nào đó của kiếp người. Nhưng trong bể khổ đó, đối với tôi,

nghệ thuật không thể nào “phi đạo đức” như hành trang của Nabokov.

Tôi ngậm ngùi cho chính mình: một số ít tác phẩm của tôi do chính tôi viết lại bằng tiếng Việt có rất ít người đọc hay nhắc tới trong cộng đồng Việt Nam (hai vở kịch song ngữ, “*Khi Tư Tưởng và Hình Hài Tái Nhập*” (*When Body and Thought Reunite*) và “*Những Gì Đã Xảy Ra Cho Như Nguyện?*” (*What Has Happened to May All Your Wishes Come True?*) (Như Nguyễn đây là tên nhân vật, không phải là tôi). Đã có hai nhóm, một Việt, một Mỹ, ngỡ ý muốn dựng hai vở kịch này mà tôi thấy đều không thể được.

Những tác phẩm ít người đọc này phảng phất nỗi ưu tư về giá trị đạo đức trường cửu trong sự đi tìm cái đẹp và sáng tạo mà triết học không trả lời, ở bối cảnh di dân hoặc dựa trên tâm trạng của những người sống ngoài khuôn thước xã hội (thí dụ con ma rút ruột trong kịch bản *Body and Thought*).

Ở giai đoạn này, khi tôi muốn viết toàn thời gian (full-time), tôi có bên mình cuốn sách rất ít người đọc của Nabokov nói về một giáo sư người Nga (không phải cuốn *Lolita*), giọng hát bất tử của Maria Callas (bài Casta Diva), và tình yêu tuyệt đẹp của Nam dành cho Mimi – những đóa hoa tulips của phương Tây vẽ thô sơ trên buru thiếp, những cánh hoa Tây đã hướng về Đông, nở rộ trên những làn sóng biển cuồng nộ đã chôn chôn cây không biết bao nhiêu đồng bào bất hạnh của tôi, trong đó có cả những người đàn bà đã góp phần vào việc đem phím dương cầm, đem giọng hát soprano, và một chút chữ nghĩa vào tri thức đơn độc của tôi (chữ tôi dùng đây là *tri thức*, chứ không phải là *tri thức*.) Tôi muốn nói đến hai cô giáo cũ của tôi ở Trung Vương...

Dương Như Nguyễn

8/2009

NỖ LÒNG KẼ Ở

DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN

Miền Nam nước Mỹ nổi tiếng nắng nhiều mưa ít. Dù vào chánh mùa thu, là mùa thường có lá úa vàng bay lá tả theo gió heo may. Bầu trời âm đạm, mây tím giăng giăng hạ thấp... Sáng mưa rơi, trưa sụt sùi, chiều đổ lệ... Những ai sinh sống ở California, như là làng Yuba City nơi chúng tôi đang tạm cư, thì không làm sao hưởng được trọn vẹn cảnh thơ mộng đó của đất trời, mà từ ngàn năm trước, văn nhân, thi sĩ... đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực để ca tụng. Không biết bao nhiêu bản nhạc tình, ca ngợi mùa thu diễm lệ đã đi vào tâm hồn người mộ điệu.

Sáng hôm đó, thường lệ theo thói quen của chúng tôi. Ly cà-phê nóng còn nghi ngút khói, bên cạnh vài cái bánh ngọt, cái bánh ịch lá gai, hay đĩa xôi nhỏ... Để dẫn bụng trước khi uống cà-phê, cho cái bao tử không bị hành hạ bào lột, và khó chịu... Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy bầu trời xám đục, là đà phẳng phất, vân vê hơi sương mỏng. Cây cối khẳng khiu nghiêng nghiêng theo hướng gió. Bầy chim trời thấp thoáng, con bay cao, con xà xà rồi đáp trên mặt đất. Chúng lờn vờn chạy, nhảy kêu chim chirp tìm trái khô phía sau nhà. Dù chưa ra khỏi cửa, nhưng thấy màu trời, cảnh vật, tôi nghĩ rằng bên ngoài lạnh. Cái lạnh chòn vờn phơn phớt làm cho da thịt nổi gai nếu không mặc thêm áo ấm.

Chuông điện thoại từng chập reo vang. Tôi dở ống nghe, đầu dây bên kia một giọng Bắc trong trẻo, dễ thương của phái nữ:

- Hello, hello...
- Hello, hello... Thưa tôi muốn gặp chị DTDB.
- Dạ tôi đây, xin lỗi vị nào đó?

Giọng nói như chùng xuống:

- Tôi LP bên Pháp đây chị DB ơi.
- Dạ chào chị có khỏe không? Lâu quá mới nghe giọng nói của chị. Chị đang ở Pháp hay ở Mỹ vậy chị LP?

- Tôi đang ở Pháp. Hôm nay tôi gọi điện thoại báo tin cho chị biết là nhà văn Hồ Trường An bị Stroke hôm qua. Anh hôn mê và đang nằm ở bệnh viện. Nhờ chị gọi về Việt Nam báo tin cho bà Thụy Vũ (chị ruột của nhà văn HTA) biết. Tôi đã gọi rồi mà không được. Và xin chị đừng phổ biến tin này, vì người nhà của anh HTA rất bận rộn nên không trả lời điện thoại được...

Đó là sáng ngày 4 tháng 10 năm 2008. Tôi ngồi phịch xuống ghế, lòng bồi hồi, ngơ ngẩn, trầm ngâm! Vì tin đến quá đột ngột khiến tôi không biết phải làm gì? Tôi cảm thấy tâm hồn trống vắng, hắt hiu với "*Sanh lão bệnh tử*" của con người, không một ai có thể tránh khỏi. Chợt nghĩ đến nhà văn Xuân Vũ, Phương Triều, Nguyễn Văn Ba... đã ra đi, tôi nghe cảm giác buồn vơi vơi và bi thương cho kiếp đời ngắn ngủi, mong manh của thể nhân!

Phu quân tôi ngồi gằn đó, đi tìm số điện thoại của bà Thụy Vũ đưa cho. Tôi lật đật gọi về nhà bà mấy lần mà không thông. Tôi liền gọi điện thoại đến người bạn thân của nhà văn Văn Quang (ông VQ, bạn của bà Thụy Vũ) là ông Tạ Quang Khôi ở Washington. Nhờ ông Khôi liên lạc với ông VQ để báo tin cho bà Thụy Vũ biết. Sau những giờ chờ đợi, đến chiều tối hôm đó tôi nhận được điện thư ông Văn Quang từ Việt Nam cho biết, là đã nhờ người đi Lộc Ninh báo tin cho bà Thụy Vũ rồi.

Cả năm trước khi nhà văn Hồ Trường An lâm trọng bệnh. Nhiều lần anh gợi ý tôi đứng ra mời một số anh chị bạn văn viết chung một cuốn sách. Tác giả viết văn xuôi ở mọi thể loại: Tùy bút, tạp văn, hồi ký, truyện ngắn... **“Bắt buộc trong mỗi bài viết phải có lòng môn ăn, chớ không phải viết dạy người ta nấu ăn”** cho hơi đặc biệt một chút. Vì theo anh thấy những tập văn viết chung, chỉ viết chung chung không có gì đặc sắc đã xuất bản nhiều quá rồi. Đó là một ý kiến hay, nhưng tôi ngần ngại không muốn thực hiện. Vì tôi sợ và ngại mình không đủ khả năng, sẽ gặp nhiều phiền phức...

Tôi được quen với nhà văn HTA từ mười mấy năm trước. Do nhà văn Nguyễn Văn Ba (đồng môn và đồng điệu với tôi) lúc còn sanh thời đã giới thiệu (anh NVB đã qua đời). Văn giới trong nước trước năm 1975 và ở hải ngoại sau này. Nhắc đến nhà văn miền Nam HTA thì ai mà không biết. Ông là một trong những nhà văn có biệt tài và đa dạng. Ông nổi tiếng về các truyện đồng quê miền Nam. Nhiều độc giả có mỹ cảm trong những bài viết kể về các món ăn, đã tặng cho ông cái tên *“Bà Già Trâu”*. Nhà văn HTA có trên 50 tác phẩm đã phát hành ở nhiều thể loại: Truyện dài, ký sự, tập truyện, bút khảo, phê bình, phóng sự...

Tôi là người mới tập tành viết lách. May mắn được những bậc đàn anh, đàn chị, những bậc thầy như: Nhà văn Xuân Vũ, Hồ Trường An, Nguyễn Thị Vinh, nhà báo lão thành Mạc Kinh... chân tình chỉ bảo, đôn đốc, khuyến khích trên lãnh vực viết văn. Có lẽ làm thơ thì dễ cho tôi hơn. Bởi sau 6 thi tập đã phát hành năm 1991, tôi mới cho in cuốn truyện dài đầu tay *“Chân Trời Hạnh Phúc”* vào năm 2001.

Nhà văn Hồ Trường An còn giới thiệu cho tôi một số bạn văn anh quen biết, một số báo chí anh cộng tác. Anh viết lời giới thiệu, lời tựa, lời bạt cho một số thi tập, và một số

truyện dài của tôi. Anh viết về văn phong tôi trong những cuốn bút khảo, phê bình... cùng với những nhà thơ, nhà văn Xuân Vũ, Phạm Thăng, Vi Khuê, Song Thi, Phương Triều, Hải Bằng, Tiểu Thu, Anh Vân, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Bình&Huyền, Vũ Nam... Có những thi tập, những tập truyện anh HTA viết chung với những nhà văn, nhà thơ khác và tôi...

Vì tâm chân tình của *“Người đi trước rước người đi sau”* đó. Nên khi nghe anh HTA bệnh, tôi quyết định thực hiện tập truyện **“MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN”** với khả năng của mình.

Tôi vội lôi computer ra tìm lại bài *anh HTA đã gửi cho tôi đôi ngày* trước khi anh ngã bệnh. Tìm bài lại được, nhưng tôi không lấy ra được vì “phong” chữ của máy tôi và của anh khác nhau. Tôi lật đật gửi bài của anh HTA nhờ đồng tác giả Bình&Huyền (ở Pháp) giúp đổi dùm ra phong chữ của tôi. Cũng bắt đầu từ đó, tôi gọi điện thoại mời những người quen biết...

Sư tử Tiểu Thu của tôi hứa viết bài mà không biết đầu mắt tiêu? Mấy chục cái điện thư tôi gửi đi cũng không trả lời. Tôi đành phải tốn “tí” tiền gọi qua Canada tìm nàng. Mèn ơi, thì ra sư tử và tử phụ đang du lịch ở cách xa tôi mấy đại dương... hơn nửa vòng trái đất.

Thực hiện một tập sách viết chung nhiều tác giả. Với tôi quả thiệt là hết sức phức tạp, bẽ bộn và khó khăn (vì tôi không chuyên môn). Nhưng rồi cũng xong, tác phẩm **“MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN”** ra đời với sự góp mặt của 13 tác giả: *Hồ Trường An, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Tiểu Thu, Thái Quốc Mưu, Phong Thu (NP Ngọc An mời), Phan Nguyễn Ngọc An, Duy An Đông, Hoa Hương Dương, Tôn Nữ Mặc Giao, Lê Nguyễn, Cao Thanh Tâm, Vũ Nam, Dư Thị Diễm Buồn*. Mỗi tác giả được chia đều 38 cuốn, và tiền in ấn là 140\$ (đô-la).

Tác phẩm “*MÓN ĂN THEO BƯỚC ĐI TÀN*” đối với những người văn hay chữ tốt thì bình thường. “**Nhưng với tôi, thật trân quý vô cùng!**” Cho dù hình thức (nếu có) ẻo uột, không vừa ý một vài cá nhân đi nữa. Nhưng những bài viết của mỗi tác giả không phải là tiếng lòng, là tình cảm... của các bạn đã cùng tôi thai nghén, góp sức đề tập sách “MATBDT” được ra đời sao! “*Sống trên đời cần phải có tấm lòng, dù bị gió cuốn đi!*”

Ngay từ lúc sách chưa hình thành để gửi đi in là tôi đã mời và rủ rê các tác giả góp mặt trong quyển sách đi Paris một chuyến. Mà chị Ngọc Dung là người thường xuyên góp ý cho chuyến đi xa sắp tới của chúng tôi. Mục đích của một số chúng tôi là thăm nhà văn HTA bệnh. Và một số anh chị chưa quen anh HTA thì nhân dịp này đi nghỉ hè, thăm thân nhân, hay đi viếng thăm di tích lịch sử của Pháp. “Xin quý vị vào ngày 4 tháng 10 năm 2009 (Đúng 1 năm, ngày tôi hay tin anh HTA bệnh) chỉ cần có mặt tại địa điểm buổi họp mặt đúng giờ là được rồi. *Và chuyến đi Paris lần này chúng ta hoàn toàn tự túc*”. Tôi cũng gọi điện thoại nhờ anh Thành (phụ quân chị Tiểu Thu) hôm đó đem đồ nghề theo để quay và làm DVD buổi họp mặt dùm, cho đỡ phần tốn kém chung (thiệt là kẹo!). Ma-đam Tiểu Thu nghe cười ngất ngất, trả lời: “Xin tuân lệnh... Để tui nhắc ông nghen bò tèo...”

Chuẩn bị cho lần đi xa này, từ nửa năm trước chúng tôi có nhờ anh Huỳnh Tâm (bạn anh HTA) cùng một số anh chị văn nghệ sĩ có lòng bên Paris tổ chức cho một buổi họp mặt. (Ý này là do Chủ Nhiệm Tam nguyệt san Cỏ Thơm chị Ngọc Dung đã nhắc tôi). Đồng thời trong buổi họp mặt sẽ giới thiệu tập truyện viết chung “*MÓN ĂN THEO BƯỚC ĐI TÀN*” với tình Văn nghệ sĩ Paris tiếp đón người phương xa.

Suốt thời gian hơn 3 tháng, gần như hai ba lần trong tuần, tôi và anh Huỳnh Tâm đều điện đàm đề bàn về những ngày chúng tôi đến Paris. “*Vạn sự khởi đầu nan*” anh Huỳnh Tâm rất nhiệt tình và cực nhiều lắm. Nhưng sau đó có nhiều lý do tế nhị, anh đã từ chối!

Tôi và chị Dung lo lắng. Bởi những người chúng tôi mời, có vị trả lời đã sẵn sàng đề lên đường... Còn địa điểm phòng họp mặt, tôi cũng đã nhờ người bên đó mượn và đặt tiền cọc rồi.

Vì có lòng với Văn học nghệ thuật, vì tình Văn nghệ, vì mối cảm tình với những anh chị văn nghệ sĩ sắp đến Paris, và vì nhà văn Hồ Trường An... Nhà thơ Đỗ Bình nhận đứng ra tổ chức buổi họp mặt, hướng dẫn du ngoạn... trong những ngày chúng tôi đến Paris.

Như người chụp được phao khi bị té xuống nước. Tin này đến tôi và chị Ngọc Dung vui mừng và hết sức an tâm. Còn anh Đỗ Bình thì từ đó vất vả trăm chiều! Vì anh đã lãnh một nhiệm vụ thật nặng nề (trong lúc anh đang bị bệnh). Bởi buổi tổ chức Văn học nghệ thuật nào cũng rất nhọc nhằn mà người tổ chức phải bốn ba, phải linh hoạt, phải có uy tín, phải hết sức tế nhị trong việc giao tế về phần đối ngoại (Những người ở xa đến tất cả mọi việc xe cộ đón, đưa ở phi trường, khách sạn, ăn uống, du ngoạn...) Cũng như đối nội (ở địa phương những Văn nghệ sĩ chọn lọc để mời...) Phần trang trí, thư mời, thông tin báo chí, các đài phát thanh, sắp xếp chương trình, mời diễn giả, người phụ diễn văn nghệ... để họp và đúng nghĩa với buổi tổ chức. Còn bao nhiêu thứ việc linh tinh khác phải mất rất nhiều thời gian, rất nhiều công sức và phải có nhiều nhân sự... Trong khi thời gian ngày họp mặt kề cận, tính ra chưa đầy 3 tháng.

Chúng tôi sẽ có 9 anh chị trong 13 tác giả góp mặt trong tập sách “MATBDT” đến Paris, gồm có: *Hồ Trường An (Pháp)*. Ở Mỹ có

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phong Thu, Nguyễn Phan Ngọc An, Tôn Nữ Mặc Giao, Duy An Đông, Dư Thị Diễm Buồn. Ở Đức có Vũ Nam, và Tiểu Thu ở Canada. Có 2 vị khách, không góp mặt trong tập sách, tôi mời đến tham dự đó là cô Hồng Phúc (Hoa Kỳ). Chủ nhiệm kiêm chủ Nguyệt san Diễn Đàn Việt Nam (đã hiện hữu ở Đức gần 30 năm và đang hoạt động). Nhà báo Phạm Văn Kiểm vượt đường xa từ Đức đến Paris (lái xe hơn 750 cây số). Nhưng anh chỉ ở lại một ngày thì trở về Đức (... vì tai nạn xe).

Khi anh Đỗ Bình nhận lời đứng ra tổ chức, thì tất cả quý anh chị tôi mời đều chuyển qua trực tiếp liên lạc và ghi tên thẳng với anh Đỗ Bình. Để anh và ban tổ chức tiện dịp sắp xếp mọi thứ về: ăn, ở, xe cộ, đón đưa... Riêng chị Tôn Nữ Mặc Giao (phần khách sạn) sẽ ở chung phòng với tôi. Nhưng tôi đã đặt sai khách sạn (không cùng chung khách sạn những người ở xa đến). Sau đó cũng nhờ ban tổ chức sắp xếp, chị ở cùng phòng với các chị đồng hành.

Anh chị Đỗ Bình, cùng ban tổ chức đã hết lòng hết dạ, nồng hậu tiếp đón và giúp đỡ trong mọi việc những anh chị Văn nghệ sĩ (có người anh chị chưa quen) từ phương xa đến Paris vào ngày 29, tháng 9 đến ngày 5 tháng 10 năm 2009 (có số người ở lại nhiều ngày hơn). Quý anh chị đến Paris lần này có những ngày du ngoạn thật vui vẻ. Một buổi họp mặt Văn học nghệ thuật “*THU TAO NGỘ*” được tổ chức hết sức trang trọng và thành công tiếng tăm vang xa ngoài sự mong muốn. Đó cũng là nhờ lòng nhiệt thành và uy tín của anh chị Đỗ Bình cùng ban tổ chức. Nhứt là mời được quý nhà

văn, nhà thơ, nhạc sĩ... có tầm vóc, đã nổi tiếng từ trong nước trước năm 1975 và ở hải ngoại đến tham dự.

Đã chuẩn bị chuyến đi Paris cả năm trước. Và chính tôi là người phát động, khởi xướng mời quý anh chị (tác giả góp mặt trong MATBDT) cùng một số anh chị văn nghệ sĩ khác từ phương xa đến Paris. Nhưng đến ngày ra phi trường đi Paris thì tôi phải hủy bỏ chuyến đi lần này. **“Vi trường hợp bất khả lực! Phu quân tôi trở bệnh!”**

Buổi tổ chức nào cũng có bề trái của nó! Tôi không đi kèm cùng đi Paris dự “*Thu Tao Ngộ*” với quý anh chị. Đó là một điều làm tôi hối tiếc! Nhưng những gì làm được tôi đã dùng hết khả năng.

Riêng quý anh chị đi Paris thì có được những ngày du ngoạn vui vẻ. Một số anh chị được cô Ngành (ngoài ban tổ chức) hướng dẫn đến Troyes thăm nhà văn Hồ Trương An. Những ngày ở Paris quý anh chị quen thêm được nhiều văn nhân nghệ sĩ, mở rộng thêm tầm mắt trước một thành phố Paris đài trang, cổ kính... Và nhứt là buổi họp mặt Văn học nghệ thuật “*Thu Tao Ngộ*” được thành công mỹ mãn. Nên chuyến đi Paris trở về nhiều người được vui vẻ, hạnh phúc...

Mong rằng âm hưởng “*Thu Tao Ngộ*” vẫn còn tiếng vang đẹp mãi trong lòng người đến Paris.

California, Mùa Tạ Ôn 2009
Tê xá Diễm Diễm Khánh An

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

QUÀ CẤP

Nguyễn-Phú-Long

Bà ơi! Cháu rấUUt yêu bà
Đi đâu bà cũng mua quà về cho...

Trên đây là hai câu thơ của một bài học thuộc lòng trong sách giáo khoa cấp tiểu học, phổ biến rất sâu rộng, hầu hết mọi người đều biết, lâu lắm rồi, mô tả tâm trạng em bé có bà nội, bà ngoại đi đâu, lúc trở về, cũng không quên mua đồng kẹo bột, cái bánh đa, hay mấy quả ổi,quả mận, để vừa bước qua ngưỡng cửa , đã cố đứng cho thẳng cái lưng còng, với lòng sung sướng, vừa cười vừa đưa cho cháu nhỏ, cho cháu nó mừng, nó yêu.

Đó là hình ảnh quen thuộc nơi khung cảnh nhà quê quê nhà, ở đấy trẻ em ít khi biết đến và mơ tưởng các thức bánh trái ngon lành, đất tiền nơi tỉnh thành, nên quà chỉ là mấy trái chuối củ khoai, cái bánh bò, bình dân, ăn chơi chơi ngoài bữa cơm, có thì làm liền, không có thì thôi, chẳng sao, vậy mà mỗi lần đang mải mê nô đùa cùng bạn hữu trước ngõ, bỗng cảm thấy một bàn tay quen thuộc nhẹ nhàng đặt lên vai, bàn tay da đã nhăn nheo vì tuổi tác, bàn tay già nua mà mềm mại, bọn trẻ chột ngược nhìn lên, lập tức biểu lộ ánh mắt reo vui: “Cháu rất yêu bà, bà ơi!”

Chẳng những bà cháu trong gia đình, không phải chỉ ngày xưa mới thế, như một tập tục phổ biến, tới bây giờ ai nấy đều biết, mọi người thân thuộc, bằng hữu, gần xa đối với nhau, tùy theo tuổi tác, tùy theo hoàn cảnh, thường thù tạc tương tự mỗi lúc đến thăm nhau, mỗi lần đi xa về hoặc ngay cả khi không gặp mà nhớ thương nhau cũng vậy.

Cũng vậy, nhằm mục đích biểu lộ tình thân thiết, vào mấy dịp có tin mừng, lễ hội trọng đại, như là thi đậu, Tết Nguyên Đán, Giáng

Sinh, đám cưới... chúng ta tặng quà qua lại cho thêm gần gũi, vui vẻ, tương xứng.

Được tin ngày mai có bạn cũ từ Huế đáp xe lửa vào chơi phải không? “Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ!”. Ôi chào là vui, cũng lâu lắm chừ mới gặp, và còn vui hơn nữa, không chờ đợi, nhưng thật bất ngờ, ngay tại sân ga, khi mới nhìn thấy cố nhân, thấy ngay mấy chiếc nón bài thơ mỏng mảnh dễ thương làm sao, sau đó, về nhà, khách lại còn mở túi hành lý để trình trọng lên bàn vài hộp mè xừng, chưa ăn đã cảm được cái vị thơm phức, ngọt lừ... Bạn phương xa tới lễ mễ, ôm đồm vài món sản phẩm địa phương làm quà, nghe gia chủ hân hoan khách sáo trách yêu: “bày vẽ quá”, mà bụng dạ hài lòng, thoải mái, hết cả nỗi mệt nhọc, bụi bặm đường dài.

Ở Hà-Nội có món cốm làng Vòng thơm ngon nổi tiếng, thật là đặc biệt, năm nào, cứ vào dịp tết Trung Thu, khoảng tháng 8 âm lịch, thím Giáo bán vài ngoài chợ Đồng-Xuân cũng nhớ gửi máy bay vô Sài Gòn vài cân, ủ trong lá sen, gói ghém cẩn thận cho ông anh ruột, dân di cư từ 1954, thường thức. Ông anh cư ngụ tại Sài-Gòn đã mấy chục năm với nhà cửa, công việc, con cái...như gốc cây cổ thụ, chả muốn nhỏ rễ trở về, ở đâu âu đó, ở đâu thì cũng là quê hương. Song có những món đặc sản quê hương thì chẳng bao giờ quên được.

Còn cái chuyện người bốn phương bây giờ, mỗi lần về thăm cố quận, khi đi thân thuộc ngóng chờ, lúc về gia đình bè bạn mong đợi khiến cho hành lý qua lại bên ni bên tê, ôm đồm, cồng kềnh như kẻ buôn bán hàng xách, chắc chẳng nói ai cũng rõ.

Huế có nón bài thơ, mè xừng, Hà-Nội có cốm Vòng...những món riêng, thổ ngại nổi tiếng thật quý để làm quà khi di chuyển từ nơi nọ sang nơi kia, nay giả dụ từ bờ Thái-Bình-Dương làm một chuyến đông du tới gần tượng Nữ Thần Tự Do cách xa cả mấy múi giờ hoặc là bất cứ từ đâu tới đâu, Đông,Tây,

Nam, Bắc... thật là lúng túng, chẳng biết kèm theo hành trang ta sẽ mang thứ gì để làm quà cho người sẽ gặp. Đường xá tốt, phương tiện di chuyển nhanh. Ở đâu cũng đầy đủ thượng vàng hạ cám. Phải chăng vì thế mà dân Âu Mỹ đi đâu không thấy họ đặt vấn đề quà cáp, gặp nhau thăm hỏi chuyện trò, kéo nhau đi ăn nhậu rồi có thể sau đó họ còn lấy khách sạn để ở chứ chẳng muốn phiền phức.

Hành sự như thế cả chủ và khách đều thoải mái, không phải bận tâm lo cho nhau, nhưng quả thực, làm vậy, nó thiếu cái tình gần gũi “đêm nằm năm ở”, thiếu cái nợ nần ân nghĩa, qua lại, khiến cho hai bên như còn một khoảng cách, mà phần lớn dân Việt Nam chưa chấp nhận được. Bạn bè từ xa tới thăm ư? Bỏn phận của bạn là phải mang theo bàn chải đánh răng, pyjamas đương nhiên đến ăn ở tại nhà tôi bất kể bạn giàu hoặc nghèo, và đấy cũng là nhiệm vụ của tôi bất kể tôi nghèo hoặc giàu, nếu không thì làm sao còn nhìn mặt nhau nữa.

Phần nhiều trong chúng ta chẳng chấp nhận sự sòng phẳng quá Âu Tây như vừa kể, mà đôi khi có cơ hội mình còn tạo dịp để hai bên thêm gần gũi nhau hơn. Một lần cùng đứng bên “dậu mỏng tơ” nói chuyện nắng mưa, tôi móc bóp trả ông bạn hàng xóm mấy chục mượn bữa trước, khi dắt nhau đi phố. Bà mẹ các con tôi cần nhần, thiếu tiền thì đừng mua sắm, sao lại vay mượn cho phiền phức! Phiền phức chi đâu! Tôi không đồng ý. Tôi có thể trả check, trả bằng credit card, hoặc là chẳng mua bán, nhưng tôi muốn nhân tiện được “ốp-phơ” thì cứ tự nhiên chìa tay cầm đỡ, có qua có lại, hàng xóm, tối lửa tắt đèn, nhằm nhò gì, giữ kẽ là “bé môn tỏa căng”, người ta khi cần cũng cố gắng tự túc, chẳng dám đề nghị với mình điều gì.

Ý nghĩa của quà cáp thực đẹp, nhưng đôi khi cũng bị lạm dụng để mưu cầu lợi danh, theo nguyên tắc “ông mất cái giò, bà thò chai rượu.” thường là giữa cấp dưới đối với quan

trên, mục đích của nó, trường hợp này chẳng đẹp chút nào, kể cho hẳn biết, người nhận hiểu rành, xin miễn nói tới cận kề, chỉ kể sơ qua một đoạn trong sách Cổ-Học-Tinh-Hoa, tóm tắt đại ý, có gã thuyền chài hý hửng đem biếu quan lớn sở tại, con cá chép tươi rói, mới lưới được từ dưới sông, nhưng quan không nhận, làm hẳn buồn bã tiu nghỉu xách cá cáo lui.

Bà lớn ngồi trong rèm thấy vậy, chẳng biết vì tiếc rẻ hay thương kẻ dân đen, hỏi, quan rất thích ăn cá, nhất là cá chép, loài cá ông Táo dùng cưỡi lên trời dịp cuối năm, cá này ít xương, thịt trắng, thơm, chiền ròn thật ngon mà nấu canh chua làm bồi đưa cay thì càng tuyệt, vậy sao có người mang cho lại từ chối? Quan thông thả vuốt râu trả lời, cũng vì rất thích ăn cá, còn muốn tiếp tục có cá mà ăn nên phải từ chối. Chuyện này rất thâm thúy, chẳng những thực tế, bảo vệ nồi cơm National cho gia đình mà còn nêu gương lành mạnh, đạo đức, có giá trị như một bài học, đáng suy nghĩ nhất là đối với các vị ăn trên ngồi chốc.

Quà cáp nói chung là vật tặng biếu để tỏ lòng quan tâm quý mến. Đôi khi nó rất nhỏ, rất tầm thường như củ khoai, khúc sắn, đôi khi nó rất lớn và hiếm quý như vàng bạc, hột soàn, xe hơi, nhà lầu, nó là vật chất mà ta thường thấy, song nó cũng là tinh thần như tặng nhau một bài thơ, bức vẽ, cánh hoa ép vào cuốn vở học trò, nhưng chẳng hiểu nó có thể là... quà vợ! Trong câu “cơm nhà quà vợ!” chẳng?

Cho là nhận. Cho cái vật chất để nhận cái tinh thần, giữa một bên là vật chất, một bên là tinh thần khó so sánh, và có lẽ, đôi khi, những gì nhận lại còn lớn hơn là phần cho.

Chữ “quà” thì dễ hiểu rồi, một mình chữ quà cũng đủ rồi, nhưng sao lại thêm chữ cáp, chữ “cáp” nghĩa ra sao, thú thực cũng hơi lúng túng! Tại sao nó lại đi kèm chữ quà! Tầm nguyên tiếng Việt thật khó. Nhân dịp này, nên tìm học rõ ràng. “Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.”. Bèn gõ cửa bằng hữu, vài người

THU NƠI TÁCH TRÀ

Bài mới nhất cho nhân vật ANH
CMN

Rút cuộc rồi cũng lọc được mảnh cặn trà
Đã lẫn vào tách nước trong veo
Mùa thu lãng đãng nhìn theo
Sắc nước trà vàng như màu lá trúc
Cả một vườn xào xạc gió khốc
Suốt đời này bước qua kiếp khác

Rút cuộc rồi anh rời xa trước
Tách nước trà sớm đó chưa pha xong
Anh âm thầm từ khước
Lọc làm chi những cặn trà quen thuộc
Lỡ vẫn đục cuộc sống mình
Thật là phiền bực

Sáng hôm nay
Lại cả một vườn xào xạc gió thốc
Lá bay từng loạt về xa
Nhưng, lòng em bỗng nở hoa

Hawthorne 27.9.2009

CAO MỸ NHÂN

còn coi trọng, giữ gìn, nếp sống, tư tưởng chưa xa hẳn với thời buổi cũ, ấy thế mà cũng sau mấy bữa đợi chờ ngong ngóng mới có tiếng chuông điện thoại âm của bạn già Trần-Quốc-Bảo, ông cựu chủ tịch Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ này tính cẩn thận, rào trước đón sau, đối với anh em lúc nào cũng trân trọng, ông cho biết, với sự dè dặt là chữ cấp nguyên thủy có thể là cấp, như cấp bổng,

cấp dưỡng... Rồi về sau người ta đọc trại ra là cấp. Quà và cấp là hai sự việc rất giống nhau, rất gần nhau nên thường đi liền nhau như ăn uống, chợ búa... nghe cũng có lý.

Trong lịch sử văn học Việt-Nam có lẽ thi sĩ Tân Đà là người nhận được nhiều quà hơn ai hết, quà có thể là tiền (Năm 1927 ông Diệp Văn Kỳ ở Sài-Gòn cho một ngàn “muốn làm gì tùy ý”) Có thể là bao phí tổn cho một cuộc rong chơi (Ông chủ nhà in Đắc-Lập Bùi Huy Tín mời vào Huế du Xuân Tân-Dậu.) nhưng phần lớn là mấy món ăn ngon mà Tân-Đà ưa chuộng, hào hứng, luôn luôn khen ngợi, tấm tắc khi được mời thưởng thức “ Tối hôm trước cỗ lòng, sáng hôm sau cỗ thịt, ở châu Thanh-Sơn, hai bữa cỗ thật có giá trị.” Thi sĩ thờ chủ nghĩa khoái lạc, chữ của Vũ-Ngọc-Phan, còn kể lể nhiều hơn nữa trong bài “Thú Ăn Chơi”, chẳng hạn: “Tàu qua cửa bể Tourane, người ta đem những rọ hà lên bán thật tươi ngon”. Có người biết vậy bèn đem cho hà, và sau đó ông làm mấy câu thơ cảm ơn nhan đề: Cảm Ơn Người Cho Hà.

Đương trưa bữa rượu nhà nho
Có anh cầm giấy đem cho rọ hà.
(trích trong Tân-Đà Vận Văn.)

Tại sao Tân-Đà nhận được nhiều quà như thế? Tân-Đà không làm quan để cho mấy người như gã thuyền chài o bế mưu cầu này nọ. Cũng chẳng giàu sang khiến kẻ khác mong nhờ vả mượn vay. Vậy thì tôi xin tạm chấp nhận là vì ông đáng yêu! Yêu gì? Yêu tài, như chính Tân-Đà đã giải thích:

Cảm ơn hai chữ “Yêu tài”,
Con đường thiên lý còn dài tắc son.
Tân-Đà, Chơi Huế.

Quý vị hảo tâm “yêu tài” hẳn không bao giờ chờ đợi sự đáp lễ. Còn Tân-Đà được quà thì với cuộc sống nghèo rớt, chỉ biết cảm ơn xuống thôi chứ cũng chẳng làm gì hơn được, ngoại trừ

trường hợp liên hệ với nữ sĩ Song-Khê trong chuyện “Rau sắng chùa Hương” sau đây:

Tháng 3 hàng năm là thời gian chùa Hương mở hội, người từ mọi nơi, thiện nam tín nữ, ông già bà lão, tham dự như nước chảy, đông thật là đông, dịp này thi sĩ Tản-Đà nhớ tới món rau sắng, một thổ sản ở chùa Hương, nấu canh ăn rất ngon, muốn ăn mà ngại đường xa tốn tiền đò, đành ở nhà dùng dưa khú, cà thơm, mới tâm sự qua mấy câu thơ thả trên một tờ báo như sau:

Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đò ngại tốn con đường ngại xa.
Người đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khú cái cà thời thơm.

Sau đó câu chuyện còn tiếp tục. Nơi cuốn “Truyện Thế Gian” của Tản-Đà, tác giả kể rằng:

“Khoảng tháng 3 năm nay, tôi có tiếp được một gói gửi nhà giầy thép cho, ngoài bọc giấy, trong là rau sắng.”

“Không thấy có đề tên người gửi, xem dấu nhà giầy thép, chỉ biết là từ Phủ-Lý gửi lên. Lại cài phong thư cùng tiếp nhận mở xem chỉ thấy ở mảnh giấy có mấy câu lục bát, tức là lời gửi rau sắng; trên không đề là ở đâu gửi đến, đi vào ngày hôm nào, dưới ký tên như một người đàn bà con gái.”

“Lạ thay! Không biết ai! Nhưng hẳn là “một người tình nhân không quen biết.” đây. Nay đã không biết trả lời về đâu mà cảm ơn, vậy nhân “Truyện Thế Gian.” Kính xin nói mấy lời cảm tạ dưới bức ngọc thư của ai và xin lục y nguyên văn.”

Nguyễn Tiên sinh nhã giám,
Kính dâng rau sắng chùa Hương,
Đỡ ai tiền tốn, con đường đỡ xa.
Không đi thời gửi lại nhà,
Thay cho dưa khú cùng là cà thơm.
Đỗ Tang Nữ bái tặng.

“Gửi lại nhà” có lẽ gói rau sắng đã được gửi tới Tản-Đà Tu Thư Điểm ở Hàng Gai Hà-Nội, nơi ông đang hoạt động lúc bấy giờ, chứ hai

người chưa quen biết nhau, sao có địa chỉ nhà riêng được.

Đoạn văn trên trích từ cuốn Tản-Đà Văn Vãn do người anh ruột của tác giả là ông Nguyễn-Mạnh-Bồng, chủ nhân nhà xuất bản Hương Sơn ấn hành.(theo sách này thì về sau thi sĩ Tản-Đà cũng biết người gửi rau sắng là Song-Khê) Và tiếp theo, nơi sách đã dẫn, ngay đó còn có “Mấy lời cảm tạ”.

Mấy lời cảm tạ tri âm,
Đồng ban là nghĩa, đồng tâm là tình.
Đường xa rau vẫn còn xanh,
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào.
Yêu nhau xa cách càng yêu,
Dẫu rằng xuống nhạt càng nhiều chứa chan.
Nước non khuất nẻo ngư nhân,
Tạ lòng xin mượn “Thế Gian” đưa tình.
Nguyễn-Khắc-Hiếu bái phục.

Câu chuyện “Rau sắng chùa Hương” tới đây cũng chưa chấm dứt, theo cuốn Việt-Nam Tinh-Hoa của Hương Giang Thái Văn Kiểm thì cho đến năm năm sau, năm 1928, Tản-Đà đã được một văn hữu đưa đến thăm Song Khê, chuyện trò khoảng nửa giờ ở Kiến-An, cử chỉ này như muốn chứng tỏ câu “Miếng ngon nhớ lâu”, thêm một lần cảm ơn, đáp lễ gói rau sắng xa xưa... nhưng không đề cập tới chuyện cũ, cũng chẳng hề giới thiệu để mãi sau này nữ sĩ mới hay.

Tản-Đà được Song Khê gửi biếu rau sắng mà không biết ai. Song Khê có quý khách đến thăm cũng chẳng rõ đó là Tản-Đà. Cổ nhân ta trước kia tuy nghiêm túc, trang nhã, trịnh trọng mà đôi lúc cũng hay bày trò ú tim, ỡm ờ, dí dỏm.

Cái dí dỏm này của Tản-Đà nhiều phần làm nữ sĩ Song-Khê sau đó sẽ còn hân hoan, ghi nhớ, trân trọng... lâu dài.

Nguyễn-Phú-Long
(Virginia)

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA ĐAO

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ III

BỔN PHẬN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA TRONG GIA ĐÌNH

. Bổn phận đối với gia đình nhà chồng.

Sau đêm tân hôn ân ái mặn nồng, chàng trai biết mình phải làm gì:

Dạy con từ thuở còn thơ

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.

Chàng rất mực khôn khéo, chàng hiểu rõ tâm lý đàn bà:

Chim khôn chết mệt vì mồi

Người khôn chết mệt vì lời nhỏ to.

Chàng đã nhỏ to với cô vợ mới cưới những gì?

Mẹ già khó lắm em ơi!

Nhịn ăn nhịn mặc nhịn lời mẹ cha

Nhịn cho nên cửa nên nhà

Nên kèo nên cột nên xà tấm vông.

Nhịn cho nên vợ nên chồng

Thì em coi sóc lấy trong cửa nhà.

Và:

Liệu mà thờ kính mẹ cha

Đừng tiếng nặng nhẹ người ta chê cười.

Được vuốt ve tự ái, được khích lệ bởi tình yêu thương, người thiếu phụ nhất định sẽ đủ sức chịu đựng mà vượt qua mọi khó khăn trong cảnh làm dâu, thực hiện được trọn vẹn bổn

phận của người đàn bà, “Có chồng phải gánh giang san nhà chồng”. Ngoài bổn phận thay chồng phụng dưỡng cha mẹ chồng:

Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi

Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.

Mẹ già là mẹ già anh

Em vô bảo dưỡng cá canh cho thường.

Nàng còn phải có ý tứ, giữ gìn từng lời ăn tiếng nói với mọi người xung quanh:

Làm dâu khổ lắm ai ơi

Vui chẳng dám cười, buồn chẳng dám than.

Phải thức khuya dậy sớm coi sóc việc nhà:

Năm canh thì ngủ lấy ba

Hai canh coi sóc cửa nhà làm ăn.

Nếu may mắn gặp được cha mẹ chồng là người hiền đức, biết điều, thấy nàng dâu đảm đang, nét na thì cũng yêu vì:

Hoa thơm ai chẳng muốn đeo

Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

Và:

Hoa thơm ai chẳng nâng niu

Người khôn ai chẳng mến yêu mọi bề.

Hơn thế, nàng còn được cả họ hàng quý mến:

Hạt lúa vàng, hạt thóc cũng vàng

Anh yêu em, bác mẹ họ hàng cũng yêu.

Thì nàng sẽ được sống những ngày êm đềm, hạnh phúc trong gia đình nhà chồng. Trong trường hợp này, ta sẽ không ngạc nhiên khi

thấy nàng dâu đã tìm thấy ở người mẹ chồng
hiền đức bao dung đó, một hương vị ngọt ngào
đậm đà của tình mẫu tử :

Mẹ già như chuối ba hương

Như com nếp một như đường mía lau.

Chăm sóc hầu hạ cha mẹ chồng, nàng lại
chạnh nghĩ đến cha mẹ mình:

Vắng nghe chim vịt kêu chiều

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.

Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.

Nhiều khi nhớ quá, nàng chẳng thiết ăn uống:

Gió đưa cây cửu lý hương

Từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn.

Sầu riêng com chẳng muốn ăn

Đã bụng lấy bát lại dần xuống mâm.

Từ ngày lấy chồng xa xứ, có muốn thăm hỏi
cha mẹ cũng rất khó khăn. Nàng thương cha
mẹ nàng đã không được hưởng cái hạnh phúc
có con gái lấy chồng gần :

Có con mà gả chồng gần

Có bát canh cần nó cũng đem cho.

Hay :

Có con mà gả chồng gần

Nửa đêm đốt đuốc đem phần cho cha.

Để tỏ lòng báo đáp trong muôn một, mỗi khi
nghe tin ai sắp về quê mẹ , nàng vội vàng gửi
gắm chút quà với tất cả tấm lòng hiếu kính ,xót
xa :

Ai về tôi gửi buồng cau

Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

Ai về tôi gửi đôi giấy

Phòng khi mưa nắng để thầy mẹ đi.

. BỔN PHẬN ĐỐI VỚI CON, THIÊN CHỨC LÀM MẸ.

Ngoài bổn phận đối với gia đình nhà chồng,
người phụ nữ còn có bổn phận đối với con, nói
khác đi, là bổn phận làm mẹ, một thiên chức
thiêng liêng của người phụ nữ. Từ khi con mới
là thai nhi trong bụng, cho đến lúc sinh ra đời,
nàng đã chịu bao nỗi vất vả :

Con mẹ có thương mẹ thay

Chín tháng mười ngày, mang nặng đẻ đau.

Thuở con còn tấm bé, nàng phải thức khuya
dậy sớm, chăm sóc cho con từng miếng ăn,
giấc ngủ :

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ

Năm canh chày thức đủ năm canh.

Nàng sung sướng theo dõi từng phát triển lớn
khôn của con thơ :

Con ăn, con bú, con nô

Con lẫy, con bò, con chững, con đi

Biết bao bú mớm bù trì.

Gặp cảnh nhà nghèo, mưa dột, nàng vội
nhường chỗ nằm khô ráo cho con :

Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn.

Nếu bị chồng phụ bạc, bỏ bê gia đình, nàng
một mình vất vả nuôi con. Thân nàng chẳng
quản, chỉ thương con phải chịu thiếu thốn :

Nước non lận đận một mình

Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.

Ai làm cho bể kia đầy

Cho ao kia cạn cho gầy cò con.

Trong trường hợp người chồng chẳng may mất
sớm, nàng phải làm ăn cơ cực, không chỉ ban
ngày, mà đôi khi lận lộn cả đêm khuya mới

mong kiếm đủ tiền nuôi bầy con dại. Lại khi
xảy bước sa chân vào đường tù tội; nàng sẵn
sàng chịu mọi hình phạt, miễn sao vẫn giữ
được tiết sạch giá trong để bảo vệ đời sống tinh
thần cho các con :

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.

Ông ơi ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

Người mẹ thương con đến thế làm sao nỡ bỏ
con một mình để bước đi bước nữa ?

Trời mưa bong bóng bập bồng

Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai ?

Điều đó cho thấy, nàng không bước đi bước
nữa, không phải vì cái danh hã “Tiết hạnh khả
phong”, mà chính vì lòng thương con vô bờ, vô
bên của người mẹ. Lại những khi con đau ốm
hay gặp hoạn nạn thì lòng mẹ như nát, như tan :

Con chim trên rừng kêu thánh tha thánh thót

Mẹ thương con cắt ruột xé hai.

Rồi với thời gian, con càng khôn lớn, bổn phận
của mẹ càng khó khăn :

Miệng ru mắt nhỏ hai hàng

Nuôi con càng lớn mẹ càng thêm lo.

Vì sao? Vì nàng biết, ngoài sự chăm sóc thương
yêu, bây giờ nàng còn có trách nhiệm giáo dục
trẻ thơ cho nên người hữu dụng. Nàng muốn các
con nghe nàng, không chỉ bằng trái tim thương
yêu mà bằng cả lý trí xét đoán phải trái:

Con ơi muốn nên thân người

“Lắng tai” nghe lấy những lời mẹ cha.

Đối với con gái, nàng dạy dỗ rất kỹ về nữ công
nữ hạnh, sửa soạn cho con trở thành người phụ
nữ hoàn toàn sau này :

Gái thì giữ việc trong nhà

Khi vào canh cử khi ra thêu thùa

Ngoài ra , con gái còn cần phải biết :

Học buôn học bán cho tay người ta.

Con đừng học thói chua ngoa

Họ hàng ghét bỏ người ta chê cười.

Dù no, dù đói cho tươi

Khoan ăn bớt ngủ liệu bài lo toan.

Đối với con trai, nàng khuyến khích con chăm
chỉ học hành, có ngày tạo nên sự nghiệp:

Con ơi con học cho cần

Bút nghiên cha sắm, áo quần mẹ may.

Con ơi con học cho hay

Có công mài sắt có ngày nên kim.

Và không quên nhắc nhở con, ăn ở sao cho ra
người đạo nghĩa :

Nuôi con cho được vuông tròn

Mẹ thầy dầu dãi xương mòn gối long.

Con ơi cho trọn hiếu trung

Thảo ngay một dạ kẻ luống công mẹ thầy.

Tóm lại, trong bổn phận làm mẹ, vì quá thương
con nàng đã gánh chịu bao nỗi khổ cực, với
niềm mong ước duy nhất : con sẽ nên người !

Mẹ nuôi con bấy lâu rồi

Nuôi con cho đến ngày thành người mới nghe.

Công trình nuôi con của các bậc làm cha làm mẹ to tát là thế. Song bởi lòng thương yêu con mà tự nguyện hy sinh nên các người chẳng bao giờ kể lể công ơn:

*Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.*

Ngay cả khi con đã khôn lớn ra đời, mẹ vẫn dõi theo từng bước con đi. Phải thời chinh chiến, mẹ già lại gánh gạo tiễn con lên đường:

*Chém cha cái giặc chết hoang
Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng.
Gánh từ xứ bắc xứ đông
Đã gánh theo chồng lại gánh theo con.*

Từ đó, mẹ già lại ngày ngày khắc khoải chờ trông :

*Mẹ trông con ra ngòi cầu Ái Tử
Vợ trông chồng ra đứng núi Vọng Phu.
Mỏi mòn bóng xế trăng lu
Khác chi con ve kêu mùa hạ
Biết mấy thu cho nguôi lòng.*

Ôi công cha , nghĩa mẹ nói làm sao xiết !

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*



(còn tiếp)

**PHẠM
THỊ
NHUNG**
(Paris)

CHÙM THƠ TUYẾT

Không-gian trắng

Trèo trên đỉnh núi tốt-vời*
Không-gian trắng toả... ngát trời tuyết băng
Hồn thơ nhẹ cánh phù-trần
Phiêu-diêu trong cõi chân-không tuyết-mù...
*Pic blanc cao 3.330 m

Trăng trên núi tuyết

Nửa khuya bão tuyết vừa tan
Trăng tròn ngự đỉnh trời Alpe d'Huez
Tuyết Trắng, Trăng Tuyết... ào-kì
Không-gian... tĩnh, chỉ... thẳm-thì tiếng tim.

Tuyết Mai

Trèo lên đỉnh núi Mont-Blanc
Trông vời cố-quốc...mặt-mùng tuyết bay...
Đường xuống núi... trắng ngàn cây
Ngõ Mai hoa đã nở đầy quê xưa.**

**Làng Bạch-mai, quê mẹ, trước năm 1954 thuộc ngoại thành Hà-nội. Nghe kể, nơi đây xưa có rừng hoa Mai Trắng nổi tiếng đẹp, các vị dật-sĩ thường lui tới.

Phạm Thị Nhung

VƯƠNG VẤN TÌNH QUÊ

*Tôi về tìm lại dấu xưa
Con đường nhỏ nhỏ, xóm thưa thớt nhà
Núi cao, cao ngất mây xa
Dòng sông uốn khúc mượt mà tre xanh
Quê tôi chơn chất, trong lành
Nương chè, rẫy sắn, quanh quanh núi đồi
Mẹ hiền lương, em xinh tươi
Vang danh Phú Lộc, núi Truồi sông Hưng
Trường tôi học, An Lương Đông
Dấu chân thơ trẻ phiêu bồng từ đây
Bóng quê hương, bước dạn dày
Đi đâu cũng nhớ thơ ngây thuở nào
Nhớ em hương thấm má đào
Tung tăng dưới bướm chiều nao sân trường
Xa quê lòng vấn dạ vương
Thương em thuở đó, buồn buồn hôm nay
Qua rồi bao cuộc đấng cay
Nhớ nhau viết khúc tình say quê mình
Ru đời, ru nổi lênh đênh
Ru qua biển rộng, bồng bềnh xa khơi
Nhịp tan, nhịp vỡ, nhịp rời
Quay đi, ngoảnh lại... quê người lưu vong.*

Đặng Nguyên
(Maryland)

TINH KHÔI

*Đã biết bao mùa tận thế
Loài người mới lập tinh khôi
Đã biết bao mùa hoang phế
Bao năm hóa thạch ngủ vùi ?
Đã biết bao lần dâu bể
Lòng ta xóa những cơn vui
Để những cơn sầu mọc rễ
Kết hoa, kết trái trong đời ?

Ngó đời, mây kia chìm nổi
Đầu non, tóc trắng pha phôi
Ngó trời, đôi chim cánh mới
Biên xa kìa lớp sóng đời,
Hoàng hôn đưa chiều vào tối
Nghe sầu phé tích khôn nguôi
Em, thuở nghìn sau có đợi
Như đỉnh núi chờ mây trôi ?

Anh trái sầu, đơn đã
Trao em một phút tình cờ
Trái sầu nghìn xưa hóa đá
Bỗng rụng giữa đời vu vơ...*

Hoàng Song Liêm
(Virginia)

CHUYỆN NGƯỜI TÓC BẠC SỚM

Tặng bạn Nguyễn Thanh Châu ở Georgia.

" Phong trần xuôi một bước lưu lạc
Đầu xanh theo một chuyến Xuân tàn"
Tản Đà

1-

Sống ở xứ người buồn nên ngày cuối tuần anh em thường tụ họp uống trà tán gẫu đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, toàn thiên hạ sự. Nhưng lần nào cũng vậy, chu du khắp năm châu bốn bể rồi sau rốt họ cũng trở về với câu chuyện của mảnh đất quê hương hình chữ S xa xôi ngàn dặm. Lớp trẻ có lúc ngạc nhiên khi nghe người lớn luôn nhắc đến đề tài chiến tranh và ngục tù cũ rích mà không bao giờ biết nhàm chán. Họ nói với chút ngậm ngùi cay đắng, có kẻ ủ ê thở dài nhưng cũng có người bộc phát lòng căm ghét và khinh miệt. Làm sao giải thích cho lớp trẻ hiểu rằng đó là hoài niệm, là sự tìm kiếm quá khứ, là vốn liếng cuộc đời của cả một cuộc bể dâu tang thương mà thời đó những người trong cuộc bị cuốn hút, có khi không còn nhận ra được ngay cả chính bản thân mình. Làm sao cho lớp người trẻ biết rằng sau những năm tháng tăm tối của định mệnh, sau cái quá khứ đầy rẫy tai ương gai góc, những con người ngày xưa quây quần lại, cố nhóm lên đóm lửa tưởng chừng đã bị vùi lấp, chìm khuất trong bão giông quên lãng. Hiện tại họ đã già, vết thương bom đạn đục khoét làm bạc nhược thân xác. Cái đầu thì cằn cỗi lão hóa, không chất xám, họ chấp nhận làm bất cứ công việc gì để giải quyết cấp thời chuyện cơm áo qua ngày.

Quá khứ đối với họ như món đồ cổ trân quý dấu rằng có bị sứt mẻ, méo mó vì thời gian tàn nhẫn nhưng vẫn luôn được ngắm soi, nhìn ngắm bằng tác dạ bồi hồi lẫn xót xa. Họ nâng niu trau chuốt như tìm kiếm đời mình ở trong đó, như để gạn lọc chuyện đúng sai cuộc đời.

Chúng ta hãy lắng nghe lời tâm sự của một người lính già còn sống sót sau cuộc chiến...

2-

Anh người miền Trung. Tuổi mới năm mươi mà thoạt nhìn cứ tưởng đã ngoài sáu mươi. Anh vào lính rất sớm, lúc vừa tốt nghiệp trung học phổ thông năm mười bảy.

Anh bảo là không thể bình thản tiếp tục con đường học vấn khi bên ngoài thiên hạ rầm rộ biểu tình chống đối chính quyền. Người dân mang cả bàn thờ ra đường, giăng kềm gai, đốt bàn ghế, lớp xe để làm chướng ngại vật cản bước tiến quân những đơn vị thiện chiến nhất, được trang bị vũ khí hùng hậu nhất trong quân đội miền Nam. Phật giáo xuống đường chống chế độ độc tài. Người dân miền Trung hiền hòa, chất phát bị những kẻ yêu nước giả hiệu xách động xúi dục. Họ xuống đường với hai bàn tay trắng và lòng tin tín ngưỡng tuyệt đối, sẵn sàng tử vì đạo pháp. Thành phố Huế, Đà Nẵng như bị nhận chìm trong cơn bão chính trị. Sinh viên, học sinh, thợ thuyền thành lập cấp tốc những đội quyết tử tình nguyện, chia nhau trấn giữ chùa chiền, đài phát thanh. Không khí đấu tranh sôi sục chưa từng có. Người người xuống đường. Nhà nhà xuống đường. Chợ búa

không nhóm họp, công sở không làm việc, trường học đóng cửa không dạy. Học sinh thay vì được mang vào nhà trường, các em lại bị một số thầy giáo tả khuynh lợi dụng xua xuống đường, bắt đi theo những đoàn người biểu tình phát biểu ngữ, hô khẩu hiệu đả đảo, chống đối. Chùa Tĩnh Hội, đài phát thanh, trường Bồ Đề và nhiều nơi khác bị nhận chìm trong màn khói lựu đạn cay lẫn khói súng đủ loại. Lác đác đã có người chết, người bị thương. Cuối cùng, cuộc chiến tôn giáo đã góp phần làm sụp đổ chế độ gia đình trị năm 1963 và đưa đến hàng loạt những biến động trong chính trường miền Nam. Bốn lần thay đổi lãnh đạo quốc gia; Sáu nội các đã ra đời chỉ trong thời gian ngắn ngủi hai năm từ cuối 63 đến đầu năm 66. Những người bạn quốc gia trở mặt xấu xí, thanh toán lẫn nhau rất ráo, trong khi kẻ thù cộng sản thích thú ngồi rung đùi nhìn sự thành công của họ trong canh bài gây xáo trộn, chia rẽ nội tình miền Nam. Nhưng điều đáng nói nhất là sự hiện diện của tám quốc gia trong khối đồng minh đã có mặt trên nửa phần đất phía Nam và nửa phần còn lại của phía Bắc là cả một khối Cộng Sản to lớn đang nỗ lực giúp đỡ hết mình người bạn Xã hội chủ nghĩa, phát động cuộc chiến tranh quy mô xâm lược miền đất tự do. Quê hương VN được chọn làm thí điểm cho cuộc thư hùng giữa hai chủ thuyết và sinh mạng người dân hiếu hòa được đem ra làm thí nghiệm cho đủ loại vũ khí giết người của cả hai khối Quốc-Cộng. Xã hội miền Nam bị nén chặt trong không khí bức bối. Tuổi trẻ sống thất thểu, ưu tư, hoài nghi và đau khổ. Chiến tranh, bạo loạn và suy đồi đã đưa họ đến cùng cực chán

nản, không tự chủ và cuối cùng bị mất phương hướng.

Cùng thời điểm đó, người học sinh tuổi đời còn rất trẻ tình nguyện gia nhập vào quân đội. Tốt nghiệp Hạ sĩ quan thông dịch, anh tình nguyện về đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Một năm hành quân bình an khắp mặt trận vùng I chiến thuật. Năm sau - 1967, anh thích sống với đơn vị VN nên xin chuyển về binh chủng Biệt Kích Lôi Hồ.

Người lính trẻ đầu đội beret đỏ, vai áo mang phù hiệu cọp trắng và cánh dù đó tên là Nguyễn thanh Châu, vốn vẹn chỉ nhảy được ba chuyến công tác thì kết thúc cuộc đời binh nghiệp. Trong lần hành quân hiểm nghèo tại vùng biên giới Hạ Lào cùng với ba chiến binh VN và hai lính Mỹ, anh không may sa vào tay giặc. Cuộc độ sức quá chênh lệch giữa các tay súng trong cuộc chơi sinh tử và tất nhiên phần thua sẽ thuộc về phe nào có tay súng ít hơn. Dịch đồng gấp nhiều lần có cả chó dẫn đường, do vậy số phần những người lính cảm tử lẻ loi đã được an bày. Hai người lính Mỹ và một quân nhân truyền tin VN bị bắn hạ ngay từ loạt đạn đầu tiên. Toán ba người còn lại vất bỏ ba lô tháo chạy về phía rừng sâu biên giới. Sau nhiều ngày chiến đấu cam go đơn độc, đói khát và căng thẳng, cuối cùng kiệt sức họ bị bắt. Người sĩ quan trưởng toán không chịu khai ra mật lệnh truyền tin bị địch xử bắn ngay tại chỗ. Còn lại anh và một người bạn bị trói dong về nơi chạm súng lúc ban đầu, chỗ có xác hai quân nhân Mỹ và người lính truyền tin VN. Đến nơi họ phát hoảng khi nhìn thấy bạn và hai chiến binh đồng minh thân hình bị xé banh tan nát, ruột gan tim phổi bị tha đi mất, chỉ còn lại hình hài nhầy nhụa đầy máu với cái đầu bị liếm gần

như trọc lóc, tóc lơ thơ vài mảng dính bết vào da đầu, có nơi chỉ còn trơ lại xương sọ. Ba người lính xấu số đã bị hùm beo móc ruột ăn hết. Số phận không cho họ được tiếp tục làm "cọp sấm sét" ngược lại bị "cọp ăn thịt" đúng nghĩa. Thân xác họ bị rửa trôi tàn nhẫn bởi thú dữ, kên kên ở trên rừng và cả lũ điều hâu ở trong phòng điều hòa, có đầy đồ la và quyền sinh sát trong tay. Chúng nhân danh nhiều thứ chủ nghĩa, nhiều danh từ hoa mỹ để đưa người lính VNCH vào tử lộ. Họ chết bở chết bụi, chết khốn chết khổ, không một hố nông vùi thân, không một lời giã biệt. Họ chết chẳng toàn thân. Riêng Châu thì may hơn. Sau ba tháng mỗi mòn không tin tức, cha mẹ anh được lãnh tiền tử tuất và lấy ngày ra đi công tác làm ngày kỵ cơm anh hàng năm. Không ai biết là Châu vẫn còn lầy lắt trên trần gian để trả nợ thua trận.

Tám năm sau, thời gian vào năm 1971 tác giả bài viết này bị thương đang nghỉ tái khám, đã có dịp đến thắp hương cho Châu trong dịp giỗ lần thứ ba của anh.

3-

Năm 1985 trên đường phố quen thuộc của thành phố Đà Nẵng bỗng xuất hiện một quán nhậu bình dân. Thực khách đa số là dân mảnh mung, chợ trời. Đứng tên đăng ký ngôi quán là một bà già ngoài diện tuổi lao động, đủ điều kiện hợp pháp để nhà cầm quyền Cộng sản cấp giấy phép mở quán, nhưng thật tế chủ nhân điều hành lại chính là đôi vợ chồng trung niên, con trai của bà lão. Vợ là người đảm đang, nấu ăn giỏi, tính tình hòa ái. chồng là mẫu đàn ông lịch lãm, tháo vát, bật thiệp, vừa ở tù về.

Công an địa phương quản lý người chặt chẽ, nhất là thành phần chế độ cũ. Vô phương làm ăn, túng cùng bạn bè bày kế để cho bà già đăng ký tên chủ quán, còn vợ chồng anh là người giúp việc kiếm cơm. Dần dà khi vỡ lẽ ra thì chuyện đã rồi nên cũng xí xóa làm ngơ bỏ qua. Quán nhờ món nhậu ngon, giá bình dân, chủ yếu lấy công làm lời nên chẳng bao lâu khách đến mỗi ngày một đông. Gia đình chủ quán năm người, vợ đứng bếp có cô con gái lớn phụ giúp. chồng lo tiếp khách, bán bia rượu, ghi sổ, thu tiền. Đứa con trai cả và bé út 14 tuổi chạy bàn phục vụ khách và thu dọn bàn ghế. Những hôm đông quá, người ta thấy có vài vị khách tự động bỏ bàn đứng dậy, giúp cha con chủ quán một tay như người trong nhà. Cũng có hôm quán ồn ào vì có kẻ say sưa quậy phá hay muốn nhậu chạy làng, thì lập tức xuất hiện ngay vài tay giang hồ tứ chiếng, kịp thời giải quyết ổn thỏa mọi việc. Trước sau người chủ quán vẫn giữ thái độ bàng quang của kẻ ngoài cuộc, thản nhiên đứng nhìn như chẳng mấy may dính líu đến mình.

Riêng mấy tay anh chị này thì dân giang hồ Đà Nẵng không ai là không biết đến. Ngày trước họ đã một thời lừng lẫy như Phước Mèo nổi danh giỏi võ, với cây dao "tàng chiêu quai dao" đã từng đụng độ lính Đại Hàn có đai đen Tekwondo. Hay Hoàng Rouleau, trắng trẻo đẹp trai giống thư sinh nhưng quay súng và bắn nhanh như phim Django, đã có lần thử súng với tài xế Mỹ, lái xe ẩu đụng người bỏ chạy. Ngoài ra còn có thêm Đề đầu bạc gan to bằng trời, một thân một mình dám trấn giữ nhiều bar và sòng bạc trong nhiều năm ở thành phố lớn miền Trung này. Sau 75, họ khỏi đi cải tạo vì chỉ là lính đơ dzem cùi bắp và trại tù đầy người quá.

Các anh làm đủ nghề, chạy áp-phe, buôn bán. Riêng Đề *đầu bạc* thì hành nghề xe ôm, nhưng không chở người, chở hàng mà chỉ chuyên chở những thứ lậu thuế, quốc cấm. Những người bạn này tuy mang tiếng giang hồ nhưng họ sống như những "hảo hớn thảo dã Lương sơn Bạc" đầy khát vọng công lý, phóng khoáng và nhất mực thủy chung với bạn. Thời gian người chủ quán còn ở trong tù, thỉnh thoảng họ xúm nhau giúp gạo, giúp củi cho vợ bạn nuôi con chờ chồng. Những lúc gia đình bạn gặp cơn khốn đốn đều có mặt họ bên cạnh. Ngày bạn ra tù, họ rủ đến vây cuộc nhậu, chén tạc chén thù, say túy lúy càn khôn suốt một ngày đêm. Biết hoàn cảnh bạn khó khăn, họ gợi ý giúp mở quán nhậu. Họ phân công người mua xốp về đóng thùng đựng nước đá, người giúp gõ đóng bàn ghế, rồi dẫn bạn đến giới thiệu các đề-pô bia, rượu, thuốc lá mua trả gởi đầu với giá đặc biệt. Sau cùng họ góp tiền lại cho bạn mượn vốn làm ăn. Vợ người chủ quán nhìn họ bằng ánh mắt cảm động, biết ơn. Riêng với họ chẳng bao giờ nhọc lòng bận tâm. Họ làm nghĩa cử giúp bạn một cách thần nhiên như uống một ly rượu, hút một điếu thuốc.

4-

Một buổi sáng mùa hè năm 1986. Người đàn ông cao, gầy nhom, đầu đội nón lá rách toe vành, mình mặc chiếc áo bạc màu sờn vai có những quầng muối trắng loang lổ trên lưng áo, thấy chủ quán từ trong phòng bước ra, ông khẽ cúi chào. Người đi bán củi dạo. Bà vợ nói :

- Củi ông này bán đượm lửa mà giá rẻ hơn so với người trước. Anh lấy tiền trả giúp em.

Chủ quán quay vào trong. Bà chủ mời người bán củi ngồi chờ. Ông kéo chiếc nón lá

xuống quạt phe phẩy, để lộ mái tóc trắng lưa thưa màu tiêu, phủ lòa xòa trên vầng trán rộng lấm tấm mồ hôi.

Chủ quán trở ra, anh trả tiền củi. Nhìn ông bán củi sao anh cứ thấy ngỡ ngợ trong lòng, cảm giác dường như quen thuộc lắm. Khuôn mặt xương xương điểm nhiều vết nhăn, cái miệng thường cười toét hay trề môi mỗi khi say chuyện. Vầng trán vồ của con người bướng bỉnh, nhất là cặp mắt luôn nhìn thẳng khiến người đối diện lúng túng. Chừng ấy điều có vẻ như gần gũi lắm, nhưng người chủ quán cố nhớ mãi vẫn chưa thể nhớ ra. Suy nghĩ một lát rồi anh đứng dậy đi lại quầy hàng, với tay lấy chai rượu và hai chiếc ly nhỏ. Trở lại bàn, vừa rót rượu vừa gợi chuyện:

- Rượu gạo 100%. Anh làm được một ly chứ?

Đón ly rượu trên tay người chủ quán, ông bán củi không khách sáo chiêu thử một ngụm. Cái miệng bỗng nở toét ra nụ cười vừa ý, tay lần moi trong túi quần lấy ra gói thuốc *Nông nghiệp* rúm ró mời chủ quán. Hai người đàn ông im lặng rít từng hơi dài sảng khoái rồi lại nâng ly. Đợi qua lượt rượu thứ hai, người chủ mới gợi chuyện:

- Anh ở đâu? Đi bán củi bao lâu rồi? Sao tôi không thấy anh qua lại con đường này.

Ông bán củi trả lời, giọng Quảng đặc sệt:

- Tôi ở Nại Hiền, gần Cổ viện Chàm. Mới đi bán củi dạo được tuần nay. Kiểm cơm qua ngày ấy mà.

Giọng nói dừng dừng, nét mặt bình thản. Ông bán củi tiếp tục uống rượu, đốt thuốc. Chủ quán lại gợi ý:

- Tôi cũng có vài người bạn ở Nại Hiền, trước đây theo học trường Tây Hồ.

- Tôi cũng học Tây Hồ. Bạn anh tên gì?

- Tên Châu, nhưng đã chết lâu rồi.

- Tôi cũng tên Châu. Nguyễn thanh Châu.

Chủ quán mở to mắt nhìn sững người đàn ông bán củ đang ngồi đối diện, thỉnh linh hỏi dồn:

- Châu *Lôi hổ*?

Khuôn mặt người bán củ bỗng tối sầm lại. Một thoáng buồn lướt qua nhanh. Ông chép miệng thở dài, giọng chùng xuống khàn khàn, trầm đục:

- *Hổ lôi* thì có chứ làm gì còn *Lôi hổ*.

Chủ quán xô ghế đứng bật dậy, dang hai tay chụp vào vai ông bán củ lay mạnh, giọng ướm sững xúc động:

- Đúng là Châu. Châu *điên* đây rồi. Mày còn sống hả? Tao là Luyến. Luyến *lôi* đây.

Nghe tiếng la lớn, bà chủ quán bỏ việc dưới bếp chạy vội lên. Đôi bạn học thuở thiếu thời, hai chiến binh ngày cũ đang ôm chàng lấy nhau cảm động, thốn thức trước cặp mắt ngơ ngác của người đàn bà ...

Chín giờ sáng hôm sau. Trong ngôi quán bắt đắc dĩ được biến cải từ căn nhà ở trên đường Huỳnh thúc Kháng diễn ra một khung cảnh tình nghĩa, ấm cúng. Bảy người đàn ông trung niên thuộc đủ mọi thành phần buôn bán, làm thuê, mảnh mung hay tù cũ, tù mới, ngồi quây quần quanh chiếu nhậu, bên những chai rượu, chai bia và một mâm thức nhắm thịnh soạn do chính tay bà chủ nấu ra để chồng chiêu đãi người bạn thuở xưa, mang bản án 17 năm lưu đầy mà cứ ngỡ đã chết mất xác từ lâu. Họ là những tay giang hồ hảo hớn thường xuyên có mặt ở quán này như: Phước mèo, Đề đầu bạc, Hoàng rouleau, Sang què, Khiếu râu. Trong ngày hội trùng phùng, họ nâng ly với tấm lòng dạt dào nỗi nhớ niềm thương của những kẻ may mắn còn sống sót sau chiến tranh và tù ngục.

Chớm Đông Hơi Gió Lạnh Lùng,

Dù biết rằng đời chẳng thủy chung
Vẫn mơ hạnh ngộ phút tương phùng

Mộc lan chớm nụ màu hoa tím
Ngọn gió thu đông thổi lạnh lùng.

Hoa tuyết nở ra đóa vô thường
Con tim nhỏ lệ khóc tình vương
Phương trời em có vui duyên thắm
Hãy mặc tôi mang áo đoạ trường.

Còn giữ trong lòng kỷ niệm xưa
Dù che tâm sự phố chiều mưa
Nhe rơi từng giọt len từng bước
Tiếc nuôi đành thôi nói cũng thừa.

Gió chuyển sang mùa buổi chớm đông

Khu vườn trụi lá cõi hư không
Sương mờ giăng mắc khung trời mộng
Xin chớ gọi tên khiến bận lòng.

1-12-09

Đỗ thị Minh Giang

Rượu đầy rồi cạn, men thấm dần, họ thúc hối người bạn Biệt kích vào chuyện. Ánh mắt mênh mang, một thoáng buồn suy tư, chậm rãi nhả những vòng khói thuốc mờ nhạt, Châu bắt đầu câu chuyện 17 năm về trước ...

5-

... Trên cõi đời này ngoài tôi ra, chắc chắn không còn ai biết câu chuyện định mệnh năm xưa. Sẽ không bao giờ có ai nhớ đến cái tên Mỹ Missouri của toán chúng tôi.

Sau trận chạm súng bất ngờ, toán sáu người chúng tôi chỉ còn sống sót lại hai đứa. Tôi và Lô viết Cầu bị bắt trời quật cánh khuấy, rời khỏi vùng tử địa có bốn xác chiến hữu chết không toàn thây. Ngày đi đêm nghỉ, chúng tôi phải gồng mình chịu cái nóng ngột ngạt, khô cháy của gió Lào ban ngày và cái rét kinh khủng, buốt xương của núi rừng Trường Sơn ban đêm. Cuộc hành trình về nơi lưu đầy tưởng chừng bất tận dầu chỉ vờn vện một tháng đi bộ. Ban đầu còn khỏe, ý nghĩ đào thoát cứ lờn vờn trong suốt đoạn đường đi qua. Dần dà bị đói khát, gian khổ, bệnh tật hành hạ, cái chết không còn là nỗi ám ảnh ghê gớm nữa. Tôi nghĩ, đôi khi cái chết đòi hỏi phải có ý nghĩa, nhưng tình thế hiện tại thì cái chết chẳng còn nghĩa lý gì nữa khi đang sống trong hoàn cảnh nhục nhã, tồi tệ như thế này. Có thể cái chết sẽ làm chúng tôi bớt đau khổ hơn là sống hèn, sống nhục. Nhưng kẻ địch không để chúng tôi có cơ hội. Hiếm lắm chúng mới bắt được một người lính quốc gia chứ đừng nói chi là Biệt Kích đặc biệt. Do vậy không những chúng canh phòng nghiêm ngặt ngày đêm, mà còn tỏ thái độ thù hằn căm ghét đến thậm tệ nữa là khác.

Một tháng sau chúng tôi đến Quảng Bình, vùng đất khô cằn sỏi đá của địa đầu Xã hội chủ nghĩa. Tôi thấy người dân ở đây cũng thiếu thốn, khổ cực như người tù, chỉ khác là họ được tự do, không bị trời thúc ké như chúng tôi. Kế tiếp, xe bộ đội chở hai đứa về Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Đông. Ngày xưa, nơi đây đã một thời nổi tiếng bán cuốn Thanh Trì và bài thơ "Áo lụa Hà Đông" được Ngô Thụy Miên phổ thành nhạc, thâm nhập sâu sắc vào lòng mọi người. Còn nữa, hình ảnh và phong thái chàng Công tử Hà Đông cũng đã đi vào dòng văn học. Tất cả những ấn tượng đẹp đẽ của một xứ sở nhiều giai thoại này bỗng chốc tiêu tan trong lòng người tù binh trẻ khi nhìn thấy hàng chữ "Xà lim Bộ Công an" đập vào mắt. Đó là khởi đầu của năm tháng lưu đầy kinh hoàng, là thời gian của cùm gông tra tấn, là triền miên trong đói rét nhục hình. Từ đó, cuộc đời hai đứa tôi hầu như có mặt cùng khắp ở các địa ngục trần gian như: Nhà tù Vĩnh Quang, Tân Lập, Hồng Thám, Thanh Phong. Những nơi đi qua, tôi đã thấy hàng ngàn bộ xương còn thờ, còn đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, chuyện trò. Những thây ma biết cử động, những cái bóng im lìm mỗi ngày một còm cõi tiêu hao, từ thể xác đến tâm hồn. Cứ thế cho đến một lúc, những kẻ bất hạnh bỗng biến mất vĩnh viễn trên cõi đời. Họ ra đi lặng lẽ cũng như họ đã sống cuộc đời lặng lẽ. Tất cả bình thường, tự nhiên từ cái chết đến cả sự mơ ước một ngày được trả tự do, dần dần rồi cũng dừng đứng, bình thản chẳng hề bận tâm suy nghĩ.

Ngày tháng tù, những người lính chúng tôi xem nhau như anh em một nhà, không cho phép ai nghĩ điều gì khác ngoài tình đồng đội, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ, bảo vệ nhau để sinh tồn.

Nếu địch muốn chúng tôi chết thì phải cố mà sống. Nếu họ muốn chúng tôi sống hèn thì phải bảo ban, nhắc nhở nhau sống cho dũng cảm, hiên ngang để xứng đáng với tinh thần bất khuất của người lính từng xem nhẹ sinh tử và thấu đáo lẽ sống chết vô thường. Những khi chấp chờn nửa mê, nửa tỉnh, phiêu hốt trôi nổi trong các phòng biệt giam khủng khiếp của nhà tù, chúng tôi đã kiên trì vận dụng nghị lực để chế ngự bất hạnh. Cố tập trung suy nghĩ, mài giũa ý chí bằng hùng khí và lý tưởng để dần trải cuộc đời, soi rọi lại quá khứ và chất lọc cái đúng cái sai. Đó là phương pháp tự rèn để tồn tại. Chính nhờ vậy nên đã nuôi dưỡng mạng sống cho hàng chục chiến hữu chịu cùm gông suốt hai mươi năm, hăm lăm năm như Quách Rạng, Nguyễn Văn Hợp, Hà Văn Cháp, Lê Văn Tung, Đinh Anh, Bùi Văn Tư... được tồn sinh để có ngày trở về. Phải chăng đó là phép lạ nhiệm màu, là sự phấn đấu bền bỉ kiên cường của những con người yêu chuộng lẽ sống thiêng liêng. Sự độc ác, dối trá và ngu xuẩn của kẻ thù chỉ có thể làm nung nấu lòng người tù càng sống khí phách, quật cường hơn nữa với năm tháng lưu đầy vô hạn định.

Bọn cán bộ làm sao hiểu được điều đó. Đầu óc chúng rỗng tuếch, dần dần như hình nhân Rôbô thì làm sao có thể cải hóa được những con người thừa nhiệt huyết, dũng cảm và cứng đầu, dẫu rằng chúng có thể dày xéo cả tinh thần lẫn thể xác chúng tôi. Người Cộng sản ngây thơ cứ nghĩ rằng khi đã hành hạ người ta bằng đủ thứ nhục hình là đã khuất phục được. Họ nhầm lẫn khi thấy chúng tôi im lặng. Họ đâu biết rằng những điều nói ra với chúng tôi chỉ là nước đổ lá môn, có khi còn bị ép-phê

ngược lại là đằng khác. Diễn hình như câu chuyện ngược ngốc sau đây:

"Năm 1973, Cục quản lý Trung ương Hà Nội đến trại. Buổi chiều, lúc xếp hàng điễm danh vào phòng, chợt thấy một người từ Ban chỉ huy đi xuống, vừa đi vừa nghe phát thanh từ chiếc radio nhỏ mang trên vai. Cán bộ trực trại ngăn mặt nhìn ra về ngưỡng mộ lắm rồi quay sang chúng tôi, anh ta vênh vác nói: chỉ cán bộ cao cấp mới có được tiêu chuẩn ưu đãi những thứ quý hiếm như 3 Đ đó, chứ ngay các anh thì cả đời cũng không có được. Thoạt nghe qua chúng tôi ngỡ ngơ không hiểu, nhưng khi được tên cán bộ giải thích thì mới bật cười ra, không nhận được phải phát cười rộ lên. Thì ra 3 Đ đó là: đạp, đồng, dài. Thời điểm đó, xe đạp, đồng hồ và radio là niềm mơ ước to lớn của cán bộ và nhân dân miền Bắc, trong khi đối với miền Nam thì những thứ đó thật quá tầm thường, nhỏ nhoi làm sao".

Còn khối chuyện ngu dốt của bọn cai tù làm chúng tôi khinh bỉ và nực cười đến chảy nước mắt. Cứ thế chúng tôi lần lữa cố sống, kéo lê chuỗi năm tháng đoạn trường để chờ đợi một ngày vận nước, vận đời thay đổi.

Thế nhưng, ngày tang thương tháng Tư năm bảy lăm đã bóp chết tất cả mọi niềm tin mà chúng tôi ôm ấp, nuôi dưỡng hàng chục năm qua. Ngày miền Nam thất thủ đã nổ ra như một quả bom có sức hủy diệt mọi hy vọng trong lòng người bị lưu đầy biệt xứ. Ngày hôm đó trời đất như cũng đồng cảm với tù, trở nên u ám ảm đạm như lòng người sầu thảm, héo hắt. Câu thơ thuộc nằm lòng của Thi hào Nguyễn Du hồi còn đi học "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ", đến nay tôi mới cảm nhận được hết ý nghĩa thâm sâu của nó. Đêm nằm thao thức, nghe

tiếng thờ dài vang lên từng chập. Người bạn tù bên cạnh cũng trần trọc, thao láo đôi mắt, buồn bã nhìn ra dãy núi Tam Đảo chập chùng sương khói trắng đục, cảm nín chẳng thốt nửa lời. Đất trời đêm ba mươi tháng Tư nầy sao mà ảm đạm, thê lương lạ lùng. Gió khuya trở giấc vọng về tiếng rít gào, mây đen kịt từ đâu kéo đến che lấp cả vàng trăng hạ tuần, mờ mờ ảo ảo, le lói những ánh ma trời. Cảnh vật xao xác cũng giống lòng người đời đoạn như bốn câu thơ :

"Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,

Mặt chinh phu trăng dỗi dỗi soi.

Chinh phu tử sĩ mấy người,

Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn ... "

Quê hương chúng ta chiến tranh ròng rã, hết đời ông đến đời cha rồi đến đời con cháu; Hết đánh giặc ngoài lại xâu xé với thù trong. Người chết lên đến con số triệu. Xương cao thành núi, máu chảy tựa sông. Nơi đâu cũng đầy rẫy tiếng kêu gào của oan hồn uổng tử.

Sau bảy năm, kẻ thù lại có thêm cơ hội lên mặt huênh hoang, đắc chí của kẻ vừa chiến thắng. Miền Nam thất trận, chúng tôi tất đi tất cả niềm hy vọng còn sót lại. Thêm tám năm tù nữa, tôi sống quần quai trong nỗi đau thua trận mới nhưng đồng thời cũng có cơ hội để kiểm chứng thật kỹ những sai lầm của kẻ chiến thắng. Trình độ dân trí và sự ngu dốt không thể tưởng tượng nổi của kẻ thù chính là sự sai lầm của chế độ Xã hội chủ nghĩa miền Bắc. Thế mà đau đớn thay, kẻ bại trận lại là chúng ta.

Cuối năm 1982 tôi được ra tù. Tất cả đều xa lạ, ngỡ ngàng. Con đường ngày xưa vào đất địch gian nguy chẳng hẹn ngày trở lại. Con đường hôm nay cũng chẳng khác gì mấy, hun hút trời mây, mịt mờ vô định. Có khác chăng là mái tóc xanh ngày xưa bây giờ đã lốm đốm

bạc màu, thân hình ốm o già cỗi. Bao nhiêu năm lê lét trong những trại tù khổ sai không thấy mặt trời, sống với một bầy lang sói hóa thân thành bọn cai ngục. Không sách báo, không ánh sáng văn minh, không phố phường đô thị ... vô vàn cái không khiến con người tôi trở thành đàn độn.

Hai ngày hai đêm thao thức, vài lần đổi tàu xe, tôi mới đặt chân về tới quê nhà. Phố xá nhiệt náo xô bồ. Nhịp sống chuyển động hối hả, bon chen khác xưa, con người cũng lạnh nhạt và thủ đoạn hơn. Chỉ riêng dòng sông Hàn vẫn thủy chung như ngày cũ, êm ả hiền lành trôi ra cửa biển Tiên Sa. Kỷ niệm học trò đầy ắp chợt hiện về. Một góc trời quê hương, một bến sông tuổi thơ và tháng ngày vô tư ngụp lặn thỏa thích trong dòng sông mộng mị. Cái ngổ ngáo pha chút lãng mạn của người lính năm xưa chợt hiện về. Tôi tìm một chỗ vắng trên Bến Mía, nhẩy ùm xuống làn nước ngọt ngào tình quê, đắm mình trong thứ hạnh phúc vay mượn mong manh nhưng rất thật. Đầu óc vẫn vờ ý nghĩ là để gột rửa sạch sẽ những gió bụi bẩn thỉu của cuộc đời phong trần đã áp đặt lên số phận tội tộ, bất hạnh của mình. Tôi muốn tìm lại cho tâm hồn đôi chút bình an và hơi hướm một thoáng hạnh phúc thần tiên của thiên đường tuổi thơ vô tư yêu đời, đầy mộng mơ với trang giấy trắng tinh khôi có hoa và bướm của thuở học trò.

Con đường ngắn ngang qua Cổ Viện Chàm dẫn về làng Nại Hiền nay không còn nhận ra nữa. Nhiều người đi qua, họ nhìn kẻ mặc áo tù với vẻ hững hờ pha chút tội nghiệp. Tất cả đã đổi thay xa lạ, không còn ai nhớ ra tôi nữa. Tôi bật cười chua chát. Quả thế, chuyện đời bình thường. Có đôi khi mình còn không nhận ra chính mình nữa thì làm sao cuộc đời có thể

đung chứa được hết thảy mọi con người trong cuộc bể dâu.

Đêm hôm đó tôi có mặt trong ngôi từ đường của tộc Nguyễn thanh. Bên cạnh, cha tôi đứng trầm ngâm như mặc niệm trước di ảnh tổ tiên. Bà mẹ thì sụt sùi mãi từ lúc tôi mới bước về. Chỉ có mỗi hai Người là không xa lạ với tôi. Nhìn thẳng con trai từ cõi chết bao nhiêu năm bỗng hiện về, rồi nhìn tấm ảnh của tôi đặt trên bàn thờ nhang đèn hoa trái đầy đủ, mẹ tôi cứ khóc ngon khóc lành. Bà vuốt ve, sờ nắn tôi như ngày còn bé dại. Mẹ nói nhìn thấy tôi còn sống như nằm mộng gặp chiêm bao. Lối xóm nghe tin ùn ùn kéo đến thăm hỏi chặt nhà. Vài thằng bạn thua trận may mắn còn sống sót, nay thất cơ lỡ vận đi làm thuê làm mướn, đạp xích lô xe thô, hùn tiền kéo tôi vào quán nhậu bình dân, chén đầy chén vơi, chén mây chén tau, cạn đến mềm môi. Vài tuần sau tôi theo chúng nó, rồi cùng một kiếp cu li lê lét kiếm sống, đoạn tháng qua ngày.

Châu ngựa cổ tộp một hớp rượu lớn, đặt ly không xuống chiếu rồi thở dài. Anh trầm ngâm đốt thuốc rít vài hơi rồi tiếp tục câu chuyện cuộc đời:

- Đã mười một năm kẻ thù đặt ách cai trị độc tài trên số phận lương dân miền Nam. Ngẫm cho cùng, tôi nghĩ đến nay chắc họ cũng đã hiểu ra một điều, họ chẳng bao giờ là kẻ chiến thắng. Giờ đây họ đã tận mắt nhìn rõ bộ mặt thật đẹp đẽ của miền Nam. Cuộc sống ám no tiến bộ, nhà cửa tiện nghi và xã hội văn minh khác xa những lời tuyên truyền bịp bợm, dối trá của bọn đầu gấu cộng sản. Sự thật oái oăm khiến họ thức tỉnh, mới biết mình bị đảng lừa một cú cay độc. Bao nhiêu năm nằm gai nếm mật chiến đấu gian khổ, đến lúc chiến thắng

mới bật ngửa ra là họ còn thua cả người dân nghèo miền Nam từ vật chất lẫn tri thức và nhiều phương diện khác. Hàng ngũ lãnh đạo vô học, dốt nát nhan nhản trong các cấp đảng bộ cầm quyền làm gì họ không biết. Té ra kẻ chiến bại không phải ai khác lại chính là họ. Những người "đồng chí lớn" đểu giả của họ cộng thêm sự bịp bợm của chế độ đã dồn đuổi họ vào con đường phản nộ và đến một lúc mất hết niềm tin, họ bắt đầu quay trở lại chống đối kịch liệt. Lần này thì những con người cách mạng, ngày xưa chỉ biết tiến lên bằng mũi súng, ngày nay đã bị một vết nội thương trí mạng như tâm chướng mà không hề thấy máu chảy ra bên ngoài cơ thể. Những kẻ huênh hoang chiến thắng trong Bắc bộ Phủ lại có thêm những kẻ thù mới, xuất phát từ trong hàng ngũ của họ như: Trần Độ, Hoàng minh Chính, Đặng kiên Giang, Phạm quế Dương, Nguyễn thanh Giang ...

Riêng tôi sau ngày trở về đã trở thành cái gai nhọn đáng ghét trước mắt công an. Họ bắt lên đồn viết báo cáo, răn đe rồi trình diện hàng ngày. Mặc, tôi vẫn thản nhiên sống. Mắt luôn luôn nhìn thẳng vào họ khi đối diện. Nhiều lần quá họ đâm nhọn, lâu dần rồi cũng lừng lơ con cá vàng ... họ lảng đi. Họ ngây thơ quá, làm sao hiểu được những điều suy nghĩ trong cái đầu chai sạn của người tù lưu đầy biệt xứ mới trở về. Tôi không muốn trở thành địch thủ của những kẻ háo thắng, vừa ngu xuẩn lại vừa ấu trĩ như những đứa bé chưa ráo máu đầu, mới bước chân chập chững vào cuộc đã may mắn có sẵn chiến thắng trong tay. Miền Nam thua trận vì mắc phải sai lầm nhưng chắc gì những kẻ chiến thắng miền Bắc đã không mắc sai lầm lớn hơn? Điều bất hạnh nhất là quê hương sau cuộc chiến được xếp vào hàng nghèo đói, lạc hậu và

tham nhũng nhất thế giới. Đời sống người dân lao động muôn vàn cơ cực nhưng vẫn không đủ ăn. Trẻ con thất học. Xã hội suy đồi. Lỗi ấy thuộc về ai? Câu hỏi xin dành lại cho lịch sử luận tội và phán xét những người có trách nhiệm từ cả hai phía đối nghịch. Có điều tôi biết chắc chắn rằng Việt Nam chỉ là một canh bài được sắp sẵn trên chiếu bạc quốc tế. Chiến thắng của kẻ thù cũng nhờ vào thế lực quốc tế cộng thêm sự may mắn và dã tâm trá trở, phản bội của từ cả hai khối Quốc Cộng.

Trận chiến đã tàn. Cuộc thư hùng đã kết thúc. Cho đến nay toán chúng tôi chỉ còn sót lại mỗi mình tôi. Lô viết Cầu rồi cũng đã chết vì bị sốt ác tính vào năm 1984.

Hôm nay tôi không là cái gì hết, đơn giản chỉ là một người lính muốn nói lên những suy nghĩ của đời người vận nước; Chỉ là kẻ đứng chông chênh ngoài xã hội, bên lề cuộc đời, là chứng nhân của một cuộc bể dâu tang thương để ghi nhận thêm cho lịch sử quốc gia, dân tộc sự chuyển mình sang một trang mới với nhiều nỗi bề bồng, đau xót và phiền muộn. Thời gian rồi cũng dần phai phai đi. Tôi rồi cũng sẽ một ngày trở về với cát bụi, nơi chốn cội nguồn, một thứ quê hương cuối cùng trong tâm linh người sống. Nhưng, lịch sử sẽ là vĩnh viễn, là bất tử với thời gian. Tốt, xấu, đúng, sai rồi phải có một ngày được vạch trần hẳn hoi ra ánh sáng. Sự thật lịch sử sẽ được hoàn nguyên và chúng ta hãy vững tin chờ đợi ngày ấy ắt đến không xa.

Với các bạn, lời tâm tình thân thiết của tôi là mãi mãi chỉ muốn làm một người lính trọn trung, trọn nghĩa, trọn tình với quốc gia, dân tộc. Và tôi dám xác quyết với các bạn rằng, tôi không có điều gì phải ân hận, hối tiếc khi đã

chọn làm một người lính quốc gia chân chính như đã từng chọn trước đây.

6-

Phải đến năm 1995 gia đình anh mới đặt chân được đến Mỹ. Nghe anh kể thì suýt chút nữa lại bị Mỹ chơi đểu, bỏ rơi thêm lần thứ hai.

Lần thứ nhất vào năm 1973 tại hòa đàm Paris, trong điều khoản cam kết về việc trao trả tù binh, các anh bị gạt ra khỏi danh sách vì Mỹ không thừa nhận BK là người được họ huấn luyện, trả lương và thực hiện các kế hoạch hành quân trong cuộc chiến bí mật. Các anh đã sớm bị người bạn Mỹ gian trá phản bội, trước khi hiện rõ bộ mặt trơ tráo bán đứng miền Nam, trắng trợn bỏ rơi chiến hữu.

Hồ sơ bí mật BK nằm kín trong văn khố Ngũ giác Đài chưa hề một lần được giải mật. Phải đợi nhiều năm sau, đến lúc chương trình H.O ra đời và những người lính Việt Nam hoạt động bí mật bên kia bức màn sắt còn sống sót được thả về, lần lượt ra đi tỵ nạn và có mặt trên đất Mỹ thì nội vụ mới được một số người Mỹ chân chính đưa ra ánh sáng. Tác phẩm "Secret Army, Secret War" của Segwich Tourison, cựu nhân viên tình báo lục quân Mỹ được ra đời ngay vào thời điểm đó đã phơi trần tất cả sự thật bỉ ổi của chính quyền Nixon + Ford. Đồng thời trong dịp Đại Hội ra mắt Gia Đình Biệt Kích VN tại tiểu bang Georgia vào tháng 10 năm 1995, S. Tourison là diễn giả người Mỹ duy nhất thuyết trình và trả lời thông suốt tất cả các câu hỏi có liên quan đến những hoạt động vượt tuyến trong cuộc chiến tranh ngoại lệ VN, bằng văn phong ngôn ngữ tiếng Việt rất lưu loát. Cùng thời gian đó, một tập thể luật sư hùng hậu của ông John Mattes đã phát đơn kiện chính phủ Hoa Kỳ bội tín, bỏ

rời các quân nhân BКVN. Hội đồng lưỡng viện Hoa Kỳ quyết định giải mã tất cả các hồ sơ có liên quan đến vấn đề BК. Sau đó các quân nhân BКVN hiện đang sống trên đất mỹ được mời đến điều trần tại quốc hội vào ngày 19 tháng 6 năm 1996 và BК Hà văn Sơn đã thay mặt anh em trình bày ra ánh sáng tất cả sự thật. Giới truyền thông, báo chí Hoa Kỳ đồng thanh ủng hộ. Họ đưa tin, viết bài, lên tiếng công kích sự gian trá của chính quyền Nixon + Ford và đòi hỏi chính phủ phải hoàn trả tiền lương 20 năm cho những chiến hữu bị họ bỏ rơi. Những chiến sĩ Kinh Kha thời đại VNCH được hồi sinh như những anh hùng. Đó chính là giá trị đích thực của lòng yêu nước, của sự hy sinh cao cả không hề tiếc máu xương của những chàng trai đất Việt yêu chuộng tự do, công lý và dân chủ. Đó chính là lòng dũng cảm, sự cao thượng của trai trẻ VN, sẵn sàng sống cho tha nhân và chết cho dân tộc.

Số tiền bốn mươi ngàn mỹ kim bồi thường cho một người lính BК so ra chẳng nghĩa lý vào đâu đối với sinh mạng quý giá của con người. Cái may mắn to lớn nhất đối với họ là còn sống trở về với cha mẹ, vợ con, những người thân yêu đã hàng bao nhiêu năm mỗi mắt chờ trông. Phần thưởng tinh thần mới chính là những cái thật sự họ cần thiết. Bốn mươi ngàn đô la đối với họ, những người lính kiêu hùng, chỉ là bãi nước bọt nhỏ vào mặt những tên điếm đảng buôn bán chiến tranh như Nixon, Kissinger... bắt chúng phải cúi đầu nhận tội phản bội anh em. Bốn mươi ngàn đô la là cái đấm thối sơn vào những bộ mặt trơ tráo đã một thời mặt ngọt, giả nhân giả nghĩa, là sự vạch trần cho thế giới biết rõ về bản chất gian manh của

những tên hoạt đầu chính trị trên một xứ sở dư thừa bơ sữa nhưng thiếu thốn tình người. Những người lính BК đã tự hào sống xứng đáng là một con người Việt Nam chân chính.

7-

Đến nay chiến tranh đã qua đi, không còn ai buồn nhắc đến nữa làm gì. Thiên hạ gặp nhau, nhìn nhau, tất cả đều tầm thường như nhau. Chỉ có những người trong cuộc mới hiểu được mình. Do vậy, chẳng lấy chi làm lạ khi bây giờ con trẻ vẫn thường nghe cha chú nhắc đi nhắc lại hoài chuyện ngày xưa. Chỉ những giây phút đó họ mới thật sự sống trọn vẹn cho chính mình, tự hào đã một thời gồng gánh trên vai tổ quốc giang sơn, hãnh diện chia sẻ với đồng đội bao gian khổ hy sinh.

Hôm nay, trên những nẻo đường luân lạc của kiếp người lưu vong, họ xóa sổ làm lại từ đầu, bôn ba tần tảo xây dựng gia đình. Thời gian rỗi rảnh họ dành cho mơ hoài niệm quá khứ với nhiều vết tích đau thương còn hằn trên da thịt quê hương, dân tộc và chính bản thân mình. Trong lòng họ không hề hối tiếc hay oán trách những lần ra đi sống chết trong nguy nan cuộc đời, dù họ đã bị phản bội, dù họ đã từng chết đi sống lại.

Trăng ở đây không sáng bằng những đêm trăng ở quê nhà. Đã bao nhiêu lần họ nhìn thấy lại hình bóng của chính mình. Ở đó có hạnh phúc, thương đau... khởi đầu từ một thời son trẻ cho đến cuối chặng đường trăng khuyết. Đời người rồi cũng đã trôi qua mau như ánh đèn, như gió thổi, như mây nổi, như chiêm bao. Tất cả đều là phù vân. *

LÊ LUYẾN (Virginia)

Tiếng Chim Hy-Vọng Đầu Thế Kỷ

Bài thơ “The Darkling Thrush”

của Thomas Hardy

Phạm Trọng Lê

Cách đây 109 năm, vào tối 31 tháng 12 dương lịch, năm 1900, lúc nhân loại



sắp bước vào thế kỷ 20, thi sĩ Anh Thomas Hardy--một thi sĩ và tiểu thuyết gia cuối thời nữ hoàng Victoria, một thời kỳ mà canh nông đang chuyển sang kỹ nghệ--trong lúc ông đang bị quan trước viễn tượng một thế kỷ mới, chợt nghe thấy tiếng chim họa mi hót. Ông viết bài thơ The Darkling Thrush sau đây vào đêm cuối cùng của thế kỷ 19. Trong bài thơ, con chim họa mi già cất tiếng hót vào đêm đông lạnh lùng, đem lại nguồn hy vọng cho thi sĩ đang hoang mang trước những biến chuyển của thế kỷ 19 đã qua và chưa rõ thế kỷ 20 mới sẽ ra sao. [Bài thơ này được xếp thứ 54 trong 100 bài thơ được tuyển chọn nhiều nhất, theo William Harmon, giáo sư văn chương Anh

thuộc đại học North Carolina, trong cuốn THE TOP 500 POEMS.]

Bài viết này có 5 phần: phần I là nguyên văn bài thơ; phần II là bản dịch xuôi; phần III là bản dịch sang văn vần; phần IV là nhận xét về chữ khó và ẩn dụ trong bài thơ. Phần cuối là sách tham khảo.

I. The Darkling Thrush

I leant upon a coppice gate
When Frost was spectre-gray,
And Winter dregs made desolate
The weakening eye of the day.
The tangled bine-stems scored the sky
Like strings of broken lyres,
And all mankind that haunted nigh
Had sought their household fires.

The land's sharp features seemed to be
The Century's corpse outleant,
His crypt the cloudy canopy,
The wind his death-lament.
The ancient pulse of germ and birth
Was shrunken hard and dry,
And every spirit upon earth
Seemed fervourless as I.

At once a voice arose among
The bleak twigs overhead
In a full-hearted evensong
Of joy illimited;
An aged thrush, frail, gaunt, and small,
In blast-beruffled plume,
Had chosen thus to fling his soul
Upon the growing gloom.

So little cause for carolings
Of such ecstatic sound
Was written on terrestrial things
Afar or nigh around,
That I could think there trembled through
His happy good-night air
Some blessed Hope, whereof he knew
And I was unaware.

Thomas Hardy (December 31, 1900)

II. Dịch xuôi:

Tiếng Chim Sơn Ca Trong Đêm Tối

Tôi dựa vào cồng dẫn vào rừng cây
Khi sương mờ xám như bóng ma
Và những vắn đục của mùa đông làm cho
Ánh sáng yếu-ớt của ngày thêm điêu tàn.
Những sợi dây leo cuộn với nhau in trên nền trời
Như những sợi dây đàn huyền cầm bị đứt.
Và mọi người ở gần
Đều tìm đến lò sưởi trong nhà mình.

Nét hằn rõ trên ruộng nương trông như
Xác của Thế kỷ vừa chết duỗi dài ra
khỏi hầm mộ là vòm trời mây phủ,
mà gió là tiếng gào khóc.
Mạch máu xưa của mầm sống
Chun lại khô cứng
Và mỗi linh hồn trên trái đất
Hình như đều uể oải như tôi.

Chợt lúc đó có một giọng trỗi lên
Trong những nhánh cây khăng khiu trên cao,
Một bài ca đầy nhiệt tình, âm-áp
diễn tả niềm vui vô bờ.
Một con chim họa mi già, mảnh khảnh, hom
hem, nhỏ nhắn.
Bộ lông nó tả tơi rũ rượi vì bị gió dập
Đã chọn lúc này để liệng hồn mình
Vào vẻ tiêu điều mỗi lúc một thêm âm-đạm.
Con người ít khi thấy có lý do để
viết lời ca ngợi những sự vật xa gần trên đời này

như âm thanh ngây ngất như vậy,
khiến tôi tưởng rằng trong giọng rung của
tiếng chim hót vui tươi ru ta an giấc
có một niềm Hy-vọng trời ban, mà chim biết rõ
từ đâu,
mà tôi lại vô tình không biết.

III. Dịch sang văn vần:

Tiếng chim họa mi trong đêm tối

*Bên rừng tựa cồng nhìn xa
Sương mờ xám tựa bóng ma chập-chùng.
Chiều Đông âm-đạm lạnh lùng,
Anh dương hiu hắt, cảnh trông điêu tàn.
In trên trời, khóm dây ràng,
Cuồn nhau như những sợi đàn đứt dây.
Làng trên xóm dưới quanh đây,
Bên lò sưởi ấm, giờ này cùng nhau.*

*Nét hằn bờ ruộng nương dâu,
Như thây Thế kỷ dài dầu thên thang.
Vòm trời hầm mộ mây ngàn,
Gió gào lời khóc hồn tan mập mờ.
Mạch xưa mầm sống bây giờ,
Máu xưa tươi thắm, nay khô cạn rồi.
Mỗi linh hồn, mỗi con người
Thấy đều uể oải rã rời như ta.*

*Chợt đâu trỗi tiếng chim ca,
Trong cành cây nhỏ vắng ra bồi hồi.
Điệu ca tròn, âm trên cao,
Niềm vui hớn hở ngọt ngào vô biên.
Họa mi, mảnh khảnh, hom hem,
Lông già rũ rượi, thân mềm tả tơi.
Thả hồn trong điệu nhạc trôi,
Cảnh buồn mỗi lúc chẳng với nào nùng.*

*Con người có mấy ai từng
Viết câu ca ngợi của chung trên đời
Dư âm ngây ngất tuyệt vời,
Rung trong gió thoảng những lời vui tươi
Là nguồn hy-vọng từ Trời,
Chim kia biết rõ, mà người không hay.
(PTL phỏng dịch 11/24/1997)*

IV. Ghi Chú và Phân tích:

Darkling: [chữ cổ, dùng trong thơ], in the dark, trong bóng tối.

Coppice gate=cổng dẫn vào một khu rừng nhỏ hay bụi cây rậm.

Spectre=bóng ma (tiếng Anh viết spectre, tiếng Mỹ specter).

Dregs=cặn bã.

Bine-stems=gốc giây leo quấn vào với nhau

Century corpse=xác chết thế kỷ. Thế kỷ 19 chằm dứ, thi sĩ ví như một xác chết.

Evensong=bài hát vào buổi lễ chiều (even: chữ cô của evening)

Illimited=vô giới hạn.

Fervourless=không còn nhiệt tình, uể oải (tiếng Mỹ viết fervorless)

Blast-beruffled plume=bộ lông bị rối xù vì bị gió đập vùi.

Hình thức: Bài thơ gồm 4 đoạn (stanzas) mỗi đoạn 8 câu, trong đó câu 1, 3, 5, 7 theo thể iambic tetrameter, nghĩa là mỗi câu có 4 nhịp, nhấn vào nhịp nhì; các câu số 2, 4, 6, và 8 gọi là iambic trimeter, có ba nhịp, nhấn vào nhịp nhì. Bài thơ gieo vần như sau ababcdcd. Thí dụ như ở đoạn đầu thì những cặp chữ cuối câu như gate/desolate, gray/day, sky/nigh, lyres/fires vần với nhau.

Nội dung:

-Bài thơ dùng vài chữ cổ:

Coppice=đường dẫn vào lùm cây hay rừng nhỏ; darkling=trong bóng đêm; nigh=gần; illimited=vô biên. Mấy chữ viết hoa như Frost, Century, Hope để nhấn mạnh.

Loại chim gọi là **song thrush** (*Turdus philomelos*) là một loại chim họa mi lông đốm, lông lưng màu nâu, bụng có đốm đen, thuộc loại chim di trú, mùa Đông thường bay xuống miền Nam ấm áp, làm tổ nhỏ như cái chén, đẻ 4 hay 5 trứng màu xanh nhạt có đốm lấm tấm đen. Loại chim này hót hay, sống ở Âu châu, Á châu, Bắc Phi và Trung Đông (theo Wikipedia)

-Hình ảnh và ẩn dụ:

-Hai đoạn đầu, để tả tâm trạng bi quan của mình về thế kỷ 19, thi sĩ dùng những chữ tả mùa đông u ám. Spectre-gray: xám như bóng ma. Winter dregs: cặn vẩn đục của mùa Đông.



Weakening eye of day: ánh mặt trời yếu đi. Lyre: một thứ huyền cầm có từ 6 đến 10 dây gọi là “đàn lia,” thuộc loại đàn harp (“hạc cầm”), thường đệm khi đọc thơ ở Hy-Lạp ngày xưa. Những nhánh cây leo cuốn vào nhau được ví như dây đàn huyền

cầm bị đứt.

-Ở đoạn hai: Century corpse (thế kỷ 19 sắp hết ví như xác chết đuôi dài mà tiếng gió là lời than khóc và bầu trời là hầm mộ); crypt (hầm mộ); cloudy canopy (vòm trời mây phủ u ám); pulse of germ and birth (mạch đập của mầm và sự nảy sinh, mầm sống); shrunken hard and dry (co lại khô cứng), fervourless: không còn sinh khí, uể oải.

-Ở đoạn ba và bốn: thi sĩ tả cảnh con chim họa mi vừa già, vừa bị gió lạnh thổi làm bộ lông toi tả, đang hót trên nhánh cây cao: aged thrush. Bleak twigs overhead: nhánh cây khăng khiu ở trên cao; gaunt: gầy, hốc hác; growing gloom: cảnh càng thêm ảm đạm. Nhưng con chim họa mi vẫn say sưa hót. Carolings (những bài ca như vào dịp giáng sinh); ecstatic (ngây ngất), good-night air (giọng ca chúc yên giấc). Tiếng chim ca khiến thi sĩ đang bi quan, chán nản phải vui lên. Blessed Hope: nguồn hy-vọng trời ban.

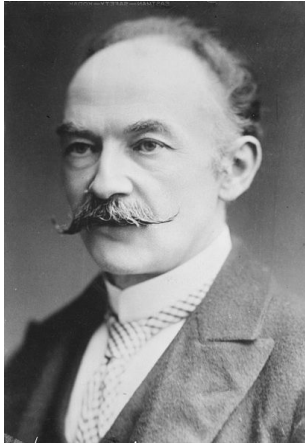
-Vài dòng về Thomas Hardy (1840-1928):

Thomas Hardy quê ở gần vùng Dorchester phía tây nam Anh quốc, khi còn trẻ học việc trong văn phòng xây cất của một kiến trúc sư. Sau ông bỏ nghề kiến trúc và viết tiểu thuyết. Trong tiểu thuyết và thơ, ông dùng nhiều phương ngữ (dialects) nơi ông sinh trưởng. Nhiều cuốn ông viết đã được đưa lên phim. Cuốn *Far From the Madding Crowd* (Xa chốn phồn hoa) là cuốn tiểu thuyết thứ tư viết năm 1874, và được đưa lên phim năm 1967 do nữ tài tử Julie Christie đóng. Ông cũng là tác giả cuốn *The Mayor of Casterbridge* (Ông Thị Trưởng Casterbridge) (1886). Cuốn nổi tiếng nhất là *Tess of D'Urberville* (1891) (Nàng Tess thuộc dòng họ Urberville), được đưa lên phim do Roman Polanski đạo diễn năm 1980 và do nữ tài tử Nastassja Kinski đóng vai Tess. Những cuốn khác là *Jude the Obscure* (*Jude, con người tầm thường vô danh*), viết năm 1896, được đưa lên truyền hình do Kate Winslet đóng năm 1971.

Cuốn *the Return of the Native* (*Người xưa trở về*) đưa lên phim năm 1994, do nữ tài tử Catherine Zeta-Jones đóng. Ông viết nhiều tiểu thuyết (12 cuốn), mãi đến khi gần 60 tuổi mới làm thơ. Trong vòng ba thập niên, ông viết tổng cộng 8 tập thơ và một tập kịch dài, *the Dynasts*.

-Meliorist, not pessimist: Người đọc văn thơ ông thường cho ông là người bi quan, nhưng ông bảo ông là người theo thuyết cải-thiện. Ông cho rằng thế giới có thể tốt hơn nếu con người cố gắng hướng thiện. Trong bài thơ, hai đoạn thơ đầu là những hình ảnh âm ảm và chết chóc, nhưng hai đoạn cuối bài thơ, trong khi tác giả chán nản, thất vọng về những biến chuyển của thời ông--như chiến tranh, thay đổi nếp sống gây ra bởi chiến tranh và cuộc Cách mạng Kỹ nghệ--thì tiếng chim họa mi, tuy già

và rũ rượi vì lạnh, vút lên như đem lại nguồn hy vọng cho tác giả. Tiếng chim hót như nhắc cho tác giả biết, dù con người cảm thấy buồn khổ tuyệt vọng nhưng Thượng-đế, qua Thiên nhiên, vẫn ban cho con người một ân sủng là lòng Hy vọng. Như thi sĩ Mãn-Giác ở thế kỷ 11 đời Lý, trong bài kệ “Cáo Tật Thị Chúng” có hai câu cuối “Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận/Đình tiền tạc dạ nhất chi mai” [“Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết/Đêm qua, sân trước, một cành mai”-- Ngô-Tất-Tổ dịch, trong *Văn Học Đời Lý* (1941), p. 52].



Một cành hoa nở cuối mùa xuân, tiếng hót của con chim già trong đêm đông như nhắc con người đừng quên Hy vọng trời ban. Nhà thơ lãng mạn Anh Percy Bysshe Shelley 1797-1822, trong bài Ngọn gió Tây phong “Ode to the West Wind” cũng viết ở câu cuối cùng của bài thơ: “If Winter comes, can Spring be far behind?” [Mùa Đông đã tới nơi rồi,/ Thi Xuân cũng chẳng xa với lắm đâu.]

V. Sách Tham Khảo:

Về bảng liệt kê 100 bài thơ phổ thông, được trích in nhiều nhất, xem William Harmon, *The Top 500 Poems*. New York: Columbia University Press, 1992, trang 1077-1080. Muốn đọc thêm về cuộc đời và tác phẩm của Thomas Hardy, xin xem Richard C. Carpenter, *Thomas Hardy*. (Twayne English Authors Series). New York: MacMillan, 1st ed. 1964; rev. ed. 1980. Muốn tìm đọc thơ của Hardy, xem James Gibson, *The Complete Poems of Thomas Hardy*. New York: MacMillan, 1978.

(Virginia--viết xong 11/24/97;
sửa lại 12/19/07, 11/29/09--PTL)

GROUNDS FOR SCULPTURE

Du Ngoạ Văn Học Nghệ Thuật

Ngày 24 tháng 10, 2009, Tam Nguyệt San Cỏ Thơm với sự hướng dẫn của Nguyễn Thị Ngọc Dung và sự tiếp tay của Nguyễn Tuyết Lê, Trương Anh Thụy, Duyên Nguyễn, Thái Phương và Phạm Xuân Thái, đã tổ chức một chuyến du ngoạ Grounds For Sculpture. Một cái bus dài hun hút đã chở 56 tác giả, độc giả, hội viên, thân hữu du ca đường trường đi, về văn nghệ không tiền khoáng hậu. Grounds For Sculpture, 18 Fairgrounds Rd, Hamilton, NJ 08619, cách Virginia 3 giờ xe hơi, là một công viên thơ mộng, rộng 35 *acres* với vườn hoa, suối, lạch, sông, hồ, đặc biệt có 230 bức tượng điêu khắc ngoài trời, trong ph òng triển lãm, xưởng điêu khắc và vẽ.

Chủ nhân của Grounds For Sculpture là điêu khắc gia J. Seward Johnson, Jr. hậu duệ của Dòng Họ Johnson tử phú, chế tạo “baby powder” (phấn thoa da cho trẻ em) mà quý vị nào có con cháu, chắt, đều biết cái mùi thơm nhẹ nhàng rất dễ thương ấy. Ông Johnson, Jr. đã không nối nghiệp ông cha trong ngành tư bản thương mại, mà theo ngành hội họa và điêu khắc. Ngoài những bức trù tượng hiện đại của nhiều nhà điêu khắc khác, Ông Johnsons, Jr. có một collection đồ sộ tượng cảnh ba chiều (three dimensions) dựa theo những bức tranh ấn tượng nổi tiếng của Pierre-Auguste Renoir, Claude Monet, Edouard Manet, Vincent Van Gogh, Gustave Caillebotte, Mary Cassat (Hoa Kỳ) v.v...

Tuy rằng hôm đó trời mưa mưa, nắng nắng, chúng tôi cũng thích thú cùng nhau thăm viếng, thưởng thức vườn tượng tuyệt vời và chụp được nhiều hình ảnh đẹp. Xin chia sẻ với khách yêu nghệ thuật bốn phương. Nhiều người trong chúng tôi và nhiều người chưa đi Grounds For Sculpture đã yêu cầu chúng tôi tổ chức một chuyến nữa vào mùa xuân 2009. Nếu quý vị muốn biết thêm chi tiết về Grounds For Sculpture, xin vào Website <www.groundsforsculpture.org>, hay xem “Lạc Vào Khung Tranh” và “Theo Dấu Chân Ấn Tượng” trong tập ký sự *Non Nước Đá Vàng* của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Cỏ Thơm cũng đã đưa nhiều hơn hình ảnh màu về chuyến du ngoạ này lên Website <cothommagazine.com>, xin mời quý vị vào xem.

Cảm ơn các nhiếp ảnh gia Minh Châu, Duyên Nguyễn, Phạm Xuân Thái, Phạm Bá Vinh và Tú Nhật cung cấp hình ảnh cho chúng tôi.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

<dsenser@yahoo.com>

Hình ảnh của Nhà Báo Phạm Bá Vinh



Trước Trung Tâm Tiếp Đón Seward Johnson trong Grounds For Sculpture.



Trong phòng chiếu phim giới thiệu Grounds For Sculpture.



Hải Yến, Minh Trân, Tuyết Lê, Nancy Ngọc, Diễm Hoa, Nguyễn Lân



Giáng Tiêu, Phan Trinh, Nguyệt Hằng, Ngọc Dung, Kim Xuân, Phạm Trọng Lệ.



Ngọc Trâm, Ngô Minh Hằng



Bùi Thanh Tiên



Thúy Hiền



Ngọc Trâm & Đinh Hùng Cường



Giáng Tiêu & Dương Ngọc Hoán



Giáng Tiêu & Dương Ngọc Hoán
bên *Family Secret* của Johnson, Jr.
theo tranh *Two Sisters*, P.A. Renoir



Hồng Thủy và tượng Monet



Hải Yến & Đoàn Hữu Định
bên *A Thought to Consider?* của
Johson, Jr. theo tranh *In The
Conservatory*, của Edward Manet.



Phạm Bá Vinh



Phạm Xuân Thái



Vân Trang, Thúy Hiền & Duyên Nguyễn bên tượng cảnh *Eye of The Beholder* của Johnson, Jr.
(theo tranh *Chez le Père Lathuile* của Edward Manet).



Trương Anh Thụy



Nguyễn Thị Ngọc Dung



If It Were Time của J. Seward Johnson, Jr. (theo tranh *Sur La Terrasse* của Claude Monet)

Hình ảnh của Minh Châu



Hình ảnh của Tú Nhật



1- Leucantha: Philip Grausman. 2- *Part of Nature* bên *The Monet Bridge*.
3 - *On Poppied Hill* của Seward Johnson, Jr.

Hình ảnh của Diana Duyên, Hải Yến và Phạm Xuân Thái



Hoàng Song Liêm, Thế Mai, Thái Phượng, Ngọc Dung, Nguyệt Hằng, Thu Thủy, Hải Yến,
Ngọc Thanh, Tố Tâm, Ngọc Tú.



Hải Yến, Nguyệt Hằng, Tố Tâm, Hoài Thi, Trinh Phan, Giáng Tiêu, Thanh Xuân
và đôi uyên ương Nguyễn Ngọc Bích-Đào Thị Hợi



^ Nguyệt Hằng và Ngọc Dung

Tố Tâm, Giáng Tiêu, >
Thanh Xuân, Hải Yến, Phan Trinh,
Hoài Thi, Nguyệt Hằng.





Long & Xuân



Nguyệt Hằng & Phạm Xuân Thái



Phan Trinh, Nguyệt Hằng



Vũ An Thanh & Ngọc Thanh



Hoài Thi & Nguyệt Hằng bên tượng cảnh
Family Secret của Seward Johnson, Jr.



Phan Trinh và Ngọc Dung bên *Người Hầu Bàn* trong tượng cảnh *Eye of the Beholder*
của Seward Johnson, Jr, dựa theo tranh
Chez le Père Lathuile của Edward Manet.



BÁC SĨ



NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

GIỚI THIỆU SÁCH

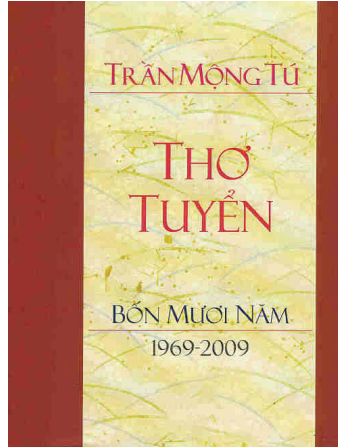
Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm hân hạnh nhận được những tác phẩm dưới đây. Xin chân thành cảm tạ quý tác giả và trân trọng giới thiệu cùng giới yêu văn học nghệ thuật bốn phương.

*



Thơ Hồ Công Tâm
Liên lạc:
Hải Ngoại Nhân Văn
P.O. BOX 91122
Austin, Tx 78709 – USA

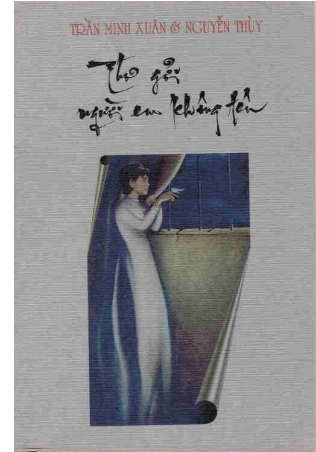
*



*

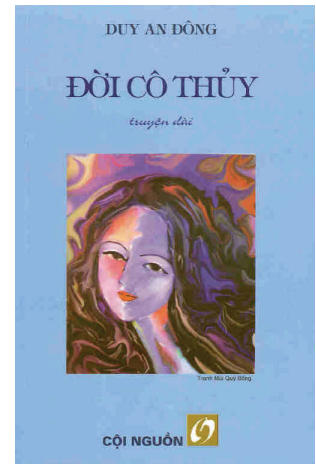


Triết Học
Nguyễn Văn Nhiệm
Liên lạc Phù Đổng
Bismarck Strasse 24
78549 Spaichingen
Germany
Tel. 07424/7529

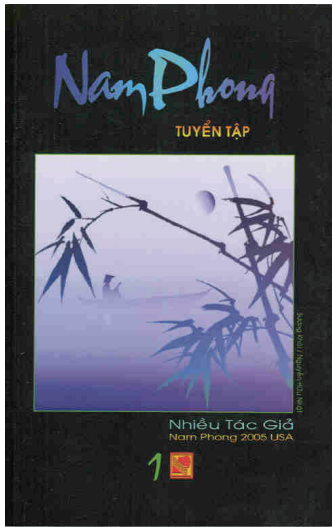


Thơ Trần Minh Xuân
Nguyễn Thùy
Liên lạc: Mekong-Tynan
P.O. BOX 612101
San Jose, 95161

*



Truyện dài
Duy An Đông
duyan_dong@yahoo.com



Tuyển tập thơ
Nguyễn Phan Ngọc An
chủ trương

*

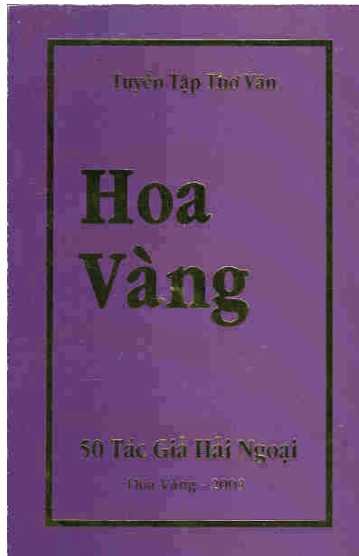


Thơ & Truyện
Âu Dương Trọng Lễ

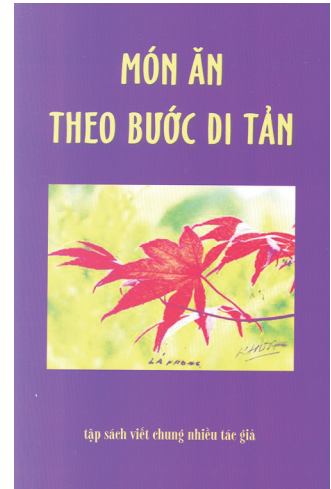


Thơ Anh Trần
(Đặng Thị Hồng Anh)

*



Tuyển tập thơ Hoa Vàng
Nguyễn Phan Ngọc An
chủ trương



Tuyển tập truyện ngắn
của 13 tác giả.

Liên Lạc

Nguyễn Thị Ngọc Dung
dsenser@yahoo.com

*



Tập truyện ngắn
Võ Thị Trúc Giang

